GIAI PHẨM XUÂN ẤT HỢI 1995

VănHọc

SỐ 105 & 106
THÁNG 1 & 2 NĂM 1995

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 49 Franklin, Ville Mont Royal,
Quebec, CANADA H3P 1S8
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

Chúc Mừng Năm Mới

Ban Biên tập và các văn hữu đóng góp bài vở cho giai phẩm Văn Học Xuân Ất Hợi 1995 thân chúc quí độc giả và văn hữu một năm mới dồi dào sức khoẻ, tràn đầy hạnh phúc, và mọi sự đều được như ý.

CHÂU VĂN THỌ ❁ NGUYỄN MỘNG GIÁC ❁ NGUYỄN XUÂN HOÀNG ❁ MAI KIM NGỌC ❁ THẠCH HÃN ❁ TỪ MẪN VÕ THẮNG TIẾT ❁ ĐỖ QUÍ TOÀN ❁ TRẦN VĂN TÍCH ❁ QUỲNH GIAO ❁ ĐÀO TRUNG ĐẠO ❁ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG ❁ DIỄM ÂU ❁ PHÙNG QUÁN ❁ NGUYỄN VIỆT THƯỜNG ❁ TRẦN HỒNG CHÂU ❁ CHÂN QUỲNH ❁ CAO XUÂN TỨ ❁ NGỤ THUYẾT ❁ HÀ TRUNG ❁ NGÔ NGUYÊN DŨNG ❁ MINH Ý ❁ HOÀI ZIANG DUY ❁ PHÙNG NGUYỄN ❁ PHAN MINH KHÁNH ❁ ĐỊNH NGUYÊN ❁ HỒ MINH DŨNG ❁ NGUYỄN CHÍ KHAM ❁ PHAN NI TẤN ❁ LÊ TÍN HƯƠNG ❁ LUÂN HOÁN ❁ HUỲNH LIỄU NGẠN ❁ NGỮ AN ❁ TRẦN MỘNG TÚ ❁ LÊ THỊ HUỆ ❁ NGUYỄN HUY THẠCH ❁

VănHọc

Xuân Ất Hợi, tháng 1 & 2 1995

Tranh bìa: Lê Bá Đảng

VĂN HỌC	thư toà soạn	4
NGUYỄN VĂN	vài ghi nhận về sinh hoạt văn chương và xuất bản năm qua	5
PHAN MINH KHÁNH	*mùa*	9
TRẦN VĂN TÍCH	ngày tết bàn về *mai* và *bông* trong truyện Kiều	10
TRẦN MỘNG TÚ	*gọi anh mùa xuân*	23
QUỲNH GIAO	hoàng hoa	24
LUÂN HOÁN	*montréal viếng núi St. Royal*	31
ĐỖ QUÍ TOÀN	làm thơ ở giữa nhân gian	32
ĐỊNH NGUYÊN	*đường thi cuồng*	37
ĐÀO TRUNG ĐẠO	bản đồ tiểu thuyết	38
LÊ THỊ HUỆ	*bên ghềnh Mendocina, nhớ về người hóa đá cũ*	49
	canh thức cùng thơ mộng	50
DIỄM ÂU	người đàn bà và chiếc ổ rơm	52
LÊ TÍN HƯƠNG	*bài ca dao cho em*	67
PHÙNG QUÁN	chút nghĩa cũ càng	68
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG	*thấy lại chút Sài gòn*	81
TRẦN HỒNG CHÂU	New York, N.Y. gặp lại "croissant doré"	82
CAO XUÂN TÚ	*gửi bạn*	95

VănHọc
Số 105 & 106

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	an thái, quê hương - niềm hoang tưởng	96
NGỤ THUYẾT	ngày giỗ mẹ	103
HÀ TRUNG	*ngẫu hứng*	110
NGÔ NGUYÊN DŨNG	huyền thoại sao	111
HUỲNH LIỄU NGẠN	*một lần*	119
MINH Ý	dải ngân hà năm xưa	120
NGỮ AN	*chạnh nhớ chiều xưa hồ dzếnh*	128
HOÀI ZIANG DUY	chiều chiều lại nhớ	129
HỒ MINH DŨNG	*ngày xuân* *tình cũ* *tạ ơn*	136
ĐÀO TRUNG ĐẠO	*mây vô xứ*	137
MAI KIM NGỌC	hư cấu (truyện vừa)	138
NGUYỄN CHÍ KHAM	*hình ảnh thời gian*	*189*
NGUYỄN MỘNG GIÁC	chúc tết	190
PHÙNG NGUYỄN	tháp ký ức	192
PHAN NI TẤN (N.D.)	*về bạc liêu*	200
SAKI NG. T. CHÂN QUỲNH	người tử tù *(truyện dịch)*	201
NGUYỄN HUY THẠCH	ghi chép	207
VĂN HỌC	tòa soạn và bạn đọc	218
VĂN HỌC	giới thiệu sách mới	220

Thư Tòa soạn

Giai phẩm Văn Học Xuân Ất Hợi đến tay quí bạn đúng vào ngày đầu tiên của năm 1995, khi dư âm của những ngày nghỉ lễ theo phong tục Tây phương còn đậm, và cái rộn rã chuẩn bị cho ngày Tết truyền thống Việt Nam khởi sự. Chúng ta có cái lợi là được hưởng một mùa Xuân dài hơn những người bản xứ. Giai phẩm này là món quà tinh thần Ban Chủ biên Văn Học và một số nhà văn nhà thơ thân ái gửi đến quí bạn, để cảm tạ lòng ưu ái quí bạn dành cho Văn Học trong năm qua.

Để đáp lại lòng ưu ái ấy, Văn Học không có gì khác hơn là cố gắng gửi đến quí bạn những trang chữ trân trọng, chân thành.

Trần văn Tích, Quỳnh Giao xin gửi những câu chuyện về hoa. Đỗ Quí Toàn gửi suy nghĩ về thơ giữa chốn nhân gian. Tạ Chí Đại Trường gửi một chút ngậm ngùi về cố hương. Đào Trung Đạo gửi mảng đầu của một loạt những mảng suy nghĩ về tiểu thuyết. Phùng Quáng gửi một nén hương tưởng niệm nhà thơ đàn anh tài hoa mà khốn cùng.

Phần văn xuôi, để góp hoa cho mùa Xuân, trước hết có truyện vừa của Mai Kim Ngọc, truyện thật ngắn của Nguyễn Mộng Giác, cùng những truyện ngắn đặc sắc của Trần Hồng Châu, Diễm Âu, Ngự Thuyết, Ngô Nguyên Dũng, Minh Ý, Hoài Ziang Duy, Phùng Nguyễn, Saki (bản dịch Nguyễn thị Chân Quỳnh).

Các nhà thơ Định Nguyên, Lê thị Huệ, Cao Xuân Tứ, Trần Mộng Tú, Hồ Minh Dũng, Nguyễn Việt Thường, Phan Minh Khánh, Huỳnh Liễu Ngạn, Phan Ni Tấn, Luân Hoán, Nguyễn Chí Kham, Hà Trung, Đào Trung Đạo, Ngữ An, Lê Tín Hương, mỗi người mỗi vẻ góp tài cho bài thơ Xuân mới.

Nguyễn Huy Thạch, Nguyễn Văn trong Ban Biên tập cũng cố gắng gửi tới quí bạn những thời sự văn chương mới nhất trong sinh hoạt đó đây. Thạch Hãn, Tổng Thư ký tạp chí Văn Học, cố gắng chăm chút từng trang từng dòng để toàn thể Giai phẩm mang một hình thức trang nhã, xứng đáng với lòng ưu ái của quí bạn đọc.

Một năm mới bắt đầu! Trong không khí hân hoan chung, Văn Học thân chúc quí bạn đọc và văn hữu xa gần một Mùa Xuân Như Ý.

Vài ghi nhận về sinh hoạt văn chương và xuất bản năm qua

Nguyễn Văn

Một thông lệ không thể thiếu hằng năm là việc "tính sổ" những gì "được, mất" trong năm vừa qua. Và một thông lệ khác là khi tính sổ, người ta thích liệt kê tất cả những thành công để mừng cho một năm may mắn, rồi vẽ những viễn tượng tốt đẹp cho năm mới.

Tính sổ những sinh hoạt khác tương đối dễ dàng, nhờ phép thống kê. Tính sổ văn chương không dễ, vì không có gì bảo đảm số lượng sách in lên cao là bằng chứng chữ nghĩa được mùa. Trong kinh tế, trong chính trường, một con én không thể làm mùa xuân. Trong văn chương, một mình Nguyễn Du có thể tạo ra nhiều mùa xuân, dù cuộc đời ông là một chuỗi những mùa đông buồn.

Phải rào đón trước như thế, vì công việc tôi đang làm không có tính chất khách quan khoa học vốn là thước đo giá trị của những nhà nghiên cứu nghiêm túc. Đây chỉ là tập hợp của những suy nghĩ rời chưa được kiểm chứng, và từ tập hợp đó nếu có những suy diễn phổ quát, thì các suy diễn chỉ là những phỏng đoán.

Việc "tính sổ" khó khăn vì số lượng sách báo xuất bản trong năm qua quá nhiều, không ai dám cả gan bảo là đã đọc hết sách báo Việt ngữ đã phát hành năm 1994. Sở dĩ có tình trạng đó, là do sự trì trệ của ngành xuất bản sách báo và phát hành. Mới nghe, có vẻ nghịch lý, nhưng sự thực là vậy. Vào những năm từ 1983 đến 1989 khi ngành xuất bản ở hải ngoại tương đối phát đạt, tác phẩm của những nhà văn được nhiều độc giả ưa thích có thể in với số lượng 2000; những tác phẩm đầu tay tối thiểu cũng in 1000 bản, tiêu thụ hết trong vòng hai năm. Hiện nay, những con số dễ thương vừa nói sụt xuống còn một nửa, còn thời gian tiêu thụ thì tăng lên gấp đôi, gấp ba. Sách không bán được nên các nhà xuất bản uy

tín chỉ dám in cầm chừng cho có, hoặc dứt khoát ngưng in những loại sách kén độc giả để tái bản những sách đã xuất bản ở quốc nội, nhất là loại truyện diễm tình hay trinh thám gây cấn. Nhà xuất bản hoạt động cầm chừng nên hầu hết sách xuất bản trong năm qua đều do chính tác giả tự xuất bản lấy.

Tự xuất bản sách của mình, tại Bắc Mỹ, không phải là việc quá khó khăn. Viết gì in nấy không sợ cái kéo của ông bà kiểm duyệt hoặc cái còng của công an văn hóa. So với chi phí làm một băng nhạc, chi phí in một tập thơ, một tập truyện đầu tay cũng không nhiều. Nhín bớt tiền trà thuốc, trích một phần trợ cấp tiền già, vay mượn đây đó những chỗ quen biết, thế là đủ tiền ứng trước cho nhà in. In xong, lấy trước vài trăm cuốn tổ chức ra mắt sách, hy vọng có thêm tí tiền thanh toán ấn phí còn lại. Có thể nói bất cứ ai muốn có một "tác phẩm" để sưu tập những bài thơ xướng họa lúc trà dư tửu hậu, để kể lể thành tích một đời, để khoe với thiên hạ những bức hình đẹp nhất của toàn giòng họ, để chửi bới thả cửa những kẻ mình thù..., chỉ cần có tiền là một tuần, nửa tháng sau, "tác phẩm" ra đời.

Vấn đề khó khăn không phải là xuất bản, mà là phát hành. Người Việt ở hải ngoại sống rải rác khắp thế giới, lại không có một cơ sở tổng phát hành sách báo. Sách in xong, đích thân tác giả chở tới gửi bán ở các hiệu sách, và tại đây, người viết mới nếm mùi tân khổ. Các ông chủ hiệu sách không nhận bán cái gì liên quan tới thơ. Xin gửi bày thơ trên kệ cho "vui", lúc nào bán được mới xin lại tiền ấn phí, điều kiện đưa ra dễ dàng như thế nhưng các nhà thơ vẫn bị từ chối. "Hành trình của Thơ" bắt đầu từ nhà in đến nhà kho. Tôi nói tới số phận của các tập thơ vì năm nào số lượng thơ in ra cũng nhiều hơn số lượng sách thuộc các thể loại khác. Dân tộc Việt Nam yêu thơ, mê thơ, mỗi người Việt là một thi sĩ, nhưng dứt khoát không mua thơ.

Việc phát hành khó khăn như thế nên tương quan giữa người viết và người đọc là một tương quan bất thường. Bình thường, giữa người viết và người đọc luôn luôn có một lớp trung gian là nhà xuất bản và giới phê bình. Nhà xuất bản căn cứ vào những tiêu chuẩn riêng (giá trị tác phẩm, mức độ hấp dẫn người mua...) để nhận in hay không, tức là đã làm công việc phê bình chọn lọc sơ khởi. Sách in xong, nhà xuất bản thường gửi tới các tạp chí chuyên môn hay những nhà phê bình có thẩm quyền để nhờ họ thẩm định và giới thiệu với độc giả. Qua hai lần định giá, người mua sách có được đôi chút an tâm khi phải bỏ một món tiền khá lớn mua một cuốn sách mới. Nhiều khi độc giả chỉ cần đọc tên nhà xuất bản cũng đã biết cuốn sách định mua thuộc loại gì, giá trị tới đâu. ít khi có sự lầm lẫn.

Những tác giả người Việt ở hải ngoại phải tự in sách và phát hành,

nên muốn lấy lại vốn chỉ còn một số giải pháp quen thuộc: tổ chức ra mắt sách và quảng cáo rầm rộ trên báo chí. Cả hai phương cách đều cần những lời ca ngợi vượt mức. Hậu quả: số người mua sách vốn đã ít ỏi, bị lừa vài lần, họ quyết định dành khoản tiền mua sách cho những khoản "đầu tư" khác, ít rủi ro hơn. Cái vòng lẩn quẩn: người mua sách giảm khiến nhà xuất bản hoạt động nhẩn nha, nhà xuất bản hoạt động nhẩn nha thì các tác giả phải tự xuất bản lấy, đã tự xuất bản lấy thì phải quảng cáo rầm rộ mới mong thu lại vốn, quảng cáo rầm rộ thì buộc phải lừa người đọc, người đọc bị lừa nhiều lần nên không mua sách nữa.

Liệu những người liên quan đến sinh hoạt chữ nghĩa có cách nào thoát ra khỏi cái vòng lẩn quẩn oan nghiệt ấy không?

Cuối tháng 11.94 vừa qua, hai tạp chí Văn Học, Thế Kỷ 21 phối hợp với Hội Văn học Nghệ thuật Việt Mỹ (VAALA) có tổ chức một cuộc hội thảo với đề tài "Nhìn lại hai mươi năm văn học hải ngoại". Trong buổi hội thảo ấy, một độc giả thuộc lứa tuổi trung niên có đưa ra một nhận xét rất đáng chú ý. Anh nói: "Một nền văn học phải nói lên được tâm tư suy nghĩ của con người sống trong môi trường mà nền văn học đó phát sinh. Qua hai mươi năm, chúng ta phải gắng hội nhập vào đời sống mới, bản thân gia đình chúng tôi cũng trải qua cơn thử thách của cái người ta thường gọi là *giao thoa văn hóa*. Qua nhiều sàn lọc, cuối cùng ở hải ngoại cũng hình thành một mẫu người tiêu biểu đích thực nào đó. Người viết ở hải ngoại có viết về cái mẫu người đó không? Tôi dám nói hiện chúng tôi đang có nhu cầu đọc sách. Chúng tôi đang có một đời sống tương đối ổn định, có thì giờ đọc, có tiền để mua những cuốn sách mình thích. Nhưng tôi không tìm thấy trong sách Việt xuất bản ở đây cái mẫu sống, cái mẫu người tiêu biểu của tập thể tị nạn. Hầu hết sách đã xuất bản chỉ đào bới những chuyện thời xưa. Tại sao không viết về đời sống cam go phức tạp trước mắt? Thất bại có nhiều, nhưng số người hội nhập vào đời sống mới mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc, giáo dục con gái đàng hoàng, không phải là ít. Tôi tin rằng nếu các nhà văn viết về những mẫu sống ở đây, thì chắc chắn giới độc giả trung niên như chúng tôi sẽ ủng hộ nhiệt liệt."

Hôm ấy, một nhà văn tham dự cũng đã qui lỗi cho giới phê bình. Anh bảo: "Trách nhiệm của những người cầm bút hiện chủ trương các tạp chí cũng không nhỏ. Mỗi khi điểm sách hay giới thiệu sách mới cho độc giả, chúng ta cứ tránh né, không dám viết thực suy nghĩ của mình. Theo tôi nghĩ chúng ta phải xét lại cách đánh giá, nhận định của mình, chúng ta phải viết "đúng mức" hơn nữa. Xin lấy một thí dụ cụ thể. Trong một cuốn sách vừa ra mắt gần đây, phần phụ lục có in ý kiến của hơn bốn chục người trong văn giới. Có người viết cả trang mà chỉ nói lòng

vòng. Có người khen một chuyện chẳng ăn nhập gì tới cuốn sách. Chúng ta hãy nói thẳng vào vấn đề chính. Chúng ta cứ chạy lòng vòng mãi, thành ra mới có hiện tượng khai sinh ra hàng nghìn *nhà văn* ở hải ngoại".

Cả hai ý kiến đóng góp đều đúng, đều qui trách nhiệm cho những người "sản xuất" ra chữ nghĩa là giới cầm bút. Sách vở, báo chí, dù là công trình tim óc của người sáng tạo nhưng muốn đến tay người tiêu thụ, sách vở cũng phải chịu những qui luật của thị trường. Nó không còn là một "tặng phẩm tinh thần", "một thú vui tao nhã". Nó là một món hàng. Nó phải bảo đảm *100% customer satisfaction* như phương châm của các nhà doanh nghiệp Mỹ.

Tuy vậy, dường như những người cầm bút ở hải ngoại khăng khăng bảo vệ đến cùng món quà tự do, mà ngẫu nhiên các biến chuyển lịch sử đã biếu không cho họ. Chưa bao giờ họ được hưởng tự do tư tưởng và viết lách như hiện nay. Họ viết, rồi tự in lấy sách, đôi khi còn tự viết cả những bài phê bình để đăng trên các báo bạn. Cái mà họ tìm không phải là tác quyền, nhuận bút. Độc giả đối với họ là "hải nội chư quân tử", là "nghìn đời con cháu mai sau", nói chung là những ý niệm trừu tượng không dính dáng gì tới luật thị trường. Cái họ tìm là một chỗ đứng, một căn cước, một ý nghĩa cho khoảng đời ngắn ngủi còn lại. Càng không thích nghi được với đời sống trước mắt, cuộc tìm kiếm càng khẩn trương, như họ đặt hết danh dự vào tác phẩm họ in ra. Đòi hỏi những người viết như thế phải chú ý tới những mẫu sống điển hình đích thực, hay bình tĩnh lắng nghe những lời khen chê, là đòi hỏi quá nhiều!

Những đam mê đơn độc ấy là thử thách lớn lao cho người cầm bút hải ngoại. Đã có nhiều người bỏ cuộc, nhìn đống sách ở nhà kho băn khoăn tự hỏi có nên tiếp tục trò chơi chữ nghĩa hay không. Họ ngưng kịp thời, và nếu còn đủ sức khoẻ và ý chí, chẳng bao lâu sau họ trở thành những công chức ngoan, thương gia giỏi. Những người cương quyết tiếp tục, một ngày nào đó sẽ trở thành những văn hào, thi bá. Vì họ thành công bằng chính văn chương của họ, chứ không phải nhờ họ là thành viên, nhân chứng của một đề tài thời sự quốc tế. Rời xa tổ quốc, trở thành một bộ phận vô danh của một cộng đồng thiểu số, họ không còn là tiếng nói, là đại diện cho một tập thể đông đảo nào. Họ chỉ nói chỉ viết cho chính họ, thất bại hay thành công bằng chính sức lực của họ.

Phân tán, rời rạc, không tạo thành phong trào, không tụ thành thế lực, có lẽ đó là tình trạng tất nhiên của sinh hoạt chữ nghĩa hải ngoại. Từng cá nhân âm thầm làm những việc mà trong hoàn cảnh bình thường phải cần một tập thể đông đảo mới làm nổi. Những cuốn sách được in ra trong thiếu thốn khốn cùng. Những vì sao lẻ loi, nhấp nháy giữa đêm

Mùa

PHAN MINH KHÁNH

Trời bay lá cây mịt mù tháng chạp
Em về qua phố chợ tóc muôn trùng
Mây lầm lũi trôi một mùa gió cũ
Vầng trăng phai khô lệ mắt đêm xuân

Ta thăng trầm từng ngày qua đứng tuổi
Đời súng gươm chai sạn ngón thư sinh
Xuân chưa đến đã sầu năm tháng vội
Tình chưa yêu tim đã cạn phong trần

Thời gian hỡi xoá giùm ta nỗi thảm
Môi phù dung em hãy thắp ngày lên
Hồn lữ thứ như sông về quê cũ
Em có hay em là mộng-ưu-phiền?

Lời chim nhỏ xôn xao ngoài cửa hẹp
Ta bình minh hay ta đã hoàng hôn?
Em tóc xõa có nghe mùa đang tới
Bốn chân trời ta ở giữa mù sương.

quạnh. Trong cái nhỏ cái riêng, tôi thấy có cái gì lớn lao, đầy hứa hẹn. Và tôi đồng ý với nhận định lạc quan của nhà văn Mai Thảo, khi anh viết trên Sổ Tay Giai phẩm Văn Xuân Ất Hợi: *"Điều tôi yêu mến nhất: Một không khí sinh hoạt chung tốt đẹp hơn nhiều năm trước. Những biên giới tị hiềm thu nhỏ lại. Cạnh tranh vẫn phải có, nhưng đã dần dần hết đi những đương đầu. Chúng ta chưa có nghiệp đoàn và những tổ chức tương trợ. Nhưng mọi người đã hiểu được rằng muốn sống phải từ một chung sống hòa bình. Đừng dẫm chân lên nhau. Đừng độc chiếm thị trường. Đừng một bàn tay đòi che hết mặt trời. Mà đường ai nấy đi, việc ai nấy làm, tương nhượng lẫn nhau mỗi khi cần thiết. Không khí mỗi ngày mỗi hiểu biết, một thân ái, một hòa thuận với nhau hơn, tôi gọi đó là một trưởng thành chung."* ❑

Ngày Tết bàn về *Mai* và *Bông* của *Kiều*

Trần Văn Tích

Sau lưng bệnh viện *Silvaticum*, nơi tôi đang làm việc, có một công viên khá rộng trong đó người Đức tập trung một số cây từ các nơi khác nhau trên thế giới và trên nước Đức, trồng thành từng vùng thực vật chí. Ví dụ có vùng Nhật Bản, vùng Nội Mông, vùng Đông Phổ v.v... Nơi vùng thực vật chí xứ Phù tang có một cây anh đào *Prunus serrulata* Hisakura. Cây đào này mùa xuân trổ hoa chi chít rực rỡ màu hồng, làm ửng sáng cả một vùng trời bên con suối nhỏ.

Vào một buổi chiều, sau tám giờ phờ người với những triệu chứng, hợp chứng; với những yêu sách, nguyện vọng của bệnh nhân dị chủng; tôi chầm chậm đạp xe về nhà. Khi đi qua công viên, vừa nhác thấy một bóng người dưới gốc cây đào, tôi đã biết ngay đấy là Phạm Tử Hư, người từng được thầy học là Dương Trạm đưa lên viếng cảnh tiên trong truyện *Phạm Tử Hư du thiên tào lục* của Nguyễn Dữ. Tâm ý tương thông, không cần hỏi, chẳng cần ai giới thiệu, tôi nhận ra tức khắc vị tiền bối đời Trần và cũng biết là người đang chờ tôi để, sau sáu thế kỷ, lại đóng vai trò hướng dẫn viên đưa một kẻ hậu sinh hậu học lên thăm thượng giới. Tôi xuống xe và dựa xe vào gốc cây đào. Rồi chúng tôi bước vào cảnh tiên bên con suối nhỏ. Mọi sự xảy ra dễ dàng, nhanh chóng, trong sát-na thời lượng hạ giới. Tôi đã viếng kinh Bạch ngọc, đến cửa Nho thần, thăm cung Tử vi v.v... Tôi đã hầu chuyện Lê Quí Đôn, đã hỏi nhà danh sĩ đất Diên hà về cây nếp mày nơi quê tôi mà ông đan cử cả trong *Phủ biên tạp lục* lẫn *Vân đài loại ngữ*; đã bái kiến Hồng Hà nữ sĩ, đã xin Bà cho biết về thời điểm Bà rời chốn trần ai tục lụy mà các tài liệu văn học chữ Hán ghi có chỗ không thống nhất; đã xin gặp được Phan Huy Chú để thỉnh ý ông về tác giả đích thực dịch phẩm *Tỳ bà hành* thuộc dòng họ Phan Huy, bài *Tỳ bà hành* mà tôi đã say mê và ngưỡng mộ bình giá trên tạp chí *Văn học* v.v... Tôi không muốn kể chi tiết về những sự lĩnh giáo khác nữa: với vua

Tự Đức về bài thơ *Khóc Bằng phi*- có cả sự hiện diện của Tiến sĩ Trần Danh Án, tác giả *Nam phong giải trào*, người liên hệ ít nhiều đến nghi vấn văn học ngộ nghĩnh này; với Ngô Chi Lan vì bốn bài *từ* của Bà vịnh tứ thời; với Phạm Thái – Trương Quỳnh Như cũng vì những bài *từ* của nhị vị trong *Sơ kính tân trang* v.v... và v.v... Nhiều lắm. Tất cả xảy ra thoải mái, thanh thản, thung dung, tự tại. Và không phải chỉ một lần. Vì Phạm Tử Hư đã chỉ cho tôi cách theo gót người ngư phủ trong *Đào hoa nguyên ký*.Chỉ cần đựng xe đạp vào đúng chỗ một nốt u trên gốc cây đào. Phải dựa thật chính xác vào chỗ phải dựa và chỉ làm việc này vào thời điểm cây đào đang trổ hoa, tức là vào thời điểm ngày nào người đánh cá từng đi lạc. Mà thực ra thì đâu phải là chuyện đi lạc! Đời sau kể không đúng vì không am tường nguyên lý đây chẳng qua chỉ là do lòng thành và nghĩa nặng. Chi tiết này Trạng nguyên Nguyễn Trực bảo cho tôi biết, khi tôi thắc mắc tại sao tôi lại có cơ duyên yết kiến vị đại nho mà danh tính đứng hàng đầu trên tám mươi hai tấm bia Tiến sĩ ở văn miếu Thăng long. Tác giả *Bối Khê thi tập* bảo do tôi từng viết-—ông biết rõ là trên tờ *Độc Lập* ở xứ CHLB Đức—là tôi rất thích ông vì ông vừa là nhà nho vừa là thầy thuốc. Ông vừa cười dôn hậu vừa giải thích: chẳng phải hiền đệ đã tự nguyện làm nhà nho Việt ngữ và cũng đang là một y tông đấy ư? Thì ra bài phỏng vấn tôi của Đào Huy Dán đăng trên *Làng văn* cũng được ông hạ cố tìm đọc! Qua những lần lạc bước (?) đó, tôi được giải đáp rất nhiều thắc mắc nhưng cũng luôn luôn được dạy bảo là *Thiên cơ bất khả lậu*; biết chỉ để mà biết thôi, chớ có dại đột đem đăng lên *Làng văn*, *Văn học* hay *Tập san Y sĩ!*

Nhưng cuộc bái yết Nguyễn Phi Khanh có ít nhiều điều tôi được phép kể lại. Hôm đó, người đưa tôi đến Thanh Hư động là Tổng Thuần, đồ đệ Lãn Ông trong *Thượng kinh ký sự*. Thân phụ Nguyễn Trãi tiếp tôi cùng với một mỹ nhân, *trâm ngọc hài cườm, coi như một vị phi tần vậy* (1). Cảm tưởng đầu tiên của tôi khi diện kiến cặp uyên ương danh lừng một thuở trong các bộ biên niên sử nước nhà là nhị vị vẻ như muốn tiếp tôi nửa như muốn xua tôi đi chỗ khác. Trong khi tia nhìn phu nhân họ Trần chiếu vào tôi vừa dịu dàng thích thú vừa e lệ dẫn đo, ban khen không ra ban khen, trách cứ chẳng ra trách cứ, nửa phủ ủy nửa răn đe thì vị đại nho xã Nhị Khê vừa thoạt thấy tôi, đã khẽ nhẹ lắc đầu. Rồi ông bắt đầu chỉ giáo. Với giọng ôn tồn trầm mặc, ông hỏi tại sao tôi lại đem chuyện du dương dưới mái nhà quan Tư dồ giữa hai ông bà ra mà kể vanh vách trên *Văn học*. Ông bảo: "Chuyện riêng của hai ta, sử thần họ Ngô quả có kể trong Toàn thư; Nhị Thanh cư sĩ —tôi hiểu là Ngô Thì Sĩ—đâu có gián tiếp nhắc đến trong Việt sử tiêu án; nhưng chư vị chỉ nói vừa phải, nếu không muốn nói là lướt qua; tại sao đến lượt hiền điệt—ông gọi tôi như

thế có lẽ do tôi cùng họ với phu nhân -, hiền diệt lại kể lể đầu cua tai nheo trên Văn học và mới đây, khi viết về bài Thanh Hư động ký của ta, hiền diệt lại bảo thẳng thừng là tiền dâm hậu thú? Ai trong chúng ta, kể cả nhà thầy - tôi để ý đến sự đổi thay cách xưng hô - lại chẳng sống qua tình trường say đắm? Thực ra thì hai ta, dẫu đã thành tiên, mà cũng chẳng biết nên nghĩ về nhà thầy như thế nào. Chúng ta cảm động vì hiền diệt đã hiểu rõ mối tình của chúng ta, nhưng chúng ta cũng—bậc sĩ đại phu ngừng lại, tìm chữ—...nhột nhạt vì hiền diệt viết bạo quá và rõ quá." Trong khi tôi kính cẩn lắng nghe lời giáo huấn thì thân mẫu Nguyễn Trãi không ngớt ửng hồng hai má, lúc thẳm tươi như hoa đào, lúc phơn phớt như hoa hồng. Nhưng tuy bị "phê" như thế, tôi vẫn còn nhiều dịp gặp lại nhị vị; hoặc chỉ gặp riêng hai ngài hoặc gặp chung với đôi tình nhân Nguyễn Dưỡng Hạo – Phạm thị Lam Anh, một bản *photocopie* thiên tình sử đã khai sinh ra Nguyễn Trãi, nhưng cách nhau bốn thế kỷ.

Chuyện thỉnh giáo Tố Như "an toàn" cho tôi hơn. Chắc vì tôi chỉ nhắc đến tác giả *Truyện Kiều* từ khía cạnh thuần văn học mỗi khi viết về tiên sinh trên các tạp chí. Qua những lần hạnh ngộ, tôi đã hỏi nhà nho làng Tiên Điền về một số chữ trong *Truyện Kiều*, kể cả chữ đàn mô tả Từ Hải, chữ chữ nói về tên họ Vương Quan mà tôi từng phân tích. Dưới đây tôi ghi lại một số kiến giải tôi đã đưa ra để thỉnh ý bậc thi hào dân tộc. Nhưng tôi sẽ không làm công việc tường thuật những lần hầu chuyện để tránh rườm rà mà tôi sẽ trình bày dưới dạng bài viết thông thường.

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du dùng hai chữ mai, chữ mai với ý nghĩa thực vật học và chữ mai với chức năng trạng từ chỉ thời gian. Chữ mai chỉ một loài cây xuất hiện trong một số cây, ví dụ:

17 *Mai cốt cách, tuyết tinh thần.*
638 *Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.*
708 *Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.*
746 *Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.*
944 *Xôn xao oanh yến dập dìu trúc mai.*
1087 *Mở xem một bức tiên mai.*
1249 *Thờ ơ gió trúc mưa mai.*
1381 *Một nhà sum họp trúc mai.*
1430 *Gương lờ nước thủy mai gầy vóc sương.*
1679 *Chắc rằng mai trúc lại vầy.*
3075 *Quả mai ba bảy đương vừa.*

Đối với Đào Duy Anh (*Từ điển Truyện Kiều*), chữ *mai* chỉ để dùng chỉ một loài cây duy nhất, đó là một cây *"giống cây mơ, nhưng cành có vẻ khẳng khiu cứng cát hơn"*. Còn đối với nhóm biên soạn *Từ điển tiếng Việt*

mà Chủ biên là Văn Tân, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, thì vấn đề còn dứt khoát hơn: *mai* là *cây mơ*. Thế thôi. Nhưng *cây mơ* là cây gì? Tra từ *mơ*, thấy định nghĩa: *"loài cây cùng họ với đào mận, quả có lông mịn, vị chua, muối làm ô mai"*. Như thế, chúng ta có điều khẳng định: cây *mai* trong *Truyện Kiều*—nếu hiểu theo Đào Duy Anh và nhóm Văn Tân, còn hiểu đúng hay không lại là chuyện khác—không phải là cây mai của người miền Nam và người miền Trung, cây mai thân thương vẫn được bày trang trọng trên bàn thờ tổ tiên hoặc chưng làm cảnh vào dịp Tết. Và như vậy, về khía cạnh thực vật học, cây *mai* được Nguyễn Du nhắc đến có tên khoa học là *Prunus armeniaca* L. hay *Armeniaca vulgaris* Lamk., thuộc họ *Rosaceae*. Nó chẳng những cho ô mai mà còn cho cả hạnh nhân. Trái của nó người Pháp gọi là *abricot*, người Anh gọi là *apricot*, người Đức gọi là *Aprikose*. Ở Việt Nam thì quí hiếm nhưng bên Châu Âu này thì chẳng thiếu gì.

Tuy nhiên vấn đề còn phức tạp hơn. Vì khi chuyển chữ *mai* của *Truyện Kiều* sang tiếng Pháp, các dịch giả lúc thì gọi là *abricotier*, lúc lại gọi là *prunier*. Mà trái *Aprikose* và trái *Pflaume* bán trong các chợ Aldi, Edeka, Kaiser's ... của Đức có hề giống nhau chút nào đâu! Giá cả cũng rất khác nhau, cân *Aprikose* mà bấm tiền theo *Pflaume* có thể bị cảnh sát mời lên "làm việc"! Nhưng chưa hết. Cùng một dịch giả, có câu chữ *mai* là *abricotier*; có câu chữ *mai* lại thành *prunier*. Chẳng hạn Xuân Phúc. Ở các câu 17, 638, 708, 944, 1087, 1381, 1430, 1679, 3075 *mai* là *abricotier*; riêng trong câu 1249, *mai* hóa thân thành *prunier*! Đó là theo bản dịch do nhà *Gallimard* ấn hành, lần in thứ nhất năm 1961. Vị dịch giả này, tuy có bút hiệu Việt ngữ một trăm phần trăm, nhưng lại chính là một người Pháp chính cống. Paul Schneider— đã dịch thơ Nguyễn Trãi, thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm— trong bản dịch *Truyện Kiều* do nhà xuất bản Thanh Long (ở Bỉ) ấn hành năm 1986 lại không xem *mai* là *abricotier* nữa, mà tất cả các chữ *mai* ở những câu kể trên đây đều được chuyển thành *prunier* (hay *prune*, tùy theo văn cảnh). Còn đồng hương Việt Nam? Nguyễn Văn Vĩnh dịch *mai* là *abricotier*, ngoại trừ ở câu 708, *mai* được dịch bằng chữ khác (sẽ nói sau). Huỳnh Sanh Thông dịch *mai* là *plum*; Lê Xuân Thủy dịch *mai* là *apricot-tree*.

Vì không thể hiểu chính xác chữ *mai* in bằng chữ quốc ngữ hiện đại là cây gì, tôi đã thử tìm xem chữ Nôm viết ra sao. Bản Nôm quen thuộc, phổ biến là bản *Kim Vân Kiều tân tập*, Quan Văn Đường tàng bản, Thành Thái Bính ngọ (1906). Bản đó ghi chữ *mai* ở tất cả các câu được đan cử trên đây là *mộc+phộc*, ngoại trừ ở câu 3075. Chữ *mai* này *(mộc +phộc)* có nghĩa là gốc cây, thân cây; trong khi chữ *mai* để chỉ cây hoa mai thì lại viết *mộc + mỗi* và đây chính là chữ *mai* được dùng ở câu 3075, vốn dẫn

điển từ *Kinh Thi*, thiên *Thiệu nam*, chương *Phiếu hữu mai*, ba bài. Chu Hy, chú thích bài thơ *Kinh Thi*, đã giảng rằng *mai* là loài cây có hoa trắng, quả như quả hạnh mà chua. S. Couvreur, trong *Cheuking*, hiểu quả *mai* này là *prune*. Các bản Nôm *Truyện Kiều* khác, như bản Liễu Văn Đường (1871), bản Thịnh Mỹ Đường (1879), bản Quan Văn Đường, Khải Định Ất sửu (1925), bản Chiêm Vân Thị (Bộ Quốc gia Giáo dục, Sàigòn 1966) cũng ghi chữ *mai* theo nghĩa gốc cây *(mộc + phộc)*. Điều đáng nói là trong thơ Nôm, ví dụ trong *Lục Vân Tiên*, chữ *mai* dùng chỉ cây hoa chưng ngày Tết vẫn viết là *mộc + mỗi*, chẳng hạn trong câu:

Mai hòa vận điểu, điểu hòa vận mai.

Ngay như đầu đề truyện Nôm *Nhị độ mai* cũng được viết với chữ *mai* vừa đan cử.

Tuy nhiên chuyện *mai* chưa chấm dứt. Chữ *mai* ở câu 708, bản dịch Nguyễn Văn Vĩnh, có đơn vị ngữ nghĩa tương đương trong Pháp văn là *bambou*. Dịch từ ghép *trúc mai* của câu thơ, Nguyễn Văn Vĩnh viết như sau: *deux variétés de bambous qu'on trouve généralement ensemble dans la forêt; amitié, amour jurés*. Bản *Kiều* Nguyễn Văn Vĩnh là bản cá nhân kẻ viết bài này, hồi ở cấp Trung học, vẫn dùng để học tác phẩm của Nguyễn Du, sau giai đoạn nằm nghe mẹ ngâm *Kiều* để đi vào giấc ngủ. Và vị thày dạy quốc văn ở trường Trung học Khải Định thở đó— thày Nguyễn Văn Tố mà sau này, khi ra giảng dạy cho trường Y khoa Huế, tôi có đến hầu thăm (xin nói rõ không phải cụ Nguyễn Văn Tố của trường Viễn Đông Bác cổ)—cũng sử dụng cùng quyển *Kiều* bằng chữ Tây này để giảng *Kiều* quốc ngữ. Sở dĩ như vậy là vì từng chữ một trong mỗi câu *Kiều* đều được Nguyễn Văn Vĩnh chuyển sang chữ Pháp trước khi xây dựng bản dịch thành câu. Ví dụ:

Trăm (cent) *năm* (annés) *trong* (dans) *cõi* (limite) *người* (humanité) *ta* (nôtre)

Như vậy, chữ *mai* ở câu 708 này, theo Nguyễn Văn Vĩnh, là một loài tre. Cách nhìn của vị Chủ bút *Đông Dương tạp chí* khác hẳn lối hiểu của Đào Duy Anh và nhóm Văn Tân [2]. Dẫu rằng ở một đoạn sau của dịch phẩm, văn hào họ Nguyễn có đính chính, nhưng ông không phải là người duy nhất hiểu *mai* là tre. Vân Hạc trong *Truyện Kiều chú giải* cho rằng *trúc mai* là cây trúc và cây bương. Măng bương gọi là măng *mai*... Và soạn giả dẫn bài ca dao tả cảnh đời người lính thú, với hai câu:

Miệng ăn măng trúc măng mai,
Những giang cùng nứa lấy ai bạn cùng

Dang cũng là một *loài cây thuộc loại tre, nứa, thân dẻo, gióng dài, thường chẻ làm lạt buộc* (Văn Tân và ctv, *Từ điển tiếng Việt*, tldd). Trong đời sống hàng ngày, lạt gói bánh chưng ở quê tôi là lạt dang. *Việt Nam từ điển* của

Hội Khai trí Tiến đức cũng hiểu tương tự nhưng viết là *giang* như Vân Hạc. Lê Văn Đức, tác giả *Việt Nam tự điển*, hiểu *mai* là *một loại tre nhỏ* và dẫn chính câu ca dao này làm ví dụ tuy rằng chữ *dang* thì lại không được họ Lê xếp vào từ loại chỉ gia đình tre pheo (nhưng ở cùng sách, mục từ *tre* thì lại có *tre giang: thứ tre rất dài lóng và ngay, thường được dùng làm thong ống điếu).* Vậy trong câu ca dao vừa kể, theo văn cảnh và theo thi tứ, phải xếp *trúc, mai, dang, núa* vào cùng loài *Bambusa*, họ *Gramineae*, theo khoa thực vật học khoa học bên cạnh các loài cây bà con khác như hóp, lồ ô, vầu v.v... Do có liên hệ huyết tộc như vậy nên *trúc* và *mai* - cả hai chữ đều chỉ loài tre, theo tôi hiểu - thường được ca dao dùng ghép với nhau, chẳng hạn:

Ai đi đường ấy hỡi ai,
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm(...)
(...) Trúc với mai, mai về trúc nhớ,
Trúc trở về, mai nhớ trúc không?(...)
Hôm qua sum họp trúc mai,
Tình chung một khắc, nghĩa dài trăm năm.
Đợi chờ trúc ở với mai,
Đợi chờ anh ở với ai chưa chồng.

Điệu hò câu hát dân gian đã không gán cho *trúc, mai* nghĩa đen, nghĩa biểu vật chỉ cây trúc cây mai ở trong trời đất mà dùng *trúc, mai* theo nghĩa bóng, nghĩa biểu cảm, tượng trưng cho đôi lứa bạn lòng hay cho tình yêu duyên nợ. Trong thi ca Hán Nôm, *trúc* đi với *mai* mang sắc thái ngữ nghĩa hơi khác. Bài *Mai thụ* (Cây mai) đời Hồng Đức nhân vịnh mai đã nhắc đến tùng và trúc:

Tiết cứng trượng phu thông ấy bạn,
Nết trong quân tử trúc là đôi.

Thơ *Vịnh mai* của Nguyễn Trãi cũng sử dụng cùng hình tượng:

Bóng thưa ánh nước động người vay,
Lịm đưa hương, một nguyệt hay.
Huống lại bảng xuân xưa chiếm được,
So tam hữu chẳng bằng mày.

Nghệ thuật hội họa phương Đông vốn ưa vẽ chung ba cây tùng, trúc và mai gọi chung là *tuế hàn tam hữu*, ba người bạn của tiết lạnh vì về mùa đông, tùng, trúc vẫn xanh lá còn mai thì lại nở hoa. Ở đây, câu thơ bác học, tứ thơ hàn lâm ghép *trúc* với *mai* nhằm chỉ phẩm chất, khí tiết nho gia. Ý nghĩa biểu cảm khác nên chủng loại thực vật cũng khác.

Tóm lại, trong *Truyện Kiều, mai* không phải bao giờ cũng chỉ một cây có hoa đẹp mà ở một số câu, có thể chỉ một loại tre. Kiến giải này nếu chẳng thể là một điều khẳng định thì ít nhất cũng là một nghi vấn.

Dáng đứng thướt tha của cây liễu rũ xuất hiện trong khá nhiều câu thơ bài thơ cổ. Liễu buông tơ, liễu thả mành. Nhưng liễu còn gieo phấn sau khi kết hoa. Phấn liễu— liễu *nhứ*, chữ *nhứ* nghĩa là tơ —là hoa liễu đã già, kết thành sợi mịn, như khối bông nõn, tựa dúm lông tuyết, bốc bay ra mỗi khi gặp gió, tung cao và xa khắp nơi, giống bông gạo, bông lau, bông gòn.

Nách tường bông liễu bay sang láng giềng.

cảnh này của *Truyện Kiều* là cảnh mà chúng ta ngày nay hằng được dịp chiêm ngưỡng dưới các phương trời Âu Mỹ, khi những rặng liễu trồng dọc đường hay nơi công viên tung phấn. Trong *Từ điển Truyện Kiều*, Đào Duy Anh cho rằng chữ *bông* trong *bông liễu* là chỉ *cái hoa*. Hai bản dịch *Truyện Kiều* ra Anh ngữ cũng hiểu như vậy:

* Huỳnh Sanh Thông: *over the wall a catkin flew next door,*

* Lê Xuân Thủy: *from a corner of the wall, the bloom of the willows flew over to a neighboring house.*

Nhưng dịch giả Nguyễn Văn Vĩnh lại chọn cho chữ *bông* này hai chữ Pháp *coton, chaton* rồi mới ghi thêm chữ *fleur*. Còn khi dịch thành câu, văn hào lại dứt khoát lựa chữ *chaton de saule*. Paul Schneider Xuân Phúc trong cả hai bản dịch của mình đều dùng cùng một khái niệm, hoặc *duvet de saule* hoặc *chaton de saule*.

Chính một trong những người đề tựa *Truyện Kiều*, Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân, cũng đã nhắc đến *liễu nhứ* trong bài viết giới thiệu tác phẩm của Nguyễn Du: *"còn đến bậc tuyệt thế tài tình, mặt ngọc vẻ hoa, lòng gấm miệng vóc, ngâm thơ liễu nhứ..."* (bản dịch Trần Trọng Kim). Bậc tuyệt thế tài tình nói ở đây là Tạ Đạo Uẩn, cháu gái Tạ An, cả hai đều là những danh tính quen thuộc của thi ca Nôm Hán. Một hôm nhân họp mặt gia đình, Tạ An nêu lên câu hỏi: "Cảnh tuyết rơi có thể ví với cảnh gì được?" Người cháu tên là Lãng thưa: "Có thể ví với muối tán nhỏ bay không đều nhau trong không trung". Đạo Uẩn lại nói: *"Vị nhược liễu nhứ nhân phong khởi"* (Không bằng ví với xơ liễu bay khi gió nổi.) Tạ An rất phục tài cháu gái. Do điển tích này, Sải Vải viết:

Gái mà như Tạ Đạo Uẩn, gái mà hay vịnh tuyết thành thơ.

Văn Nôm còn có:

Câu thơ liễu nhứ ngâm chơi, dẫu tài ả Tạ dễ so cho tày.

(Quan Âm Thị Kính).

Mai Đình mộng ký của Nguyễn Huy Tự lại dùng chữ *liễu trì* theo cùng hàm nghĩa:

Tục điêu gắng bộ vấn tiên,
Liễu trì trước lá, hoa tiên thế nào.

Nghĩ như Nguyễn Văn Vĩnh, như Paul Schneider— và nghĩ khác Đào Duy Anh —, tôi lại liên tưởng đến *Viên Viên khúc* của Ngô Vĩ Nghiệp.

Cuối Minh đầu Thanh thi đàn Trung Hoa có ba danh tính lớn là Ngô Vĩ Nghiệp, Tiềm Khiêm ích và Cung Đình Tư gọi *là Giang Nam Tả tam đại gia.* Ngô Vĩ Nghiệp (1609–1671) tự Tuấn Công, hiệu Mai Thôn, là cha đẻ kiệt tác *Viên Viên khúc.* Nhân vật chủ chốt bộ *Lộc Đỉnh Ký* của Kim Dung, Vi Tiểu Bảo, đã được nghe chính đối tượng của bản trường thi, mỹ nhân Trần Viên Viên, vừa đàn tỳ bà vừa ngâm khúc thi nhạc kể lại cuộc đời mình. Mang nặng ơn thi nhân đã vì mình mà soạn nên danh phẩm nên khi nói chuyện với Đô thống đại nhân Vi Hương chủ, người đẹp Trần Viên Viên từ đầu tới cuối chỉ gọi là Ngô Mai Thôn tài tử, tức là chỉ dùng hiệu mà không dám dùng tên húy nhà thơ. Nội dung thi phẩm mô tả cuộc đời truân chuyên luân lạc của Trần Viên Viên. Năm 1643, Lý Tự Thành xưng vương, đặt quốc hiệu là Đại Thuận, khởi binh chống nhà Minh. Chẳng bao lâu, Lý vây hãm kinh đô, Ngô Tam Quế, tướng giữ Sơn hải quan, đem binh về cứu ứng. Dọc đường, nghe tin kinh thành mất, vua Minh tự vận, lại được Lý Tự Thành dụ dỗ, Ngô Tam Quế đã có ý định đầu hàng. Nhưng khi biết tin người thiếp yêu xuất thân kỹ nữ của mình là Trần Viên Viên bị Lý Tự Thành cướp đoạt thì họ Ngô nổi giận, vì thù nhà mà bỏ nợ nước, rước quân Mãn Châu vào Trung thổ cùng Lý Tự Thành giao chiến, đuổi họ Lý chạy dài từ Tây An rồi Hồ quảng. Các nhân vật lịch sử chính cống này: Lý Tự Thành, Ngô Tam Quế, Trần Viên Viên chỉ đứng vào ví trí hạng hai, chỉ mang bóng hình thấp thoáng, chỉ có hành trạng lướt qua trong *Lộc đỉnh ký* bên cạnh Vi Tiểu Bảo. Nhưng họ cũng được *Viên Viên khúc* lần lượt đề cập đến với lời thơ phong nhã, với từ vựng hoa lệ, với tiết tấu du dương. Những nỗi đoạn trường của giai nhân lần lượt hiện ra qua một bút pháp thẩm thiết, chẳng hạn qua hai câu:

Khả liên thiếu phụ lâu đầu liễu,
Nhận tác thiên biên phấn nhứ khan.
(Đáng thương rặng liễu bên lầu thiếu phụ,
Chịu gieo bông phấn nơi ngàn trùng biên ải).

Nghệ thuật sáng tác và thưởng thức thi ca ngày trước sử dụng khá phổ biến các khái niệm *nhãn tự* (chữ mắt), *thi nhãn* (con mắt của thơ). Chúng ta ngày nay có thể hiểu các khái niệm này như là những yếu tố trọng điểm của ngôn ngữ văn chương, những mũi nhọn khắc họa của ngòi bút nghệ thuật. Khúc hát *Viên Viên* được tác giả Hương cảng đưa vào bộ truyện võ hiệp gần như toàn vẹn, từ phần mở đầu mô tả sắc đẹp

của giai nhân, giới thiệu gốc gác kỹ nữ Tô châu của nàng, đến hoàn cảnh éo le nàng bị người bỏ tiền ra mua dâng vua Minh làm cung phi rồi gặp Ngô Tam Quế, kế đó bị Lý Tự Thành bắt theo mình, sau lại được họ Ngô đoạt trở lại, sống chung lần thứ hai với Ngô Tam Quế cho đến ngày lên chức vương phi bán chính thức vì chồng được phong Bình Tây Vương; một đoạn đời thay duyên đổi phận chẳng khác gì đối với một món hàng bán chác; khiến lòng người đẹp vô cùng đau khổ. Kèm theo phần trích diễm văn liệu còn có phần mô tả nghệ thuật cung thương điêu luyện. *Viên Viên khúc* vừa tự sự vừa trữ tình. Riêng chữ *phấn nhứ* nổi lên như một *nhãn tự*, một *thi nhãn*. Sáng tác bản trường ca, Ngô Vĩ Nghiệp đã đặt yếu tố trọng điểm vào chữ *phấn nhứ*, trao nó cho chức năng mô tả hình ảnh tiêu biểu, chứa đựng ý nghĩa trực tiếp, biểu hiện một cách nổi bật những phương diện cơ bản trong cảm hứng sáng tác chủ đạo của thi nhân. Nếu ngôn ngữ văn học nói chung đều đòi hỏi hàm súc thì tính hàm súc lại là đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ thi ca. Với một dung lượng nhỏ, qui tụ những từ như được nén chặt, ngôn ngữ tác phẩm thi ca giàu sức khêu gợi, lan tỏa không cùng. Hai chữ *phấn nhứ* bộc lộ biết bao tâm tình, chứa đựng biết bao ý nghĩa! Chỉ những sợi tơ mịn màng bung tỏa ra từ cành liễu bay tả tơi theo chiều gió, *phấn nhứ* khơi gợi mạnh mẽ trí tưởng tượng người đọc, bắt chúng ta liên tưởng đến cuộc đời phiêu bạc gian nan của nàng ca nữ Viên Viên. Mặt khác, chữ *phấn* chẳng những tả được màu trắng của bông liễu khô già mà còn hàm ý chỉ người đẹp hương trời sắc nước. Chọn chữ *phấn nhứ*, Ngô Vĩ Nghiệp đã phát hiện được một từ rất đắt, nó đáp ứng chính xác nhu cầu mô tả đối tượng, chi tiết, ý tình mà nhà thơ muốn thể hiện; đối tượng, chi tiết, ý, tình đã nảy sinh và tồn tại trong một khung cảnh, một tình huống, một thời điểm xác định, độc nhất, không tái lập.

Trở lại với câu thơ *Kiều* và nói tóm gọn, chữ *bông* trong *bông liễu* không phải chỉ bông hoa mà chỉ bông gòn, theo tôi hiểu. Dẫu rằng *bông liễu*, khác với *phấn nhứ*, không nhằm trực tả vai chính. Tuy rằng *bông liễu* được sử dụng với mục đích tạo hình phong cảnh, còn *phấn nhứ* lại có chức năng biểu hiện nội tâm. Bởi đành rằng *bông liễu* dưới dạng bông gòn cũng vẫn là hoa, nhưng nó không thể là "cái hoa": ở một nhà thơ ưu tú vào tầm cỡ Nguyễn Du, ngôn ngữ thi ca in đậm những nét độc đáo của phong cách, gắn liền sâu sắc với những đặc điểm thuộc tư duy nghệ thuật của thi sĩ, nhà nghệ sĩ lớn của nghệ thuật ngôn từ Việt ngữ.

Sáng tạo nghệ thuật vốn đòi hỏi đức tính tiết kiệm. Cho nên ngôn ngữ văn học - và đặc biệt ngôn ngữ thi ca - là hình thái ngôn ngữ lời chật mà ý rộng. Nhà thơ luôn luôn ra sức gọt giũa ngôn ngữ, lựa chọn từ vựng sao cho với một khối lượng từ càng bé mà nội dung thông báo và

bản lĩnh khơi gợi những liên tưởng thẩm mỹ của nó lại càng lớn. Khi đứng riêng lẻ, mỗi từ thường nổi bật lên với ý nghĩa chính của nó, nhưng khi từ được bố trí trong một ngữ đoạn, trong một câu thơ, tức là được đặt trong một mối liên hệ với những từ khác, thì hệ thống mới đó sẽ trang bị cho từ một giá trị riêng và từ liền có một ý nghĩa khác.

Chúng ta có thể tưởng tượng khi Nguyễn Du dùng chữ *bông* trong *bông liễu* thì khả năng liên hội sáng tạo của bậc thi bá có xu hướng huy động những cấu trúc ngôn từ Hán vì *liễu*, dù muốn dù không, cũng không phải là một loài thực vật quen thuộc của cảnh quan ngoài đời và cũng chẳng phải là một hình tượng văn học phổ biến trong ngôn ngữ dân gian. Và như vậy, *bông liễu* chỉ có thể là hậu thân của *liễu nhứ*, *liễu miên* trong câu thơ Đường, Tống.

Bài *Đông lan lê hoa* của Tô Đông Pha có cảnh bông liễu bay đầy trời đất:

Lê hoa đạm bạch liễu thâm thanh,
Liễu nhứ phi thời hoa mãn thành.
(Hoa lê trắng nhạt, lá liễu xanh sẫm,
Khi bông liễu bay, hoa nở đầy thành.)

Lục Du thương nhớ nàng Đường Uyển, người vợ trước ông phải bỏ vì gia pháp khắc nghiệt—nàng cũng là nòi thơ và nhất là cũng là một từ gia như ông—đã làm thơ khóc nàng lúc ông bảy mươi lăm tuổi và trở lại địa điểm gặp nàng trước đó bốn mươi năm nhan đề *Thẩm viên* (Vườn nhà họ Thẩm). Kiệt tác này có câu nhắc đến liễu:

Mộng đoạn hương tiêu tứ thập niên,
Thẩm viên lão liễu bất xuy miên.
(Mộng đứt hương tan đã bốn chục năm,
Cây liễu già trong vườn Thẩm không còn bay tơ nữa).

Khương Hữu Dụng dịch thơ:

Mộng đứt hương tàn bốn chục thu,
Thẩm viên liễu cỗi chẳng bay tơ.

và Paul Demiéville tác giả *Anthologie de la poésie chinoise classique* chuyển thành:

Le rêve est rompu, le parfum dissipé, depuis huit lustres;
Les saules du parc de Chen, vieillis, ne sèment plus au vent leurs graines floconneuses.

Trong thơ Tô Đông Pha khóc người thị thiếp Vương Triêu Vân - trẻ hơn Tô Thức hai mươi sáu tuổi và mất khi mới ba mươi bốn tuổi - sau khi chôn bà trong một rừng thông bên cạnh một ngôi chùa, cũng có dáng liễu; không những một lần, mà đến hai lần:

Chi thượng liễu miên xuy hựu thiểu,

Thiên nha hà xứ vô phương thảo.
(Trên cành tơ liễu bay tản mát,
Ven trời nơi nao không là cỏ non).
và:
Xuân tận nhứ phi lưu bất đắc,
Tùy phong hảo khứ lạc thùy gia.
(Xuân tàn tơ liễu bay không ngớt,
Theo gió nhẹ vương sang nhà ai).

Phải chăng hai câu này là tiền thân câu thơ *Truyện Kiều*

Nách tường bông liễu bay sang láng giềng?

Bông liễu cũng được bài thơ rất quen thuộc và đầy hào khí của Văn Thiên Tường nhan đề *Quá Linh dinh dương* đề cập:

Sơn hà phá toái phong phiêu nhứ,
Thân thế phù trầm vũ đả bình.
(Sông núi tan tành như gió thổi bông liễu,
Thân thế nổi chìm tựa mưa đập cánh bèo).

và còn có mặt trong những bài khác, ít nổi tiếng hơn, ví dụ:

Tiểu đào sơn hạ hoa sơ kiến,
Nhược liễu sa đầu nhứ vị phi.
(Châu Biện. *Tống xuân*)
(Cây đào nhỏ dưới núi bắt đầu ra hoa,
Rặng liễu yếu đầu bãi chưa tung bông phấn).
hoặc:
Tạ khước hải đường phi tận nhứ,
Khốn nhân thiên khí nhật sơ trường.
(Chu Thục Chân. *Tức cảnh*)
(Hoa hải đường tàn héo, bông liễu bay hết,
Khí trời làm khổ người, ngày bắt đầu dài).

Liễu miên hay *liễu nhứ* đều cùng một hàm nghĩa chỉ sợi tơ, sợi bông. Cho nên đường dây liên tưởng khiến Nguyễn Du phải gán cho *bông* trong *bông liễu* ý nghĩa biểu thị những sợi lông như lông tơ của cái kén hoặc những mảnh bụi mịn màng như tơ trời tản mát bay theo gió. Tố Như đã vận dụng hình thái chuyển nghĩa để cho *bông liễu* đảm nhận chức năng tái hiện sinh động hiện tượng thực vật học của đời sống: hoa liễu kết thành bông nõn hoặc nói đúng hơn, hạt liễu khô bao bọc bởi những sợi lông tơ như lọn bông, như nùi gòn, hay *graines floconneuses* theo cách dịch của P. Demiéville. *Bông liễu* bộc lộ đậm nét cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật của bậc đại thi hào.

Thành ra nếu kiến giải "*mai* trong *Truyện Kiều* phải chăng có khi mang nghĩa một loài tre" có thể là một nghi vấn thì luận cứ "*bông* trong

bông liễu của *Truyện Kiều* chính là bông gòn" lại trở thành một xác ngôn. *Có điều chi nữa mà ngờ.*

Ngời ánh hào quang trong câu thơ, chữ *bông liễu* là chữ hay nhất, khéo nhất; nó thể hiện tập trung quan niệm, tình cảm, vẻ đẹp của ý thơ. Tài tình hơn nữa, nó còn gắn bó với tâm trạng nhân vật nữ chính trong truyện dẫu rằng thoạt đọc qua, dường như *bông liễu* chỉ là một tứ thơ tạo hình tả cảnh.

Cảm xúc thơ là cảm xúc thẩm mỹ, thi vị, thanh tao, khác hẳn cảm xúc sinh hoạt bình dị, dung tục, thực dụng hằng ngày. Làm thơ phải khởi đi tìm từ cảm xúc thơ, tức là bắt đầu với *thi tứ*; mà thi tứ đã tìm ra ắt phải xác định được cảm xúc và hình ảnh thơ; để từ đó đạt đến cái *thần* của câu thơ, bài thơ. *Cấu tứ* là tạo được hình tượng mang khả năng khêu gợi nên cảm xúc thơ, tức cái cảm xúc sâu sắc, thấm thía, khoái trá nơi tâm hồn thẩm thơ. Đó là hậu quả sự kết hợp giữa hình ảnh sống động ngoài đời—trong trường hợp này là những cánh lông tơ mịn màng mềm nõn trên trái liễu khô—với ý nghĩa mỹ học của thi ca, khiến hình ảnh càng triển khai sống động, hình tượng càng khơi sâu ý nghĩa. Tứ thơ *bông liễu* biểu hiện cảnh trí mỹ lệ phong tao của ngày xuân đầu tiên trong truyện đời cô Kiều nhưng đồng thời, cũng dự báo con đường gian truân lưu lạc mười lăm năm bắt buộc cô phải theo. Hai số phận: Trần Viên Viên–Vương Thúy Kiều, một tiếp tuyến: *phấn nhứ, liễu nhứ.*

Yên trí rằng Nguyễn Du vốn ít nói—căn cứ vào các dữ kiện rời rạc được sử sách ghi chép lại về hành trạng và phong thái của tiên sinh—tôi thích thú thấy vị thi bá khi thảo luận về đứa con tinh thần của mình dã tỏ ra rất sẵn sàng phát biểu ý kiến, trao đổi tri thức. Và nhà thơ còn rất thâm trầm nữa.

Nguyên một hôm tôi buột miệng dùng chữ *khắc phục* trong một câu nói. Cả Tố Như lẫn Quế Đường tiên sinh—lần đó có quan Bảng nhãn cùng tham dự cuộc đàm thoại—đều lắc đầu bảo không hiểu tôi muốn nói gì. Tôi sửng sốt vì từng nghe truyền tụng là Lê Quí Đôn có lần bảo trong thiên hạ ai gặp chữ nào không hiểu thì cứ tới dinh ông mà hỏi. Rồi hai vị cùng bảo tôi đi tìm gặp Pháp Tính Trịnh thị Ngọc–Trúc, bà hoàng hậu được xem như có thể là tác giả bộ từ điển giải thích tiếng Việt bằng chữ Nôm *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*, một tác phẩm tra cứu trong đó các từ cần được giải thích và các từ dùng để giải thích đều sắp xếp có vần có nhịp cho dễ học dễ nhớ, chẳng hạn:

Thạch lựu: thừa lựu càng ngon,

Hoa đỏ, trái tròn, rễ thuốc thiếu nhi.
Lăng giác: quả ấu có sừng,
Long nhãn: là quả nhãn lồng ngọt xa.
Liên hoa: hoa sen càng yêu,
Tòa sen cửu phẩm ngôi cao chín trùng.
Cự sương: *là hoa phù dung,*
Cúc hoa: hoa cúc mùa đông nhuốm vàng.
Thiện vĩ: là cỏ đuôi lươn,
Cẩu vĩ: *đuôi chó mọc chan doành dương...*

Nghe câu hỏi của tôi, hoàng hậu cười lớn, bảo các ông ấy biết chứ; nhưng động từ *khắc phục* vốn không có trong từ vựng của cõi tiên. Nó chỉ có trong ngôn ngữ của địa ngục, địa ngục dưới chín suối cũng như địa ngục nơi trần gian. Nó là "công cụ" dùng kìm kẹp loài người nói chung, nhất là với kẻ sĩ. ❑

Chú thích:

(1) Chữ của Nguyễn Dữ mô tả Ngô Chi Lan trong *Kim Hoa thi thoại ký*. Trong *Bang Hồ di sự lục*, Nguyễn Trãi cho biết "dư mẫu, công đệ tam nữ dã, tiên công nhi một" [mẹ tôi là con gái thứ ba của công (Trần Nguyên Đán, TVT), mất trước công]. Như vậy, bà mất tương đối sớm.

(2) Có lẽ thấy được sự khiếm khuyết này nên *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê chủ biên, in lần thứ hai, Hà Nội, Nhà Xuất bản Khoa học Xã Hội, 1992, đã định nghĩa *mai* là "cây nhỏ, hoa màu vàng, thường trồng làm cảnh" bên cạnh một nghĩa khác: "cây cùng loại với tre, gióng dài, thành dày, đốt lặn, lá rất to, dùng làm nhà, làm ống đựng nước..."

Đính chính

Văn Học số 102, tháng 10/1994, bài "Phú" của Trần Văn Tích, trang 20 và trang 26 có một vài thiếu sót do lỗi đánh máy. Văn Học cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc, và xin sửa lại như sau: (Phần chữ in đậm là phần thiếu)

Trang 20, từ dòng 19 trở đi: "Trương Hoành có bài phú *Thất biện*, Tào Thực viết bài phú ***Thất khải*, v.v. Ban Cố dưa lên văn đàn bài phú *Lưỡng đô* ca ngợi Trường an và Lạc dương thì có người theo gót cho chào đời bài phú *Lưỡng kinh*, kế đến lại có Trương Hoành với bài phú** *Tam đô* tán dương Trường an, Lạc dương và Nam dương v.v.

Trang 26, chú thích số (7), từ dòng thứ 2 trở đi: Nguyễn Huy Lượng biên soạn **bài phú này năm Tân dậu 1801. Nhưng thời điểm Phạm Thái** sáng tác bài *Chiến tụng Tây hồ phú* do chính Chiêu Lỳ ghi nơi lời tiểu dẫn...

Gọi anh mùa Xuân

TRẦN MỘNG TÚ

Dã lâu quá anh không về gõ cửa
lồng ngực em. Trái đỏ vẫn còn nguyên
Mùa Xuân đến em lên đồi gọi gió
Thả dam mê và buông những ưu phiền

Em mở áo cho Xuân coi lồng ngực
Trái tim em mảnh vườn cũ quê nhà
Cành mai chiết tay ai còn in dấu
Ôi! Thiều quang hoa nhớ xót xa.

Em mở áo cho Xuân coi lồng ngực
Trái tim em như một ngọn hải đăng
Lửa sinh diệt thắp hoài không dám tắt
Bờ bến nào mà cá vẫn bặt tăm

Em mở áo cho Xuân coi lồng ngực
Trái tim em trầm quế đợi xông hương
Con chim én dã bay qua biển Bắc
Ai tìm ai ngậm ngải giữa mù sương

Dã lâu quá anh không về gõ cửa
lồng ngực em. Trái đỏ vẫn còn nguyên
Ôi! Có phải mùa Xuân đang nhóm lửa
Tay lạnh thế này, ai sưởi cho em!

Hoàng Hoa

Quỳnh Giao

Có người nói rằng từ khi bỏ xứ mình sang đất người mọi thứ đều điên đảo, ý chừng muốn than mọi việc như đảo lộn nghịch thường. Rồi họ dẫn tên người là một thí dụ. Tên ông Đỗ Ngọc Yến làm báo Người Việt tại California là một thí dụ quen thuộc. Họ là Đỗ, tên - như tên một trong nhiều mỹ nhân của Đoàn Dự- là Ngọc Yến. Qua đến Hoa Kỳ này, báo chí Mỹ có phỏng vấn hỏi han gì thì họ cứ viết ngay rằng ông Yen Do nói thế này, luận thế nọ. Họ cắt tên đệm, đảo ngược tên trước họ sau và vứt luôn cả dấu. Nhiều báo Việt của mình trích dịch lại có cẩn thận bỏ dấu cho rõ ràng hơn, dâm ra thành ông Yên Đô. Xa xa, cứ nghĩ báo Mỹ họ nói về ông Yên Dổ, giật mình tưởng như người cùng làng với cụ Nguyễn Khuyến vậy.

Cứ như thế, mình có thể bàn đến... Tết những khác biệt trái phải, trong ngoài hay trước sau của mình và của người. Họ gọt trái cây từ ngoài vào, ta gọt từ trong ra. Phụ nữ họ đi trước, phụ nữ ta đi sau, nếu không thì... không đi nữa. Anh thư của họ ngồi kiệu vàng, ngự xe song mã rèm hoa, danh nhân của ta như Hai Bà thì áo vải cưỡi voi dọc ngang đánh khắp 65 thành. Hoặc như ngày Thu, tới mùa thăm viếng người quá cố, Âu Tây người ta hay đi hoa cúc, đến nỗi cúc trở thành biểu tượng của sự thương tiếc khôn nguôi, bên Á Đông mình, cúc là quốc hoa của hoàng gia Nhật, cúc là hoa của người ẩn dật và cũng là hoa mùa Xuân, của ngày vui. Ngày Xuân thiếu hoa cúc là kém ngay vẻ Tết nhất.

Cúc mà là hoa Xuân? Thế tại sao xuân lan thu cúc vẫn mặn mà cả hai?

Ngày Xuân, theo đúng thuật viết lách xứ mình từ khi có báo, cứ theo 12 con giáp người ta hay viết về con vật tượng trưng cho năm. Xuân Ất Hợi này, chắc là mình sẽ được đọc nhiều bài "Năm Hợi Nói Chuyện Heo"... Tôi chẳng có gì tỵ hiềm với con vật dễ thương và... dễ nấu này. Nhưng sao lục sách vở viết về heo thì quả là kém thú, vì sợ rằng mười hai năm nữa mới có dịp xào lại.

Vì vậy, Xuân này xin nói chuyện hoa và nói tới loại hoa tôi yêu thích nhất. Xuân nào đọc lại cũng vẫn thấy... như mới nở. Không phải đợi Tết Đinh Hợi, vào năm 2006 xa lắc xa lơ tới, mới có dịp hâm lại. Lúc đó mình đã tam thập nhi lập tới "mấy lần" rồi.

Tôi yêu những loài hoa có hương, đi cùng với sắc, nhất là sắc trắng. Riêng có một giống hoa thường có sắc vàng mà mình vẫn thích và lại thích hơn cả, đó là hoa cúc. Không tìm được giáo sư Phạm Hoàng Hộ để xin học ké về thảo mộc học, tôi bập bõm biết là danh từ khoa học của giống hoa này là *Chrysanthemum moriflorium* (là người hoàn toàn... điếc về tiếng La tinh, mình chẳng biết là *moriflorium* có liên hệ gì tới việc phúng điếu hay không nữa!) Người Tầu gọi là *ju hua* như tên nàng Ju Dou trong một phim tình cảm xã hội Trung Hoa nổi tiếng vài năm về trước. Người Tầu uyên bác—và người Việt mình—cũng thi vị gọi cúc là Hoàng Hoa...

Trong bài *Đêm Ngắn Tình Dài* rất rộn ràng điệu Tango của nhạc sĩ lão thành Dương Thiệu Tước, câu hát

Rượu hoàng hoa xoá cơ cầu
Và đêm trắng qua như vó câu
Nào biết đâu giờ trôi mau...
Có nhớ chăng anh, cùng vui đêm trắng say hoàng hoa?...

chính là để nói về loại rượu cụ Tú Vị Xuyên viết trong bài than về cảnh Tết nghèo của cụ:

Rượu cúc nhắn đem hàng biếng quẩy
Chè sen đạm hỏi giá còn kiêu

Chè sen thì giờ này chúng ta còn được uống. Chứ rượu cúc thì dù có biết uống, và uống khơi khơi sáng trưa chiều tối như nhà văn Mai Thảo, nhiều khi cũng không biết tìm đâu ra. Không biết rượu cúc nặng nhẹ ra sao, uống vào để say hay không, chứ cứ y vào lời bài ca, uống vào là ta chóng quên. Quên nỗi cơ cầu, quên thời gian vùn vụt trôi như vó câu qua cửa, nên đôi bạn đã thức trắng đêm, trong nhịp Tango lả lướt.

Theo sự khám phá của người Trung Hoa, và của những nhà nghiên cứu về dược liệu từ thảo mộc, hoa cúc cũng có chỗ đắc dụng trong y học. Dược tính của hoa là trị nhiệt, khử độc, gây tê, làm cho mình bớt đau nhức. Tôi thì chú ý nhất tới đức tính "làm sáng mắt" của cúc, nên thường

pha một trà (vì rẻ và được nước) trộn với hoa cúc phơi khô, uống suốt ngày. Vừa đậm nước vừa có hương thơm, không mất ngủ, lại đỡ cho mình ra đường khỏi trông gà hóa cuốc, lái xe trên xa lộ khỏi nhầm lối ra với lối vào. Người mình còn có "cúc mốc", một giống cây bụi nhỏ, hoa chỉ bằng đồng kẽm, lá xanh biếc phơn phớt lông tơ như màu mốc, hăng hắc thơm. Khi bị khan giọng rát cổ thì mình hấp cách thủy lá cúc với quất và đường phèn là thông phổi, mới vừa đau cổ là đã có thể hát cả một bản trường ca tới sang năm chưa dứt.

Khi họ gọi cúc là hoàng hoa, mình cũng đoán rằng màu vàng là màu phổ biến nhất của cúc.

Nhưng, ở cái xứ gọi là tân tiến đến ngược đời này, ta thấy cúc có đủ màu, từ trắng đến vàng lợt, vàng xẩm và cả hồng nhạt sang tới tím. Họ có biệt tài pha chế lung tung, đâm ra cái chân tính của cúc ra sao mình cũng thấy mơ hồ. Khác với nhạc sĩ Hoàng Trọng, suốt đời yêu hoa màu tím như ông thú nhận trong lời hát, đến cúc thì tôi yêu nhất cúc vàng. Có nhiều loại hoa màu vàng lắm, như mai, cúc vạn thọ, hoa mimosa... nhưng chỉ riêng màu vàng của hoa cúc thì đằm thắm, duyên dáng và trang trọng khác thường. Nhất là cúc đại đóa vàng rực rỡ. Hình như dân Mỹ gọi giống hoa đại đoá đó là "cúc nhện", có lẽ vì họ... chấp vào hình tướng mà nhìn những cánh hoa mảnh mai cong vút, xoè ra như chân nhện, để đặt tên hoa. Thật là kém thơ mộng... Có lẽ đặt tên hoa như vậy nên họ đưa hoa vào nghĩa trang mới thấy là hợp cách. Họ nhìn khác mình mà ngửi hình như cũng khác.

Nổi danh Âu Châu với nhân vật nữ của Alexandre Dumas fils trong *La Dame aux camelias* (Trà Hoa Nữ), và nổi danh Sàigòn năm xưa với nhân vật nữ trùng tên với ông nhà báo họ Đỗ ở trên là nàng Vương Ngọc Yến, có bà mẹ yêu hoa trà trồng đủ loại khắp vườn... hoa trà là giống các cụ ta thường chê là hữu sắc vô hương. Cho nên tương truyền rằng Chu Mạnh Trinh bực cụ Tam Nguyên Yên Đổ nặng bút phê thơ mình cái tội *nho đối với xó lão này không ưa* bèn tặng cụ một chậu hoa trà, khi mắt cụ đã loà. Riêng tôi, vốn cũng yêu hoa trà, tôi vẫn ngờ ngợ rằng hoa có hương thơm, nhưng quá thoảng và có lẽ chỉ chiều người thật là thính mũi. Nước hoa hiệu Arpège nổi tiếng là thanh quý của nhà Lanvin có ủ cả hương thơm của hoa trà. Mũi Tây quả là có khác mình, chẳng phải ở kích thước, và có khi Chu Mạnh Trinh bị mang tiếng oan chăng?

Nhân nói về nước hoa, hương thơm của hoa cúc cũng phảng phất trong các hiệu *Ivoire* của nhà Balmain và *Gauloise* của nhà Molyneux. Nhưng, hương cúc ở đây là một loại cúc người ta cho là "dại", rất nồng nàn mùi nhiệt đới, như hầu hết mọi loại hương được cất thành nước hoa. Thực ra, hoa cúc như ở xứ ta thường có mùi thơm kín đáo và dịu dàng,

không ngọt gắt như hồng, mà cũng không suồng sã như hoa nhài, hoa huệ.

Khi cụ Nguyễn Tiên Điền của chúng ta viết rằng xuân lan thu cúc mặn mà cả hai, cụ không lẫn chút nào cả. Hoa cúc quả là nở vào mùa Thu. Như viết trong thơ Đường, Ly hạ trùng dương cúc (cúc nở dưới hàng dậu ngày trùng cửu, là ngày Chín tháng Chín ta), hoặc thơ của thiền sư Huyền Quang đời Trần, *Cúc hoa khai xứ tức trùng dương* (thấy hoa cúc nở biết ngày trùng dương), cúc là hoa nở từ khi vào Thu. Nhưng sang Xuân cúc vẫn còn mới là điều đáng quý.

Mình có thể thấy cơ man nào là những câu thơ cổ viết về cúc mùa Thu.

Tôi chủ quan nghĩ rằng ba bài *Thu Vịnh, Thu Diếu và Thu ẩm* là ba bài thơ nôm hay nhất của chúng ta về mùa Thu. Thu của cụ Tam Nguyên không ước lệ kiểu *rừng phong hiu hắt khí Thu già*. Xứ ta không có phong, mà thi nhân thì chỉ liên cảm và thảng thốt với cây phong của Trung Hoa. Sang đến xứ người, và phải ở vùng đất lạnh ta mới biết hoặc thấy cây phong cùng màu đỏ ối của lá phong khi trời vào Thu. Thu về, trời có màu xanh trong vắt và trăng thu rất cao rất sáng, gió thu hiu hắt gây lạnh, khiến ra cứ muốn cuộn tròn tất cả, để thu vào nội tâm cái buồn lâng lâng, dìu dịu. Nhưng thơ cổ về Thu của ta thường có trăng gió, mây nước và sương mờ hay rừng phong nhuốm mùi quan san rất... Tầu, như trong một bức tranh cổ. Ngoại lệ chính là ba bài Thu nói trên, không thể nào Việt Nam hơn, nhà quê và gần gũi hơn, với tâm hồn chúng ta. Lạ một điều, trong cả ba bài, Nguyễn Khuyến tuyệt nhiên không viết gì về cúc, mà tôi vẫn thấy rõ ràng từ tâm cảnh những bụi cúc vàng phất phơ ngoài hàng giậu. Cúc không thể không có trong ngôi vườn của Yên Đổ, khi cụ cáo quan về dạy học. Cầu kỳ một chút, cụ đã phải trồng cúc nơi hàng giậu hướng Đông mới đúng cách của người xưa.

Thơ Nguyễn Khuyến có khá nhiều bài viết về những bụi cúc của cụ. Hầu hết là những khóm cúc gầy, già, bên cạnh bờ tường ít mưa, trong một ngôi vườn nhỏ xác sơ. Trong một bài thơ Xuân, nhà thơ đau yếu bần hàn còn than là trời không nhìn xuống cúc tùng tàn tạ người hiền ốm đau...

Ngoài ba bài thơ nôm trên, thơ chữ Hán của Nguyễn Khuyến riêng có hai bài Vịnh Cúc rất đẹp và ý nghĩa. Toàn bài cũng không một chữ "cúc" hay "hoàng hoa", mà hầu như mỗi câu lại viết về một đức tính của cúc. Trong một bài, cụ than rằng Xuân về đào mận đua nở tưng bừng, chỉ riêng giống cây có lá mốc cành xanh thì không thấy ai nhắc tới. Áng chừng còn giữ tiết dành hương cho tới vào Thu, khi gió heo may thổi và

các hoa đều tàn, thì mới chịu nở... Trong bài kế tiếp, cụ bình là trăm hoa nở và tàn rồi cúc mới nở hoa, để khen rằng cúc âm thầm giữ lấy hương thơm trong giá lạnh. Đúng là phong cách người xử sĩ bần hàn mà không đổi tiết tháo.

Quả thật rằng luận về hoa, các cụ mình cũng nhiêu khê có tiêu chuẩn hẳn hoi. Chẳng hạn như hoa lan, đây là nói về phong lan, là loài hoa của bậc vương giả thanh cao, và cũng là hoa của tình bạn. Mẫu đơn là hoa vua chúa quyền quý (tôi áng chừng là hoa của các bà hoàng chứ mấy ông vua coi bộ không mấy quan tâm tới chuyện hoa cỏ). Người Âu Tây thì vẫn giữ vững truyền thống ngược ngạo, nên coi mẫu đơn là tượng trưng cho sự hối lỗi, thế có lạ không cơ chứ! Người mình, cứ Tết đến là nhắc tới hoa đào hoa mai. Không có là không ra cảnh Tết. Nói tới hoa đào là lại dẫn tới gió Đông năm ngoái ở câu Kiều chuyển ý một câu thơ Đường của Thôi Hộ. Nhưng trong Nam mình, những ai có may mắn đi Đà Lạt mới thấy được *đào mỉm cười trong gió chào đón Xuân về*, như Vũ Thành viết khi ông còn ở Hà Nội trước 1954, chứ hầu hết chúng ta thì hiếm có đào và thường nghĩ tới mai. Với đa số chúng ta, mai là hoa báo hiệu vào Xuân. Trần Thiện Thanh, trong một bài ca rất thịnh hành về đời lính chiến năm xưa, còn nói hộ lời người lính đóng đồn: *Nếu mai không nở, anh dâu biết Xuân về hay chưa...*

Riêng tôi, mai vàng trong Nam chưa phải là hoa Xuân tiêu biểu, chưa kể thêm cái tội là hương không thơm mà còn hơi hắc. Hoa mai đó cũng không chắc là mai của thi nhân thời trước. Những người am hiểu, viện dẫn cả dăm ba tích thanh mai trong Tam Quốc, cho mình biết là mai của các cụ chính là cây mơ, hoa trắng, phơn phớt xanh màu ngọc bích, có quả chua người Hoa dùng để nấu canh, cất rượu. Ta nấu canh bằng me, mai thì chua quá ta dùng làm ô mai... để các cậu mua cho các cô tóc còn cài bím đem vào lớp chia nhau.

Theo các cụ đời xưa, hoa mai là hoa khôi nguyên, hoa đầu tiên nở trong năm, vì vậy hoa còn tượng trưng cho người đi thi đỗ đầu, cho tuổi trẻ hăm hở nhập thế. Trong khi cúc là hoa của người trở về, người ra về, người xử sĩ rút chân khỏi vòng danh lợi. Cứ như vậy, các nhà tâm phân học có thể phanh phui cho ta biết rằng khi luống tuổi mà vẫn muốn... ô mai thì tâm mình còn bon chen lắm lắm. Mà thanh niên lại yêu cúc thì rõ là việc chưa xong mà đã vội đẩy túi vũ trụ mặc đàn sau gánh vác để đi uống rượu theo kiểu chén chú chén anh, chén tôi chén bác của Yên Đổ... Trường hợp người viết thì đã hẳn là khác vì yêu cúc từ thuở ấu thơ, trước cả những hiểu biết về cúc, sau này. Cứ như vậy, theo các cụ, tuổi nào phải hoa nấy, nếu không là trái mùa.

Cúc thường nở vào Thu đã dành. Nhưng cây cúc có sức chịu đựng cao, trải qua gió Thu - mà thi nhân theo quy ước ngũ hành gọi là gió Tây - và suốt cả mùa Đông giá rét vẫn không hề hấn. Hoa cúc rất bền, người trồng hoa khéo giữ được cho tới Xuân, nhất là ở những vùng khí hậu không quá lạnh như nước ta. Vì vậy mà hoa cúc mới được coi là hoa của người có khí tiết, dù có hoạn nạn bần hàn vẫn không thay đổi cốt cách tính tình. Và vì vậy, Xuân về cúc vẫn nở, trăm hoa tàn mà cúc vẫn không phai hương sắc.

Cúc sở dĩ là hoa của bậc xử sĩ, của người có học mà từ quan về ở ẩn, có lẽ là từ ông Đào Tiềm bên Tầu. Ông Đào Uyên Minh, tự Nguyên Lượng, đỗ Tiến sĩ, đang làm quan Huyện lệnh đất Bành Trạch tỉnh Giang Tây đời Tấn, chợt thấy chán cảnh hoạn lộ, bèn treo ấn từ quan. Ông thong dong về quê trồng rau uống rượu sống đời ẩn dật. Câu *tam kính tựu hoang, tùng cúc do tồn* (ba nẻo vườn bỏ hoang, chỉ còn tùng cúc) viết trong bài Quy Khứ Lai từ nổi tiếng khi cáo quan trở về đã gắn liền tên tuổi ông huyện Bành Trạch Đào Tiềm với hoa cúc. Trong các bài thơ của các cụ mình, khi nói tới việc lui về ở ẩn là thể nào cũng có hoa cúc, rượu Bành Trạch, và ông Đào. Về đến thi ca của mình, duy có ở Yên Đổ ta mới thấy một phong cách tương tự.

Nói về Nguyễn Khuyến và Nguyễn Du, có một điều tôi phân vân chưa tỏ, là trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du, là những tác phẩm phản ảnh rõ nhất tâm tư của tác giả truyện Kiều, rất hiếm thấy hoa cúc, khác hẳn với thơ Nguyễn Khuyến. Cách nhau chừng trăm năm, cả hai đều là những nhà thơ bất đắc chí với thời sự và triều chính nên giữa hai dàng "xuất xử", cả hai đều chung khuynh hướng lui về ở ẩn. Trong thơ Nguyễn Khuyến, ta thấy trăng, Thu, ngỗng, rượu và nhất là cúc... xuất hiện thật nhiều. Ở thơ Nguyễn Du, Thu thì có, rượu cũng có, nhưng cúc thì hiếm. Ngược lại, có rất nhiều câu than về mối sầu bạc tóc. Trong khoảng 150 bài đọc được, thấy có tới hơn 30 bài Tố Như than mình tóc bạc, mà chỉ dăm ba bài phơn phớt nhắc đến cúc.

Đầu Xuân thấy hứng, những nhà nghiên cứu văn học hay địa dư có thể tìm ra những giải thích lý thú cho chúng ta về sự khác biệt này chăng. Như vì phong thổ đất Hà Nam của Yên Đổ hợp với hoa cúc hơn là 99 ngọn Hồng Lĩnh của Tố Như, hoặc vì Nguyễn Khuyến muốn chôn chặt cuộc đời nơi thôn dã đất Bắc, Nguyễn Du giam mình vùng rừng núi khô cằn miền Trung mà tâm chí vẫn bay bổng ngoài thiên lý...

Người viết thì có lẽ vì yêu hoa cúc nên có một lối lý giải rất chủ quan: Cúc là hoa của ẩn sĩ nhưng không phải là loài hoa của người bi quan tuyệt vọng. Cúc là hoa của người phóng khoáng, đã đạt tới chỗ vô chấp nên mới trở về, trở về mà không hậm hực. Nỗi buồn của hoa cúc,

nếu có, chỉ là man mác trong niềm vui kín đáo của người buông cuộc cờ mà không cần lý tới thắng bại. Trong cách rũ áo trở về vẫn có chút an ủi, có cái thú êm đềm.

Khi cáo quan về dạy học, Nguyễn Khuyến vẫn có thể cười khẩy sau tiếng thở dài mà nâng chén rượu cúc chiêu nỗi buồn nhân thế. Vì vậy mà Tam Nguyên Yên Đổ vẫn dí dỏm viết ca trù châm biếm, ranh mãnh làm câu đối bỡn đời, sắc sảo ít ai kịp mà không thô như ông Tú Vị Xuyên, không loãng như Tản Đà. Chứ tâm tư của Nguyễn Du nghe bi thảm hơn, không thể giải khuây được bằng hoa, bằng cúc. Tố Như đau cho mình và cho người, như bầm tím tâm can, nên mặc dù có tầm nhìn bao quát hơn đồng ruộng chiêm của Yên Đổ, phóng bút viết ra một vũ trụ quan như lớn lao hơn Tam Nguyên, phần cổ văn của tác giả truyện Kiều trước sau là một bản trường hận ca, một tiếng than bất tận. Có lẽ vì vậy mà cụ không cúi xuống khóm cúc ở dưới chân và không gần gũi với ông Đào bằng Yên Đổ.

Không biết uống rượu cúc mà ỷ vào hứng Xuân lạm bàn tới cõ đó thì mình phải thấy thẹn với cả ông Đào lẫn trăm ngàn nhà thơ kim cổ. Nên tôi xin kết ở chuyện khác.

Cái yêu nhất ở Đào Tiềm, như chỗ tôi nghe, chưa hẳn là ông uống rượu, trồng cúc, hoặc vui thú điền viên trong mảnh vườn quê. Đào Tiềm hoàn toàn xa lạ với âm nhạc, nhưng người ta kể rằng ông ít bạn, uống rượu say là chỉ ôm đàn. Trong bài từ, ông viết về ước mơ lên cánh đồng phía Đông để trổ giọng. Vì không biết gì về âm luật nên ông ôm một cây đàn không giây. Quả thật là thú vị, và thú biết chừng nào cho lối xóm của ông, khi chỉ nghe ông nghêu ngao hát mà không phải nghe cả tiếng đàn bất kể âm luật của ông nữa! Hỏi ông, có lẽ chính ông cũng không biết là rượu hát, cúc đàn hay trăng múa nữa.

Chẳng hoá ra là mình yêu cúc không chỉ vì hương, sắc hay khí tiết của hoa mà còn vì cả chất thơ như phả ra từ đoá hoàng hoa nữa. Ngẫm xem trong các loài hoa, có hoa nào gần với thi nhân như hoa cúc đâu. Hình ảnh cúc Bành Trạch nhạt nhòa nơi ngôi vườn Yên Đổ, sắc tươi vàng của chậu hoa Xuân thơm mùi pháo Tết nơi quê cũ... tất cả đều khiến mình thấy hoa cúc như ấm áp nhất, đằm thắm nhất và gần gũi nhất với nỗi nhớ nhà của mình, khi thấy người người tấp nập đón Xuân về.❑

Montréal
LUÂN HOÁN

ở đây
hoa cỏ và chim chóc
chen chúc với người
sống thảnh thơi

ở đây
tất cả đều vui sống
Kiểm lại
như tuồng
chỉ sót tôi.

Viếng núi Mont Royal
LUÂN HOÁN

cỏ mượt
đồi cao
thoang thoảng hương
ngoạn đồi
ngồi ngắm
không đi được
lãng dãng
tâm động
hớp bia suông
trời nắng cực kỳ
nhưng đầy gió
đưa tay hốt gió
thoảng mùi sương

Làm thơ ở giữa nhân gian

Đỗ Quý Toàn

Người làm thơ dù ngồi nơi cô tịch nào thì thơ cũng vẫn sinh ra ở giữa đám đông người. Trong một không gian nhân loại: Người trước, người sau, người đời trước đời sau, kiếp trước kiếp sau. Không thi sĩ nào, không có người nào thực sự cô độc. Thi sĩ bị vây toả. Những nhân vật mà em muốn viết đến, muốn nói về, muốn dặn dò năn nỉ hay la lối doạ nạt trong bài thơ của em không đóng vai trò quan trọng đối với bài thơ bằng những nhân vật ở một cõi nhân gian riêng khác, những người mà em lâu lâu tưởng nghĩ tới, những kẻ ám ảnh trí óc, dấm sâu trong tàng thức của em từ bao đời, những con người tạo nên thế giới tâm tưởng của em trong lúc làm thơ; và ngôn ngữ của họ, diệu bộ của họ, ước ao thèm muốn của họ về những cái đẹp có thể chuyên chở bằng lời nói, những cái đẹp bật ra từ một tiếng kêu hay một cách xếp đặt ngôn từ.

Họ tạo thành một cõi nhân gian. Dù anh không có ý định làm thơ về họ, nhân danh họ, hay cho họ đọc. Nhưng dẫu anh làm thơ vì bất kể chuyện gì, về bất cứ ai, trong hậu cảnh vẫn có mặt những con người này, những khán giả tưởng tượng, những độc giả vô hình, những người nhắc tuồng, những giám khảo và các người cùng tham dự trong một cuộc thi đua suốt mấy ngàn năm, tranh nhau một hình ảnh, giành nhau một ẩn dụ, ai cũng muốn đến trước, ai cũng muốn giật về mình một hảo cú tự trên trời rơi xuống. Vì anh chia sẻ với đám đông nhân loại đó những kinh nghiệm sống ở trên mặt đất này. Qua nhiều thế kỷ. Anh đã trải qua những cơn say tuý lúy với Lý Bạch, những dằn vặt đam mê của Hàn Mạc Tử, những hân hoan sóng vỗ của Neruda; anh làm thơ như thể nếu để cho Viên Mai, hay Pound, lúc họ nhàn rỗi mở ra đọc thơ anh thì chắc họ không lắc đầu, chép miệng. Vừa định nói về vầng trăng ở một cõi nhớ nhung thì ông Cao bá Quát đã ngâm nga trước *Bất thức Long Thành nguyệt – Như hà kim dạ minh*? Và khi ông Cao mở miệng thốt ra hai câu đó thì

trong tàng thức của ông có phảng phất mấy lần những câu *Cử đầu vọng minh nguyệt*, hay lời nhắn hỏi *Tường vi kỷ độ hoa*? Anh chứa đựng ngôn ngữ của thời đại anh, của cả thời đại trước, của những người anh chưa hề thấy mặt. Chị đang viết ở Hà nội nhưng chị vẫn biết một người nào đó ở Nha Trang sẽ đọc thơ chị. Em đang lái xe ở miền đông bắc nước Mỹ và ngẫm nghĩ quanh một ý thơ sắp thành hình nhưng trong mấy tế bào não bộ của em có thể lại chứa đựng hình ảnh của một độc giả tiền kiếp đang đi bộ ở miền nam nước Pháp. Người làm thơ lúc nào cũng mang những độc giả tưởng tượng đó ở trong đầu, lúc nào cũng như đang đứng trên sân khấu với một đám khán giả lô nhô vẫn hau háu ngó mình. Khi làm thơ anh chị nghĩ mình đã đạt tới tự do tuyệt đỉnh, bỏ qua tất mọi ràng buộc thế gian. Có thật không? Một thi sĩ chấm dứt bài thơ với lời hiệu triệu: "Em chổng mông lên." Anh có thể nghĩ rằng lúc đó chỉ có anh và một người. Nhân vật trừu tượng này được giản lược vào hai kích thước là có khả năng nghe, và có một khoảng tròn trịa phía sau rất đáng thưởng ngoạn và gần gũi. Anh nghĩ lời kêu gọi của anh có tác dụng thay đổi thế giới này, nó sẽ biến dạng, chuyển sang một vị thế, tạo nên một ảnh tượng mà anh ước ao được thân cận, tiếp xúc từ thủa nằm nôi, nỗi ước ao bùng nổ từ thủa dậy thì. Người thi sĩ trong anh đọc câu thần chú: "Hãy chổng lên, "anh nghĩ lúc đó trong cõi nhân gian chỉ có hai người cùng ngôn ngữ của anh.

Có thật như vậy không? Tôi vẫn tự hỏi thật sự anh có làm thơ ở chỗ nhân gian không hề bén mảng tới hay không? Hay là trong lúc anh, chị đang diễn vở tuồng "Hãy nọ hãy kia" đó thì trong những tế bào não bộ anh vẫn chen chúc một đám nhân loại tò mò soi mói. Một thi sĩ đời Nguyễn sơ đã gợi cho anh một ảnh tượng trong ngọc trắng ngà. Một hoạ sĩ thời hậu hiện đại với nét bút thô bạo. Một câu ca dao của những người đi cấy *Em chẳng đi chổng lấy gì anh ăn*. Cả hình ảnh một người quì gối cúi đầu trước thần linh thời loài người còn ăn lông ở lỗ, để tỏ lòng tuân phục và hiến dâng. Và cả những vị nữ lưu đã từng phô bầy cho anh biết về vẻ đẹp của phong cảnh này trên phim ảnh, trong trang báo, hay ở những hội họp riêng tư. Có trăm ngàn nhân vật chen chúc trong những tế bào, trong các ngăn của bộ nhớ, trong các đĩa cứng đĩa mềm của anh. Anh hay chị có thoát khỏi đám nhân loại tò mò soi mói đó hay không? Tôi không tin là có ai lại thoát được. Chúng ta không sống trống rỗng, như những người đạt tới trạng thái vô thọ tưởng. Chúng ta bay lượn trong một không gian nhân loại. Và cái không gian nhân loại của anh sẽ ấn định những lời thơ anh sắp viết ra mặt mũi thế nào. Thử nghĩ đến một nhà văn sống vào thời mọi người đều viết bằng chữ Hán, ở Á châu, hay chữ Latin ở Âu châu. Khi họ cầm bút viết, một người ở Tô châu viết chữ

Hán chắc không nghĩ chỉ có các độc giả ở Giang Hoài sẽ đọc văn mình; một người ở Venezuela viết chữ Latin cũng không phải chỉ nghĩ đến thế giới văn chương trong biên giới nước Ý. Người viết ở Tô Châu có thể vẫn bị ám ảnh về một bài thơ của một thi sĩ đời Hán sống ở Tràng An, hay một bức hoạ từ thời Sila xuất xứ tự sông Hàn. Nhà văn viết chữ Latin có thể tưởng tượng các độc giả ngày mai sẽ đọc mình lúc này đang sống ở miền bắc nước Pháp hay miền đông nước Áo. Khi Phan bội Châu gặp Lương Khải Siêu ở Nhật, họ có thể bút đàm với nhau như thể đã quen nhau từ trước; đù cụ Lương có chê cụ Phan văn chưa được thuần nhã thì hai người vẫn hiểu nhau. Không phải chỉ vì họ biết viết cùng một thứ chữ nho, mà họ còn chia sẻ với nhau những ưu tư, những hoài bão, và một ngôn ngữ chung, với rất nhiều người đời trước, đời sau nữa. Những điển cố, văn ảnh, mỹ từ, những mặc cảm, thành kiến, hay những kiến văn, tuệ giác của họ đều chứa đựng trong kho ngôn ngữ chung đó. Phan bội Châu khi viết những huyết thư, không nghĩ chỉ có người Việt đồng thời sẽ đọc, mà chắc cụ đã nghĩ sẽ có cả các độc giả sống ở Vân Nam, Thượng Hải, hay Tokyo lúc nào đó chưa biết sẽ cầm lên mà đọc. Ngay cả khi chưa ra khỏi nước Việt thì thế giới của cụ đã là thế giới có những tân thư, thế giới của Đường thi, Tấn tự, Hán văn chương đã nhập cốt từ lâu rồi. Nhiều người Việt bây giờ khi đi ngang một cây cầu trên sông Seine, Paris, hay khi đến chân ngọn núi Nga Mi bên Tầu, thì thấy mình hình như đã đi qua những nơi đó từ một kiếp nào trước. Chúng ta sống trong một cõi nhân gian thật rộng lớn. Vì các liên hệ tránh không được với nước Pháp, nước Tầu, nhiều người Việt sống trong một không gian chữ nghĩa rộng rãi hơn lãnh thổ Việt Nam. Nhưng khi anh hay chị sáng tác, anh chị có sáng tác với đám nhân loại đó đang chen chúc trong đầu hay không? Anh chị đối phó với đám nhân loại đó như thế nào? Câu hỏi này không biết em có hỏi anh, hay anh có hỏi em lần nào chưa nhỉ? Trong một khoảng thời gian khá dài, chúng ta có cảm tưởng nhiều người Việt viết như thể họ đang nói tiếng Tây, và nhiều người khác viết như thể họ vẫn nói tiếng Tầu đời Tống. Đặc biệt, họ viết tiếng Tây nhưng viết cho người Việt bản xứ đọc, biết rằng các ông tây bà đầm chắc chẳng bao giờ đọc tới. Nghĩa là một mặt họ mang dáng dấp điệu bộ rất Tây vì đang sống tưởng tượng trong một nhân loại rất Tây, mặt khác họ vẫn ý thức đám khán giả vô hình lô nhô trước sân khấu chữ nghĩa của họ lại toàn thị dân da vàng nói tiếng Việt. Khán giả Tây đầm ở đó nên cũng phải ăn phô-ma, uống rượu chát, và đội mũ nồi kéo lệch. Nhưng nửa bên kia là đồng bào thì phải cho họ thấy mình nếm mắm tôm, rít điếu cầy, tấm lòng thiết tha không lìa cuống rún. Tình trạng sống hai thế giới một lúc đó chắc có ảnh hưởng đến bài thơ. Cũng giống như khi ông tính mở

thêm một tiệm phở nữa ở khu Bolsa chắc hẳn ông phải nghĩ cách nấu nướng ra sao để nó cũng ngon một chín một mười so với các tiệm đang có. Nhưng nếu ông lại tính mở một tiệm pizza ở Hà nội chẳng hạn, thì lại khác. Nhiều khi thực khách vào tiệm pizza, ăn xong rồi phê bình: "Thực chả biết nó ngon hay không, thơ ông khó hiểu quá!" Đáng lẽ ra người thưởng ngoạn pizza nên hỏi: cái món đó là cái gì vậy? Nó có phải thức ăn cho người ta hay không? Hay nếu lễ phép lịch thiệp thì quay ra phê bình: Cái cà vạt của ông đẹp quá! Các cháu nhà bà đứa nào cũng khấu khỉnh!

Khi làm thơ thì chắc hẳn anh hay chị không thể tính toán như khi mở tiệm và nấu nướng. Khi làm thơ thì thường thường trong đầu óc, xương tủy của anh đang có sẵn cái gì, thơ nó sẽ mọc ra như thế trước đã. Rồi anh có gia giảm tương ớt, đó là chuyện huê dạng mà thôi. Cho nên cái không gian nhân loại trong anh chắc chắn định hình cái không gian chữ nghĩa của anh, nó định hình cả những giông bão, gió mưa, trăng tà, sao mọc trong thế giới tâm tư của anh. Người Tầu nói "thi dĩ ngôn chí" hẳn có nghĩa đó. Làm thơ mà chỉ có cái chí huê dạng, thêm thắt tương ớt, là nó lộ ra liền. Chẳng ai giấu ai được lâu. Trong những nước Á Đông bây giờ, chỉ có người Việt Nam từ bỏ lối viết chữ vuông, theo lối chữ Hán. Người Nhật, người Tầu vẫn còn dùng rất nhiều chữ cổ gốc Hán tự. Người Đại Hàn có học thường đọc được chữ Hán. Chuyện này nó có ảnh hưởng gì đến văn chương của họ không? Tôi không thông hiểu văn chương Tầu, Nhật, Đại Hàn hiện đại nên không dám trả lời. Nhưng đoán phải có những ảnh hưởng hỗ tương giữa những nền văn chương trên, khi cả ba nước đó còn có thể dùng chung một ít chữ nghĩa. Và chắc họ có thể tiếp xúc với nền văn chương cổ xưa của chính họ và của cõi Á Đông nói chung dễ dàng hơn người Việt mình. Khi họ tiếp nhận những ảnh hưởng Tây, Nga, Anh, Mỹ thì cách tiếp nhận của họ chắc cũng khác mình. Thành ra nền văn chương quốc ngữ Việt Nam giống như một hòn đảo ở Á Đông bây giờ. Có thể chúng ta, tôi nói về các tác giả sống ở Việt Nam, lại gần gũi văn chương các nước Tây phương hơn là gần gũi các nước khác ở Á Đông, và các nước đó chắc họ gần nhau hơn mình. Nếu ta giả thiết rằng chữ nghĩa có ảnh hưởng đến tâm tư, và ngôn ngữ mình dùng có khi quyết định cách mình nhìn thế giới, thì chuyện đó quan hệ thật. Mỗi lần có một tác giả Âu, Mỹ được trao giải Nobel văn chương thế nào tôi cũng gặp một người Việt nói đã đọc họ rồi. Có bạn còn bảo đã đoán trước phải tới lượt ông đó bà đó, vì họ đã xếp hàng chờ đợi cả chục năm nay. Năm 1972 một người bạn ở Việt Nam than phiền: Sao họ chưa trao giải cho Saul Bellow nhỉ? Tôi thành thật hỏi ông ấy là ai, viết cái gì. Quả nhiên mấy năm sau thì ông ta được gọi tên. Nhưng mỗi lần có một

tác giả Á Đông được mời ra lãnh giải thì ai cũng ngẩn ra, tìm hỏi nhau: Ai đó? Con cái nhà nào vậy? Như thể chúng ta sống trong một cái làng chữ nghĩa, mà hàng xóm của chúng ta là nước Nga, nước Mỹ, và nước Pháp, chứ không phải là Nhật với Tầu. *Thi khả dĩ hứng*. Khi làm thơ để làm nổi dậy cái hứng của độc giả người Việt thì chúng ta vì chuyện tình cờ cứ làm cho họ nổi hứng như Tây như đầm vậy. Ngồi chồm hổm nhai lòng bò ở Ngã Sáu Sàigòn mà cái hứng thơ nó lại ở tận sông Seine kia. *Có một chút Paris, để anh làm thi sĩ*, Thanh Tâm Tuyền viết từ giữa những năm 50. Vào một năm đầu 60 cũng Thanh Tâm Tuyền nhận xét văn chương bây giờ giống như những cây không mọc trên đất, chúng mọc ở giữa trời. Cái không gian nhân loại của thơ ta nó ở đâu thì thơ ta cũng cư ngụ gần nơi đó. Cây ở Việt Nam mà rễ lại đi Tây. Thực ra thì cũng có sao đâu. Lâu lâu cho đồng bào mình được nổi cái hứng Tây đầm một tý cũng có phước đức lắm chứ. Cái đó nó có làm cho vận nước nổi trôi thêm một tích tắc nào không? Ấy, thà rằng cái nhân loại trong thơ nó lố nhố những Tây đầm còn hơn là khi nó trở thành một nhân loại không ra hình người, hay một cái không gian chật hẹp tù túng, và nhất là một khoảng không hoàn toàn trống rỗng. Thi sĩ luôn luôn sống bên lề. Phải mất cả trăm năm hoạ may thơ mới thâm nhập quần chúng được. Rồi ba trăm năm sau thì thiên hạ cũng lãng quên, nếu họ có khóc cũng là kiểu khóc mướn nhà đám. Trong lịch sử chỉ khi nào cả một dân tộc hay cả một lục địa đang khủng hoảng, khi họ cùng nổi dậy, cùng uất ức đau khổ, cùng đói quá, hay bệnh dịch chết nhiều quá, những lúc đó cộng nghiệp mới lôi kéo tất cả những tư nghiệp, lúc đó mới thật có sự đồng cảm, đồng tình giữa thi sĩ và người dân sống chung quanh. Còn trong buổi bình thời ư? Thì đã bảo mua vui cũng được. Người Việt làm văn chương ở trong nước và ở ngoài bây giờ sống trong những không gian nhân loại và không gian văn học thế nào? ❑

đón đọc

VănHọc

Số 107 Tân Niên
phát hành đầu tháng 3, 1995

Đường Thi cuồng

ĐỊNH NGUYÊN

Velvety

Tóc cũ anh còn sợi nhớ Nhung
Son xưa em đủ ấm môi hồng
Đường thi anh đốt cho thiên hạ
Riêng một tình ta vẳng khói hương

Áo

Áo ơi sao trắng cả trăm năm
Bạc cả tình nhau lỡ một lần
Dáy mắt hoang đường chiều mộ khúc
Vòng tay oan nghiệt tối linh lan
Đông miên hoang phế trăng cuồng tuyết
Hạ trắng âm u gió bạt ngàn
Từ đó thơ chàng như cổ tích
Linh hồn thơ đại mãi không tan

Trăng

Trăng ở trên ngàn, Nguyệt ở đâu?
Nguyệt chìm, Trăng lặn đáy đêm thâu
Mò Trăng một khối sầu thiên cổ
Vọng Nguyệt nhìn khuya hận bạch đầu
Trăng lạnh tha hương buồn cố sự
Nguyệt mờ đất khách trạnh niềm đau
Rừng xưa tiền kiếp Trăng là Nguyệt
Nguyệt khuyết, Trăng tàn ta mất nhau

Lệ

Giọt lệ hề như giọt rượu cay
Giọt người chưa tỉnh, giọt ta say
Giọt nghiêng Tú Tuyệt đêm thần chú
Giọt vỡ Hồ trường mộng trắng tay
Giọt khóc giang đầu thuyền viễn xứ
Giọt sầu cổ độ bóng hình ai
Một mai người biết người rơi lệ
Chỉ có thiên thu đứng ngậm ngùi

Bản Đồ Tiểu Thuyết

Đào Trung Đạo

Ngày nay ta có thể hình dung tiểu thuyết như một căn nhà nằm giữa cánh rừng rậm mênh mông. Có thể nói những ngả đường dẫn vào căn nhà này phức tạp như một mê lộ, người muốn vào thăm nếu không có một bản đồ, và đôi khi một số mật khẩu, sẽ không khỏi bị lạc hoặc thất vọng, bỏ ý định ban đầu. Đó là một căn nhà nhiều tầng kiến trúc theo hình kim tự tháp, không chủ nhân, trong đó lưu giữ những tiểu thuyết đã được thời gian thử thách luôn luôn là những Quyển Sách Mới. Những quyển này được xếp trên kệ ở từng cao nhất. Dọc lướt qua thì những quyển này chẳng qua cũng chỉ là những sách kể chuyện đời chuyện người một thời. Nhiều thế hệ độc giả xưa nay đã đọc đi đọc lại chúng, và sẽ còn đọc lại nữa, có người nhận ra cách thức cấu trúc, ngôn từ trong sách hàm chứa những bí kíp tiểu thuyết. Hàng trăm năm nay những quyển sách này luôn mở ngỏ, ai xem cũng được. Tầng dưới cùng của căn nhà rất rộng, đủ chỗ đứng chân cho tất cả những tiểu thuyết mới ra đời. Nhưng khốn nỗi phần lớn lại chỉ có cái may mắn đến đó đứng chân giây lát rồi liền bị đẩy ra khỏi nhà bằng ngả sau và đem đổ vào đống rác cao ngất phía sau, chịu chung số phận nắng mưa dãi dầu của đồng loại, hầu hết trong một thời gian ngắn đã mục nát không còn dấu vết. Tuy vậy thời nào, giai đoạn nào trong lịch sử căn nhà này cũng có một vài tác phẩm chiếm được một chỗ trên kệ cao. Dĩ nhiên ở mỗi tầng còn có rất nhiều những kệ sách khác. Ở vị thế của người đọc ai chẳng thích đọc truyện mới, viết về thời mình, người mình, xứ mình. Chẳng lẽ ta cứ đọc đi đọc lại vài quyển lấy từ trên kệ cao? Ngó quanh sàn nhà từng dưới và thử nhặt lên đọc một vài quyển . Nhưng lại tự hỏi, sau khi đọc qua một vài quyển, tuy cũng có thấy đôi chút thích thú hạnh phúc, rằng mình có đủ tự tin và bản ngã để nói được quyển này hay quyển kia dở? Có thể nào tin vào ý kiến đông đảo quần chúng độc giả thường đọc truyện bán chạy nhất (best-sellers) hoặc những truyện có một mô-típ, của những nhà văn thời thượng (fashionable)? Có thể tin lời mấy

tay viết điểm sách trên báo được không? Các nhà phê bình văn học có giúp mình chút gì, nếu như quí vị này có đưa ra ý kiến dù khá trễ, nhiều người tự hỏi. Và chính những tiểu thuyết gia nữa, thử nghe xem họ nói gì về nghệ thuật của giới họ? Một số người vốn có những thắc mắc về tiểu thuyết, có nghe nói về kiến văn của những vị này, nhưng theo kinh nghiệm bản thân hoặc do người khác nói lại, thì nghe là để mà nghe thôi, đọc thì xin chịu thua. Tuy vậy họa hoằn cũng vẫn có người đánh liều thử đọc một vài quyển viết về tiểu thuyết của những người viết tiểu thuyết hoặc của các giáo sư đại học dạy môn văn chương nhưng phần lớn đã thất vọng vì ngày nay những vị này viết sách vở đầy đặc những từ ngữ chuyên môn, hầu như sách họ viết là để dành cho những người đọc đã có vốn liếng căn bản về văn học và triết học, mình chỉ là một độc giả bình thường ham vui, vả lại đời sống quá bận rộn, đấy là chưa kể khả năng ngoại ngữ, làm sao đọc được những vị này, chi bằng kính nhi viễn chi. Và thầm tự an ủi rằng ta chẳng nên gánh vác cái công việc của giới chuyên môn hay của những sinh viên học văn chương cấp cao.

Đối với những người có khả năng tra cứu sách vở ngoại ngữ cộng thêm ý muốn mạnh mẽ muốn tìm hiểu về ngành tiểu thuyết và hiện đang sinh sống ở một xứ phát triển thì việc tìm kiếm sách vở để đọc không khó nhưng phần lớn những cuốn có giá trị về lý thuyết tiểu thuyết lại nói về một vài chủ đề rất đặc biệt, hoặc chuyên nghiên cứu về kỹ thuật kể chuyện (narrative). Ngược lại, đối với độc giả đọc sách tiếng Việt thì hầu như nhu cầu tìm hiểu nghệ thuật tiểu thuyết từ lâu không được đáp ứng. Sách vở viết về tiểu thuyết không những hiếm hoi, nếu có thì chỉ có tính cách thống kê hoặc bình giảng. Hiện nay cả người viết và người đọc tiểu thuyết ta đều muốn được xem những bài viết phê bình tiểu thuyết tuy chưa nhất thiết phải là tuyệt vời nhưng khá đĩ sắp đến chỗ tuyệt vời. Theo chỗ chúng tôi nhận xét thì hai sinh hoạt phê bình và sáng tác có tác động hỗ tương hai chiều: không thể có tiểu thuyết hay nếu không có phê bình hay, và ngược lại, không thể có phê bình hay nếu không có tiểu thuyết hay. Với nỗ lực và khả năng hạn hẹp của một cá nhân chúng tôi thử bắt đầu công việc này bằng cách phóng lược một bản đồ tiểu thuyết ghi lại những ngả đường bản thân đã học hỏi được trong lúc đọc tiểu thuyết và những sách lý thuyết tiểu thuyết. Bản đồ này không có tính hệ thống hay lý thuyết, nhiều khi chỉ là những bảng chỉ đường nêu lên một số khái niệm cơ bản về tiểu thuyết. Tuy coi tấm bản đồ này tạm thời giúp chúng ta đọc, giải thích, đánh giá và am hiểu hơn tiểu thuyết nhưng chúng tôi hy vọng sau khi ta đã dùng xong tấm bản đồ này, nghĩa là phần nào đã thông tỏ đường đi nước bước căn nhà tiểu thuyết, tấm bản đồ không còn cần thiết nữa, hoặc chính độc giả sẽ tự vạch cho mình một bản đồ khác. Một lý do khác khiến chúng tôi không thấy dùng khái niệm bản đồ ở đây là thỏa đáng vì không có sự tương xứng giữa ý niệm bản đồ, ý niệm này vốn hàm nghĩa sự phụ thuộc vào việc đo đạc một vùng đất chắc chắn và có những

điểm qui chiếu cố định, với thực tại tiểu thuyết xưa nay vẫn biến thiên không ngừng cả bề sâu lẫn bề rộng theo một tốc độ rất nhanh, nhất là trong hai mươi năm trở lại đây. Một tiểu thuyết gia ngày nay hiện đang còn sống và sáng tác thế mà một số tác phẩm in trước đây khoảng trên dưới hai chục năm đã bị xếp vào loại cổ điển. Chẳng hạn quyển Trăm Năm Hiu Quạnh *của Gabriel Garcia Marquez xuất bản năm 1967 và được đọc nhiều trong thập niên 70 này đã được liệt vào loại sách văn chương cổ điển trong các tiệm sách và các thư viện, tuy rằng về mặt nghệ thuật tiểu thuyết thì tác phẩm này có những phẩm tính của một Quyển Sách Mới.*

CHƯƠNG 1

Định nghĩa và Lịch sử tiểu thuyết

"Văn hư cấu" (fiction) lấy từ chữ Latin *fingere* vốn có những nghĩa rất khác biệt, từ có nghĩa là *tạo hình dạng* hoặc *sáng chế ra* có khi cũng có nghĩa là *bày đặt ra để đánh lừa.* Và cũng chính bởi khi chúng ta khảo sát những ý nghĩa của động từ *fingere* và những chữ cùng gốc với nó trong những sinh ngữ Âu châu chúng ta đồng thời cũng đi đến một định nghĩa chính xác của cái được gọi là "văn chương hư cấu," và của tất cả mọi thứ được hiểu như thế trong khuôn khổ của lý thuyết văn chương được triển khai sau đây. Tương ứng với chữ *fingere* trong tiếng Latin chúng ta có chữ *fingere* trong tiếng Ý, chữ *feindre* trong tiếng Pháp, động từ *to feign* trong tiếng Anh và chữ *fingieren* trong tiếng Đức—điều này có nghĩa rằng động từ tiếng Latin đó khi được di chuyển sang những ngôn ngữ hiện đại đã giữ nguyên được cái nghĩa giả viện, giả hình, giả bắt chước, và những thứ tương tự như thế. Những danh từ tương ứng như *Finta, feinte, feint,* và *Feint* sau đó đều được triển khai từ hình thức động từ này mà ra cả. Tuy nhiên trường hợp danh từ *fictio* thì lại là chuyện khác. Thực ra chữ này còn giữ lại cả hai nghĩa xấu lẫn tốt của chữ *fingere* trong các ngôn ngữ hiện đại, nhưng chúng đã được giữ lại theo một cách mà cái nghĩa tốt nhằm nói lên cái chức năng sáng tạo, trong mọi trường hợp vẫn trội hơn cái nghĩa xấu kia. ít ra thì trong tiếng Pháp cũng như trong tiếng Đức, theo cùng một cách sử dụng như trong tiếng Pháp, tính từ *fictif (fiktiv)* đã được tạo ra (tiếp sau những chữ *feint, fingiert*) nói lên cái ý nghĩa tích cực của chữ *fingere,* và cái dạng thức tính từ này đã trở thành hữu dụng trong lý thuyết nghệ thuật hơn là chính danh từ "fiction".

Kate Hamburger, *The Logic of Literature.*

Sau đây tôi sẽ thử tìm hiểu tiểu thuyết coi như một loại hình văn

chương đang-hình-thành (genre-in-the-making), một loại hình văn chương tiên phong trong sự phát triển của văn chương hiện đại. Ở đây tôi sẽ không xây dựng một định nghĩa có tính chức năng lấy làm chuẩn mực cho tiểu thuyết trong lịch sử văn học, nghĩa là một định nghĩa được dùng làm tiêu chuẩn cho một hệ thống cố định những đặc điểm chung. Thay vào đó tôi sẽ cố thử dò đường tìm ra những đặc điểm có tính cấu thức (structural characteristics) của cái loại hình văn chương di động nhất trong các thể loại này, những đặc điểm này rất có thể sẽ xác định chiều hướng của cái khả năng luôn biến đổi của nó và chiều hướng ảnh hưởng của nó cũng như hiệu quả của nó trên phần còn lại của văn chương.

Tôi tìm ra ba đặc điểm căn cốt của tiểu thuyết trên cơ sở đã phân biệt hẳn nó đúng về mặt nguyên tắc với những thể loại văn chương khác: (1) đặc điểm văn phong ba chiều, một đặc điểm kết hợp chặt chẽ với ý thức đa ngôn ngữ được thể hiện trong tiểu thuyết; (2) sự thay đổi triệt để mà tiểu thuyết đã gây ra trên những phối hợp về mặt thời gian của hình ảnh có tính cách văn chương; (3) cái vùng mới mẻ do tiểu thuyết đã mở ra nhằm cấu trúc những hình ảnh văn chương, nói rõ ra đó là cái vùng tiếp cận tối đa với cái hiện tại (với cái hiện thực đương đại) trong toàn thể sự rộng mở không giới hạn của nó.

Ba đặc điểm trên của tiểu thuyết liên hệ hữu cơ với nhau và cả ba đều đã chịu ảnh hưởng nặng nề bởi một sự gián đoạn thật đặc biệt trong lịch sử văn minh Âu châu: đó là sự thoát khỏi ra tình trạng cô lập về mặt xã hội và điếc đặc về mặt văn hóa của cái xã hội bán phụ quyền Âu châu, và nền văn minh này đã bước vào con đường có những tiếp cận liên quốc gia và liên ngôn ngữ. Có vô số những ngôn ngữ khác nhau, những nền văn hóa khác nhau và những thời gian khác nhau đã trở nên sẵn sàng có đó cho Âu châu sử dụng, và điều này đã trở thành một yếu tố quyết định trong đời sống và tư tưởng của Âu châu.

Mikhail Bakhtin, *The Dialogic Imagination*

Tiểu Thuyết (Âu-châu). Không làm gì có một lịch sử (theo một tiến hóa toàn hợp và liên tục của tiểu thuyết (của tất cả mọi thứ ta gọi là tiểu thuyết). Chỉ có ***những lịch sử*** của tiểu thuyết: lịch sử tiểu thuyết Trung hoa, tiểu thuyết La-Hy, tiểu thuyết Nhật, tiểu thuyết thời trung cổ, vân vân và vân vân. Thứ tiểu thuyết tôi gọi là tiểu thuyết Âu châu xuất hiện ở Miền Nam Châu Âu vào buổi rạng đông Thời Hiện Đại và tự bản thân nó tiêu biểu cho một thực tại lịch sử sẽ còn tiếp tục bành trướng lãnh thổ ra khỏi địa giới Âu châu (rõ ràng nhất là tại hai châu Mỹ). Với những đặc trưng như sự phong phú về hình thức, tiến hóa với một cường độ tập trung choáng ngập, và với vai trò xã hội của nó có thể nói tiểu thuyết Âu

châu không có một đối trọng tương ứng trong bất kỳ một nền văn minh nào khác.

Milan Kundera, *The Art of the Novel*

Tiểu Thuyết là một Cái Chết; nó đã biến đời sống thành một định mệnh, kỷ niệm thành một hành vi có ích, và thời gian trôi xuôi thành một thời gian định hướng và mang ý nghĩa. Nhưng sự biến đổi này chỉ thể hoàn tất được dưới sự giám định của xã hội. Chính xã hội đã đặt định Tiểu Thuyết, hiểu như một hệ thống đa tạp những dấu chỉ, như là một siêu vượt và cũng như là Lịch Sử của một khoảng thời gian trôi qua. Như vậy căn cứ vào chính sự tỏ rõ ý hướng của nhà tiểu thuyết được nắm bắt trong ánh sáng những dấu chỉ tiểu thuyết mà người ta có thể nhận ra bản hợp đồng nối kết, bằng tất cả sự trang trọng của nghệ thuật, nhà văn với xã hội.

Roland Barthes, *Le Degré Zero de l'Ecriture*

Về hai danh từ "fiction, novel" dùng để chỉ tiểu thuyết

Khi bạn vào một tiệm sách Mỹ hỏi mua một tựa sách thường người bán hàng hỏi bạn quyển sách bạn tìm mua thuộc loại "fiction" hay "non-fiction". Như đoạn văn trích dẫn ở trên của Kate Hamburger (1986-1992, Giáo sư Văn Chương ở Đại học Stuttgart, Đức) chữ "fiction" trong Anh ngữ có ý nghĩa không rõ ràng, nhiều khi được hiểu đồng nghĩa với tiểu thuyết (novel), truyện (dài hay ngắn), hoặc sách viết theo thể văn xuôi. Thực ra sự phân loại và định danh rất chung chung của chữ "fiction" (truyện kể theo trí tưởng tượng) này chỉ phổ thông trong giới xuất bản, thư viện, và phần đông quần chúng độc giả ở các xứ nói tiếng Anh. Đối với giới nghiên cứu hay giảng dạy văn học chữ "fiction" được hiểu hẹp hơn, nhằm chỉ truyện văn xuôi (dài, ngắn), một mặt để phân biệt hẳn với thể loại văn vần (thơ), mặt khác cũng nhằm phân biệt truyện với những sách văn xuôi nhưng viết về những sự việc có thật, những sự cố hay hoàn cảnh lịch sử, nói chung là người thật việc thật. Ngoài thực tế hiện nay người ta thường không chịu hiểu và dùng chữ này theo nghĩa hẹp như vậy. Giới xuất bản cũng như giới viết lách nhiều khi cố tình hoặc vô ý xóa mờ nội dung phân biệt nêu trên. Bạn cứ thử đọc một vài tựa sách như: *Làm Thế Nào Để Giết Một (loạt)Tổng Thống, Chó Nào Mà Chẳng Khôn, Bác Quàng (Trùm/Xiết) Khăn Đỏ ChoVăn Học, Chân Dung Nhà Văn Vượt Thời Gian, Địa ốc Và Chính Nghĩa Quốc Gia*...cố sao kéo được sự chú ý của người tiêu thụ sách. Nếu xếp những tựa sách trên vào loại "non-fiction" thì thật không ổn mấy vì lẽ trong những quyển sách này không thiếu gì

những chuyện bịa đặt! Hơn nữa những sách này cũng còn dùng thể văn "kể chuyện" trong nhiều phần tuy không phải là kể chuyện từ đầu tới cuối như trong tiểu thuyết.

Trong những phần dưới dây khi nhắc tới khái niệm "văn hư cấu" (fiction) chúng tôi đơn giản tạm thời hiểu theo nghĩa hẹp nhằm chỉ loại hình tiểu thuyết (truyện dài, truyện ngắn), còn chữ "tiểu thuyết" (novel, roman) là để riêng chỉ truyện dài. Trong một phần dưới sau này khi có dịp chúng tôi sẽ đề cập tới danh từ "truyện kể" (récit). Ngoài ra, nhờ bốn đoạn trích dẫn ở trên, chúng tôi muốn gợi ý hai vấn đề định nghĩa và lịch sử tiểu thuyết để dẫn nhập vào những vấn đề có tính cách chuyên môn riêng biệt của tiểu thuyết sau này.

Định nghĩa tiểu thuyết

Nói chung có hai loại định nghĩa tiểu thuyết. Loại thứ nhất là những định nghĩa mô tả và loại thứ hai là những định nghĩa qui phạm. Thường thường sau khi đưa ra một định nghĩa mô tả tổng quát người ta sẽ khái lược về các loại tiểu thuyết đã từng xuất hiện trong lịch sử như "tiểu thuyết nhân vật" novels of character), tiểu thuyết viết dưới dạng những bức thư (epistolary novels), tiểu thuyết phân tích tâm lý (psychological novels), tiểu thuyết mô tả sự hình thành nhân cách và trí tuệ nhân vật (Bildungsroman), tiểu thuyết xã hội (sociological novels), tiểu thuyết lịch sử (historical novels), và mới đây là siêu tiểu thuyết ký-sử (historiographical metafiction, danh từ do Linda Hutcheon đưa ra.) Loại thứ nhất thường do giới giảng dạy văn chương đưa ra, và loại thứ hai do các nhà viết tiểu thuyết muốn độc giả hiểu truyện của mình được quan niệm như thế nào. Loại định nghĩa mô tả theo kiểu các khoa học tự nhiên nhằm đưa ra những tính chất chung của tiểu thuyết, chẳng hạn đó là văn xuôi, dài, có nhiều nhân vật, có cốt truyện tương đối phức tạp, v.v...Loại định nghĩa này dễ bị phản đối vì bị coi là hoặc quá hẹp hoặc quá rộng. Quá hẹp vì nó nhằm qui định những tính chất của tiểu thuyết (vốn đang còn phát triển và biến thiên), quá rộng vì có nhiều truyện được người đời coi là tiểu thuyết nhưng không hội đủ những tính chất được nêu ra. Loại định nghĩa thứ hai thường do các nhà văn đưa ra lại càng hay không chóng thì chầy bị phi bác vì đó chỉ là những tuyên bố của *một* nhà tiểu thuyết chứ không thể dùng chung cho hình loại văn chương này. Phần lớn các nhà tiểu thuyết không mấy khi đưa ra một định nghĩa cho tiểu thuyết. Đọc họ chúng ta tự rút ra điều họ hiểu và thực hành thế nào là tiểu thuyết. Với Cervantes tiểu thuyết là cuộc hành trình phiêu lưu mở ra thế giới trong một tương lai vô định. Cũng trong ý hướng đó Diderot viết *Jacques*

le Fataliste. Tiểu thuyết của Balzac lại là cuộc hành trình oan khuất của con người trên chuyến tầu Lịch Sử băng băng. Flaubert kéo tiểu thuyết trở về những tầm thường nhỏ nhoi của đời sống hàng ngày, Proust mô tả con người với một đời sống nội tâm mất hút trong thời gian và kỷ niệm trong khi Joyce đặt một máy ghi âm vi ti trong đầu nhân vật tiểu thuyết để ghi lại thoáng hiện tại...Henry James (tiểu thuyết gia Mỹ, 1843-1916) có lẽ là nhà văn đầu tiên viết về lý thuyết tiểu thuyết một cách có hệ thống trong *The Art of the Novel* tuy trước đó Henry Fielding đã từng tư biện về loại hình văn chương tiểu thuyết trong bài dẫn nhập cho quyển *Tom Jones* (1749) .

Về những định nghĩa cổ điển: Để tóm lược, thay vì ghi chép lại những lời tuyên bố của chính những tiểu thuyết gia chẳng hạn như Jean-Jacques Rousseau trong bài tựa quyển *La Nouvelle Heloise*, của Christoph Martin Wieland tác giả quyển tự truyện *Geschichte des Agathon* hay của Johann Carl Wezel tác giả của *Lebensgeschichte Tobias Knouts*, cũng như rất nhiều những lời tuyên bố của các nhà văn khác chúng tôi xin tóm lược nghiên cứu của Mikhail Bakhtin (1895–1975), nhà lý thuyết văn học Nga về loại định nghĩa này. Bakhtin cho rằng những định nghĩa tiểu thuyết trong giai đoạn khởi đầu không phải là những nỗ lực nhằm bao gồm tất cả những biến dạng có thể có của tiểu thuyết vào trong một định nghĩa chiết trung mà chẳng qua chỉ là một phần, một mảnh nhỏ của dòng tiến hóa sinh động của loại hình tiểu thuyết, mỗi định nghĩa phản ánh tiểu thuyết trong một giai đoạn phát triển có tính cách chuyển hướng quyết định. Tất cả những định nghĩa cổ điển về tiểu thuyết này khởi đầu với tiểu thuyết gia người Anh Henry Fielding (1707–54) và kết thúc trong học thuyết thẩm mỹ của triết gia Đức G. W. F. Hegel (1770–1831) đều nêu ra bốn đặc tính căn cốt của tiểu thuyết: (1) tiểu thuyết không phải có tính "thi nghệ" (poetic), chữ này được hiểu theo nghĩa vẫn được dùng trong những loại hình văn chương sáng tác do tưởng tượng khác; (2) nhân vật chính trong tiểu thuyết không phải là nhân vật anh hùng hiểu theo nghĩa sử thi hay thảm kịch, nhân vật tiểu thuyết phải bao gồm cả mặt tiêu cực lẫn tích cực, vừa cao cả vừa ti tiện, vừa nghiêm trang vừa riễu cợt; (3) nhân vật tiểu thuyết không thể được mô tả như một kẻ đã hoàn tất phát triển, một nhân vật không còn có một thay đổi nào nữa, trái lại nhân vật này là một kẻ đang tiến triển, một kẻ đang còn học hỏi nhiều thứ từ đời sống; (4) tiểu thuyết phải đóng được vai trò trong thế giới hiện tại tương tự vai trò sử thi đã hoàn tất trong thế giới xưa.(Sử thi là một thể văn vần cổ điển thường kể chuyện những anh hùng dân tộc và có ba nét chính: chủ đề lấy từ những chuyện đã xảy ra trong một quá khứ tuyệt đối không còn dính dáng gì tới hiện tại nữa; chủ đề này cũng khơi

nguồn từ một truyền thống quốc gia dân tộc chứ không từ kinh nghiệm cá nhân; và cuối cùng là khoảng cách phân chia thế giới sử thi với hiện thực hôm nay là tuyệt đối, nghĩa là cái thời gian sử thi hoàn toàn tách lìa đối với thời gian người ca sử thi (kể cả tác giả lẫn khán thính giả) hiện tại đang sống.) Như đoạn trích dẫn ở trên cho thấy Bakhtin quan niệm chỉ có tiểu thuyết là loại hình văn chương từ trong cơ cấu hữu cơ có khả năng tiếp nhận những hình thức mới của tri giác các đối tượng không có âm thanh phát ra—nghĩa là tri giác đọc chữ trên trang giấy —đồng thời ông cũng không đồng ý với rất nhiều nhà phê bình văn học trước đó, ông cho rằng có sự khác biệt rõ ràng giữa tiểu thuyết hiện đại và tiểu thuyết sử thi. Hơn nữa theo Bakhtin tiểu thuyết còn có khả năng thu nhập và trào phúng riễu cợt không những các hình loại văn chương khác mà tiểu thuyết còn tự riễu cợt chính mình nữa bằng một phong cách và bút pháp biến thiên muôn hình vạn dạng rất độc đáo của nó. Nói cho gọn, tiểu thuyết là 5 hình loại văn chương trẻ trung nhất nhưng lại cũng là kẻ lãnh đạo giấc mơ phát triển văn chương.

Sở dĩ chúng tôi phải nêu tên tuổi Henry Fielding trước tiên khi nói về định nghĩa tiểu thuyết là vì đứng về mặt lịch sử phát triển không mấy ai phủ nhận ý kiến của Ian Watt trong *The Rise of the Novel* cho rằng tiểu thuyết là sản phẩm của giới tư sản Âu châu, căn cứ vào sự xuất hiện ban đầu của tiểu thuyết ở Anh vào thế kỷ 18 được lớp độc giả đông đảo trong giới tư sản hưởng ứng cộng thêm yếu tố về kỹ thuật in ấn đang phát triển mạnh vào thời đó khiến cho người viết tiểu thuyết không những có thể kiếm sống mà đôi khi còn trở thành khá giả và có danh vọng nữa. Nhưng hơn 100 năm trước Henry Fielding với tác phẩm *Tom Jones* (1749) và Samuel Richarson với truyện *Clarissa* (1747–48), và trước đó, Daniel Defoe với *Robinson Crusoe* (1719) và *Moll Flanders* (1722) năm 1605 Cervantes đã cho xuất bản *Don Quixote*, và quyển tiểu thuyết này vẫn được truyền thống tiểu thuyết Âu châu, nhất là truyền thống văn chương Châu Mỹ La tinh coi là quyển tiểu thuyết vĩ đại đầu tiên của nhân loại.

Tiếp sau thời cổ điển chúng tôi xin sơ lược ý kiến của hai nhà văn mở đầu thời hiện đại với Henry James và Virginia Woolf. Cũng cần lưu ý là quan niệm về vai trò lãnh đạo văn chương của tiểu thuyết nêu trên của Bakhtin rất gần với ý kiến của nhà văn phái nữ Anh Virginia Woolf (1882–1941), đánh dấu một bước ngoặt quan trọng của tiểu thuyết từ cổ điển sang hiện đại. Cả hai đều cho rằng hai khả năng luôn luôn đi vào thử nghiệm và luôn đổi mới là những đặc tính cốt tử của lãnh đạo văn chương, và tiểu thuyết hội đủ hai đặc tính này. Virgina Woolf trong một bài đọc nổi danh "Ông Bennett và Bà Brown" trước The Hectics Club of Cambridge ở Anh vào ngày 18 tháng Năm, 1924 cho rằng khi con người

đã thay đổi thì văn chương nói về con người cũng phải thay đổi theo. Trong khi nhà tiểu thuyết Mỹ Henry James (1843–1916) trong một bài viết tranh luận dài "The Art of Fiction" gay gắt đả kích quan niệm tiểu thuyết của tiểu thuyết gia và cũng là người viết văn học sử Walter Besant thuộc trường phái Victorian, cho rằng tiểu thuyết chỉ cần "thích thú" (interesting) là đủ, Virginia Woolf đi xa hơn nữa khi đòi hỏi tiểu thuyết phải dứt khoát đoạn tuyệt với những phương thức viết tiểu thuyết kiểu Anh cổ điển và phải trau luyện một kỹ thuật mới, chính yếu là kỹ thuật xây dựng nhân vật.

Từ sau những đại nạn do hai cuộc Thế Chiến và những chế độ độc tài, trên hết là chế độ Cọng Sản, khi thuyết trình về tiểu thuyết, về sự minh triết của tiểu thuyết trong dịp được vinh dự nhận giải thưởng *Jerusalem Prize* tại Hebrew University năm 1985, Milan Kundera cho rằng nghệ thuật tiểu thuyết là âm vang tiếng cười Thượng Đế khi Thượng Đế nhìn xuống trần gian thấy con người đang loay hoay tư lự, suy tưởng về chân lý. Chính vì con người càng suy tưởng nhiều thì tư tưởng người này càng khác biệt tư tưởng người kia: Con người suy tưởng và chân lý trốn chạy khỏi hẳn. (Milan Kundera, *The Art of the Novel*, trang 158)

Để kết luận, chúng ta thấy câu hỏi "Tiểu thuyết là gì?" cũng giống như câu hỏi "Triết lý là gì?" có những câu trả lời chứ không thể có một câu trả lời. Mỗi nhà tiểu thuyết bậc thầy, bằng tác phẩm, là một định nghĩa tiểu thuyết. Nghệ thuật và chân lý tiểu thuyết là một nghi vấn không có lời giải đáp cuối cùng. Nếu ta nhìn nhận một định nghĩa chung cuộc cho tiểu thuyết, nghĩa là qui định một chân lý cho tiểu thuyết nói riêng và văn chương nói chung thì điều này cũng có nghĩa là tiểu thuyết đã chết. Tiểu thuyết có lần đã thực sự bị giết chết khi một ý thức hệ muốn áp đặt chân lý của nó lên tiểu thuyết : Trên nửa thế kỷ văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa ở những nước cộng sản độc tài đã không có tiểu thuyết trong sinh hoạt giòng chính do nhà nước lãnh đạo. Ở trên khi nhắc tới căn nhà tiểu thuyết chúng tôi hình dung khu vực bày những quyển tiểu thuyết mở ngỏ trên kệ sách ở từng gác cao nhất. Những tác phẩm này được người đời, trước hết là những nhà tiểu thuyết, coi là những Quyển Sách Mới. Theo chỗ chúng tôi thấy trong hầu hết những tác phẩm đều chứa đựng những ẩn ngữ về tiểu thuyết, những ẩn ngữ luôn chờ đợi được khai giải. Chờ người viết và người đọc. ***Vậy tiểu thuyết chính là bí kíp về viết và đọc tiểu thuyết.*** Một thứ bí kíp không phải của riêng một cá nhân nào mà là gia tài chung của nhân loại. Trong lịch sử của tiểu thuyết chúng ta thấy có nhiều lời khai giải, không có khai giải nào là chân lý mà chỉ là những thí nghiệm gần tới chân lý. Ngôn từ (discourse) của tiểu thuyết tự thân mang những khả tính cũng như những giới hạn của ngôn

ngữ, mở ra một không gian tịch liêu hai chiều hoành tung vô tận nơi trú ngụ của hiện thể tự qui, đảm đương chuyến đồng hành tử sinh với Cái Chết.

Lịch sử tiểu thuyết. Tiểu thuyết và Lịch sử

Milan Kundera nhắc chúng ta rằng không hề có một lịch sử của tiểu thuyết. Truyện (story) về những sự cố đã xảy ra trong quá khứ được (đàn ông) sử gia ghi lại được đặt tên là Lịch sử (history). Nhưng quả thực xưa cũng như nay trên đời có quá nhiều chuyện (stories), không những chuyện nơi này khác chuyện nơi kia mà nhiều khi ta cũng không biết gì về những chuyện xảy ra quanh ta. Những chuyện lớn có ảnh hưởng tới số phận đông đảo mọi người đành rằng thế nào cũng được ghi trong lịch sử : khi được ghi lại như vậy thế nào rồi những trang chữ viết này cũng dành lấy quyền hành sở hữu chân lý. Sẽ có rất nhiều kẻ vịn vào chân lý đó (phần lớn chỉ là một chân lý được xây dựng nên tùy thời) để bắt người khác phải nghe theo. Thế bộ những chuyện khác (stories) là không có một ý nghĩa gì sao? Vả lại quyền kể chuyện của phụ nữ tại sao lại bị tước đoạt, tại sao người ta lại triệt hủy truyện nàng kể (herstory)? Khi đã đặt câu hỏi như vậy, và câu hỏi này đã được đặt ra ngay từ khi có Sử ký (Histo riography) : sự chia tay giữa tiểu thuyết (truyện) và lịch sử là sự chia tay vĩnh viễn của hai kẻ thù không nhân nhượng. Chính vì lý do này khi dùng cụm từ "lịch sử tiểu thuyết" là ta đã xếp hai thực tại đối nghịch từ trứng nước với nhau. Nhìn xa hơn nữa, tham vọng của Âu châu với niềm tin vào lý trí và sự tiến bộ đặt cơ sở trên Triết lý Ánh sáng luôn luôn hiểu Lịch Sử theo nghĩa phổ quát là lịch sử nền văn minh Âu châu thì tiểu thuyết đã vận toàn lực để phản kháng lại sự mập mờ đồng hóa này. Có bao nhiêu cuộc phản kháng lịch sử trong quá khứ còn duy trì được sức mạnh thì có bấy nhiêu truyền thống tiểu thuyết. Chúng tôi nhận thấy cụm từ "truyền thống tiểu thuyết" không những xác đáng hơn mà còn chỉ ra khả tính tiềm tàng của loại hình văn chương này.

Mỗi người viết tiểu thuyết nhìn lịch sử tiểu thuyết theo truyền thống của mình và theo bậc tiền nhân mình tự chọn. Những truyền thống lớn mạnh hiện nay là truyền thống tiểu thuyết Anh-Mỹ, truyền thống lục địa Âu châu, và truyền thống Mỹ-châu La-tinh. Những truyền thống này càng ngày càng có những giao lưu, hỗ tương ảnh hưởng hai chiều rõ rệt. Người viết tiểu thuyết ngày nay không thể không biết đến những người viết đương thời khắp nơi trên thế giới đang viết lách và ứng xử trước thời đại mình như thế nào. Những lằn vạch biên giới địa lý và ngôn ngữ giới hạn sinh hoạt văn chương trước đây càng ngày càng bị xóa mờ.

Lời phát biểu về đặc tính ngôn ngữ ba chiều, đa thoại của tiểu thuyết Bakhtin đưa ra trên hai mươi năm trước đã được kiểm chứng. Tiểu thuyết ngày nay mang tính nhân loại tuy vẫn nằm trong một truyền thống văn chương riêng. Trong hai thập niên từ 60 đến 80 truyền thống tiểu thuyết Mỹ-châu La-tinh qua một thời "bừng nở" nay đang nhường đất cho tiểu thuyết truyền thống Thế Giới Thứ Ba vốn là nơi con người đã gánh chịu nhiều nhất trong ba thế kỷ vừa qua những hậu quả thảm khốc của bạo động lịch sử, của những xung đột ý thức hệ xuất phát từ Triết lý Ánh Sáng, của chủ nghĩa thực dân chính trị và văn hóa, và sau hết là chung phần trong thảm kịch hóa thân của chủ thể siêu hình trong các siêu thuyết Tây Phương.

Ngôn từ, bản viết tiểu thuyết vừa thu nhập phản ánh vừa nhằm phản ứng lại những ngôn từ khác trong xã hội, trên hết là ngôn từ chính trị của ý thức hệ chủ trì. Như trên đã nói thời gian tiểu thuyết và thời gian lịch sử từ trong sinh mệnh đã song hành đối nghịch. Đứng về mặt quyền lực tại thế thì ngôn từ tiểu thuyết luôn luôn kém vế nhưng không vì thế mà cho rằng ngôn từ tiểu thuyết không có sức mạnh biến đổi xã hội, văn hóa. Chúng tôi không cho rằng chức năng của văn chương là thay đổi xã hội nhưng chúng tôi cho rằng đọc (viết) tiểu thuyết dưới ánh sáng phê phán chúng ta có thể phơi mở trong bản văn tiểu thuyết những khả tính biến đổi văn hóa, xã hội, chính trị tiềm ẩn trong văn cách (style) hay trong cách thức kể chuyện (mode of narration) hơn là trong những hình ảnh cụ thể hay hình tượng về nhân vật, xã hội, tâm lý v.v...

Vì nhà văn đích thực là người trân trọng nghệ thuật và thẩm mỹ trong bản giao kèo tự mình ký với xã hội nên nếu ý định làm thay đổi xã hội đương thời có được lồng trong các nhân vật thì ý định này cũng chỉ có một ưu tiên thứ yếu so với ưu tiên thẩm mỹ (thường họ viết những khảo luận để trình bày quan điểm thay vì đưa những điều này vào tiểu thuyết như trường hợp Dostoevsky, Eliot, Mann). Quan niệm như trên nên chúng tôi thấy rằng thị hiếu đọc tiểu thuyết dưới cặp kính ý thức hệ là một cản trở cho sự phát triển khả tính tiểu thuyết. Thường thị hiếu này kéo theo lối "dán nhãn hiệu" cho văn chương, điều ta thấy rất rõ trong lối đọc sách và phê bình trong hai nhóm theo ý thức hệ cộng sản hoặc tư bản, luôn bám víu lấy vị trí quyền lực trung tâm. Trong chiều hướng đó chúng ta có thể đọc lại những tiểu thuyết của Âu châu (nhất là tiểu thuyết Anh và Pháp) thời trước để đưa ra ánh sáng những dấu vết của chủ nghĩa đế quốc về cả hai mặt chính trị lẫn văn hóa. Công trình này hiện do Edward Said chủ trương và thực hiện (Xem Edward Said: *Culture and Imperialism*, Alfred A. Knoff, N.Y., 1993). ❑

Kỳ tới: Nhân vật tiểu thuyết

Bên ghềnh Mendocina nhớ về người hóa đá cũ

LÊ THỊ HUỆ

Không phải là những giọt mưa
và tiếng guốc khô sên
quãnh đất sét miền cao
buồn rang những cơn đói thế giới thứ ba.

Tôi làm thơ lôi sấm sét.
nhả âm đức những người mẹ trẻ.
Nhú từ đầu vú
Thái Bình dương
hạt cát trong xanh
lân tinh từ cuốc hồn ca dao
hò mái điệu ru con khó quên.

Trôi qua bờ Mendocina
da vảy người đàn bà Á châu
Khôn ngoan như cổ tích
Kiêu ngạo như cá voi
đi từng đàn giỡn trăng.

Tôi lớn qua hai bờ đại dương
không hóa đá.
Trong khi chờ hải đăng của Xanh Lên
thả bay đầy trời con gái phương Nam
về miền tương lai nhân gian.

Canh thức cùng thơ mộng

LÊ THỊ HUỆ

Một mình, em vẫn có thể đến đấy
vào những chiều thứ sáu.
Thơ mộng quá chừng chừng.
Vơ vét toàn lục những lãng mạn.
Dẩy cho đến tận cùng những rung động.
Nghe sóng reo hò vô vọng.
Nghe ghềnh đá hắt thở gió không.
Liều lĩnh tình si đứng ngó.
Trong ngõ ngách hồn nở những đóa sen đại tượng.
Trong xác thân ùn đùi những giếng sâu thèm muốn.
Có bao mùa dậy biếc nhớ nhung.
Có tóc xanh tím ngát dỗi hờn.
Có bao năm chớp nhá miết đường viễn liên tình ái.
Dã thành thảm thiết xoắn xiết đời nhau.

Khi những kiếm tìm đã ló dần ánh sáng.
Khi tuổi dã dụng đứng thành những cây bút màu.
Những lầm lỡ đã u sầu kỷ niệm.
Những hạnh phúc dã tê chín đầu môi.
Tay ngờ đã chạm buốt hư không.
Luyến lưu một hồi chuông thơ mộng.
Tiếng kèn đồng nút nẻ từ lòng đất.
Vẫy khẽ vờn vàn ve vuốt.

Hú gọi những nam Phù Dổng những nữ Thiên Vương.
Biết bay lượn giữa miền trần gian nhiều ám chướng.
Hồi chuông không bao giờ vắng mặt.
Trong suốt bao nhiêu năm cùng chúng ta.
Kéo còi tàu qua bao nhiêu sân ga.
Đổ xuống trước mắt hai đứa bé bao nhiêu là định mệnh mê hoặc.
Và chúng ta đã dốc sạch tuổi trẻ ra chọn.
Ôi chút thơ mộng như son phấn.
Điểm trang kỹ những sớm mai và nhạt nhòe nước mắt những đêm tối.
Rồi chúng ta lớn dậy bước ra.
Đùa ngược với thời gian đùa ngược với nhân gian.
Vẫn chút thơ mộng bướng bỉnh.
Dã lỡ ghì xiết cùng với trong lúc ôm nhau hôn.

Chiều thứ sáu tròn trăng.
Con nước bạc chon von.
Mộng đuối sức trầm mình.
Còn người đàn bà ngồi nắn nót mãi những câu thơ.
Một mình, em vẫn có thể đến đấy
vào những chiều thứ sáu.
Để canh thức một hồi chuông.

Người Đàn Bà Và Chiếc Ổ Rơm

Diễm Âu

1

Rồi cuối cùng, tôi cũng được gặp người đàn bà ấy.

Đó là một người đàn bà còn quá trẻ, người thiếu phụ có khuôn mặt non nớt, xanh xao, và một đôi mắt loang loáng như một bờ giếng sâu, thăm thẳm nước. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy đôi mắt nào cô đơn đến tột cùng như vậy. Đôi mắt như đang gánh chịu tất cả sức nặng vô lượng của nguyên cả khối vũ trụ vô biên này. Một mình, và chỉ có một mình, không ai là người có thể san sẻ được. Mãi lâu về sau này, khi có dịp nói chuyện lại với chồng tôi về người đàn bà non trẻ kia, tôi đã bảo với anh rằng, em nghĩ, người thiếu phụ có đôi mắt sâu như giếng nước ấy, ngày xưa chắc phải đã khóc rất nhiều. Có lẽ, tôi đã nói chẳng sai.

Năm ấy, tôi áng chừng, người thiếu phụ chỉ độ trên dưới hai mươi một chút, cùng lắm thì cũng chỉ hai mươi hai, hai mươi ba chi đó là cùng. Ở vào tuổi đó thì lẽ ra, cô vẫn hãy còn có thể là một cô gái thanh xuân đang ở lứa tuổi phấn hương, nhởn nhơ, tươi mát, chưa có gì phải vội vàng để trở thành một thiếu phụ, lo lấy chồng, rồi sanh con đẻ cái như vậy đâu.

Nhưng năm ấy, tôi nghe đồn, người thiếu phụ non trẻ đã trở thành một bà mẹ trẻ, lần đầu tiên trong cuộc đời. Chồng cô ước có được một đứa con trai đầu lòng, nhưng cô đã sanh hạ một bé gái khá khỉnh, đâu đó vào cuối năm, khoảng tháng cuối tháng chạp, khi tiết lạnh bắt đầu rướn mình uốn lượn như một con rắn, từ từ nhả cái chất giá buốt, se sắt ra khắp mọi nơi.

Tôi gặp người thiếu phụ đúng hai năm sau khi chúng tôi dọn đến nơi đây.

Ở vào thời đại nguyên tử ồn ào, náo nhiệt này thì có lẽ tôi phải gọi

nơi đây là một "ngôi làng" cho đúng với tất cả cái vẻ hoang vu, tĩnh lặng của nó. Nhà cửa trong "làng" thưa thớt lắm, nhà này cách nhà kia đến cả vài ba dặm. Những căn nhà ấy có lối kiến trúc trông rất cổ, xây toàn bằng gạch và đá, nhưng, có vẻ như chúng vẫn được các vị chủ nhân chăm sóc, giữ gìn cẩn thận nên vẫn còn nhiều nét đẹp trau chuốt của một thời đã qua. Tuy là chúng ở ngay trên con lộ chính dẫn ra đường lớn đưa đến phố, nhưng tất cả đều nằm khuất sau những khu vườn cây um tùm. Vào mùa hè, khó ai có thể nhận ra được những căn nhà nằm xa xa phía sau những hàng cây xanh mượt ấy. Đến mùa thu, lá bắt đầu đổi màu, rụng rơi lã chã. Mọi cảnh tượng như hiện rõ ra trước mắt, không sao che giấu được nữa. Những căn nhà cũ kỹ ấy trở thành những dấu mốc thật đẹp mắt, làm cho người ta cảm thấy yên tâm hơn khi phải đi một mình trên con đường làng hun hút này.

Nhưng chúng tôi không ở trong những ngôi nhà ấy. Khu vực nơi chúng tôi ở chỉ mới thành lập lên sau này, độ hơn một trăm nóc gia quây quần bên nhau, nằm giữa một thung lũng xanh tươi, bằng phẳng. Từ con đường hun hút đó, người ta còn phải rẽ ngang rẽ dọc thêm vào một số con đường nho nhỏ nữa trước khi đến được khu vực của chúng tôi.

Cái ước muốn được sống một nơi yên vắng, thật-mộc-mạc-gần-thiên-nhiên-xa-thành-phố của chúng tôi, rồi cuối cùng, cũng đã thực hiện. Lẽ dĩ nhiên, chúng tôi đã phải đắn đo suy tính, và đành chịu hy sinh ít nhiều để được đến sống ở nơi đây. Dạo xưa, mỗi lần nhớ tới một câu văn của nhà văn Gabriel Garcia-Márquez, viết về một "người đàn bà mơ được sống ở nơi thôn-dã nhưng chưa bao giờ được rời khỏi thành phố", tôi lại tủm tỉm cười, nghĩ thầm trong bụng rằng, tôi dấy, chính tôi đấy, ông Garcia-Márquez ơi! Nhưng, bây giờ thì...người đàn bà mơ ước được sống ở nơi thôn-dã cuối cùng rồi cũng đã...được rời thành phố! Những ngày tháng bốn bố mẹ con chúng tôi sống ở "ngôi làng" này, có lẽ, sẽ mãi mãi là một trong những chuỗi ngày êm đẹp nhất trong đời của chúng tôi.

Tôi nhớ vào mùa thu khi chúng tôi vừa dọn đến đây, nắng buổi sáng có vẻ hiền lành, e thẹn và cả một bầu trời thoáng mát bao la lúc nào cũng như chỉ chực khoác lên trên chúng tôi một tấm áo sương mờ thật vô cùng êm ả. Khi ấy, Nga My chỉ mới lên bốn, Sóc Sơn thì vẫn còn ẵm ngửa trên tay. Đến bây giờ thì Nga My đã đủ lớn để đến trường đi học, và chú Sóc nhỏ của chúng tôi đã sắp sửa lên ba (nghĩa là xấp xỉ bằng tuổi cái cậu-bé-lớn-nhanh-như-thổi ở làng Gióng ngày nào rồi đấy!) Căn nhà nơi chúng tôi cư ngụ nằm rất gần một dòng sông nho nhỏ, đi bộ chỉ mất độ năm bảy phút là tới. Dòng sông thoáng mát, lặng lờ, đẹp như cảnh trong thơ (mà người vẽ cảnh thì coi bộ hiếm hoi, thưa thớt lắm!). Dọc theo bờ

sông là một con đường đất mòn uốn khúc, chạy mãi miết không biết dẫn tới tận đâu mới ngừng. Ngày nào cũng thế (vào khoảng hơn tám giờ sáng, trước khi tôi đưa Nga My đến trường và đưa Sóc Sơn đến nhà giữ trẻ để sau đó còn phải lo đi làm), ba mẹ con chúng tôi đều đi dạo một quãng ngắn với nhau trên con đường êm đềm uốn lượn ấy. Đó là khoảng thời gian gần gũi, âu yếm, và riêng tư nhất của ba mẹ con. Chúng tôi vừa đi bộ, vừa trò chuyện với nhau, vừa nói chuyện thăm hỏi với dòng sông, và, với những chú chim, chú cá. Chúng tôi nói cả những chuyện "ngày xưa" (My và Sóc rất thích nghe những câu chuyện bắt đầu bằng hai chữ "ngày xưa"), và thỉnh thoảng My và Sóc còn nhặt cành khô, nhặt lá vàng, hoặc nhặt những viên sỏi đẹp đem về nhà làm quà cho bố. Lâu lâu một đôi lần vào buổi chiều, nếu bố của My và Sóc có dịp đi làm về sớm, bốn bố mẹ con chúng tôi lại rủ nhau đi ra bờ sông ngắm mây chiều đổi màu trên những ngọn đồi mờ ảo phía xa xa. Những đám mây chiều, khi ấy, trông mới thật...hắt hiu, tê tái làm sao. Từ trắng, đổi sang úa vàng, hắt lên một chút ánh màu cam nhợt trống vắng, rồi cứ thế, những đám mây ấy cứ chìm dần đi vào giữa một bầu trời đang bắt đầu sạm tối, mênh mông.

2

Và cũng chính con đường mòn chạy dọc theo bờ sông êm vắng này, tôi đã được gặp người đàn bà ấy, người thiếu phụ non trẻ có đôi mắt sâu loang loáng nước.

Đó là vào quãng cuối tháng giêng nên trời đã trở lạnh hơn nhiều, không gian như được tẩm ướp bằng hương vị giá buốt của mùa đông. Đám thanh thiếu niên và lũ trẻ con lớn bé người bản xứ đều biến dạng, chẳng còn thấy lăng quăng chơi đùa trên những bãi đất trống nằm rải rác gần bờ sông nữa. Dọc theo dòng sông chỉ còn lại những hàng cây phong, cây sồi, cây anh đào khẳng khiu, trơ trọi. Chúng đứng yên bất động, nhìn xuống dòng sông bằng những ánh nhìn lặng lẽ, chịu đựng, cam chịu, trông mới thật não nùng làm sao.

Buổi sáng hôm ấy, ba bố con My và Sóc đã đưa nhau đi đến một tiệm bán đồ chơi lớn ở ngoài phố từ sớm. Tôi biết rằng, lần nào cũng thế, đã ra đến đó rồi là chắc chắn My và Sóc sẽ chẳng muốn bước nửa bước rời khỏi tiệm đâu! Tôi có thể có được cả một nửa ngày yên tĩnh. Ở nhà, tôi lo thu xếp nhà cửa, viết được một vài lá thư ngắn ngắn cho một vài người thân (những lá thư mà lẽ ra tôi đã phải hồi âm từ bao nhiêu tháng trước rồi cũng không nhớ nữa). Chờ mãi chưa thấy ba bố con về, tôi khoác cái áo lạnh đi dạo bộ ra thăm dòng sông. Khi ấy, mặt trời đã lên lưng chừng, nhưng nắng vẫn còn rất nhạt. Trong lúc đang bước đi thong

thả trên con đường mòn uốn khúc, không hiểu tại sao tôi đã có thoáng nghĩ đến người thiếu phụ. Y như lần đầu tiên tôi được nghe kể lại về người đàn bà ấy, tôi chỉ nghĩ được đến đó, rồi thôi, thấy trong lòng hồi hộp, xốn xang đến choáng váng. Ngay sau đó, hình ảnh bụ bẫm, tươi hồng của Nga My và Sóc Sơn lại hiện ra trước mắt, lớn dần, lớn dần, choáng ngợp hết cả cái khung hình còn đang lở dở trong tôi. Như một con vượn chuyền cành nhanh thoăn thoắt, lần nào cũng thế, cứ đến đó rồi thì y như rằng ý nghĩ của tôi cũng vội vàng chuyền đi qua một nhành cây khác, và tôi đánh mất ngay những ý niệm vừa thoáng hiện lên trong đầu về người đàn bà trẻ.

Thế mà, chẳng hiểu tại sao, tôi chẳng thể nào quên hẳn đi được, về người đàn bà! Tôi đã được nghe kể đôi chút về người thiếu phụ, và chính những mảnh vụn nhỏ nhoi không đủ để ráp lại thành một bức chân dung rõ nét lại càng làm cho tôi thêm thắc mắc và ngờ vực hơn.

Và, vào đúng hôm ấy, ngay đúng lúc cái ý nghĩ của tôi bắt đầu chuyền qua một cành cây xanh mát khác...thì tôi bất chợt nhìn thấy...người đàn bà.

Ở xa, trông người thiếu phụ cứng cỏi giống một thân cây nâu thẫm, cái thân cây trơ trọi như đang quỳ gối làm lễ khấn nguyện với đất trời. Cô ngồi dựa lưng vào một cội cây cằn cỗi đối diện với dòng sông vắng, hai tay cô ôm ngang ngực, hai chân duỗi dài ra phía trước. Trông cô với cây như là một, thật lạ lùng thay. Tôi đã giật mình đánh thót, nín thở mất mấy giây trước khi đứng lại bất động trên con đường uốn khúc, mắt cứ dăm dăm ngó về hướng người đàn bà trẻ đang ngồi mà chưa biết sẽ phải làm gì. Tôi không nhìn rõ thấy mặt người đàn bà từ ở ven đường bên này nhưng, linh tính báo cho tôi biết... Không, cũng chẳng phải linh tính mà chính là...tôi biết, tôi biết...đó là người thiếu phụ mà tôi ao ước được mặt-đối-mặt từ bao lâu nay.

Tôi cứ đứng im ở ven đường, nhìn băng qua dòng sông như thế không rõ là bao lâu. Cho đến khi người thiếu phụ quay đầu lại.

Ô, chiếc khăn vải đen quấn trên đầu, khuôn mặt xanh xao, thơ dại và, đôi mắt...đôi mắt sâu thẳm cô đơn. Tôi đã từng gặp người thiếu phụ này bao giờ chưa nhỉ? Chắc chắn là chưa, chắc chắn là không! Vậy mà sao chiếc khăn đen bạc màu ấy, khuôn mặt ngơ ngác ấy, đôi mắt đen mệt mỏi như-đang-muốn-nói-rất-nhiều-mà-chỉ-dành-nín-thinh-trong-câm-lặng ấy...lại có thể mang nhiều nét thân quen đến thế! Ngoại trừ đôi mắt đen ưu tư thì trên khuôn mặt cô vẫn còn quá nhiều nét non nớt của một cô gái trẻ (thay vì nét trầm lặng, dãi dầu của một người đàn bà, chứ đừng nói chi đến những nét lo âu, nhẫn nhục của một người mẹ.)

Thiếu phụ xoay hẳn người lại, và cuối cùng, đưa bàn tay ra vẫy vẫy.

Tôi nghe tiếng cô hỏi lớn:

— Sao chị lại đứng nhìn em...lâu thế? Chị muốn nói chuyện với em ư?

Tôi gật đầu:

— Vâng. Nhưng...

Người thiếu phụ nở nụ cười. Đôi hàm răng đen nhánh.

— Chị đến ngồi xuống đây với em nhá.

Tôi bước dè dặt từng bước chậm rãi đến bên người thiếu phụ. Đầu tôi nóng ran lên vì hồi hộp và xúc động. Người đàn bà non trẻ ngồi trước mặt tôi lại mỉm cười. Tôi ngắm tấm áo tứ thân màu nâu và chiếc váy chùng thâm lấm rơm, lấm đất của cô đột nhiên như sáng rực lên giữa nền trời hoe hoe nắng. Đến gần rồi tôi mới thấy, trông thân mình của cô như dầy cộm lên vì hình như trên người cô có quấn thêm hai ba lớp áo vải ngắn cho bớt lạnh. Hai vạt áo tứ thân buộc chéo lại phía trước đang nằm buông thõng giữa hai lòng bàn tay. Bàn tay chai, gầy, khô đét. Một vài sợi tóc lòa xòa phất phơ trên má, trên cổ. Chiếc khăn mỏ quạ màu đen, xộc xệch, như chỉ chực muốn xổ tung ra để bay vụt lên trời lẫn vào trong mây trắng. Cách phục sức này, lần đầu tiên tôi được nhìn thấy tận mắt, rõ ràng là của người đàn bà thôn quê miền Bắc Việt Nam từ mấy mươi năm về trước. Và...khuôn mặt người đàn bà trẻ ấy, ôi, sao mà mộc mạc, chân chất quá. Cử chỉ sao nhẹ nhàng quá. Đôi mắt sao hiền lành, cam chịu quá.

Tôi quỳ xuống, nắm lấy bàn tay khô cứng và buốt lạnh của người thiếu phụ (đến lúc đó, tôi mới sực nhận thấy ra rằng, đôi bàn tay cả đời sung sướng của mình sao lại có thể mềm mại và yếu đuối đến thế. Tự nhiên, chẳng hiểu sao, tôi se sẽ rút bàn tay mình lại, dúi sâu vào túi áo ấm.) Tôi hỏi nhỏ:

— Tôi...phải...phải nên xưng hô như thế nào cho phải phép đây?

— Trông chị có vẻ lớn tuổi hơn em đấy. Thôi, chị cứ gọi em bằng em đi nhá. Ở đây, chỉ có dòng sông, chị, và em thôi ấy mà.

— Vâng...tôi...

— Chắc...chị có được nghe kể về em? Chị nhìn em với đôi mắt dò xét như thế (cô ngừng nói một giây) nên em áng chừng là chị có...biết đến em. Trông em lạ lùng lắm sao? Có phần giống như những điều chị đã tưởng tượng về em không?

Tôi nghe kể, người thiếu phụ trẻ quê quán ở làng Võng La, và từ bé cho đến nay đã sống cả cuộc đời ở nơi thôn dã.

Chúng tôi đã cùng đến từ một đất nước chung, nhưng, nếu có ai hỏi tôi, Võng La...Võng La ở đâu, ra làm sao, mang những đặc tính như thế nào, thì ngoài một vài điều tôi loáng thoáng đọc được từ trong sách vở,

tôi sẽ...không sao trả lời cho ra ngọn ngành được hết! Tôi khẽ gật đầu, ái ngại:

— Vâng...Nhưng...cô...em...mặc phong phanh như thế này, không lạnh hay sao? Vừa sanh nở xong, phải cẩn thận chứ. Hay...em giữ lấy tấm khăn len này của chị nhé.

Người đàn bà lắc đầu:

— Bọn dân quê chúng em quen rồi, chị ạ. Dân quê chúng em, nhà nào cũng nghèo cả, biết làm sao hơn. Em nằm ổ gần cả tháng nay rồi, mới được bà cụ nhà em cho phép dậy đi ra ngoài lần đầu đây. (Ngập ngừng một chút, rồi cô lại nói tiếp). Lẽ ra...à, sắp đầy tháng cháu rồi đấy chị.

Tôi nhắc lại:

— Em cầm lấy tấm khăn len này, cho chị vui.

Người thiếu phụ đưa đôi bàn tay gầy guộc đỡ lấy tấm khăn choàng bằng len màu xanh ngọc bích. Tôi giúp cô khoác tấm khăn lên người. Tấm khăn choàng dầy và to bản, bằng len mịn mà tôi vừa lựa trong tiệm bán quần áo dưới phố vào cuối tuần trước. Chưa bao giờ tôi tìm thấy được một màu ngọc bích nào vừa ý đến thế, không quá xanh thẫm mà cũng không quá chói mắt, chỉ...vừa vặn, và tươi tắn hệt như ý tôi muốn mà thôi. Tôi ngắm tấm khăn quàng trên người đàn bà trẻ và nghĩ thầm trong bụng, hình như trông vẻ mặt cô như có nét sáng hẳn lên, vui hẳn lên. Cô cũng cúi xuống nhìn tấm khăn len mịn giây lâu rồi cô ngẩng đầu lên cắn môi cười, đôi môi đỏ thẫm màu trầu, nói nho nhỏ:

— Em mượn chị một chốc, khi nào chia tay nhau thì em xin giả lại chị.

Tôi lắc đầu:

— Không, em giữ lấy cho chị vui. Em không muốn dùng thì để chị biếu cho cháu. Trời lạnh thế này, em dùng làm chăn đắp cho cháu, ấm lắm.

Cô cũng lắc đầu, nói rất sẽ, mà trong giọng nói thì nghe ra có chiều cương quyết lắm:

— Em xin cảm ơn chị, nhưng em không thể mang nợ chị được đâu.

Chúng tôi ngồi bên cạnh nhau và ngắm dòng sông trong yên lặng, lâu, thật lâu. Có biết bao điều tôi muốn hỏi cô, nhưng sao mãi mà tôi không thốt được ra lời, cứ thấy như có cái gì nghèn nghẹn ở cổ. Chính người thiếu phụ đã lên tiếng trước. Giọng cô đều đặn như một người đang mơ ngủ.

— Ngày bé ở trong làng, lũ trẻ chúng em có cái thú là được tắm sông những lúc trời nóng nực. Ngày nào cũng phải mò ra bờ sông chơi đùa cho thỏa. Lớn lên thì hằng ngày lại ra đấy giặt giũ, gặp chị gặp em,

chuyện trò dăm ba câu chuyện vớ vẩn. Cả làng chúng em được bao bọc bởi một con sông, cũng tựa tựa như thế này. Chị biết đấy, người làng muốn đi ra đi vào làng thì thường chỉ dùng có một lối duy nhất là con đường cái. Chị bảo sao ạ? Vâng, đúng đấy, lối ấy thì lúc nào cũng được người làng canh gác cẩn thận. Chị ạ, duy chỉ có cái lối mòn đi dọc theo bờ sông ... là... là lại bỏ lửng, chẳng ai canh gác, vì người trong làng thì chả mấy ai dùng, người làng ngoài thì chả người nào biết đến. Thế mà, chị ạ, có ai ngờ...

Người đàn bà trẻ bỏ ngang câu nói. Tôi không muốn hỏi tiếp, vì tôi biết cô đang muốn nhắc đến chuyện gì.

Nhưng, buồn cười thay, điều duy nhất đang hiện diện trong đầu tôi lúc bấy giờ lại chỉ là những điều lạ lùng về...chiếc ổ rơm mà tôi đã có lần được nghe kể, vậy mà rồi tôi cứ loay hoay mãi, chưa biết phải bắt đầu ra sao cho tiện. Chúng tôi lại im lặng một lúc lâu. Mãi sau, tôi mới lên tiếng:

— Em nằm ổ gần cả tháng nay, lần đầu được đi ra ngoài chắc thích lắm nhỉ?

— Vâng, thú lắm, chị ạ. Tưởng như mình vừa được sống lại. Lại thấy ánh sáng mặt trời, thấy dòng sông nước chảy, lại được hít thở không khí trong lành thoáng mát. Nằm trong bóng tối lâu ngày, em cứ như người lòa. Đàn bà sanh nở phải kiêng cữ, khổ quá.

— Em sanh con đầu lòng, có khó lắm không?

— Nhọc ghê lắm, chị ạ. Con gái trong làng, cỡ tuổi em là đã có hai ba mặt con cả rồi. Em lấy nhà em trễ, sẩy thai mất hai lần. Lần này em sanh lần đầu, cực lắm, em đau gần hai ngày trời đấy chị, tưởng là không qua khỏi được vì kiệt sức. Thế mà rồi mọi sự cũng qua đi, mẹ tròn con vuông. Chỉ tiếc là không sanh được cháu trai cho nhà em mừng. Nhưng mà...con bé của em, dễ thương lắm đấy chị, không giống em mà lại giống bố nó nhiều mới hay chứ. Vâng, chị dạy thế thì đúng rồi vì các cụ mình ngày xưa vẫn hay bảo, con gái giống bố mai sau tha hồ giàu sang sung sướng. Nói thì nói thế chứ, nhà em bảo, thời buổi này, chỉ có đi làm giặc thì may ra mới được hưởng sang giàu.

Người thiếu phụ chợt nhoẻn miệng cười. Cô lắc đầu nói tiếp:

— Thôi, hóa ra cứ nghèo như thế này mà lại hay chứ đi làm giặc thì ôi, ác nhân thất đức quá. Cả làng em, chả ai là người muốn giàu sang cả, cả làng hóa ra lại biết thương nhau hơn.

Tôi nhìn người đàn bà trẻ, cô đang cúi đầu xuống, mân mê một góc của chiếc khăn choàng len mịn màu xanh ngọc bích. Chẳng hiểu sao, tôi nói mông lung:

— Em cứ nói thế, chứ mỗi thời mỗi khác. Thời này, có làm giặc cũng chưa chắc đã được sang giàu.

Cô ngẩng đầu lên, lại nhoẻn miệng cười với tôi. Rồi bất chợt, cô hỏi:

— Em hỏi thật nhá. Chị nghe ai kể về em nào?

— Ông Sơn. Tôi vụt trả lời mà không cần phải suy nghĩ.

— Em không biết ông ấy là ai cả. Cô hơi nhíu mày.

— Ông ta họ Phạm.

— Ông ấy có nói nhiều không?

— Không, nói ít lắm. Chỉ loáng thoáng có hai ba điều nhưng... chị không làm sao quên được. Làm cho chị phải băn khoăn cả bấy lâu nay, chỉ mong được có dịp gặp em.

— Cũng lạ đấy chứ nhỉ, thế mà rồi hai chị em cũng được gặp nhau.

Tự nhiên, tôi nói:

— Chị cũng làm mẹ, như em.

— Chị được mấy cháu rồi?

— Hai cháu, một gái, một trai.

Người đàn bà trẻ hít vào một hơi thật dài. Cô nhìn ra dòng sông, đôi mày hơi nhíu lại. Cô hỏi:

— Chị có biết chị Giang không? Ông gì ấy nhỉ...à, ông Sơn, ông ấy có kể về chị Giang cho chị nghe không?

— Có chứ nhưng, chị Giang thì ai mà chẳng nghe nói đến.

— Em chỉ tội cho chị Giang. Mang con trong lòng mà lại không được làm mẹ. Nếu chị Giang biết được thế nào là niềm hạnh phúc làm mẹ thì chả chắc chị ấy đã ra đi như thế. Đó là một bà mẹ bất hạnh.

— Nhưng, chuyện ấy nào đã...xảy ra, làm sao em biết được mà dám nói thế? Em vừa sinh nở xong... Còn chuyện...chuyện chị Giang thì nào đã tới!

— Ừ nhỉ! Chuyện ấy nào đã đến! Em lại muốn đi vượt thời gian rồi! Nhưng, rồi chẳng bao lâu nữa nó cũng sẽ đến! Nghĩ mà thương cho chị ấy quá. Thật tội. Nhưng (người thiếu phụ quay qua nhìn tôi, hai mắt mở to)...nếu một ngày kia chị có dịp gặp chị Giang, chị phải nói cho chị ấy biết như thế.

Giọng nói của người thiếu phụ nghe thành khẩn như một lời khấn nguyện. Tôi ngồi yên, lắng nghe và cả hai chúng tôi lại im lặng, lâu, thật lâu. Lát sau, tôi đưa tay lên dụi mắt, thấy hơi xót xót, cay cay. Lần này, tôi nói thẳng:

— Thôi, em. Dừng nói chuyện chi Giang nữa. Chị muốn hỏi em về chuyện của em.

— Chuyện của em thì có gì đáng kể! Thảo nào mà ông Sơn chẳng cần phải nhiều lời.

— Tại ông Sơn không biết đó thôi, chứ chẳng phải vì không có gì đáng kể.

Người thiếu phụ thản nhiên nói:

— Chị biết rồi đấy, em có làm gì đâu. Có mỗi một chuyện là nằm yên trên cái ổ rơm, vừa cho con bú, vừa lẩm nhẩm mấy câu hát ru em. Cái góc ấy trong phòng được quây lại, tối om om, nồng nặc đủ thứ mùi. Đàn bà đẻ từ trước đến giờ vẫn phải nằm ổ như thế, có lạ lùng gì đâu, chị?

— Nhưng...khi chị sinh các cháu thì không phải nằm thế. Chị muốn hỏi em...cái ổ rơm...nó ra làm sao?

— À, em xin lỗi chị. Em quên là chị ở xa quê đã lâu quá rồi. cái ổ rơm thì...như thế này. Trước khi em sanh được vài hôm, chúng em có đem rơm mới vào chất trong một góc nhà, rồi từ từ vun lại thành một cái ổ, tựa như ổ chim, vừa đủ dài, đủ rộng cho một người nằm. Đàn bà vừa đẻ xong nằm ổ rơm thì ấm áp lắm. Đứa bé còn đỏ hỏn cũng được nằm với mẹ để mẹ cho bú.

Bỗng nhiên, người thiếu phụ quay qua nhìn tôi, dịu dàng:

— Khi sanh các cháu, chị có cho các cháu bú sữa mẹ không?

Tôi gật đầu, cảm thấy vui vui. Tôi nói một hơi dài:

— Có chứ. Chị nghĩ, trẻ con sơ sinh bú sữa mẹ là điều tự nhiên nhất trong trời đất. Đứa trẻ nào không được bú sữa mẹ thì nghĩ thật tội cho nó. Lúc cho con bú là lúc hai mẹ con hạnh phúc nhất. Em nghĩ, lúc ấy, mẹ mới thật biết thế nào là lòng mẹ thương con, yêu con và, con cũng thật biết thế nào là con cần có mẹ. Hai mẹ con như là một, được quấn lại bằng một sợi dây nhiệm mầu, chẳng khác như lúc con còn nằm bên trong lòng mẹ, sống bằng hơi thở của mẹ, bằng thức ăn của mẹ, bằng tình thương của mẹ.

— Chị nói khéo quá. Vâng, quả là em cũng đã nghĩ y như thế nhưng, không biết phải sắp lời ra sao.

Chúng tôi nhìn nhau, cười với nhau, có lẽ vì cả hai đều đang nghĩ đến những giây phút tuyệt vời của đời làm mẹ, và đều muốn chia sẻ với nhau tất cả cái cảm giác nhiệm mầu, riêng tư mà chỉ có những bà mẹ mới có thể cảm nhận được một cách sâu xa nhất, toàn vẹn nhất. Tôi bảo với người đàn bà trẻ:

— Chẳng ai quý con, yêu con bằng mẹ yêu con. Nếu có một ngày nào mà mẹ không còn yêu con, quý con như cái giây phút đầu tiên được nhìn thấy mặt con và ôm con vào lòng, cho con bú, thì mẹ cũng chẳng còn là mẹ nữa đâu, em nhỉ.

Người thiếu phụ quay qua nhìn tôi giây lâu, rồi đột nhiên, cô quay mặt hướng trở lại bờ sông, và nhắm chặt đôi mắt lại. Gương mặt cô chợt đổi qua nét buồn bã, thất thần, trông thật đáng thương. Tôi ngồi ngắm khuôn mặt đau xót được ráp lại bằng những mảnh vụn đầy nét hoang

mang của cô mà thấy như có dao cắt trong lòng mình. Cô nói với tôi mà đôi mắt vẫn nhắm nghiền:

— Chả có lúc nào là lúc em không quý con, yêu con. Thế mà, em đã dám đem mạng sống của mình và của cả con mình ra để đùa với cái chết. Ôi, sao mà hãi hùng, chị ơi.

Tôi thở hắt ra, nói y hệt như lời ông Sơn đã nói khi kể lại với tôi:

— Vì em muốn cứu một người.

— Không...rồi cuối cùng, cuối cùng...có cứu được đâu! Chả cứu được người ta về sau, mà rồi...cả làng...cả làng cũng bị đốt cháy.

— Nhưng, chuyện ấy đã xảy ra đâu! Sao em lại nói thế, chị nghe sợ quá.

— Ừ nhỉ, chuyện ấy chưa xảy ra...nhưng rồi cũng sẽ phải đến. Còn em, em vừa sanh nở xong. Sắp đầy tháng cháu. Phải rồi, chính em đã cứu được một mạng người. Nhưng ô hay, chị sợ làm gì? Ông Sơn không kể cho chị biết hay sao?

Tôi khẽ gật đầu, thấy trong dạ hoang mang, rối bời.

3

Khi chúng tôi chia tay nhau thì mặt trời đã rực rỡ, gay gắt trên cao. Thật ra, lúc ấy, tôi nghe thấy tiếng ơi ới gọi "mẹ ơi, mẹ ơi" của các con tôi vẳng lại từ xa, và tôi đành vội vàng nói mấy câu giã từ người thiếu phụ trẻ. Cô ngồi im, buồn bã. Rồi cô nói nhỏ:

— Vâng, chị về với các cháu. Rồi dịp khác mình lại gặp nhau.

Tôi quày quả đi ngược lại con đường mòn uốn khúc. Tôi thấy bóng chồng tôi đang bước lững thững trên đường, thấy Nga My và Sóc Sơn đang chạy tung tăng phía trước, hai tay các con tôi với ra trước mặt vì chúng vừa nhìn thấy bóng tôi đi tới. Nga My ôm chầm lấy tôi và kéo tôi ngồi thụp xuống trong khi chú Sóc nhỏ bá lấy cổ tôi, dụi đầu vào má, hít lấy hít để. Tiếng My và Sóc líu lo:

— Mẹ đi đâu lâu quá trời vậy?

— Mẹ ơi, về nhà mau, xem đồ chơi mới của con.

— Của con nữa.

— Bố với tụi con về nhà nãy giờ rồi, chờ mẹ muốn chết.

Tôi ôm hôn các con rồi kéo chúng đứng dậy. Chồng tôi đưa tay khoác lên vai tôi, dợm kéo tôi bước theo nhưng, anh vội đứng lại, và nhíu mày, vì anh vừa nhìn thấy một phần da trắng nhợt của tôi lộ ra nơi phía dưới chiếc cổ. Lúc ấy, có lẽ tôi đã bắt đầu thấy cái lạnh thấm vào, như những con kiến li ti đang se sẽ cắn lên da mình, làm cho mình chợt muốn rùng mình, khó chịu. Chồng tôi đưa cả hai tay lên cài nốt cái khuy áo cuối cùng trên cổ chiếc áo nỉ ấm của tôi. Rồi anh gặng hỏi, y như một

ông bố cẩn thận, khó tính:

— Khăn choàng đâu rồi? Trời lạnh, sao em không choàng khăn cho ấm cổ gì cả vậy?

Tôi mỉm cười không nói. Anh lại hỏi, ân cần, săn sóc:

— Cái khăn len mịn hôm nọ em vừa mới khoe anh đâu? Anh thấy em cứ mân mê, ngắm nghía nó cả buổi. Anh tưởng em bảo là...em thích nó đến độ mùa đông năm nay, ngày nào em cũng sẽ phải có nó để làm bạn mà? Cứ để bị lạnh, rồi bị cảm, lại khổ anh với con.

Tôi nhìn anh, lắc đầu khe khẽ, rồi tôi trả lời cho chồng yên tâm:

— Anh đừng lo, lần sau em sẽ nhớ choàng khăn cho ấm cổ. Em không bị cảm đâu.

Nga My kéo tay tôi:

— Mẹ ơi, đi về lẹ lẹ đi. Con đói bụng quá.

Sóc cũng kéo tay tôi:

— Mẹ ơi, đi về. Đi về. Về ăn trưa "nhon nhon" đi mẹ.

Tiếng My cười khúc khích:

— Sóc, "ngon ngon" chứ không phải "nhon nhon". Sóc nói đi! Ngon! Ngon!

Cả buổi trưa, và buổi chiều sau đó, tôi cứ băn khoăn và ân hận mãi. Tôi ngẫm nghĩ, thay vì vội vàng từ giã người đàn bà trẻ bên cạnh dòng sông thì lẽ ra, tôi nên mời cô về nhà, giới thiệu cho chồng tôi và các con tôi biết mặt. Lỡ mai sau không có dịp gặp lại nữa...mà chúng tôi thì nào đã nói hết câu chuyện với nhau đâu! Suốt cả buổi sau đó, trong đầu tôi cứ âm vang mấy câu cuối cùng tôi đã dồn dập hỏi cô:

— Lúc ấy, khi em quyết định phải cứu một mạng người, em đã nghĩ gì? Em có thấy cái đứa bé đỏ hỏn nằm bú bên ngực em đang cần em dùm bọc, che chở cho nó như thế nào không? Em không nghĩ đến chuyện chết cả mẹ lẫn con ư?

Cô lắc đầu, rồi lại gật đầu. Tôi nhìn thấy sự cô đơn tột cùng trong ánh mắt nửa bi thương, nửa cầu khẩn, van nài của cô. Và, cuối cùng, cô bật lên khóc nức:

— Em chả biết phải làm sao hơn. Cả làng em, chả ai là người muốn theo giặc. Lúc ấy, em nghe tiếng nháo nhào bên ngoài, chưa hay chuyện gì thì bà cụ nhà em đã hấp tấp chạy vào nói mấy câu cho hay có sự. Em vừa thoạt nghĩ đến con, lòng quặn lên vì lo...thì đã thấy nhà em chạy sộc vào, mặt mày hớt hải, sốc theo một người đàn ông bị thương, chân lết đi khập khiểng... Cái góc phòng trong nhà tối om om, quây lại bít bùng, làm cho em cứ nghĩ là mình nhìn nhầm. Chị biết đấy, chỗ nằm của đàn bà đẻ là chỗ phải kiêng cữ, đàn ông có ai mà dám mò vào. Nhà em quát nho nhỏ vào tai em... Hội nghị bị vỡ lở rồi. Chúng nó đang ruồng xét.

Người đàn ông vừa bị bắn vào bắp chân và đang cần ngay chỗ trốn. Nhanh, nhanh, nghe tôi bảo, ôm con đứng dậy ngay! Lúc ấy, tim em thắt lại mất mấy giây, tay chân em run lên bần bật, kinh hãi lắm, chị ơi. Rồi em nhìn thấy người đàn ông bị thương đang quỳ mọp bên cạnh ổ rơm của hai mẹ con em. Ông ta vừa bị bắn vào chân. Em nhìn kỹ lấy ông ta, chỉ thấy trong mắt ông lóe lên niềm thất vọng, ê chề, nhiều hơn là sợ hãi. Chị biết không, chính sự vô cùng thất vọng, đau đớn trong đôi mắt của người đàn ông đã làm cho em sực tỉnh. Em vụt nghĩ, không làm phúc cứu người ta thì cũng chưa chắc gì hai mẹ con em được sống, cả làng này được sống. Thôi, có chết thì chết cùng, hai mẹ con ôm nhau chết như thế này mà hóa ra lại sướng, có mẹ có con...

— Rồi em ôm con đứng dậy?

— Vâng. Em ôm con vụt dậy. Nhà em hất tung đống rơm lên. Người đàn ông nằm mọp xuống đất. Bà cụ nhà em phụ với nhà em phủ lại rơm lên che kín người đàn ông...

— Rồi hai mẹ con...

— Vâng, rồi em ôm con nằm lại xuống trên cái ổ rơm êm ái kia, vạch ngực cho con bú, miệng lẩm bẩm mấy câu hát ru con quê mùa. Sau đó, chỉ vài phút sau, thì chúng nó ập vào gian bên ngoài nhà. Em nằm như chết cứng trên cái ổ rơm, nín thở lắng nghe tiếng chúng quát tháo, hạch sách nhà em và bà cụ, rồi tiếng chúng sục sạo khắp nhà. Em tưởng phen này chắc chết mất, chị ơi. Con bé của em thì đang đến bữa, mắt nhắm nghiền lại, hai tay bám chặt lấy bầu vú căng sữa của mẹ, bú lấy bú để, thương quá là thương... Rồi chỉ một chốc sau, thì bọn chúng sộc vào đến gian em nằm. Chúng nhìn lướt qua hai mẹ con em...Chị nghĩ xem, chỗ đàn bà đẻ nằm...lũ đàn ông chúng nó nhìn thấy lần đầu chắc là cũng phải động lòng ái ngại...rồi chúng lắc đầu, quày quả đi ngay ra nhà ngoài.

Người thiếu phụ ngừng nói, đưa cánh tay phải lên quẹt lên mắt. Một lúc sau, cô lại tiếp:

— Em ôm chặt lấy con vào lòng, chảy nước mắt vì thương con. Chị ơi, lúc ấy, vào cái giây phút ấy, chính em cũng quên mất là hai mẹ con đang nằm ôm nhau...trên mình của một người đàn ông lạ.

Người thiếu phụ quay qua nhìn tôi, ngập ngừng:

— Mãi về sau này, em phải gặng hỏi mãi rồi nhà em mới nói cho em biết...

— Nói cho em biết chuyện gì?

— Tên họ của người ta.

— Vâng, chị cũng biết.

— Ông Sơn nói với chị?

— Vâng, ông Sơn có nói rất rõ.

— Thật tội. Em có muốn cứu...cũng chả cứu được cho trót.

— Nhưng...đó nào phải là lỗi ở em. Đó là con đường ông ta đã chọn.

— Vâng. Em biết.

Ngập ngừng giây lát, cô lại nói, lời nói nghe thoáng như một tiếng thở dài hụt hẫng:

— Rồi ông ấy sẽ là...người thứ mười hai. Người thứ mười hai. Chị ơi, em chẳng thể nào quên được con số mười hai oan nghiệt đó.

Và, đó lời nói cuối cùng thốt ra từ miệng người đàn bà non trẻ về câu chuyện lạ lùng xoay quanh cuộc đời cô. Cho đến lúc chúng tôi chia tay nhau khi mặt trời đã lên rực rỡ trên cao, cô không nói thêm điều gì nữa cả.

Đến buổi tối trước khi đi ngủ, tôi mới sực nhớ ra là người thiếu phụ vẫn còn giữ tấm khăn choàng len mịn màu ngọc bích của tôi. Điều này làm cho tôi cảm thấy an tâm đôi chút. Thế nào cô cũng sẽ trở lại, không phải vì tôi muốn đòi lại tấm khăn, mà vì cô một lòng nhất định không thể lấy.

4

Nhưng, có lẽ, tôi đã đoán lầm, vì người đàn bà trẻ tuổi không hề trở lại được nữa. Ông Sơn đã có nói qua cho tôi biết, từ lâu lắm rồi...

Lẽ ra, hôm tình cờ gặp được người thiếu phụ, tôi phải lên tiếng giục cô bế con đi thật xa, càng xa càng tốt (tất cả chúng tôi đều biết trước chuyện gì có thể xảy ra, mà rồi cuối cùng, cũng không tránh được!)

Tôi bứt rứt mãi sau đó, thấy trong lòng cứ dày đặc một nỗi xốn xang, không rõ người thiếu phụ trẻ, và đứa bé con đầu lòng của cô giờ ra sao, sống chết thế nào.

Và, bởi vì không thể giữ câu chuyện này trong lòng lâu hơn nữa, nên tôi đã đem kể về cuộc gặp gỡ ngắn ngủi của chúng tôi cho nhiều người nghe. Nhưng, đối với nhà tôi và các con tôi thì tôi lại giữ im lặng, không hé môi nói nửa lời. Y như rằng tôi sợ nếu phải nói những điều u uẩn, khúc mắc kia ra với nhà tôi và các con tôi thì cái vòm trời đang trong sáng, an lành hạnh phúc của bốn bố mẹ con chúng tôi sẽ bị dao động, hoen ố đi nhiều lắm. Rồi tôi lại ý thức ra rằng, có lẽ, ít có một bà mẹ nào muốn kể cho con mình nghe về những bất trắc. Nhưng ngoài nhà tôi và các con tôi ra thì gặp ai tôi cũng hỏi thăm, xem có ai biết về người thiếu phụ trẻ quê quán ở làng Võng La ấy không. Chẳng một ai biết, ngoại trừ ông Sơn...mà ngay cả những điều ông Sơn biết thì cũng thật là vô cùng, vô cùng thiếu sót.

Rồi tôi tiếp tục sống những ngày tháng êm đềm với chồng và các

con tôi ở cái nơi hẻo lánh và yên tĩnh như một ngôi làng quê này. Có những lúc, tôi ôm Nga My và Sóc Sơn vào lòng, hôn lên mái tóc mềm mại của các con, hít lấy hơi hướm quen thuộc của các con, nhìn sâu vào đôi mắt đen long lanh, sáng rỡ của các con...mà cảm thấy hạnh phúc lẫn cảm thương chan hòa. Tôi không nghĩ được là đời tôi có thể thiếu chúng. Tôi không thể tưởng tượng được là có một ngày nào đó, tôi có thể bỏ các con tôi, hy sinh các con tôi để đi mưu tìm một hạnh phúc nào khác. Hoặc hơn thế nữa, tôi không thể tưởng tượng được mà cũng thể chịu đựng nổi cái ý nghĩ rằng sẽ có một ngày nào đó, như người đàn bà non trẻ quê quán ở làng Võng La kia (trong một niềm kinh hãi không thốt được thành lời), tôi sẽ phải bất thần chọn lựa giữa sự sống và cái chết của cả mấy mẹ con, để cứu một người (vì tôi muốn cứu một người).

Vậy mà, đôi lúc, tôi lại thầm ước, nếu tôi được sống qua một phút trong cái đoạn phim hãi hùng của cuộc đời làm mẹ ngắn ngủi kia của người đàn bà trẻ, được thở hơi thở kinh hoàng kia của cô trong lúc cô vừa ôm sát con vào lòng, vạch ngực cho con bú, vừa hát ru con, vừa nằm chết cứng trên cái ổ rơm êm ái trong đó có dấu một người đàn ông bị thương. Nếu tôi được sống qua một phút kinh hoàng trong cái đoạn phim đầy xúc động ấy, thì có lẽ, tôi sẽ có thể giúp ông Sơn kể lại câu chuyện một cách đầy đủ hơn, và tôi sẽ chẳng cần tìm gặp người đàn bà trẻ ấy nữa.

Nhưng, sự thật thì...làm sao tôi biết rõ? Đó là người đàn bà quê quán ở làng Võng La, còn rất trẻ, sinh con đầu lòng? Một người đàn bà không còn quá trẻ, sinh đứa thứ hai, thứ ba? Hay đó là một người đàn bà không còn trẻ nữa, sau một chuỗi dài sinh đẻ vật vã làm vợ làm mẹ, lo cơm ăn áo mặc cho một lũ trẻ nheo nhóc năm bảy đứa, vừa cho ra đời đứa con út của cuộc đời bà? Còn đứa bé sơ sinh ấy, là trai hay gái?

Làm sao để tôi biết rõ? Vì ngoài những điều rất sơ sài mà tôi loáng thoáng được nghe ông Sơn kể (và đem ra kể lại hết cho mọi người), thì thật tình tôi chẳng biết được gì hơn.

5

Người đàn ông yêu nước, bị thương ở chân, được người đàn bà vừa mới đẻ giấu vào ổ rơm và cứu cho thoát chết ấy tên thật là Phó Đức Chính. Sau vụ khởi nghĩa thất bại ở Yên Báy của Việt Nam Quốc Dân đảng, ông là người thứ mười hai lên đoạn đầu đài, cùng mười hai đồng chí khác của ông, vào ngày 17 tháng 6 năm 1930. Ông Sơn nói như vậy.

Trước khi cuộc khởi nghĩa được đề xướng, một hội nghị quan trọng đã được tổ chức tại làng Võng La, vào ngày 25 tháng Chạp năm 1929. Làng Võng La là một làng theo cách mạng, người làng hầu hết là người của Đảng. Làng được bố trí cẩn thận, canh gác ngày đêm. Duy chỉ có một

lối vào duy nhất, nơi không có ai canh gác, là lối bờ sông. Nên, ông Sơn nói, Nguyễn Thành Dương đã chỉ điểm cho mật thám của Pháp tiến vào bằng lối sông để bao vây hội nghị.

Rồi ông Sơn nói, sau cuộc khởi nghĩa thất bại ở Yên Báy, vào đầu năm 1930, làng Võng La bị thực dân Pháp trả thù. Cả làng bị triệt hạ bằng chất nổ, chỉ hai tháng sau khi người đàn bà sanh hạ một đứa bé thơ và giấu một người đàn ông yêu nước vào trong chiếc ổ rơm của bà.

Ông Sơn lại nói, chẳng biết ai là người còn sống sót sau cuộc trả thù quyết liệt kia.

6

Còn ông Sơn, vâng, ông Sơn họ Phạm. Vâng, Phạm Văn Sơn. Ông là một trong những nhà chép sử có tài của dân tộc tôi, ai mà chẳng biết. Nhưng, trong câu chuyện lần này thì tôi e rằng ông đã quá thiếu sót . Sự thiếu sót (hẳn là không cố ý) của ông đã làm cho tôi, một bà mẹ trẻ đang sống an vui ở một nơi rất gần giống như thôn dã, đã phải băn khoăn, ray rứt mất nhiều đêm. Hai cảnh đời không một mảy may giống nhau, khác biệt như giữa mặt trời và mặt trăng, như trời với đất. Nhưng có cái gì chung trong chúng tôi đã khiến tôi cảm thấy một sự thôi thúc để phải tìm gặp người đàn bà ở làng Võng La kia đến thế?

Có lẽ, chỉ là cái tình. Cái tình rất nhiệm mầu của những người biết thế nào là làm mẹ. Điều ấy thật to lớn lắm, không thể nào coi thường được. Nhưng, hình như, những nhà chép sử đều như thế cả. Họ hay quên mất những điều thật ra rất quan trọng, mà chỉ nhớ đến những điều rất nhỏ nhặt, chẳng hạn như số ngày, số tháng, số năm. Họ nhớ rất rõ về những con số trong một đoàn quân ra trận, hay tử trận, nhưng ít khi nào muốn nhớ về những nỗi thảm thiết, những uẩn khúc đớn đau của những mảnh đời nổi trôi gắn liền sau những con số lịch sử vô tình đó. Nhưng, có lẽ nào chăng, người ta lại có thể quên đi những điều tiềm ẩn mà vô cùng to lớn, để chỉ ghi chép những điều rất rạch ròi, ước lệ mà thật ra lại quá nhỏ bé, nhỏ bé đến chi li.

Tôi thành tâm mong ước rằng, mai sau, dân tộc chúng tôi sẽ có được một người đàn bà chép sử.

Tái bút.

Chỉ mấy hôm sau khi tôi viết xong những dòng chữ trên thì nhà tôi đã tìm thấy ra chiếc khăn choàng màu ngọc bích của tôi trong một buổi sớm cuối tuần đi dạo ra dòng sông một mình. Anh bảo, anh bắt gặp chiếc khăn len nằm cuộn mình dưới một cội cây cằn cỗi đối diện với dòng sông vắng. Rồi anh lại bảo, đứng từ xa, anh nhìn, hoảng hồn hoảng

Bài ca dao cho em
LÊ TÍN HƯƠNG

Này em giấc ngủ bình yên
Cho yên giấc mộng cho tàn tuổi xuân
Nửa đêm bóng ngả trầm luân
Mà sao vẫn giấc mơ xuân gợi phiền
Về đâu trăng khuyết bên hiên
Đêm buông mái tóc truân chuyên nửa vời
Sợi xanh điểm trắng sương đời
Ru em giọt đọng, giọt rơi gối sầu
Còn đâu em hỡi còn đâu
Cuối đời một giấc mộng đầu thơ ngây
Thương em ngủ, giấc không đầy
Chưa mê đã tỉnh, chưa say đã tàn.

vía, tưởng bên trong chiếc khăn có quấn một em bé sơ sinh. Anh nghĩ thầm trong bụng, thôi chết rồi, ai lại dám bỏ con ở đây thế này? Nhưng, lại gần, thì anh mới thấy ra, đó chỉ là một mớ rơm khô không biết của ai để lại. Nhà tôi bảo chắc là lũ trẻ con tinh nghịch quanh đây.

Bây giờ đã vào cuối thu. Cuối tháng này là lễ Tạ Ơn, nên lũ trẻ con bản xứ đã bắt đầu đi nhặt rơm khô về để nhét vào những bộ quần áo cũ, dựng lên thành hình người, để trưng trước cửa nhà bên cạnh những trái bí đỏ và những dùm bắp ngô nâu vàng. May mà lũ trẻ con không cầm nhầm luôn cái khăn len mịn màng quý phái của tôi đem về nhà, nhà tôi bảo thế.

Cũng chẳng có gì đáng lạ, vì tôi chưa bao giờ kể cho nhà tôi nghe về cuộc gặp gỡ của chúng tôi bên một dòng sông cạnh cội cây già, ngoại trừ một điều anh biết rất rõ, là tôi đang đi tìm gặp một người thiếu phụ, chẳng biết là già hay trẻ, sanh con chẳng biết là trai gay gái, chỉ biết quê quán ở làng Võng La nằm ven sông Dà. ❑

Ghi chú:

Trong sách trích dẫn, *Việt Sử Tân Biên (Quyển 7)*: Chế độ Pháp thuộc tại Việt Nam (Kháng Pháp Sử - Tập Hạ) của Phạm Văn Sơn, ở trang 165, có ghi một dòng ngắn ngủi như sau về người đàn bà: *"Riêng Phó Đức Chính bị thương, không chạy kịp, đã được một người đàn bà mới để giấu vào một ổ rơm [nên] cũng không bị bắt."*

Chút Nghĩa Cũ Càng

Phùng Quán

Văn Học trân trọng giới thiệu trích đoạn hồi ký sau đây của nhà thơ Phùng Quán, một cây viết chủ lực của Nhân văn Giai phẩm. Đoạn trích đề cập tới tuổi già nghèo khó và cái chết của một nhà thơ tiền chiến được bạn đọc hâm mộ: nhà thơ Đoàn Phú Tứ. Có thể nói những người Việt Nam yêu thơ không ai không thuộc lòng bài "Màu thời gian" của ông. Đoàn Phú Tứ mất năm 1989, và vì không thuộc thành phần được ưu đãi của chính quyền, nên chi tiết về đời sống nhà thơ trong tuổi già cùng cái chết của ông ít được nhắc nhở. Bạn đọc sẽ tìm thấy tất cả các chi tiết ấy trong trích đoạn này. Vì tôn trọng giá trị tài liệu của hồi ký, Văn Học giữ nguyên lời viết của Phùng Quán, mặc dù một số từ ngữ chỉ thuận tai với người đọc trong nước, không thuận tai bạn đọc ở hải ngoại.

Trong ký ức của tôi hình ảnh nhà thơ Đoàn Phú Tứ bao giờ cũng gắn liền với quang cảnh bãi An Dương sau trận lũ lớn sông Hồng. Con đường đá lép nhép bùn đọng rải rác những vũng nước chói nắng, nhức mắt. Mảnh sân trước cái túp của nhà thơ bùn sông Hồng vừa se khô rộp lên từng mảng như da người bị bỏng. Mái nhà lợp giấy dầu võng xuống, võng lên vì rui mè quá thưa, thủng lỗ chỗ như màn trời đêm đầy sao. Vách "toóc-si" ngâm lũ lâu ngày rã ra từng mảng, lở loét, trơ xương nứa. Nền nhà đất sống trâu. Dưới gầm phản, gầm bàn thờ ngổn ngang sách vở, chiếu rách, guốc dép đứt quai, bao tải...ngâm tẩm bùn chưa kịp khô. Tất cả như to ra, phồng lên. Cái nắng chói gắt sau cơn lũ nung rộp mái giấy dầu làm không khí trong nhà hầm hập như cái lò bánh mì. Một mùi tanh tanh, nồng nồng ải mục...xông lên từ các góc nhà ẩm tối, từ các thứ chổi cùn giẻ rách tẩm bùn, ngập ngụa không gian. Cái mùi này làm gợi nhớ những vần thơ tuyệt bút của ông:

Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngát
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh...

Nhà thơ ngồi trên cái hòm gỗ thông xập xệu. Bức phản gỗ ọp ẹp được dọn quang một góc làm bàn viết. Cạnh các tác phẩm của Ra-bơ-le, Stăng-đan, Íp-xen...mà ông đang dịch thuật theo một hợp đồng nào đó, là mùng mền cũ nát, ám khói, những cái gối đen đúa mồ hôi, chiếc chiếu rách xơ cuộn tròn, một chai rượu sắp cạn đến đáy, vài cái chén sứt quai...Tóc ông ngả màu bạc cổ, đợn sóng, đuôi tóc xoăn mềm mại lòa xòa quanh gáy, ria mép hơi vểnh lên, chòm râu nhọn được xén tỉa cẩn thận, làm tôn thêm vẻ đẹp thanh tú, quý phái của gương mặt ông. Nom ông như một đại công tước Nga thời Sa hoàng đang chơi trò giả trang. Tôi thường ngắm gương mặt ông và thầm nghĩ: Đó là một vẻ đẹp bền vững mà thời gian, sự đói nghèo, túng quẩn không sao tàn phá nổi. Và tôi chợt hiểu vì sao vợ ông, chị Khiêm, kém ông những hai mươi tuổi, khá xinh đẹp, con nhà gia thế đã yêu ông say đắm, bỏ cửa bỏ nhà để theo ông... Vợ ông là bạn từ thời để chỏm với vợ tôi; và tôi được quen biết ông là nhờ vậy.

Nhưng rồi năm tháng và cuộc sống cùng quẫn đói nghèo đã làm lụi tàn đi tất cả... Lụi tàn tình yêu, lụi tàn hy vọng, lụi tàn mộng mơ...

"Phùng Quán này", nhà thơ dốc cạn chai rượu mời tôi, nói "Hội Nhà văn đưa cho mình cái lý lịch hội viên, đề nghị mình khai để kết nạp hội viên dự bị. Theo Quán thì có nên khai không?"

"Nên quá chứ anh!" Tôi cười ngất "Anh nổi tiếng trên văn đàn cả nước từ khi tôi mũi thò lò, mà bây giờ mới chuẩn bị để được kết nạp làm hội viên dự bị! Thế mới biết, tiêu chuẩn Hội Nhà văn Việt Nam cao thật."

"Nhưng vào Hội thì được ích lợi gì?"

"Được trợ cấp khó khăn" tôi nói. "Theo em biết thì hằng năm Hội đều xét trợ cấp cho những hội viên hoàn cảnh khó khăn. Còn hội viên nào dám tranh với anh cái tiêu chuẩn khó khăn? Thế là mỗi năm, anh ngồi mát ăn bát vàng, được vài nghìn đồng ngon ơ, thanh trừ nợ rượu..."

"Ờ nhỉ, ờ nhỉ..." Gương mặt nhà thơ vụt rạng rỡ hẳn lên. Rồi ông chợt kêu toáng: "Chết tôi rồi! Không biết cái sổ lý lịch hội viên, trận lụt vừa rồi nó có trôi mất không?" Nhà thơ đứng phắt ngay dậy, lục tung cái đống sách vở vừa được ngâm nước và bùn dưới gầm bàn thờ.

"Nó đây rồi!" Ông kêu lên mừng rỡ. "Suýt nữa thì mất béng hai nghìn đồng mỗi năm!"

Sổ lý lịch hội viên bìa màu xanh bị ngâm lũ phù sa, trở nên bợt bạt

ngả sang màu đất thó, các trang giấy dính bết vào nhau. Ông nhìn cuốn sổ, lắc đầu chán ngán:

"Hỏng bố nó mất rồi!"

Tôi nói: "Không sao, vẫn còn cứu vãn được."

Tôi đem nó ra sân, gác lên hai thanh củi, tỡ ra phơi...

Dăm bữa nửa tháng, chị Khiêm lại đến chơi với vợ tôi. Chị than vãn tình cảnh túng quẫn của gia đình, chị đã cố gắng hết sức mà không sao thoát ra được. Thỉnh thoảng chị kể tội chồng, mà chị gọi là "lão ta".

"Lão ta càng ngày càng tệ mày ạ. Lão ta xúc cả gạo đem đi đổi rượu (ngày đó còn ăn gạo sổ). Thảo nào, gạo vừa đong kỳ một, mới ăn mấy ngày mà thùng gạo đã vợi hẳn đi. Điều tra mãi mới biết lão ta xúc gạo đem đi đổi rượu. Tức mình, tớ làm cái khóa, khóa béng thùng gạo lại... Không làm thế thì chết đói cả nút! Gương mặt chị trở nên buồn thiu. Như cảm thấy hối hận cung cách mình đối xử với người chồng mà có một thời yêu say đắm, chị chép miệng thở dài: "Trước lão ta đâu có thế... Hào hoa phong nhã một cây. Bây giờ già lão ta đâm đổ đốn..."

Tôi nói với chị: "Chuyện chị kể làm tôi đau ruột quá. Để cho một thi sĩ như Đoàn Phú Tứ vào cái tuổi bảy mươi mà phải xúc trộm từng bơ gạo của gia đình đem đi đổi rượu, đó là lỗi ở chúng tôi. Rồi sẽ có một ngày, chúng tôi dâng bồ đào mỹ tửu cho anh ấy uống... Chỉ sợ đến ngày đó anh ấy lại không uống được nữa!..."

Chị Khiêm cay đắng nói: "Các thứ sĩ, văn sĩ, thi sĩ nhà các ông, nên đem chôn cả đi cho cánh phụ nữ chúng tôi đỡ khổ!". Tôi cười buồn: "Ấy, có chôn sống thì chỉ nên chôn những thứ sĩ vớ vẩn như loại tôi. Thi sĩ Đoàn Phú Tứ thì đừng... Những người tài hoa như anh ấy có thể đếm trên đầu ngón tay...".

Vợ chồng tôi cố moi óc tìm cách giúp đỡ gia đình anh. Ngày đó tôi thường câu cá trộm ở các bờ hồ Trúc Bạch, hồ Tây, Ngũ Xã, Châu Long. Thỉnh thoảng tôi lại bớt ra con trôi, con chép biếu anh, để anh đổi lấy cốc bia, cút rượu...

Vợ tôi thì tìm gặp chị Khiêm, bàn với chị: "Cậu thử làm bánh rán dường bán cất cho các hàng nước. Mình tin là kiếm được. Trong trường Chu Văn An có mấy gia đình cô giáo mở quán bán quà vặt cho học sinh. Mình đến thương lượng với các cô. Các cô hứa mỗi ngày có thể lấy ba chục chiếc. Nếu bán được các cô sẽ lấy hơn.".

(...) Nghề bánh rán cũng kiếm được. Chị Khiêm phấn khởi ra mặt. Chị lại kết hợp thêm nghề in *tiền âm phủ*, cắt sỉ cho các bà đồng cốt ở ngoại thành. Chị khoe với vợ chồng tôi: "Ông lão dạo này tiến bộ ra

phết, bớt lang thang các quán rượu quán bia. Việc in *tiền âm phủ* ông lão làm là chính. Xén giấy, pha mực, lăn rulô...khéo tay ra trò... Kể cũng lạ, cả một đời lão ta chỉ biết có văn thơ, kịch cọt, bình giảng truyện Kiều, có biết *tiền âm phủ* là cái gì..."

Tôi cười nói với chị: "Một người mà đã làm câu thơ: *Tóc mây một mớn chiếc dao vàng. Nghìn trùng e lệ phụng quân vương*..., thì khi cần anh ấy có thể in được cả đô-la".

Bánh rán là một nghề vô cùng vất vả. Phải thức dậy làm từ lúc một giờ sáng, mới kịp có bánh bỏ vào rạng sáng. Chị Khiêm ngày một rầy rạc đi trông thấy. Nét mặt trở nên phờ phạc, xanh xao vì đói ngủ. Chị ngã bệnh. Mấy tháng sau chị mất. Gia đình anh mất đi cây trụ cột chính. Sự nghèo túng như cơn lũ sông Hồng đột ngột dâng lên dìm ngập gia đình nhà thơ. Cháu Ý, cô con gái rượu của nhà thơ, gầy mảnh như một que đóm... Cháu thay mẹ chèo chống gia đình.

Các quán rượu xóm An Dương, nhà thơ nợ đìa, không ai bán chịu rượu cho nữa, nhà thơ phải cuốc bộ sang tận Đông Anh, xin vợ chồng anh con trai dạy học bên đó...

Một buổi sáng, tôi trèo lên phủ cái nóc Chòi bên bờ hồ Tây ngắm sóng của tôi, với mớ giấy dầu cũ vừa xin được. Tôi chợt nghe dưới sân bếp có tiếng phụ nữ khóc. Tôi nhìn xuống, thấy cháu Ý đang đứng với vợ tôi, vừa nói vừa khóc:

"Cô ơi...sáng sớm nay bố cháu còn tiếp bác Nguyễn Lương Ngọc. Tiễn bác Ngọc ra đến cổng, bố cháu quay vào thì ngã vật xuống nền nhà, ngất đi. Chúng cháu sợ quá, chở ngay vào bệnh viện Việt Đức cấp cứu. Các bác sĩ cho biết bố cháu có hiện tượng xuất huyết não. Hiện bố cháu vẫn hôn mê. Cháu sợ bố cháu không qua khỏi được cô ơi!... Mẹ cháu mới mất chưa được trăm ngày... Trong nhà chẳng còn lấy một đồng..."

Tôi cúi xuống nói với cháu Ý: "Cháu đạp xe đến ngay 65, Nguyễn Du, trước cổng có gắn tấm biển đá: "Hội Nhà văn Việt Nam". Cháu vào đó, gặp bất cứ ai, cháu cứ bảo cháu là con nhà thơ Đoàn Phú Tứ, và báo cho họ biết là bố cháu hiện đang nằm cấp cứu ở bệnh viện Việt Đức, hôn mê bất tỉnh. Các anh đó có hỏi: Ai chỉ cháu đến đây? Cháu bảo là chú Phùng Quán..."

"Nhưng để làm gì hả chú?"

"Chú sẽ giải thích sau. Cháu cứ nghe chú, đi ngay đến đó không thì hết giờ làm việc mất.

Cháu Ý hối hả đạp xe đi.

Hai giờ chiều. Tôi đến Hội Nhà văn. Nhà văn Xuân Thiều phụ trách công tác tổ chức của Hội, báo ngay với tôi: "Sáng nay, con gái Đoàn Phú

Tứ đến báo tin, mình liền gọi điện cho Giám đốc Nhà xuất bản Văn Học. Hai cơ quan đã đánh xe vào bệnh viện thăm ông. Bệnh tình xem chừng nguy kịch lắm.".

Tôi hỏi: "Mỗi cơ quan biếu anh ấy bao nhiêu tiền?"

"Hội hai chục nghìn, Nhà xuất bản ba chục nghìn", Xuân Thiều trả lời. Như cũng cảm thấy số tiền quá mỏng manh, anh nói thêm: "Quỹ của Hội gần cạn kiệt nên không thể nào trợ cấp hơn..."

Biết ông không thể nào qua khỏi, các con ông đã đưa ông về nhà. Ông đã mất trong cái "lò bánh mì" của ông, dưới mái nhà như một bầu trời đêm đầy sao...

Cháu Ý đến báo với vợ chồng tôi là hai giờ chiều hôm sau gia đình sẽ đưa ông về Văn Điển. "Các anh cháu - cháu Ý nói - lúc này đang đôn đáo chạy vạy tiền để mua áo quan."

Đêm đó tôi không sao ngủ được. Tôi ngồi bó gối trên Chòi ngắm sóng, nhìn mặt nước hồ Tây đem ngòm hiu hiu sóng. Tôi bỗng nhớ đến câu văn khủng khiếp kết thúc thiên truyện *Tắt đèn* của cụ Ngô Tất Tố. Nhưng nhân vật chính không phải người đàn bà nông dân cùng khổ, mù chữ, mà một thi sĩ cự phách của nhóm *Xuân Thu nhã tập*, đã từng là Chủ tịch hội nghị báo chí thời Mặt trận Bình dân, là đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên..., người nổi tiếng trên văn đàn cả nước từ ngày tôi còn chập chững... Tôi nhớ cách đây chưa lâu, tôi gặp nhà thơ ở nhà xuất bản Văn Học, mặt buồn thiu, tay cứ vân vê hoài bộ ria mép. Ông đến đề nghị nhà xuất bản ứng thêm chút tiền về cái bản thảo ông dịch, sắp in. Nhưng tài vụ cương quyết từ chối vì số tiền tạm ứng của ông đã quá mức quy định. Ông chơi chữ với tôi: "Thế mới biết *tài năng, tài hoa, thiên tài*, đều thua thằng...*tài vụ* hết!"

Lúc đó trong túi tôi có hai nghìn đồng, tiền nhuận bút một bài báo viết chui. Tôi định đi mua một chiếc áo may-ô. Nghe ông nói, tôi cầm lòng không đậu. Thôi không may-ô thời cởi trần vậy, tôi quyết định không mua may-ô nữa, biếu ông một nghìn, và đọc câu nhại *Kiều* đã đi vào văn học dân gian: *"Bắt phanh trần phải phanh trần. Cho may-ô...mới được phần may-ô..."*

Còn lại một nghìn không đủ mua áo may-ô, thì đem đi tiêu hoang. Tôi nghĩ vậy và ra quán rượu phố Nguyễn Du. Hai tiếng đồng hồ sau tôi trở lại nhà xuất bản tìm một người bạn. Các bạn ở nhà xuất bản hỏi tôi: "Phùng Quán đã gặp anh Tứ chưa? Anh ấy đi tìm Quán loạn cả lên." Tôi ngạc nhiên: "Mình vừa gặp anh ấy xong cơ mà...". Vừa đúng lúc đó nhà thơ xuất hiện. Té ra trong hai tiếng đồng hồ qua, ông vẫn còn quanh quẩn ở đây. "Anh tìm em có việc gì thế?" tôi hỏi. "Quán cho mình thêm

một nghìn nữa...Mình đang cần quá."

"Anh Tứ ơi" tôi nói "thánh Pôn chỉ biếu người thiếu áo có cái vạt áo. Em biếu anh nửa cái may-ô, còn nửa cái không mặc được, em đem đi uống rượu mất rồi..."

Cách hơn một tháng trước, vợ tôi đến thăm chị Khiêm lúc này đã ốm liệt giường. Ngoài cân đường biếu người ốm, tôi gửi biếu nhà thơ nửa lít rượu. Nhà thơ hỏi vợ tôi: "Thằng Phùng Quán nó chết rồi sao lâu nay nó không đến thăm tôi?" Chị Khiêm đưa mắt lườm chồng, nói: "Đừng chấp lão ta làm gì...mồm miệng lúc nào cũng độc địa như thế...". Vợ tôi kể lại chuyện này và cũng có ý giận sự độc mồm độc miệng của ông. Nhưng tôi thì rớm nước mắt vì cảm động. Tôi thấy đằng sau lời rủa độc ấy là tình thương quý của ông đối với tôi. "Mình là cái con khỉ gì mà được một nhà thơ như Đoàn Phú Tứ thương quý làm vậy?", tôi thầm nghĩ thế và lòng xốn xang tình cảm biết ơn...

Nhớ lại tất cả những chuyện đó, tôi càng buồn rầu hơn vì vô phương giúp đỡ gia đình ông trong cảnh tang gia cùng quẫn. Tôi lục lọi khắp nhà xem có tìm được vật gì sớm mai đem bán. Nhưng cảnh nhà tôi cũng chẳng hơn gì cảnh nhà ông. Vật dụng có giá trị nhất trong nhà tôi là cái xe đạp mi-ni cũ nát, đem bán chưa chắc đã nổi hai chục nghìn.

Cái khó ló cái khôn. Trong đầu tôi chợt lóe lên sáng kiến: Nghe nói Đoàn Phú Tứ đã từng là đại biểu Quốc hội khóa 1, vậy mình sẽ lên thẳng Quốc hội xin tiền làm ma cho ông. Sáng kiến có vẻ hay đấy, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy khó lòng thực hiện nổi. Tôi lấy tư cách gì để lên tận Quốc hội xin tiền cho ông? Tôi không phải bà con ruột thịt, không phải họ hàng, cũng không phải là bạn của ông... Tôi không có chức danh gì trong các đoàn thể văn học nghệ thuật... Xuất thân là một người lính trinh sát của một trung đoàn thiện chiến, tôi thường bị kẹt vào những tình huống hiểm nguy tưởng chừng không lối thoát, nhưng cuối cùng vẫn thoát. Quân đội đã rèn giũa cho tôi từ thuở thiếu niên cái ý chí: hãy tìm cho ra một kẽ hở ở những chân tường kiên cố nhất để chui qua.

Một giờ sáng, trằn trọc trên Chòi ngắm sóng, tôi đã tìm ra được kẽ hở đó. Nhưng kẽ hở này là một hạ sách, vì nó vi phạm nghiêm trọng đạo lý con người và nhà văn: *nói dối*. Nghĩ vậy, tôi cảm thấy chùn tay. Nhưng thời gian gấp quá rồi, chỉ còn một buổi sáng ngày mai... Tôi tự an ủi: *mục đích sẽ biện hộ cho phương tiện.*

Tôi bật đèn, tìm giấy bút và "sáng tác" một bức thư:

Kính gởi đồng chí Lê Quang Đạo, chủ tịch Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Kính thưa đồng chí, tôi xin báo cáo với đồng chí một tin buồn: Ông Đoàn

Phú Tú, nhà thơ, nhà viết kịch, nhà dịch thuật, và đồng thời là đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, thọ 80 tuổi, đã từ trần ngày hôm qua.

Họa vô đơn chí. Vợ ông là Nguyễn Thị Khiêm vừa mất cách đây hai tháng. Sau ngày vợ mất, ông Đoàn Phú Tứ tìm gặp tôi và nói "Mình cảm thấy như ngọn đèn đã cạn dầu, lụi bấc, chưa biết tắt lúc nào. Tám mươi tuổi rồi, chết không còn là điều đáng sợ, chỉ sợ một nỗi đến lúc nằm xuống, các con chẳng biết lấy gì để làm ma cho bố. Bởi vậy, mình ủy thác Phùng Quán một việc. Nếu mình nằm xuống thì Quán hãy viết thư gửi lên ông Chủ tịch Quốc hội, trình bày hoàn cảnh gia đình mình, và chuyển lời của mình đến ông: "Nếu Quốc hội còn nhớ đến tình cũ nghĩa xưa, thì xin ông một cỗ áo quan và một chút tiền để mai táng."

Bây giờ ông Đoàn Phú Tứ đã nằm xuống. Tôi xin chuyển đến đồng chí lời ủy thác của ông. Mong đồng chí lưu tâm giải quyết. Hai giờ chiều mai, gia đình ông Đoàn Phú Tứ sẽ đưa ông về Văn Điển.

Nay kính thư

Phùng Quán.

Trong cuộc đời làm nhà văn của tôi, chưa bao giờ viết một đoạn văn nào mà tôi phải dằn đo, cẩn trọng đến như bức thư này. Tôi chép đi chép lại bức thư nhiều lần, cân nhắc từng chữ một, sửa chữa thêm bớt.

Tôi chép lại bức thư với nét chữ nắn nót, đề địa chỉ người nhận, với dòng chữ trong ngoặc đơn: *Kính nhờ Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam chuyển.* Đồng hồ chỉ ba giờ sáng.

Tôi đến Trụ sở Hội Nhà văn vào đầu giờ làm việc. May mắn nhà văn Xuân Thiều cũng vừa đến. Tôi trao bức thư và nói gần như năn nỉ: "Anh cố gắng chuyển thư đến tay anh Đạo vào buổi sáng nay, anh ấy mới giải quyết kịp". Xuân Thiều xem bức thư rồi trao lại cho tôi, nói: "Không ăn thua đâu Quán. Chuyện tiền nong đâu có thể giải quyết một cách chóng vánh, dễ dàng như vậy?"

Tôi buộc miệng đọc câu thơ của Uýt-man: *"Dù cho ai thất vọng về người. Ta, ta vẫn đời đời tin tưởng"*. Và tôi nói: "Đã thế, tôi sẽ lên thẳng Quốc hội, gặp anh Đạo".

Tôi dắt xe đạp đến thẳng chòi gác, cố lấy dáng đi thật chững chạc. Anh công an gác trước Trụ sở Quốc hội (33, Ngô Quyền) bước ra hỏi:

"Cụ đến có việc gì ạ?"

"Báo cáo đồng chí, tôi muốn gặp Chủ tịch Lê Quang Đạo."

"Chắc cụ muốn đưa đơn kiện cáo phải không?"

Tôi đoán anh ta cho tôi là một lão nông dân từ làng quê lên. Mà các

cụ ở nông thôn đã tìm lên đến tận Quốc hội thì chỉ có mỗi việc là đệ đơn kháng cáo những chuyện bê bối của chính quyền địa phương.

"Không, đồng chí ạ. Tôi không có chuyện kiện cáo gì đâu. Chỉ cần gặp ông Chủ tịch để đề đạt một công việc cần thiết."

"Thế thì mời cụ dựng xe đằng kia rồi vào gặp bác thường trực."

Ông già thường trực sau khi nghe tôi trình bày vắn tắt, liền trả lời với giọng Quảng Trị đặc sệt:

"Ông Lê Quang Đạo với ông Vũ Mão mới về Hải Phòng chiều qua để kiểm tra việc chuẩn bị bầu cử hội đồng nhân dân các cấp..."

Thế thì không ăn thua rồi anh Tứ ơi... Anh đen quá, đen cho đến chết. Anh dịch *Đỏ và Đen* mà số anh chỉ nhận được toàn phần đen. Tôi đã hết sức với anh, nhưng số phận đã được an bài...Mong vong linh anh đừng giận tôi.

Tôi đưa phong thư và bộ *Tuổi thơ dữ dội*, nhờ ông thường trực chuyển giúp cho Chủ tịch Lê Quang Đạo. Ông ta lên mục kính, đọc tên tôi trên phong bì thư. Ông ngẩng đầu lên hỏi: "Có phải Phùng Quán *Vượt Côn đảo* không?"

"Đúng rồi..."

"Dạo ni nom già gớm hý. Cậu quên tớ rồi à?"

Tôi chăm chú nhìn ông, lòng lấy làm lạ: "Ở một nơi uy nghiêm như thế này sao lại nảy nòi ra một anh quen biết hạng người như mình?"

"Thật tình là mình không nhớ được..." Tôi bối rối nói...

"Vô đây uống chén nước đã, rồi ta nhắc cho mà nhớ. Cậu là lính 'Trăm lẻ một', tớ là lính 'Chín lăm'. Cậu có nhớ trận phục kích đoàn công-voa gần đồn Hòa Lục Nam, chiến dịch Phan Đình Phùng năm 1952 không?"

"Có, có, nhớ rồi..."

"Lúc thu chiến lợi phẩm, cậu với tớ giành nhau khẩu ga-răng, cậu đạp tớ một cú giữa bụng, tớ nện cậu một cú vô quai hàm, nhớ chưa?"

"Nhớ rồi, nhớ rồi... Mà ngày đó tớ nom cậu to con hơn..."

"Xì, già thì người phải teo tóp lại như trái mướp khô... Rứa chớ cậu cần gặp ông Đạo có việc chi?"

Tôi trình bày tóm tắt cậu chuyện và nói: "Thế mà ông Đạo lại đi vắng..., có hết hơi không?..."

"Cậu cứ ngồi đó, chưa chi đã chủ bại. Tớ thấy hồi còn làm lính 'Trăm lẻ một' cậu coi bộ cứng cổ hơn... Để tớ gọi điện thoại cho ông Phó tổng biên tập báo *Người đại biểu nhân dân*, hỏi ý kiến ông ta, liệu có giải quyết được không..."

Người chiến hữu cũ của tôi gọi điện thoại, quay lại nhìn tôi gật gật: "Ông ấy mời cậu lên gặp. Điệu ni là có hy vọng đấy. Chừ cậu đi lên tầng

gác hai, thấy gian phòng ngoài cửa có tấm biển đề Tổng biên tập. Ông ta đang ngồi ở đó".

Phó tổng biên tập báo *Người đại biểu nhân dân*, kém tôi vài tuổi, tên là Thọ. Anh Thọ không những biết Đoàn Phú Tứ mà còn biết cả chuyện ông là người đầu tiên dã ra tay chống tệ tham nhũng, trong vụ Trần Dụ Châu và Lê Sĩ Cửu, từ thời chiến khu Việt Bắc.

Đọc xong bức thư tôi gửi đồng chí Lê Quang Đạo, anh Thọ nói: "Đây không chỉ là chuyện nghĩa cử mà còn liên quan đến ảnh hưởng chính trị... Anh Phùng Quán ngồi đây chờ tôi mười phút, tôi chạy đi mời một số cán bộ chủ chốt của cơ quan. Chúng ta sẽ cùng họp bàn cách giải quyết trong khi anh Đạo đi vắng." Lát sau tôi được mời vào phòng họp. Ngoài anh Thọ, có Vụ trưởng Vụ Tài vụ, Vụ trưởng Vụ Chính sách, một chuyên viên đặc trách những việc đột xuất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bức thư gửi lên đồng chí Lê Quang Đạo được anh Thọ đọc to để tất cả cùng nghe. Vụ trưởng Vụ Chính sách trạc năm mươi tuổi, người cao gầy, ánh mắt sắc sảo, nói: "Trước khi bàn bạc cách giải quyết chúng ta cần kiểm tra ông Đoàn Phú Tứ có phải là đại biểu Quốc hội không đã..." Ông đứng lên ra khỏi phòng họp một lúc rồi trở vào, tay cầm một cuốn sổ dày cộm, bìa bọc vải có chữ mạ vàng. Ông đặt cuốn sổ trước mặt tôi, giới thiệu: "Đây là *Kỷ yếu* danh sách các Đại biểu Quốc hội từ khóa I cho đến nay. Tên đại biểu được xếp theo vần a, b, c. *Đoàn Phú Tứ*, ta tra vần T." Ông lật giở *Kỷ yếu*, tìm vần T. Chúng tôi cùng chụm đầu lại trên ba trang vần T. Không có tên Đoàn Phú Tứ! Tôi tái mặt... Dò tìm lại lần nữa. Có Nguyễn Đình Thi, Phan Tứ... Nhưng Đoàn Phú Tứ thì không. Tôi hoảng sợ thật sự. Thật ra, việc Đoàn Phú Tứ là Đại biểu Quốc hội khóa I thì tôi cũng chỉ nghe nói vậy thôi, chứ chưa bao giờ hỏi thẳng ông... Nếu Đoàn Phú Tứ không phải là Đại biểu Quốc hội thì những con người sắc sảo này sẽ nhận ra ngay sự gian dối của bức thư. Nếu không là Đại biểu Quốc hội thì không đời nào Đoàn Phú Tứ lại dám ủy thác tôi: "Nếu còn nhớ đến tình cũ nghĩa xưa..." Như vậy là tôi đã tự chuốc lấy một hoàn cảnh hết sức lố bịch. Tôi chợt nghĩ: vẫn còn một tia hy vọng. Tôi nói: "Nhưng nhà thơ Đoàn Phú Tứ Đại biểu có mấy năm, sau đó ông bỏ vào thành..." Vụ trưởng Chính sách nói: "Đây là sổ *Kỷ yếu*. Trong sổ này có cả tên Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh".

Lúc này tôi chỉ muốn chui xuống đất. Bụng nghĩ: Phải làm thế nào để rút nhanh ra khỏi nơi này. Tôi lắp bắp, ấp úng: "Việc này tôi nghe các anh ở Hội Nhà văn nói chắc lắm. Có lẽ để tôi về hỏi lại anh Nguyễn Đình Thi xem sao. Anh Thi cũng là Đại biểu Quốc hội khóa I..." Miệng nói,

chân tôi dợm đứng lên, cốt làm sao rút được thật nhanh ra khỏi gian phòng họp. Bất chợt tôi liếc nhìn thấy trong sổ *Kỷ yếu* có mục : *Những đại biểu Quốc hội đào nhiệm*. Tôi hồi hộp nói: "Thử tra cứu mục này xem có tên ông Tứ không". Ngón tay trỏ tôi lần dọc theo các hàng tên..." Đoàn Phú Tứ đây rồi!" Tôi nói gần như reo.

Vụ trưởng Chính sách xem lại lần nữa, rồi gật đầu: "Qua khâu kiểm tra, ông Đoàn Phú Tứ đúng là có danh sách trong đại biểu Quốc hội. Nhưng ông đã đào nhiệm từ năm 1951. Chúng tôi không còn có trách nhiệm gì về ông, nên không có chính sách cấp tiền làm tang lễ cho ông...

"Chính sách đất nước quý trọng nhân tài", tôi nóng nảy ngắt lời ông. "Tuy ông đào nhiệm, nhưng trước đó ông là nhà thơ đầu tiên đứng lên chống tệ tham nhũng. Và ông ta đã chống một cách thật can đảm. Ông đã vạch mặt Trần Dụ Châu, đại tá Cục trưởng Cục Quân nhu, phè phỡn trên xương máu chiến sĩ. Trần Dụ Châu đã bị xử bắn như chúng ta đã biết..." Cảm thấy chừng ấy lý lẽ cũng chưa đủ sức thuyết phục họ, tôi liền vận dụng đến thơ. Tôi nói: "Một nhà thơ Cộng sản người Đức tên là Béc-tôn Brếch, từng viết những câu thơ đầy sức mạnh giáo huấn: *Một người đấu tranh một giờ là một người tốt. Một người đấu tranh nhiều ngày là một người tốt hơn. Một người đấu tranh nhiều năm là một người tốt hơn nữa. Một người đấu tranh suốt đời thì rất hiếm...*"

Thật ra đoạn thơ này còn câu cuối cùng: "*Những người đó mới thật cần thiết cho chúng ta*"; nhưng tôi đã cắt bỏ câu này để cho việc trích dẫn thơ có lợi cho mục đích của tôi. Tôi nói tiếp: "Như vậy nhà thơ Đoàn Phú Tứ là "*một người tốt hơn nữa*", vì ông đã đấu tranh nhiều năm".

"Thơ hay quá!" mọi người trầm trồ, "đề nghị anh đọc lại cho chúng tôi chép."

Tất cả cùng mở sổ tay, rút bút bi. Tôi đọc chậm rãi từng câu một như kiểu thầy giáo đọc chính tả cho học sinh... Vụ trưởng Tài vụ hỏi:

"Đồng chí nhà thơ cộng sản này là ở Đông Đức hay Tây Đức?"

"Cộng hòa Dân chủ Đức, người đã sáng lập ra đoàn kịch nói quốc gia Béc-lanh!"

Tôi không ngờ thơ lại có sức mạnh thuyết phục đến như thế. Vụ trưởng Vụ Chính sách hăng hái nói:

"Đúng, chúng ta cần phải gửi tiền đến để góp phần tổ chức tang lễ cho nhà thơ, mặc dầu chưa có chính sách về những trường hợp như thế này. Chúng ta cần phải linh động vận dụng chính sách."

Vụ trưởng Tài vụ có vẻ nghĩ ngợi lung lắm, ông nói: "Nhưng ký duyệt những khoản tiền đột xuất như thế này thì phải đồng chí Lê Quang Đạo, hoặc đồng chí Vũ Mão... Mà bây giờ cả hai đồng chí đều đi vắng..."

Anh Thọ nói: "Nếu chưa kịp gửi tiền thì chúng ta có thể gửi một

vòng hoa đến viếng." Vụ trưởng Tài vụ gật đầu: "Việc mua vòng hoa...đã mười một giờ", ông đứng lên, "Các đồng chí cứ ngồi đây nói chuyện. Tôi cho người đi đặt vòng hoa thì mới kịp".

Vụ trưởng Chính sách băn khoăn: "Không biết nên đề lên vòng hoa như thế nào... Vì ông Tứ không còn là đại biểu Quốc hội nữa". Tôi nói: "Theo tôi có thể đề: *Kính viếng hương hồn nhà thơ Đoàn Phú Tứ - Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.* Quốc hội gửi vòng hoa viếng một nhà thơ nổi tiếng, việc này vừa hợp với đạo lý vừa có ảnh hưởng chính trị tốt không những chỉ trong nước mà cả ở nước ngoài". Mọi người đều tán thành cách giải quyết của tôi. Anh Thọ gọi điện cho họa sĩ phụ trách "mi" của báo *Người đại biểu nhân dân* để yêu cầu tạm xếp công việc "mi", viết ngay một "băng-rôn" vải đỏ chữ vàng với nội dung trên.

Vụ trưởng Chính sách hỏi tôi địa chỉ của nhà thơ. Tôi nói: "Nhà ông ở bãi An Dương, hơi khó tìm. Tôi sẽ làm người dẫn đường. Đúng 1 giờ 30 tôi sẽ có mặt ở đây để cùng đi với các đồng chí".

... Đồng hồ đã chỉ 12 giờ. Tôi thấy mệt lả và đói mềm người. Nhưng tôi tính toán: nếu trở về nhà ăn cơm rồi đạp xe đến thì không kịp mất. Tôi quyết định ở lại đây buổi trưa. Tôi ghé vào phòng thường trực ngồi chơi với người chiến hữu cũ ở sư đoàn, hút thuốc lào và ôn lại những kỷ niệm chiến trường để dịu bớt cơn đói.

Đúng 1 giờ 30, chiếc Vonga đen choáng lộn mang biển số Văn phòng Quốc hội, chở một vòng hoa lớn, vắt chéo tấm "băng-rôn" đỏ nổi bật dòng chữ nhũ vàng do một họa sĩ trang trí viết: *Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước - Kính viếng hương hồn nhà thơ nổi tiếng Đoàn Phú Tứ,* chạy về phía bãi An Dương.

Chúng tôi đến nơi đúng vào lúc gia đình ông làm lễ trước khi đưa linh cữu ông lên linh xa. Trước chiếc cổng tre xập xệu, có hơn chục người, đứng chen chúc nghiêng ngó nhìn vào bên trong nhà. Tôi điểm mặt trong số này có ít nhất năm, sáu chủ nợ thường xuyên của ông, và có lẽ trước khi mất ông chưa kịp thanh toán. Tôi bước xuống xe, nói to với đám con nợ này: "Tôi đề nghị các ông các bà tránh giúp ra hai bên để Quốc hội và Hội đồng Nhà nước đưa vòng hoa vào viếng cụ chủ nhà quá cố".

Tả sao xiết vẻ ngạc nhiên sửng sốt của đám người này. Họ vội vàng dẹp dạt sang hai bên, hết nhìn chiếc Vonga choáng lộn lại nhìn cái vòng hoa tang đồ sộ vắt chéo giải "băng-rôn" đỏ chói nổi bật dòng chữ nhũ vàng. Họ xì xầm:

"Chắc ông cụ này là cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước..."

"Ông ta nợ rượu, ở nhà lợp giấy dầu, làm bánh rán, in *tiền âm phủ*, là ... kịch hết! Chắc ông ta có biệt thự riêng ở nội thành như các quan chức to..."

"Ông ta về ở cái xó bãi An Dương này là cốt để sâu sát, tìm hiểu tình hình nhân dân..."

Một số người thì lộ vẻ mừng rỡ, có lẽ nghĩ rằng số nợ rượu những tưởng mất trắng, vì ông trốn về âm phủ, chắc chắn sẽ được thanh toán trên mức sòng phẳng

"Ông ta cao sang thế kia mà!..."

Ba hôm sau. Vụ trưởng Tài vụ và Thư ký tòa soạn báo *Người đại biểu nhân dân* đi xe Vonga đến nhà tôi. Họ trao cho tôi bức thư của Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo. Nội dung bức thư như sau:

Ngày 27 tháng 9 năm 1989.

Tôi mới nhận được bộ tiểu thuyết ba tập Tuổi thơ dữ dội của anh gửi cho. Vợ chồng tôi chân thành cảm ơn anh. Chúc anh có thêm nhiều tác phẩm mới, nhiều thành công mới trong sự nghiệp văn học của mình. Về chuyện anh Đoàn Phú Tứ, tôi đi công tác về, sáng ngày 23/9 mới biết là có thư anh, cũng ngày hôm đó tôi được tin anh Đoàn Phú Tứ đã mất. Qua thư anh tôi hết sức thông cảm hoàn cảnh anh Đoàn Phú Tứ.

Tôi đã nói với Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước trợ cấp một khoản tiền giúp gia đình anh ấy. Tôi cũng được Văn phòng Quốc hội và Nhà nước báo là đã đưa vòng hoa đến viếng anh Đoàn Phú Tứ. Nhờ anh chuyển đến gia đình anh Đoàn Phú Tứ lời chia buồn của tôi.

Đạo

Chờ tôi đọc xong thư, Vụ trưởng Tài vụ nói: "Chúng tôi muốn anh cùng đi với chúng tôi ra nhà anh Tứ để chuyển số tiền trợ cấp mà trong thư anh Đạo đã nói. Anh có bận gì không?"

Tôi vui vẻ nhận lời ngay. Chúng tôi ra đến nơi, có đông đủ các con anh đang ở nhà. Tôi nói với các cháu: "Các đồng chí ở Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước mang tiền ra phúng bố cháu. Các cháu đặt tiền lên bàn thờ, thắp hương khấn bố cháu: "Quốc hội vẫn không quên tình cũ nghĩa xưa... Chắc bố cháu sẽ vui lắm"...

Tôi được nhiều địa phương trong nước mời đến đọc thơ và nói chuyện văn học. Tôi thường kể lại câu chuyện này với thính giả. Hầu như địa phương nào cũng có thính giả đứng lên hỏi: "Số tiền được trợ cấp là bao nhiêu?" Tôi ngập ngừng một thoáng và nói tăng lên gấp mười: "Năm trăm ngàn đồng" (còn nếu là năm mươi ngàn đồng thì lúc ấy chỉ mua được hai nhăm cân gạo...) Thính giả nghe vậy đều than thở: "Số tiền thật quá ít ỏi". Nhưng họ lại nói với tôi như để đả thông: "Quốc hội ta đang quá nghèo, và những nhân tài như nhà thơ Đoàn Phú Tứ không phải là ít."

Nhiều năm tháng đã trôi qua. Mộ nhà thơ Đoàn Phú Tứ đã được các con cải táng...

Nhưng lòng tôi sao vẫn ray rứt mãi không yên. Trong sự việc này tôi đã phạm hai lần nói dối. Càng luống tuổi, càng sống, càng chiêm nghiệm tôi càng không tin rằng "mục đích có thể biện hộ cho phương tiện". Trên khắp thế gian, người ta đã phạm biết bao nhiêu tội ác chỉ vì cái lập luận đáng sợ này.

Nhưng lỗi lầm mà tôi đã phạm phải trong công chuyện nhà thơ Đoàn Phú Tứ, có nguồn gốc sâu xa của nó. Năm tôi mười tám tuổi, là lính trinh sát của Trung đoàn 101. Tôi được cử vào đội bảo vệ một đoàn văn nghệ sĩ từ vùng tự do Liên khu 4, vào Thừa Thiên đi thực tế chiến trường. Trong đoàn này có nhiều nghệ sĩ nổi tiếng như Thanh Tịnh, Phạm Duy, Bửu Tiến...

Đội bảo vệ chúng tôi có tám người, vừa làm công tác bảo vệ, vừa dẫn đường , trinh sát. Trước khi lên đường nhận công tác, Chính ủy Trung đoàn Trần Quý Hai đến gặp chúng tôi, chỉ thị: "Nhân tài là vốn quý của đất nước. Một đất nước không có nhân tài thì đất nước đó sẽ lụn bại. Bởi vậy các đồng chí phải bảo vệ văn nghệ sĩ như bảo vệ con ngươi giữa mắt mình". Chúng tôi đã thi hành chỉ thị của Chính ủy hết sức nghiêm chỉnh. Ngày đó chiến trường Thừa Thiên bom đạn đầy trời, giặc càn quét liên miên. Suốt hai tháng, đạn giặc không dụng được đến cái lông chân đoàn văn nghệ sĩ. Đội bảo vệ chúng tôi hy sinh mất hai chiến sĩ, còn tôi thì bị thương ở cẳng chân, suýt bị cưa phía trên đầu gối.

Do được ở gần đoàn văn nghệ sĩ, cánh lính bảo vệ chúng tôi cũng tập tọng bắt chước các anh, làm thơ. Tôi có làm được vài câu nôm na như sau: "Nếu các anh bị bốn bề vây súng giặc. Chúng tôi sẽ xông ra lấy ngực che đạn cho các anh..."

Do đó về sau này, mỗi lần nhìn thấy các anh văn nghệ sĩ có tên tuổi, có tài năng phải sống khổ cực như nhà thơ Đoàn Phú Tứ, tôi lại nhớ đến lời của Chính ủy năm nào ... Khốn nỗi, bây giờ muốn che chở, bảo vệ nhân tài, không cần đến ngực, đến máu (thứ chúng tôi có sẵn) như ngày ở chiến trường. Mà cần tiền - thứ chúng tôi hoàn toàn không có - Bởi vậy tôi phải sử dụng đòn liều mạng, mà trong thâm tâm tôi biết đó là một biện pháp tồi tệ, không thể nào tự tha thứ được...

Tôi trông chờ sự phán xét dù nghiêm khắc đến đâu.

Tôi hy vọng có như vậy tôi mới được cứu rỗi. ❑

Thấy lại chút Sài gòn
NGUYỄN VIỆT THƯỜNG

**** Chiều Hàm Tử***
Dâu còn mây chùn trên sóng tím
Chỉ những ánh đèn buồn lung linh
Bãi thưa
Ngày xưa
Người nay dẳng miệng
Bến gió ngậm ngùi
Câu chuyện tử sinh
Dãi sóng bấp bênh dập bờ cỏ lạ
Về như mưa nhớ nguồn
Lặng lẽ tâm thân

**** Mẹ***
Ghềnh thời gian vẫn không gian
Bạc mầu thăm thẳm sương sang bên trời
Mẹ ru bóng núi à ơi,
Nhánh rong thương nhớ muốn thôi phiêu bồng
Mẹ ru còm cõi đời không
Mái tình sao dẫm lệ nồng hợp tan
Mẹ ru hồi nhặt hồi khoan
Những thinh âm ấy dội ngàn lời thiêng.

**** Mưa qua lăng cũ***
Theo về đây chút đỉnh mây hiền
Có nhánh mưa vương trên tàng thốt nốt
Ngọn lá nào còn ba mươi năm trước
Nghe lại chiều nay chuyện kể huyên thuyên.

**** Tây Ninh***
Chiều chôn bóng núi ngang nhiên
Long Hoa tám cửa sầu chuyên giọt chiều
Thấm hồi kinh tụng siêu siêu
Tứ phương Phật pháp một chiều nhân sinh.

New York, N.Y. Gặp Lại "Croissant Doré"

Trần Hồng Châu

Đức bỏ tờ *New York Times* xuống bàn. Ngước mắt nhìn lên. Dư vị cà phê đen tan biến thành lình trên đầu lưỡi. Anh chợt khựng lại. Một luồng điện chạy khắp thân thể làm đông cứng thịt da và thần kinh. Chết đứng. Như một con thú rừng thoáng nghe tiếng động lạ bên bờ suối không người qua lại. Cả phòng tiếp khách lớn, tầng chệt, của khách sạn hình như cũng di động, đong đưa. Có cái gì thật là ngỡ ngàng. Có cái gì như xa rồi gần, là lạ quen quen, rõ ràng mà cũng thật là mơ hồ.

Khuôn mặt người phụ nữ đang nói chuyện với bà Trưởng ban Ngoại văn của trường anh. Hình như nó đang bập bềnh trôi giữa vùng tiềm thức và tư duy sáng sủa. Đúng cái trán cao và thẳng. Cao vừa thôi, đủ để phù hợp với dáng vẻ đàn bà, để mộng mơ mời chào về những gì trong sáng, điểm thêm một liều lượng trí thức vừa phải, không tầm thường mà cũng không kênh kiệu. Thẳng như cẩm thạch vầng trán nữ thần Hy Lạp. Như...những trường thành thiên nhiên, trắng, của bờ biển Anh quốc nối liền với mây trắng tận chân trời. Vầng trán có tóc tơ lòa xòa để đường biên càng thêm mơ hồ. Hình như có thời tóc đã dài hơn và uốn lượn thành từng đợt sóng, hôm nay thì ngắn, đơn giản và "cổ điển" hơn. Hình như mầu tóc không thay đổi. Vẫn óng ả suối tơ vàng, nhưng đã thoáng điểm chút nhạt nhòa ngân nhũ làm từng sợi, từng sợi có vẻ phân vân, ngập ngừng hơn. Đôi môi đang cười nói thì quả vẫn là cái gì linh động nhất. Son hồng nhạt, mầu hoa đào phơn phớt thôi, thật là tự nhiên, đúng như sắc độ Đức ưa thích và thường gợi ý cho những người đàn bà thân thiết nhất. Nụ cười cũng vẫn thế. Rực rỡ, kiềm tỏa lòng người, tuy đã có vẻ hơi mệt mỏi, xa vắng. Cũng vẫn làn da trắng hồng, hầu như không thoa phấn, còn mịn màng mặc dầu đây đó đã xuất hiện vài nếp nhăn nhỏ và kín đáo. Còn cái nốt ruồi trên cằm, lệch về bên phải một chút, thì vẫn đúng là...hải đảo đa tình, không khác gì thời anh còn ở đường St

André des Arts, ít ra là mười hai năm trước đây. St André des Arts, St Germain des Prés, Café Flore rồi cột đồng hồ gần ga *métro* Odéon... Kỷ niệm Paris mờ nhạt, tan loãng nhưng cũng thôi thúc lạ thường.

Người phụ nữ chợt ngưng nói chuyện, ngửng đầu nhìn về phía Đức. Như có một sợi dây vô hình kỳ lạ. Nối liền hai người bỗng dưng thành tượng đá. Đức vẫn còn ngờ ngợ, rụt rè. Biết đâu trên thế gian này, trong ngàn vạn người, lại chẳng có hai người giống nhau như đúc!

— Cô có phải là Edith P? Câu nói thoát ra, tự động, thẳng băng, không kiềm chế nổi.

Người đàn bà mở to mắt, nhìn thẳng vào mặt Đức, mắt hơi lạc đi, tóc rung rinh, chao đảo:

— Duc! Le Duc trước ở Paris phải không? Đúng rồi! Đúng rồi!

Rồi nàng chạy vội tới chỗ Đức, nắm chặt tay anh lắc mạnh:

— Sao lại có thể như vậy? Như vậy? Trời ơi

Rồi ôm choàng lấy anh, vỗ nhè nhẹ vào lưng... Cảm tưởng như một đợt sóng lớn tràn dâng, trùm lên người muôn vàn mát rượi. Anh lặng im, nhắm mắt... Như khi ở trên bãi biển, một mình với trời nước mênh mông.

Phải, sao lại có thể như vậy? Cuộc tái ngộ kỳ diệu. Anh thấy ở đây một bí ẩn nhiệm mầu. Những đợt sóng tâm linh đồng điệu? Những dòng điện vũ trụ thân thiết cùng tần số? Bà chị Đức ở Hà Nội, sau tháng tư 75, vào chơi Sài gòn, ngay hôm đầu đi chợ Bến Thành là tức khắc, tình cờ gặp bà bạn chí thiết xa cách nhau hàng mấy chục năm. Mà kỳ lạ thật: bà bạn này nghỉ hưu tại Đà Nẵng từ năm, sáu năm, nay mới lại vô Nam chơi. Hình như hai người vô hình chung đã hẹn nhau tại trung tâm Sài gòn! Có những cái gì thực là khó hiểu, ngay trong cuộc sống bình thường nhất!

Rồi Edith hỏi dồn dập:

— Đức sang đây hồi nào? Ở đâu? Mạnh khỏe chứ? Sao lại tới khách sạn này? Dạy học hay làm gì khác? Còn nhớ Boulevard Jourdan không?

Như một dòng thác lũ những câu hỏi, không đợi câu trả lời, bao trùm lấy Đức. Như một tấm màn nồng ấm, trĩu nặng tâm tư sôi nổi và trìu mến, một "vòng đai xiết chặt những êm dềm", như anh từng viết trong một bài thơ tuổi trẻ. Anh hít mạnh không khí thoang thoảng mùi cỏ khô, mùi nhụy hoa, mùi tóc đàn bà ngọt lịm, ngây ngất, mặc dầu dầu đây chỉ có không gian cửa đóng kín, và gạch đá hạn hẹp của tòa nhà khách sạn. Chắc hẳn giác quan cũng có nhiều đường giao thoa, nhiều cung bực phù hợp với âm sắc tư duy và cảm xúc đang chấn động mạnh trong phút giây độc nhất này.

Blvd Jourdan... Cách đây cả chục năm... Đức và Edith gặp nhau nơi

phòng đọc sách Maison internationale, rồi trong một bữa ăn thân mật tại nhà giáo sư P. Moreau, rue de Passy, Paris 16. Vị giáo sư hiền từ, uyên thâm và đầy phong thái nghệ sĩ này là người thân vì đã từng bảo trợ luận án văn chương cho Edith và Đức, trong những năm tháng thực khó quên.

Tuyết đã rơi ở New York, nhưng nhìn ra ngoài trời lạnh lẽo anh chỉ thấy tháng tư Paris với đây đó tràn đầy búp non như lụa nõn, phơn phớt tím nhạt, hồng nhạt, mầu Vệ nữ, mầu tuổi trẻ đam mê, ít nhiều xa rời thực tế... Búp non trên đường đi đến quán ăn trong khuôn viên Học xá, trên đường, từ nhà Provinces anh ở, đến Pavillon Américain nơi trú chân của bọn nam nữ sinh viên từ New York, Chicago hay San Francisco tới Paris tầm sư học đạo.

Edith và Đức ngồi bên nhau trên ghế sofa bọc da thứ thiệt, mầu đen, loại ghế người ta gọi là love seat, chẳng biết có phải vì nó chỉ đủ chỗ cho hai người tâm sự vụn với nhau về đủ mọi "chuyện chúng mình", những mảnh vụn buồn vui nho nhỏ như sớm chiều mưa nắng của cuộc đời bình thường. Hôm nay cũng chừng ấy chuyện thôi, nhưng vui hơn, sống động và điểm thêm một chút ngậm ngùi, bâng khuâng. Vì đã có một khoảng cách thời gian lắng đọng. Vì những mảnh đời tản mát lại được nối liền như hai đầu vòng tròn khép kín lại...

Đây là khách sạn Waldorf Astoria, từng là trạm nghỉ chân của nhiều nhân vật nổi tiếng. Đức cảm thấy thích thú vì lần này là một chuyến đi "chùa", do ban ngoại văn của Trường anh đài thọ cho phái đoàn giáo sư đi dự khóa hội thảo của Hội Ngôn ngữ và Văn học hiện đại ở New York. Tuy chẳng giầu có gì bản thân anh cũng thường cố gắng chịu chi tiền khách sạn loại sang mỗi khi đi du lịch (cố nhiên là chỉ...một đêm thôi!) Để thụ hưởng toàn vẹn "chất lượng" cuộc sống, để thử kinh qua ấn tượng và cảm nghĩ của những nhà du lịch lớn như P. Morand, E. Hemingway hay S. Maugham. Tại những khách sạn nặng trĩu kỷ niệm lịch sử và văn nghệ kiểu Plaza Athenée ở Paris, Excelsior ở Roma hay Peninsula của Hong Kong và Rafles của Singapore... Đây là khu thuộc phòng khách lớn của khách sạn Waldorf, được gọi là Peacock Alley, nơi để những kẻ giầu sang qua lại phô bầy quần áo, nữ trang như loài công hay xòe cánh khoe vẻ đẹp, mầu thanh. Lối đi của loài công... Nhưng hôm nay, nơi chốn này chỉ là khung cảnh tái ngộ của hai con người đã từng có lúc đi chung một đoạn đường tuổi thanh xuân thơ mộng, cách xa đây hàng vạn ngày và hàng mấy ngàn dặm đường!

— Ngọn gió nào thổi chúng ta lại đây nhỉ? Edith lại hỏi giọng hào hứng, bồng bột.

Đầu hơi rung, tóc lòa xòa thêm. Hình như Đức đang tiến bước vào một vùng trời đẹp, êm dịu, ngất ngây như nhấp rượu mạnh. Mắt anh

không rời đối tượng, một thói quen mà anh tưởng đã mờ nhạt với thời gian, nay chợt sống lại... Vẫn nốt ruồi gợi cảm đó, điều mà anh hơi lạ vì thường thì phụ nữ ở đây cũng như các mỹ viện đều không muốn nó tồn tại. Nhớ lại hồi xưa, gặp lúc cao hứng, nàng khoe "còn có thêm một điểm hồng nữa cơ!" làm anh khôi hài nửa đùa nửa thật: Đấy là quý tướng em nhớ không! Vẫn nụ cười bình minh đó với hàm răng đều đặn, trắng muốt. "Nụ cười em giấc mơ hồn bạch ngọc... Những hình ảnh có vẻ hơi xưa cũ, nhưng hôm nay đối với anh lại rất thực, rất thấm vì là một cảm nhận trực tiếp, nguyên sinh... Hình như thời gian dừng chân một chỗ. Muôn ngàn ấn tượng chập chờn, chồng chất như những lớp sơn mà họa sĩ dàn trải lên khung vải, từ đấy nhào quét, pha trộn, mong tìm ra mầu sắc lý tưởng, gợi cảm nhất. Anh mơ hồ thấy mình đang đứng giữa một hoang đảo chung quanh sóng biển chập chùng, nhấp nhô, chao đảo. Hình như anh đang nâng niu trong tay một bông hoa huyền hoặc mà từng cánh, từng cánh mong manh, phù du, nhưng vẫn hiện hữu, ở với anh, thực hơn cả sự thực...

— Đức dùng cà phê nhé. Ở đây có *capuccino* "được" lắm.

— Không, Đức như chợt tỉnh cơn say, anh thích hút thuốc hơn.

Rồi anh với tay gọi người bồi cho một gói Marlboro. Anh cảm thấy tay cầm điếu thuốc đưa lên miệng ngậm một cách vay mượn, kịch cỡm làm sao ấy! Thì ra đã hàng chục năm anh không hút thuốc. Mùi thuốc cũng là lạ, đắng và cay sè...

Thời đó có khi một mình anh ngồi "dốt" bay cả một, hai gói trong đêm trắng. Tất nhiên là đêm có bal vui nhộn, lúc ngồi thân mật bên một bạn gái kỳ cựu, lúc một mình vẩn vơ đợi chờ một "kỳ ngộ" nào đó. Mùi rượu, mùi phấn son, mùi thuốc lá, mùi thịt da... Một bản giao hưởng thơm phức, nhưng ngột ngạt, đượm mầu sắc dục và cũng không thiếu phần thơ mộng. Phòng khiêu vũ Paris đủ loại, đủ kiểu. Thân mật, hồn nhiên như ở Cité, Học xá quốc tế, hơi trịnh trọng hơn một chút trong những hành lang lịch sử, mênh mông của Trường Luật, công trường Panthéon, hay Sorbonne đường St Jacques, hoặc vui nhộn hơn nữa là sàn nhẩy nhỏ hẹp, láng bóng của những hộp đêm Jockey, Vénus, Boule Blanche...ở Montparnasse hay Montmartre. Đức và Edith đều thích những điệu chậm hay nếu nhanh thì cũng phải quay quay thật lãng mạn như valse. Anh còn nhớ những buổi nhẩy đầu tiên anh có thói quen, như bất cứ chàng trai nào, kéo "nữ kỵ binh" lại sát mình, nhưng với nàng, anh đã ngạc nhiên thấy một sức cưỡng lại để lúc nào cũng có khoảng cách rõ ràng. Khoảng cách đó chỉ biến mất mấy tuần sau khi hai người đã biết nhau hơn. Lúc đó anh mới châm biếm: Tôi biết các cô "*puritaines*" mà, khi ra ngoại quốc các cô mới thực sự là "quậy"!

Thời đó sao mà cái gì cũng dễ dàng, dễ nhớ dễ quên, dễ buồn dễ vui. Có hôm vì mải tránh mưa và vội đến Collège de France nghe thuyết trình, hai người đuổi theo xe bus đến mệt đứt hơi và gần như té nhào khi leo lên xe, làm hành khách đi cùng chuyến phải trố mắt nhìn. Có hôm đi métro về khuya đến Denfert quên không đổi tầu, bị kéo tuột đến Place d'Italie, Edith buồn rầu nhìn áo dạ hội vừa nhầu vừa có vết rượu, song lại cười rũ rượi vì một câu khôi hài rất đúng lúc của Đức.

Tiếng nàng vọng lại bên tai:

— Kỳ lạ thật! Hay có phép thần thông biến hóa nào? Em đi dự khóa họp thường niên của Hội Văn Ngữ cũng nhiều lần rồi, khi Chicago, khi San Francisco, khi New York. Nhưng có bao giờ ngờ là anh đã rời Việt Nam sang Mỹ dậy học từ mấy năm rồi... Để cho đến hôm nay chúng mình lại gặp nhau ở đây. Bất ngờ thật!

— Ờ, hình như "duyên may run rủi", có cái gì đó chẳng hiểu nổi. Đáng lẽ là anh không đi họp kỳ này, vì năm ngoái đã đi rồi. Nhưng năm nay, đến phút chót, có ông bạn cùng trường bận việc lại yêu cầu mình đi thay. ừ thì đi! Mình vẫn đam mê New York mà. Lại thêm ở Waldorf mấy ngày, không phải chi một xu nhỏ. Còn gì hấp dẫn bằng!

Kỳ lạ mà cũng thú vị... Đức nghĩ thầm chắc phải có một dòng điện tâm linh, huyền bí, một bản năng "sinh vật" nào đó đã hướng dẫn những người đồng điệu cũng đến một điểm hẹn nhất định. Mười mấy năm trời rồi! Gặp nhau mà như trong mơ! *Phiên nghi mộng lý phùng*. Từ Paris tỏa ra hai hướng trời, mỗi người theo đuổi một cuộc đời riêng tư với những buồn vui nhỏ bé của kiếp người. Rồi lại tình cờ gặp nhau ở New York! Như hai mảng lục địa trôi dạt vừa được ráp nối lại. Như những sợi chỉ bàn tay, tách rời, nhưng vẫn có thể gặp nhau trong một hệ thống đường nét chằng chịt. Như những đường thẳng trong hình học, cũng cách biệt riêng rẽ, rồi sau lại có thể quy tụ, hội ngộ ở một điểm nào đó trên một hình đa giác chẳng hạn.

Khách sạn Waldorf, Peacock Alley. Đường đi của loài công... Chắc chắn với Đức và Edith đây không phải là một hội chợ phồn hoa để khoe sang, khoe giầu, khoe những đôi cánh xòe và đuôi quạt rực rỡ đỏ vàng xanh tím. Anh và cô bạn chỉ là một đôi chim nhỏ, lông cánh khiêm nhường. Một đôi bồ câu đang nhặt hạt vụn bánh mì trong công viên. Những hạt vụn kỷ niệm rơi rắc trên bờ đường ngang dọc của cuộc đời. Những hạt vụn nhấm nháp từ từ, khoan thai, như cố để thâu góp lại tất cả vị ngọt bùi đã trôi dần về dĩ vãng. Vì với khoảng cách thời gian, mọi sự vật, mọi tình cảm đều như được bao phủ trong nhạt nhòa sương khói của sắc cầu vồng hồi tưởng, làm dịu bớt những gay gắt sắc cạnh của thực tiễn. Đúng thế, kỷ niệm xưa, dù buồn, dù không đẹp, một ngày nào đó

với khoảng cách thời gian chắc rồi cũng sẽ có cái thi vị riêng của...kỷ niệm!

Edith hỏi Đức nhiều về cuộc đời "hậu Paris" của anh. Anh chỉ biết nói là, sau ngày chia tay, anh còn ở lại thêm một thời gian ở Đức, Ý và Anh trong giai đoạn Âu châu của cuộc đời mà anh thường gọi đùa là thời "Hoa Sơn luyện kiếm". Nàng chăm chú nghe, mắt mở rộng, thỉnh thoảng bờ mi lại chớp nhè nhẹ, chiếc cằm thon với nốt ruồi xinh xắn vẫn nằm im, trong lòng tay, dựa vào bàn tay còn lại, với những ngón tay cắt xén gọn ghẽ, không hề có một dấu vernis điểm trang lòe loẹt.

Anh vẫn nói, giọng trầm trầm, tâm sự như trong mơ. Nàng được biết thêm là, chìm đắm trong những xúc cảm mạnh do thiên nhiên, con người và lịch sử mang lại, anh vẫn cố gắng xê dịch nhẹ nhàng giữa những kinh vĩ tuyến không gian và thời gian khác nhau, giữa những bình diện tâm hồn luôn luôn đổi thay để mong thể hiện một tổng hợp tinh thần nhịp nhàng khi về quê nhà giảng dạy tại một số đại học. Giấc mơ thì lớn nhưng thực hiện thực là nhỏ nhoi. Có điều anh tin chắc là đông đảo sinh viên, và thanh niên nói chung, đã thấy anh hăng say làm việc với một tinh thần khai phóng, nhưng cũng rất trân trọng những giá trị của truyền thống xưa. Và chính trong môi trường phong phú đó, anh lại thấy mình trở về nằm trong lòng tay ấm dịu của quê hương. Một quê hương tiều tụy, rách nát vì những đảo lộn kinh thiên động địa của thời đại, nhưng cũng chính vì thế mà Mẹ khổ đau, không ngừng nước mắt, lại càng được yêu thương hơn... Đức chợt im bặt, ngạc nhiên vì thấy mình đang dùng một loại ngôn từ hơi văn vẻ và cũng trịnh trọng nữa. Nhưng rồi lại tự nhủ: Sự thực của kinh nghiệm bản thân với quá nhiều khát vọng, và trăn trở, sự thực của hoàn cảnh đất nước đầy bi thương và tủi nhục, có lẽ đôi khi cũng cần được chuyên trở bằng lời văn "nóng" như vậy! Im lặng một lúc rồi anh nhìn thẳng vào mắt Edith:

— Còn em thì sao?

— Từ hôm chúng mình chia tay, như đã nói, em về Vermont ở với mẹ và em trai. Hiện nay Jim là Trung Tá không quân đóng ở căn cứ Andrews nên ở nhà chỉ còn mẹ và em. Em khởi đầu là giảng sư ở Đại học Vermont. Và, từ đó tới nay, sống lâu lên lão làng, sau cả chục năm, vừa mới được mang danh hiệu giáo sư văn chương Pháp hiện đại của trường. Chẳng muốn đi đâu cả vì mình là đàn bà ngại xê dịch, vả lại còn mẹ già (bảo là old fashioned em cũng chẳng cần!). Lý do nữa là làm sao em có thể nhẫn tâm từ bỏ rừng thu Vermont lá vàng lá đỏ, đẹp tuyệt trần trong những chiều thu chớm lạnh!

— Thế em có nhớ lá rụng vườn Luxembourg không?

— Có chứ, nhất là những cây platane, không những lá mà cả vỏ

cũng tróc trần trụi. Thấy mà thương!

Làm sao mà quên được! Cả những pho tượng cẩm thạch trắng muốt và lũ chim câu thường quanh quẩn bên chân những cặp tình nhân vừa ngồi ngắm cảnh...vừa học thi.

Làm sao mà quên được bánh *croissant* - bánh trăng thượng huyền - đường Mr le Prince Đức và Edith thường ngồi thưởng thức với cà phê phin, mỗi lần ra khỏi vườn, trước khi vào métro Luxembourg cùng về Cité. Bánh *croissant* bất hủ của Paris cuối thập niên 50! Sau này, đi nhiều nơi, anh không còn tìm thấy hương vị xưa. Hoặc không thơm, hoặc quá béo, quá ngọt, hay không đủ xốp, nhẹ và dòn. Riêng ở đây, đường Hoàng tử, bánh như chứa đựng cả ngàn lá khô - *mille feuilles* - vàng ánh, nõn nà. Bánh thơm, ngon, dòn tan từ lớp vỏ bóng nước sơn mài da cam đến từng từng lớp "lá" mỏng manh xếp ngang đều đặn như một xấp lụa mềm trong một hòa tấu nhịp nhàng. Đẹp đến nỗi khi đưa bánh lên miệng lại tiếc là sắp hủy diệt mất một hình thái kiến trúc đẹp, do một nghệ nhân nào đó đã khéo dung hòa liều lượng bột mì, bột nổi, chất bơ bùi ngậy và động tác gấp đi gấp lại, cán đi cán lại hàng chục lần làm nên một tác phẩm để đời, sẽ lưu lại dư âm dài dài trong tâm tư người "thưởng ngoạn". Ngon đến nỗi một hôm, quá cao hứng, anh bảo nàng "ngon ơi là ngon, anh muốn nuốt chửng luôn cả chiếc bánh này... Nhưng em vẫn là chiếc *croissant* ngon nhất, ngọt bùi nhất! Từ đó trở đi cái biệt danh thơm dòn của bánh cũng gắn chặt ngay vào con người Edith. Nàng cũng thành chiếc *croissant doré*, ngọt bùi, óng ánh vàng như mớ tóc mây luôn luôn xao động nhè nhẹ trên đầu. Đây cũng là lúc thưởng thức chầm chậm, từ tốn, hương vị kỳ diệu của chất bột chế biến tinh vi lan tỏa nhẹ nhàng, quyến rũ. Đây cũng là lúc bùi ngùi gọi về những kỷ niệm cùng với "ngàn lá vàng" của bánh đang tan dần trên đầu lưỡi, cùng với men say thoát ra từ những sắc hình khả ái đang bủa vây con người ngồi đó nhưng đúng ra là đi trong mơ.

Hạnh phúc nhiều khi cũng thật là đơn giản! Bước lên những phiến gạch đá cổ kính, đều đặn của đường Mr le Prince hơi cong cong lên dốc. Con đường Hoàng Tử "thẳng mà không bằng..." Tới tiệm bánh quen thuộc, đon đả mời chào, như một góc tâm hồn ly hương được sưởi ấm. Bà chủ tiệm, áo chẽn đen, da ửng hồng vì hơi lò nướng bánh, người mảnh mai, kèm thêm chiếc tablier nhỏ, hình bán nguyệt, ôm ngoài chiếc váy đen gọn ghẽ, diêm dúa... Biết ý khách quen không bao giờ bà đem thừa hay thiếu thức gì. Nhấm nháp chiếc bánh bình thường mà cũng trứ danh, chăm chú nhìn cô bạn gái ngồi đối diện, cùng thưởng thức món ngon Paris, cùng bao phủ bởi hương thơm croissant và cà phê đen trong những buổi chiều khó quên của đời sinh viên Paris...

Chiếc bánh hiện dần dần, đậm nét trong trí nhớ cùng với Polidor "chính hiệu" *bistro parisien* ở số 41, cũng đường Mr. le Prince. Đức và Edith khi nào rủng rẻng có chút tiền thì lại rủ nhau tới đây sống lại bầu không khí văn học nghệ thuật bàng bạc khắp quán ăn, quyện chặt lấy bàn ghế, khăn ăn, ly chén và cả những chậu bông cùng tranh ảnh treo tường. Tưởng như bóng dáng Verlaine, Gide và Valéry vẫn còn quanh quất đâu đây. Lại thêm chút hương xa, cái "*débraillé*" của Joyce, Hemingway và Ionesco *khách tự viễn phương lai*. Paris thành phố trí thức và văn nghệ từ xưa vẫn có một hấp lực ghê gớm, thực khó mà cưỡng nổi. Một thứ bùa ngải huyền bí, đánh dấu định mệnh mỗi con người đã đụng tới vầng sáng đó, bằng một màu son đẹp nhất được nâng niu mãi mãi trong tâm khảm.

— Anh biết không, năm nay em dạy Saint-John Perse trong chương trình senior B.A đấy! *Et le poète aussi est avec nous, sur la chaussée des hommes de son temps*... Tiếng Edith nhịp nhàng đọc thơ chợt lôi Đức về thực tế New York:

— Thế à! St.-John thường đóng đô ở Washington D.C. Không biết nhà thơ có bao giờ ngủ đêm ở Waldorf không nhỉ?

Nói song anh lại trố mắt quan sát một bọn khách vừa mới đổ bộ tới khách sạn. Quần áo nhầu nhĩ, ví, túi xách lê thê lếch thếch, nét mặt người nào cũng dài ra vì mỏi mệt sau những chuyến bay hàng ngàn dặm đường, trong nước cũng như từ nhiều lục địa. Ở cuối phòng khách, gần cửa ra vô, vài người bồi đồng phục, mặt nghiêm nghị, đang kéo từng chiếc va li lớn hay đẩy những giá quần áo cồng kềnh, dáng điệu điềm nhiên tự tại như không hề biết tới người xung quanh, tưởng như đã đạt tới một trình độ nghiệp vụ không thể còn cao hơn được nữa!

Vách vàng kim nhủ, màn cửa lá úa...tất cả phòng khách là một hòa hợp vừa cổ kính vừa sang cả, điểm thêm một chút lãng mạn hơi xa vắng, lạc loài, nhưng vẫn vô cùng hấp dẫn. Waldorf, một bà hoàng, bóng đã xế chiều nhưng vẫn níu chặt lấy lòng người. Không ai đủ sức nói "không" trước cái đẹp của "mùa thu thiếu phụ", ửng vàng mầu mơ chín, ngậm ngùi và lưu luyến vì đây đó đã xuất hiện một vài dấu vết lờ mờ của sức ép thời gian tàn phá không chừa một ai. Tuyết rơi đã khá dầy, nên Edith đề nghị ngày mai chỉ đi xem chớp nhoáng lại khu vườn Tao đàn nổi tiếng của nhà Thanh được tái tạo, với kích thước nhỏ, tại Viện bảo tàng Metropolitan và bức tranh "Thiếu nữ" nổi danh của Vermeer cũng tại nơi đây.

— Thế là đủ! Em đã tới *Met* nhiều lần. Chúng ta đã quá bão hòa với các bảo tàng từ Âu sang Mỹ rồi!

Với điệu nghệ sành sỏi của người thân quen New York nàng còn

thêm:

— Nhưng có thể chúng ta sẽ ghé lâu hơn ở bảo tàng Guggenheim. Chắc anh thích những cầu thang vô tận và giấy phòng triển lãm xoay vòng chôn ốc ở đấy.

— Phải đấy! Chúng ta sẽ ở lỳ trong lòng con ốc sâu khổng lồ Gugg này. Để tạm thời chốn tuyết. Tạm thời quên nét mặt trang nghiêm của bà mệnh phụ *Met*!

Tuy nói vậy thực ra hai người lại ngồi lâu nhất ở quán "cà phê 5 giờ", đường Fifth kế cận. Đức nghĩ bụng chắc Edith cũng phải đồng ý rằng, trong bối cảnh ngày tái ngộ, không bức tranh nào, thực tế chỉ là sơn dầu và vải bố với hai chiều hướng nghèo nàn, lại có thể "thực" và gợi cảm hơn hai con người, bằng xương bằng thịt, diện đối diện, quanh chén cà phê nóng ấm, thơm tho, trong một chiều đông gió lộng chạy dài theo đường phố vắng, thỉnh thoảng lại rít lên như một con thú bị thương. Hai con người, hai thế giới với nhiều "nhịp cầu nho nhỏ bắc ngang", với những ánh mắt đồng lõa, những ngón tay nhẹ nhàng đan xen, xiết chặt... Hơi thở ấm áp của cuộc đời, của hiện thực cõi nhân sinh trong cái gì có thể gọi là tinh túy, là bản chất thầm kín nhất của nó...

Tối hôm sau, thứ bẩy, như để nhắc lại kỷ niệm đời sinh viên, Đức rủ Edith tới một dancing ở đường 77. Trong ánh đèn mờ ảo hai người nhẹ quay theo sóng nhạc, đi những bước khá đồng nhịp làm anh phải ngạc nhiên vì thực ra anh rất kém về nhịp điệu. Anh giữ nàng hơi xa một chút, rồi cười nửa đùa nửa thật:

— Thế nào, còn cứng người lại, giữ khoảng cách "victorienne" như thời ở *Cité* nữa không?

— Hết rồi, hết lâu rồi! Anh còn phải hỏi làm gì nữa, đùa dai mãi.

Đức, tay lúc ôm lơi, lúc ghì chặt cô bạn gái bỗng thấy bừng bừng như cây đầy nhựa mạnh đầu xuân. Thoang thoảng, từng lúc một, mùi tóc đàn bà gội chải tự nhiên, đơn sơ như hương đồng lúa chín, mỗi khi về nghỉ hè ở quê ngoại hồi nhỏ, nơi anh lại được tự do hít thở, đến căng phồng lồng ngực, "cả không gian hồn hậu rất nên thơ..." Ở nơi người phụ nữ này quả thực cái gì cũng chân chất, hồn nhiên như cỏ cây, như không khí, có lẽ vì nàng sống nhiều ở vùng đồi núi Bắc Mỹ tràn đầy hương hoa cỏ dại. Trí thức và đời sống thành phố lớn không mảy may ảnh hưởng tới con người. Hình như Edith cũng là một cây phong lá đỏ, một cành bạch dương ngàn hàng buông tơ rì rào trong gió mà anh đang giữ trong tay gượng nhẹ, nâng niu.

Anh mường tượng như hai đứa đang đi *métro* rồi đổi sang xe *bus* xanh hướng về phía Robinson, vùng ngoại ô Paris để thay đổi môi trường và nếp sống, sau cả tháng mài miệt trong Thư viện quốc gia đường

Richelieu. Robinson, thị trấn nhỏ trên bờ sông Marne... Sàn nhẩy lộ thiên sao mà thôn dã vậy! Vào mùa lễ Phục sinh cây cỏ, thiên nhiên chợt như bừng tỉnh. Những người con gái, ngoại ô cũng như nội thành Paris, gặp ở đây, sau một mùa đông dài lê thê, sao mà tươi mát thế! Đức tưởng như đangđứng giữa cả một vùng trời trong sáng, một rừng hoa lả lơi, sống động. Những tấm robes vải nhẹ, mầu thanh, váy xòe rộng thoải mái, giầy cao hay ballerines không trọng lượng, tóc lòa sòa sóng biển hay "đuôi ngựa" gọn ghẽ, đong đưa... Tất cả quay nhè nhẹ, quay tới tấp tùy theo điệu nhạc, hồn nhiên không kiểu cách, hoà nhịp với mầu sắc không gian đồng quê thoáng rộng. Tất cả quay soắn suýt, quay lơi lả, thầm thì nhỏ to, chung quanh cây đại thụ nổi danh đã từng chứng kiến bước thăng trầm tình tự của biết bao thế hệ. Khói thuốc lá và mùi rượu mạnh tan loãng trong gió mát, chẳng còn thấy đâu cái ngột ngạt, gò ép của những sàn nhẩy nội thành ở Chaussée d'Antin hay Montparnasse.

Lúc về, ngay gần trạm xe bus, Đức còn nhớ, anh bồng kéo Edith và luôn cả bó hoa lilas tím nhạt của nàng vào trong vòng tay. Cử chỉ, tự động và tự nhiên, bình dị như bước đi, lời nói, hình như lây lan từ mấy cặp khác cũng vừa ở vũ trường ra. Hương hoa, hương tóc nồng ấm, thoang thoảng, tưởng như dính chặt vào quần áo, màn cửa và đồ đạc trong phòng... Cho mãi đến hôm nay nó vẫn phảng phất, dịu nhẹ, nhưng thôi thúc, níu giữ, ở lỳ trong tâm tư, chẳng cần biết đến khoảng cách những dậm đường và tháng ngày qua.

Mỗi lần Đức nhớ lại đoạn đời học Học xá Paris mùi hương xưa lại được đánh thức dậy như một tố chất đầy mầu sắc của quá khứ. Mỗi lần, ngược lại, nếu nó đột khởi, chẳng hiểu vì sao, thì kỷ niệm xưa lại ào ào chẩy về như thác lũ. Nó vừa là hậu quả vừa là nguyên nhân, là chất xúc tác của những phút giây hồi tưởng. Những phút giây luôn luôn gắn bó với hương, vị, sắc, hình, những cái gì thực là cụ thể, ngoại giới, nhưng lại cũng chính là thực thể cuộc sống nội tâm trong những phần sâu kín nhất...

Thư viện Đại học Columbia nổi bật trên nền tuyết trắng. Tuyết phủ kín những mái nhà xanh của khu cổ kính nhất trong khuôn viên. Nơi góc thư viện dành riêng cho tạp chí và nhật báo hôm nay trông vắng ngắt. Bàn ghế ngồi thoải mái, thênh thang. Trong im lặng bỗng tiếng Edith vang lên nhè nhẹ, ngắn ngủi nhưng đứt đoạn, âm sắc như rung rinh, nhạt nhòa:

— Ngày mai em phải đi Vermont. Jim mới "phôn" cho biết mẹ phải vào nhà thương vì bị stroke tương đối nhẹ, nhưng đây là lần thứ hai nên

em lo lắm. Vắng nhà đã nửa tháng nay rồi còn gì!

— Thế à! Tội em vất vả quá! Anh cũng chỉ ở đây thêm một hai ngày nữa thôi rồi lại phải về Chicago với phái đoàn...

Đức thấy tiếng mình vọng lại như từ một miền xa vắng nào đó. Tách rời khỏi anh, lạ lắm và không mầu sắc. Từ một nguồn âm thanh sâu thẳm, quanh co hang động. Từ một bộ máy tự động, nặc danh, không quen biết. Anh không nghĩ ngợi gì cả. Đầu rỗng không. Nhẹ tênh.

Anh nhìn qua cửa sổ. Tuyết rơi khá nhiều, từng đường đan xéo, chằng chịt, thành một mảng lưới trắng muốt, mỗi lúc một dầy và lạnh thêm. Vô vàn bông hoa tuyết đáp nhẹ lên kính cửa, lăn xuống, dồn tụ ở dưới, đắp ra một bờ cứng, làm nổi rõ đường nét của khuôn cửa được chia thành nhiều ô nhỏ như hơi hướng còn sót lại của kiến trúc Tân Anh-cát-lợi thời lập quốc. Bên ngoài khung kính, cây cối, nhà cửa vẫn mờ nhạt, ẩn hiện như thoát ra từ một giấc mơ siêu thực. Im lặng tràn trề, lạnh ngắt ở cả hai bên cánh cửa làm tâm hồn bỗng nhiên cũng đìu hiu, lạnh lẽo theo.

Cuối cùng, như sực tỉnh giấc mơ hoa tuyết, Đức quay lại hỏi:

— Mùa này ở Vermont chắc còn lạnh gấp bội sao mà hai mẹ con cứ thui thủi hoài ở nơi núi đồi hẻo lánh thế. Em không thấy lẻ loi à?

Anh biết mình lỡ lời, thiếu tế nhị, nên vội ghìm lại, nói lảng qua chuyện khác. Vì ngay từ hôm đầu, trong lúc tâm sự, Edith đã cho anh biết là nàng vẫn độc thân. Chắc quá một tuổi nào đó, quen với một nếp sống cố hữu, người ta thấy mệt mỏi và sợ đổi thay, dù đổi thay có thể đem đến một cái gì tốt đẹp hơn. Sức mạnh ghê gớm của quán tính. Cứ ì ra đấy, không nhúc nhích gì cả. Không làm gì cả. Bất động, suy ra đến cùng, vẫn có thể coi là động vì sức ép của tiêu cực có lẽ cũng tác động tích cực đến con người. Chân lý hay ngụy biện? Đức mỉm cười nghĩ thầm. Ngoài ra, ai cũng biết, ở nơi đàn bà, yếu tố trí thức nhiều khi cũng là một nguyên do khó lấy chồng. Đàn ông hình như không chịu chấp nhận rằng đàn bà cũng có thể "trí thức" được lắm chứ. Họ vẫn quan niệm rằng phụ nữ trí thức không..."sexy". Đàn bà phải là một cái gì hồn nhiên, tươi mát, "thảo mộc" một chút, vậy mà trí thức lại khô khan, trừu tượng, có khi thiếu mầu sắc và chất nhựa nồng nàn, bồng bột của cuộc sống. Đấy là chưa kể khi đam mê một công việc phù hợp với sở thích, lôi cuốn tập trung mọi năng lực nội tại thì người ta dễ quên những chuyện khác. Lúc đó bản thân hầu như được miễn nhiễm, bao phủ bởi một tấm áo giáp dầy, cứng, và do đó có thể được bình an, thanh thản hơn trong một cõi riêng. Edith rất mê văn chương Pháp hiện đại - luận án của nàng làm về Giono được ưu hạng - và vẫn tự hào về điểm đó.

Đức còn lan man suy nghĩ mãi cho đến khi tiếng Edith lại vang lên,

Richelieu. Robinson, thị trấn nhỏ trên bờ sông Marne... Sàn nhẩy lộ thiên sao mà thôn dã vậy! Vào mùa lễ Phục sinh cây cỏ, thiên nhiên chợt như bừng tỉnh. Những người con gái, ngoại ô cũng như nội thành Paris, gặp ở đây, sau một mùa đông dài lê thê, sao mà tươi mát thế! Đức tưởng như đangđứng giữa cả một vùng trời trong sáng, một rừng hoa lả lơi, sống động. Những tấm robes vải nhẹ, mầu thanh, váy xòe rộng thoải mái, giầy cao hay ballerines không trọng lượng, tóc lòa sòa sóng biển hay "đuôi ngựa" gọn ghẽ, đong đưa... Tất cả quay nhè nhẹ, quay tới tấp tùy theo điệu nhạc, hồn nhiên không kiểu cách, hoà nhịp với mầu sắc không gian đồng quê thoáng rộng. Tất cả quay soắn suýt, quay lơi lả, thầm thì nhỏ to, chung quanh cây đại thụ nổi danh đã từng chứng kiến bước thăng trầm tình tự của biết bao thế hệ. Khói thuốc lá và mùi rượu mạnh tan loãng trong gió mát, chẳng còn thấy đâu cái ngột ngạt, gò ép của những sàn nhẩy nội thành ở Chaussée d'Antin hay Montparnasse.

Lúc về, ngay gần trạm xe bus, Đức còn nhớ, anh bồng kéo Edith và luôn cả bó hoa lilas tím nhạt của nàng vào trong vòng tay. Cử chỉ, tự động và tự nhiên, bình dị như bước đi, lời nói, hình như lây lan từ mấy cặp khác cũng vừa ở vũ trường ra. Hương hoa, hương tóc nồng ấm, thoang thoảng, tưởng như dính chặt vào quần áo, màn cửa và đồ đạc trong phòng... Cho mãi đến hôm nay nó vẫn phảng phất, dịu nhẹ, nhưng thôi thúc, níu giữ, ở lỳ trong tâm tư, chẳng cần biết đến khoảng cách những dặm đường và tháng ngày qua.

Mỗi lần Đức nhớ lại đoạn đời học Học xá Paris mùi hương xưa lại được đánh thức dậy như một tố chất đầy mầu sắc của quá khứ. Mỗi lần, ngược lại, nếu nó đột khởi, chẳng hiểu vì sao, thì kỷ niệm xưa lại ào ào chẩy về như thác lũ. Nó vừa là hậu quả vừa là nguyên nhân, là chất xúc tác của những phút giây hồi tưởng. Những phút giây luôn luôn gắn bó với hương, vị, sắc, hình, những cái gì thực là cụ thể, ngoại giới, nhưng lại cũng chính là thực thể cuộc sống nội tâm trong những phần sâu kín nhất...

Thư viện Đại học Columbia nổi bật trên nền tuyết trắng. Tuyết phủ kín những mái nhà xanh của khu cổ kính nhất trong khuôn viên. Nơi góc thư viện dành riêng cho tạp chí và nhật báo hôm nay trông vắng ngắt. Bàn ghế ngồi thoải mái, thênh thang. Trong im lặng bỗng tiếng Edith vang lên nhè nhẹ, ngắn ngủi nhưng đứt đoạn, âm sắc như rung rinh, nhạt nhòa:

— Ngày mai em phải đi Vermont. Jim mới "phôn" cho biết mẹ phải vào nhà thương vì bị stroke tương đối nhẹ, nhưng đây là lần thứ hai nên

em lo lắm. Vắng nhà đã nửa tháng nay rồi còn gì!

— Thế à! Tội em vất vả quá! Anh cũng chỉ ở đây thêm một hai ngày nữa thôi rồi lại phải về Chicago với phái đoàn...

Đức thấy tiếng mình vọng lại như từ một miền xa vắng nào đó. Tách rời khỏi anh, lạ lắm và không mầu sắc. Từ một nguồn âm thanh sâu thẳm, quanh co hang động. Từ một bộ máy tự động, nặc danh, không quen biết. Anh không nghĩ ngợi gì cả. Đầu rỗng không. Nhẹ tênh.

Anh nhìn qua cửa sổ. Tuyết rơi khá nhiều, từng đường đan xéo, chằng chịt, thành một mảng lưới trắng muốt, mỗi lúc một dầy và lạnh thêm. Vô vàn bông hoa tuyết dáp nhẹ lên kính cửa, lăn xuống, dồn tụ ở dưới, đắp ra một bờ cứng, làm nổi rõ đường nét của khuôn cửa được chia thành nhiều ô nhỏ như hơi hướng còn sót lại của kiến trúc Tân Anh-cát-lợi thời lập quốc. Bên ngoài khung kính, cây cối, nhà cửa vẫn mờ nhạt, ẩn hiện như thoát ra từ một giấc mơ siêu thực. Im lặng tràn trề, lạnh ngắt ở cả hai bên cánh cửa làm tâm hồn bỗng nhiên cũng đìu hiu, lạnh lẽo theo.

Cuối cùng, như sực tỉnh giấc mơ hoa tuyết, Đức quay lại hỏi:

— Mùa này ở Vermont chắc còn lạnh gấp bội sao mà hai mẹ con cứ thui thủi hoài ở nơi núi đồi hẻo lánh thế. Em không thấy lẻ loi à?

Anh biết mình lỡ lời, thiếu tế nhị, nên vội ghìm lại, nói lảng qua chuyện khác. Vì ngay từ hôm đầu, trong lúc tâm sự, Edith đã cho anh biết là nàng vẫn độc thân. Chắc quá một tuổi nào đó, quen với một nếp sống cố hữu, người ta thấy mệt mỏi và sợ đổi thay, dù đổi thay có thể đem đến một cái gì tốt đẹp hơn. Sức mạnh ghê gớm của quán tính. Cứ ì ra đấy, không nhúc nhích gì cả. Không làm gì cả. Bất động, suy ra đến cùng, vẫn có thể coi là động vì sức ép của tiêu cực có lẽ cũng tác động tích cực đến con người. Chân lý hay ngụy biện? Đức mỉm cười nghĩ thầm. Ngoài ra, ai cũng biết, ở nơi dàn bà, yếu tố trí thức nhiều khi cũng là một nguyên do khó lấy chồng. Đàn ông hình như không chịu chấp nhận rằng đàn bà cũng có thể "trí thức" được lắm chứ. Họ vẫn quan niệm rằng phụ nữ trí thức không..."sexy". Đàn bà phải là một cái gì hồn nhiên, tươi mát, "thảo mộc" một chút, vậy mà trí thức lại khô khan, trừu tượng, có khi thiếu mầu sắc và chất nhựa nồng nàn, bổng bột của cuộc sống. Đấy là chưa kể khi đam mê một công việc phù hợp với sở thích, lôi cuốn tập trung mọi năng lực nội tại thì người ta dễ quên những chuyện khác. Lúc đó bản thân hầu như được miễn nhiễm, bao phủ bởi một tấm áo giáp dầy, cứng, và do đó có thể được bình an, thanh thản hơn trong một cõi riêng. Edith rất mê văn chương Pháp hiện đại - luận án của nàng làm về Giono được ưu hạng - và vẫn tự hào về điểm đó.

Đức còn lan man suy nghĩ mãi cho đến khi tiếng Edith lại vang lên,

làm rạn nứt bầu không khí yên tĩnh:

— Em bây giờ về...ở ẩn ở Vermont, bên bờ hồ Champlain, chẳng khác gì Giono ở Manosque miền Địa trung hải. Chỉ có im lặng, nước biếc, những sườn đồi nhịp nhàng và đôi khi có lẽ có cả tiếng gọi thần bí của thiên nhiên nữa... Đúng thế, ở đây không khí lạ lắm, thật khó phân biệt cái linh thiêng, huyền hoặc với cái đơn sơ, bình dị của đời sống thường nhật... Đúng thế, em sẽ về với Manosque của em! Chỉ có khác là chỗ em đầy tuyết trắng, tuyết lạnh. Làm gì có những mái ngói đỏ nóng ấm và mời chào của miền nam Pháp mà Giono hằng mến yêu...

Ngừng một chút, nàng tiếp tục như sực nhớ ra điều gì:

— À mà em còn đám học trò nữa chứ! Nhào nặn những khối óc, say mê nghiên cứu và sống giữa thiên nhiên tuyệt vời miền Đông Bắc... Thế là đủ! Quá đủ rồi!

Đức nhè nhẹ đọc cho Edith nghe mấy câu thơ anh làm cách đây cả chục năm khi về nước rồi, chợt nhớ tới những cô bạn ngoại quốc mà hình ảnh, khi đậm khi nhạt, vẫn còn lẩn quất trong khu rừng âm u của tiềm thức:

Hôm nay tôi buồn hỏi gió hỏi mây
Em có chồng chưa hay vẫn ngồi nhìn lá rơi vườn Luxembourg?

Edith cười:

— Không phải! Cuối thu sang đông rồi, đổi thế này mới đúng:

Em có chồng chưa hay vẫn ngồi nhìn tuyết rơi đồi Vermont!

— Thôi, nói lung tung mãi! Nhớ là mai sáng đúng 8 giờ anh sẽ đến đón em, đi ăn điểm tâm, rồi ra phi trường La Guardia đấy. Sẵn sàng nghe!

— Đương nhiên rồi! À, mà anh thì chiều nay cấm quên đi Macy's đấy. Để mua quà cho chị và các cháu. Vợ cái con cột mà! Em gửi lời về chào và chúc sức khỏe cả gia đình anh.

Đức thầm khen Edith chu đáo và tế nhị. Vợ cái con cột... Không mấy khi anh thấy hình ảnh đó đẹp và gợi cảm như vậy. Nó nói lên cả một nếp sống, một cách thế xử sự ở đời. Hình ảnh Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương...lởn vởn trong đầu. Bướm hoa. Gió lá cành chim. Cùng một lứa bên trời..., từ xưa vẫn thế có gì khác đâu. Có điều là những nghệ sĩ lớn đã khéo dung hòa, biết đâu là tình, đâu là nghĩa, ăn ở thật là trọn vẹn, đầy đủ. Và phong cách đó cũng là chất keo sơn, thế mạnh của gia đình và xã hội truyền thống Đông Phương. Nghĩ đến đấy anh lại mỉm cười, tự chế riễu, như đang thì thầm trong vắng lặng với một cái tôi khác: Ông giáo sư văn chương ơi! Lại sắp sửa lý luận, phân tích, dẫn chứng rồi đấy. Méo mó nghề nghiệp vừa vừa thôi chứ!

— Thôi em về đây. Có lẽ đến giờ anh phải gặp ông Quản thủ thư

viện rồi. Đức thẫn thờ đứng dậy theo đà kéo tay của Edith. Như say tình trong mơ anh ôm chặt lấy thân hình mảnh mai quen thuộc, hôm nay bồng như no tròn, vì tấm áo khoác lông chồn nâu nhạt, điểm từng vệt vàng dài cũng mờ nhạt tưởng như hai mầu thân thiết, đương nhiên phải được đặt cạnh nhau. Anh cảm như đang rót tất cả yêu thương trìu mến vào một sinh vật nhỏ bé, ấm áp thu gọn trong vòng tay cuồng nhiệt.

Rồi cuống họng như thắt nghẹn, đầy vị đắng chát khi nghe Edith giơ tay vẫy nhẹ:

— Chào tái ngộ nhé Đức!

Anh nhìn nàng trên con đường trước cửa thư viện, mắt hoa lên vì tuyết trắng hay vì một cái gì khác chẳng hiểu. Tấm áo choàng lông thú ấm áp anh vừa ôm ấp xong... Sao lại có thể có cuộc tái ngộ kỳ lạ thế này?

Bước chân và dấu giầy trên tuyết của người vừa giã từ, như trong một vũ điệu hoang tưởng, xa dần rồi trở lại gần hơn, nhỏ dần rồi lại lớn, để sau đó lại xa và nhỏ hơn nữa, toàn thể tự nhiên biến thành điệp khúc của một bản nhạc có quá nhiều dối điểm khác thường.

Tuyết xuống nhiều. Buổi chiều hoang vắng, đìu hiu. Hình như lại mới thêm một màng lưới mộng mơ bí huyền chụp vội lấy khung cảnh. Đức hơi rờn rợn. Tấm áo choàng lông thú ấm áp anh vừa ôm ấp xong đã đầy đặc hoa tuyết và mỗi phút một xa, một nhỏ bé, mờ nhạt hơn. Để rồi đồng hóa với đường biên tận cùng của tầm mắt và biến mất. Một biến hóa phi thường làm người ở lại cảm thấy nhức nhối, lẻ loi như phải đoạn tuyệt chua xót với thế giới cụ thể trước mắt, với sự vật hiện thực và hiện hữu...

Tấm áo choàng lông thú ấm áp anh vừa ôm ấp xong... Gió chiều lạnh, cành liễu rung rinh, ngọn đèn sáp leo lắt và những hồn hoa đơn chiếc... *Liêu trai chí dị, Truyền kỳ mạn lục, Lâu dài nhà họ Hạ*... Một luồng khí lạnh chạy khắp thân thể anh, tản mạn ra tận đầu ngón tay, ngón chân, tất cả chợt run lên như lá thu trước gió... Đức vội cấu mạnh vào cánh tay. Thấy đau nhói. Rõ ràng là cảm xúc còn tồn tại, thịt da chưa tan rã... Anh đưa mắt nhìn bốn phía. Đèn điện vẫn sáng. Máy đánh chữ với những quả cầu kim khí vẫn nhẩy lên nhẩy xuống tí tách. Người vẫn đi lại, tìm kiếm sách vở, thì thào trò chuyện và cô thư ký đang tiến về phía anh:

— Ông Đức! Mời ông vào, ông Quản thủ đang chờ ông.

Đúng rồi! Đúng một trăm phần trăm. Mình đang ở New York, vào một ngày cuối thu 197.., Đức tự nhủ. Mình đang sống trong một xã hội mà máy móc và hóa chất đã hầu như xua đuổi, diệt trừ hết, từ con sâu cái kiến đến những hồn ma quái ác nhất. Hãy rũ bỏ sạch âm khí và sương mù! Hãy thắt cánh buộc chân hoang tưởng lại!

Gửi bạn
CAO XUÂN TỨ

Con kênh ngậm bóng cây già
Vẫn vàng ngõ cụt, đèn nhòa khung mưa
Vẫn chiều chen giữa nắng trưa
Và tôi trẻ muộn, tuổi thừa mấy mươi
Vẫn run trên thớ tim người
Tường bên nở rộ chuỗi cười pha lê
Vẫn bừng tiếng ngáy trong mê
Đêm nghe ma hát: đi, về, một, hai...

Vừa ra khỏi phòng Quản thủ, anh nhẩy bổ tới cái máy điện thoại gần bên quầy tiếp khách của thư viện:

— Edith! Chuẩn bị nhé. Đúng tám giờ sáng mai anh tới.

Tiếng nàng reo vui ở đầu giây xác nhận giờ giấc. Tiếng nóng ấm, đầy nữ tính và ân tình. Tiếng nói sống động, khỏe mạnh, cụ thể của con người sống giữa những con người, có thực, bằng xương bằng thịt, trong cõi nhân sinh!

Đức thấy tràn dâng trong người một niềm hân hoan như vỡ bờ thể xác. Tưởng như vừa được một đợt sóng ngầm đẩy đưa lên mặt biển, sau phút giây kinh hoàng bị nước xoáy dìm xuống tận đáy vực sâu. Như niềm vui tìm lại được một vật thân quen. Một vật trong muôn ngàn vật yêu thương trên cõi đời mà có lẽ chỉ cần một ánh mắt trong sáng, thành khẩn, cũng có thể thấy được. Một vật đẹp, như thi sĩ thường không ngớt lời ngợi ca mặc dầu đây đó, dưới gầm trời nhân thế đầy hệ lụy này, vẫn còn nhiều đám mây mù ảm đạm, nhiều giọt nước mắt chưa khô...❑

An Thái, Quê Hương–Niềm Hoang Tưởng
Tạ Chí Đại Trường

Trời vô cùng, đất vô cùng...
(Võ Liêm Sơn)

Không biết từ lúc nào đó, bà nội tôi cho tôi biết là "*Chi trưởng của mình ở An Thái.*" Con lên đó, không sợ đói đâu, cứ xưng họ mình ra, là mỗi ngày một nhà nằm ăn cả tháng không hết."

Với trí óc của một đứa bé mười tuổi thì lời nhắc nhở về nguồn gốc ấy chỉ như một cơn gió thoảng, không để lại một dấu vết gì. Quê tôi, quê nội tôi chỉ là cái chợ Cây Gia (tôi vẫn không thể viết là *Cây Da* - Cây Đa) với những loạt ngày đều đặn chợ hội, người đông vừa đủ cái lõm dành riêng cho việc mua bán, có tràn ra ngoài một chút cũng không gây ngạc nhiên, và các hôm chợ *phiên* chật ních người chen trên quốc lộ chạy ngang qua, người luồn trong ngõ hẻm, xuyên gần tới ga. Ga Diêu Trì. Cái tên ga và làng cũng gây nhiều lấn cấn mà mãi về sau, cuộc đời nghiêng ngửa mới dẫn tôi đi vào các ngóc ngách của sự phân biệt *danh* và *thực*. Ga Diêu Trì thuộc loại lớn trên đường Xuyên Việt vì có nơi sửa chữa toa tàu, rộng rãi, nằm chiếm đến nửa đất làng Vân Hội của tôi, làng có chợ Cây Gia. Quê nội tôi, làng Vân Hội đó, sách *Đại Nam nhất thống chí* kê ra cái tên Vân Sơn lạ hoắc làm tôi phải lúng túng khi dò xem bước tiến triển của các trận chiến Tây Sơn - Nguyễn, cho đến khi đọc được một tờ văn khế của gia đình làm trong thời Thiệu Trị (1841-1847) mới biết Vân Sơn là Vân Hội. Còn làng Diêu Trì thì ở về phía bắc, bên quốc lộ, dưới chân hòn núi Ông Vồ, như cái *vồ đất* nằm ngang, hẳn đã là nguyên nhân xúi các ông túc nho nảy ra chữ Vân Sơn. Diêu Trì có đám thợ đục đá cụp cắc dưới bóng tre dọc hai bên quốc lộ, làm văng mảnh vào cả chân khách bộ hành. Vậy mà hễ cứ ai hỏi đường về quê tôi thì phải nói tên Diêu Trì người ta mới biết là đâu. Ôi cái ga sừng sững chiếm đất làng tôi, dựa trên

hòn núi lởm chởm đá cũng mang tên làng tôi vậy mà nó đã che khuất cái làng nhỏ bé, thiệt thòi của tôi! Nói ra thì người ta lại bảo là mình nhỏ mọn, kì thị địa phương—Diêu Trì hay Vân Hội cũng là đất nước Việt Nam cả mà, cứ để cho người ta lấn lướt, hãy ngậm miệng bao dung, có chết thằng Tây nào! ờ thì thôi, hãy để cho lí tưởng cao vời, tình tự bao la thành niềm tất thắng, tôi xin trở về nói chuyện xứ An Thái trong tưởng tượng, nghe ngóng của tôi vậy.

Cho đến lúc lớn lên tôi vẫn chưa về An Thái. Chỉ ở Diêu Trì—lại Diêu Trì!—có một năm học lớp nhất, tôi quay về theo với má tôi ở Quảng Vân, quê ngoại: "Ăn bên ngoại, vái bên nội." Nhìn ở vị thế nghiên cứu, câu tục ngữ hàm ý mỉa mai ấy lại cho thấy cả một mâu thuẫn giằng co trong tổ chức xã hội từ căn bản gia đình mà người đàn ông của phụ hệ Khổng giáo có thể lấy lí thuyết chính thống hãnh diện nhận lãnh sự hưởng thụ đương nhiên, nhưng khi cả hệ thống bám víu sụp đổ thì chợt nhận ra nỗi tủi thẹn vô vàn để chìm mình trong men rượu, chui rúc trong nhà hay loay hoay thừa thãi bên cái xe bán bánh mì, tủ thuốc lá bên đường... Quê ngoại này có nhà thờ, nhà chung Lòng Sông—lại cũng khoa địa lí học về sau giúp tôi nhận ra cái tên có trong bản đồ, du kí của các giáo sĩ vài thế kỷ trước, nay không còn đúng tên *Lòng* Sông nữa, chỉ vì một trong hai nhánh ôm lấy địa điểm ấy đã cạn đi, chỉ còn lại một cái bàu để tôi đi câu cá, dành riêng cho đám thanh niên nam nữ vác nơm chụp cá, giả vờ dụng chạm rồi bóp vú nhau, cười rinh rích. Tuổi thiếu niên ở đấy chưa đủ để tôi thông thạo sự đời nhưng cũng không còn ngây thơ để tin những câu chuyện trong sách giáo khoa thư nữa: làng quê không phải chỉ có lũy tre rì rào, mục đồng thổi sáo, thôn nữ ngây thơ, trai tráng chất phác mà còn có tiếng chửi thề, có đĩ điếm, có anh bộ đội cán bộ đè chị em mẹ chiến sĩ, có những cuộc đấu tố địa chủ với dủ trò rưới phân, đội đá... Nhưng cái làng quê ngoại ấy ở ngay giữa đồng lúa cũng cho tôi biết việc nông tang nặng nhọc vô vàn, để sau này giải thích hành động của các ông vua Lí Trần khác hơn các ông sử gia Nho giáo và hậu-Nho giáo-Mácxít. *Tôi đã quên An Thái.*

Năm 1962, tôi bắt đầu làm Cao học về Tây Sơn. Theo những điều được chỉ dẫn từ nhà trường, tôi lần mò qua đò sông Phú Phong—lúc ấy chưa có cầu—đến Phú Lạc thăm điện Tây Sơn. Lúc còn đang loay hoay quanh khu đất có cây cối um tùm, có cái đình ngói, chưa kịp nhìn vào bên trong thì chợt nghe tiếng súng nổ, người dẫn đường tái mặt lật đật lôi tôi thụt lùi lại xuống đò. Bước chân đến một địa điểm phát xuất của Tây Sơn chỉ được chừng ấy phút thôi, bước đầu thật là nhỏ bé của cả một

công trình còn dấu vết khờ khạo, một ước vọng muốn là cả cuộc đời mình mà đến nay may mắn thay tôi vẫn giữ được qua bao sóng gió. Phú Lạc, Kiên Mĩ là nơi người của anh em Tây Sơn từ An Khê về ở - và biết đâu chẳng chính là nơi sinh quán của những người này? An Thái, một địa điểm khác cũng trên dòng sông đó, là nơi anh em họ trưởng thành, có học vấn. An Thái, quê gốc của tôi. Đã nói, tôi không thể đến được An Thái bằng cặp chân, thì hãy tìm trên bản đồ vậy. Không có. Chỉ có làng Mĩ Thạnh thôi, nơi đó người ta bảo có *chợ* An Thái nổi danh với bún Song Thần. Và nổi danh nghề võ: "Trai An Thái, gái An Vinh". Tôi có hơi hướm trai An Thái mà chỉ có võ (vỏ) cua, tuy nhiên khi vào Nha Trang học đêm mới mệt ra sân quơ tay múa chân một lát cũng đủ làm cho đám thanh niên chung quanh lác mắt: "Chớ chọc vào y, dân Bình Định đó!" ít ra thì tôi cũng đã có một lần hãnh diện làm dân Bình Định!

Còn gái An Vinh, Thuận Truyền của câu ca dao

Ai về Bình Định mà coi,

Con gái Bình Định cầm roi đi quyền.

thì dân miệt gần biển của tôi, tuy cũng là dân Bình Định, vẫn phải lác mắt qua chứng kiến, qua loan truyền. Một cặp vợ chồng ở bên làng quê ngoại, sát cái đầm Thị Nại nổi danh, đang giã gạo, nổi kình cãi là vác cả chày choảng nhau lốp cốp từ trong nhà ra đến ngoài sân và rốt cuộc anh chồng bỏ chày phóng qua hàng rào chạy tuốt! Cầu chúc cho anh ta khi xảy ra trận chiến về đêm, anh sẽ thắng vì chị vợ không có vũ khí tấn công.

Lại cũng một câu chuyện của bà nội tôi. An Thái, An Vinh nằm hai bên bờ sông Côn, cái tên vốn ở tận thượng lưu, của dân Thượng, nhờ khoa địa lý học mới thành tên cả dòng ra đến biển, chứ thường thì sông chảy qua làng nào hay địa điểm nào nổi danh là lấy tên nơi ấy, khúc sông được gọi là An Thái trong lúc không còn một địa điểm hành chánh có tên ấy chứng tỏ nó lưu giữ được một thời vang dội. Và cái chợ An Thái nổi danh kêu gọi mọi người quanh vùng, cả tận xa xôi đến tụ tập buôn bán, họp chợ phiên. Và đàn bà con gái An Vinh đi chợ. Phải qua sông. Chắc là sông dù có đò nhiều người cũng không đi. Sông ở xứ mình chỗ sâu chỗ cạn, việc gì không gồng gánh nặng lại phải tốn thêm tiền đò? Hãy kiếm một chỗ nào lội qua được. Sông không cạn, chỉ mấp mé nơi háng, xăn quần vẫn ướt, thôi thì cởi nó ra vắt lên cổ, qua sông giũ quần bận lại, vào chợ ngon ơ. Dân "bản xứ", dân tại chỗ quen chuyện từng hai ba ngày một của những buổi chợ hội, chợ phiên có gì mà phải lưu ý? Nhưng dân dưới đồng, biển lên An Thái mua bún song thần, mây trầu nguồn, *vỏ* làm rễ ăn trầu... được thưởng thức cảnh nước mấp mé ... ẩn hiện, không cần phải biết bài *Bến lội làng Ngang* của Nguyễn Khuyến. Và

họ cũng không cần phải hỏi han, căn vặn như cụ Tam Nguyên, họ cứ chỉ trỏ, cười cợt. Đám đàng con gái đang vô tư đùa giỡn bỗng "tự giác" vì "giác (bởi) tha". Thế là đang hiền lành mềm yếu họ trở thành cọp cái. Không có roi, côn thì họ đã sẵn đòn gánh. Họ sồng sộc tuôn ào lên bờ rượt đuổi đám người vô lễ chạy trối chết không kịp còn giây phút nào dừng lại để thưởng ngoạn cái điều ẩn hiện trước kia. Bà nội tôi không kể rõ là đám con cháu bà Bùi thị Xuân nọ có rượt đuổi kẻ thù đến tận cùng hang ổ ở đâu không, nhưng lúc lớn lên tôi mong rằng họ phóng mình lùng kẻ thù ở giữa chợ đông người. Và tuy sợ bị ăn đòn đau—tôi không có võ như đã nói—nhưng lại cứ muốn làm kẻ thù của họ một lần trong đời.

Tôi vẫn chưa về An Thái. Gia phả không nói, nhưng tôi cứ mong rằng mình có một ông tổ nào đấy đã từng đi chăn trâu chăn bò với Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ, đã cùng họ bẻ trộm bắp, đào trộm khoai lang rồi lên một gò vắng lượm phân khô nhúm lửa nướng bắp, lùi khoai cười hể hả với nhau. Biết đâu có một lúc nào đấy, họ "xuýt" trâu chọi nhau đến gãy sừng, sứt trán rồi len lén đưa trâu về chuồng chờ khi tội lỗi bị phát giác chứ không chịu "thành thật khai báo". Tôi cứ mong rằng mình không có một bà tổ mơn mởn đương tơ mà lại mê anh chàng mặt rỗ, mắt lé để cùng anh xà nẹo trong đống rơm hay in mông lên đầu ông thổ địa trong miếu nào đấy, để vài năm sau hãnh diện với làng nước là người đoán được anh hùng lúc còn "giữa trần ai". Tôi đi vào nghiên cứu là do học Đại học Văn khoa, nhưng không phải nhờ các ông bà thầy Việt trực tiếp giảng dạy. Xin lỗi, có ai gọi tôi theo thực dân đế quốc tôi cũng đành chịu chứ tôi biết học Đại học để làm gì khác hơn là nghề thày giáo cấp ba là do hai anh chàng Tây, một anh rủ rỉ rù rì như đi ve gái, một anh như cái *radio* mở hết vô luym để bảo chung đám sinh viên nhược tiểu: "Học ở trường xong, vào kì nghỉ hè, các anh nên về lại địa phương mình tìm xem có vấn đề nào để khảo sát không." Ý tưởng nghiên cứu về Tây Sơn bắt đầu từ đấy, cũng có nghĩa là bắt đầu bằng một chút tinh thần địa phương. Tôi hãnh diện vì Tây Sơn. Và do đó mới có thoáng ngông, định thêm vào gia phả mình là con cháu của một thôn nữ "hoảng chưa" từng lăn lộn trên cỏ, trong bụi chuối sau hè với các vị anh hùng dân tộc. Ấy vậy mà các sử gia ưu việt của phe chiến thắng bây giờ cứ nằng nặc cho là tôi miệt thị cả một thế hệ—thế hệ Quang Trung. Trong thâm tâm, tôi muốn "yêu nhau yêu cả đường đi" nhưng mới học vấn ít oi bảo tôi chớ mù quáng nhảy vào đánh hôi kẻ bại trận cả 200 năm trước hay hèn nhát xu phụ kẻ chiến thắng 200 năm sau. Tôi đâu có đủ khả năng làm chuyện đó? *Tôi vẫn chưa về An Thái mà!*

Chiến tranh dắt dẫn tôi đến tận Hà Tiên ngồi ở hồ Đông không phải để thưởng thức thơ Mạc Thiên Tứ, không vì ông Lâm Tấn Phác nhưng để hưởng ngọn gió mát thổi vào mà thấy rõ lý do phồn thịnh của Cảng Khẩu, còn đấy với bức tường thành đổ nát sau chùa Tam Bảo có bài vị mẹ Mạc Cửu, còn đấy với các chân tảng to để người sau nghĩ ra ngôi chùa của bà thứ phi của ông Tổng trấn quyền ngang vua, không bị lừa bịp bởi một cái am nho nhỏ trước mắt. Cho nên tôi vào thăm lăng họ Mạc, nghiêng mình trước một con người bôn đào gian truân dựng nghiệp chớ không phải như tôi lúc ấy lang thang suốt tháng năm dài mịt mù ước mơ. *An Thái ở đâu?*

Trước khi đi Mĩ, tôi leo lên xe lửa thẳng ra Huế rồi nhẩn nha lộn vào, ghé theo ga tàu đồ, đi nữa. Và lần đầu thấy Hội An—Hội An trong chiến tranh khuất lấp khó đến vì không có thì giờ. Tôi đã ghi trong quyển lưu niệm đầy chức tước và xưng tụng *"Xin cảm ơn Hội An."* Phải, bởi vì với Hội An tôi đã gặp Thời xưa, cái thời xưa tôi đã thấy trước đó ở Hà Tiên một chiều đứng ở mũi Nai, Pháo Đài với núi thấp, mưa phùn giăng giăng, cây dừa suông đuột cành lá phơ phất , người đàn bà đeo áo tơi lá nghiêng ngả trong ruộng lầy, toàn cảnh như một bức tranh thủy mặc, hơn một bức tranh thủy mặc vì đó là cả một khoảng không thời gian cứ tưởng đã biến mất trong quá khứ mịt mù lại hiện về trước mắt, sống động đến rùng mình. Hà Tiên có những ngôi nhà ngói thấp, cũ kĩ, có hàng cửa gỗ chạm trổ tỉ mỉ, hay chỉ thuần là ván đóng kín mặt tiền. Lại còn thêm hàng hiên đóng bằng các thanh gỗ xếp thưa, gài đứng lọt vào các ô vuông đục sẵn trong hai cái ngạch và đà—cũng bằng gỗ. Như cái hàng hiên gỗ của *nhà* từ đường *lá mái* của tôi, loại nhà đặc sắc gợi sự chú ý của P. Gourou. Ngôi nhà đã cháy trong chiến tranh, mất vết tích huy hoàng của một chi thứ nhà họ Tạ. Bà nội tôi đã mất, không ai còn kể chuyện An Thái cho tôi nghe. Đầu tôi đã bạc trắng, tại sao phải cần được nhắc nhở để nghĩ cách về An Thái?

Đầu năm 1979, chiếc xe tải chở heo bò chuyển bọn cải tạo chúng tôi gập ghềnh trên quốc lộ 19 ngang qua Phú Phong. Đâu đó bên đường có những tháp chàm trơ trụi. Cảnh "điêu tàn" nào đâu chỉ là của quá khứ; tiếng "rỉ rên than" là của hiện tại, ở cả dưới đường kia trong bụi mù bốc nắng. Hạt bụi nào là xác thân của ông cố tôi, bị bắn chết trên đường tìm mua võ khí cho nghĩa quân đánh Tây? Cái chết không những không toàn vẹn thân xác mà còn không dám để lại dấu vết trên bàn thờ: trong từ đường, lúc nhỏ có lần tôi lén giở các tấm hồng điều để nhìn những chữ Hán ngòng ngoèo trên đó như cả hiện thân của cõi âm kì bí , và chợt thấy

chỉ có một miếng vải trắng trống trơn—bài vị của ông cố tôi đó. Ông cố tôi theo Mai Xuân Thưởng đánh Tây—và bị kết tội cùng Bình Tây nguyên soái muốn dựng lại cơ đồ Ngụy Tây (Sơn). Biết đâu bản án ấy không oan với người con xứ An Thái kia? Vậy mà *tôi vẫn chưa về An Thái.*

Phía sông bên phải có cái cầu thấp và thấp thoáng màu vôi của điện Tây Sơn xây cất hình như với đề nghị và yểm trợ của ông Quách Tấn. Ở đó hàng năm có lễ hội rình rang. Áo quần quân tướng của ngày giỗ trận có thể lấy từ đồ hát bội, không đúng mà cũng không sai. Chỉ có cây cờ ngất ngưởng màu đỏ và vòng tròn trăng là cả một sự sai lệch đến tức cười. Hình như người ta nghĩ ra vòng tròn vàng ở giữa là do cách giải thích về hai chữ "Quang Trung". Nhưng "Quang Trung" là "giữa sáng" chứ đâu phải là "(vành trăng) sáng ở giữa"? Và Tây Sơn nào đâu chỉ là Quang Trung? Sai biệt đó không tệ hơn các học giả ưu việt ở Hà Nội thấy pho tượng chùa Bộc kèm đôi câu đối có chữ "Quang Trung" bèn nói bừa là tượng của vị anh hùng chiến thắng Đống Đa. Hai điều sai lạc lớn. Một là, chữ Hán không có lối viết hoa (trừ phi người sau nhận định và sổ vạch một bên) nên "quang trung" không phải là "Quang Trung" - cũng như gần đây (1994) lại một nữ học giả ưu việt thấy có chữ "việt nam" trên một bia đá ở Lạng Sơn vào thế kỷ thứ XVII liền trình bày phát hiện của mình trên tờ *Nhân dân chủ nhật* rằng tên nước Việt Nam đã có từ đó rồi. (Xin mách nhà nghiên cứu tài danh kia là Hồ Tôn Thốc ở thế kỷ XIV có quyển Việt nam thế chí đó: tạm dịch là "Ghi chép về các đời (vua) ở phía nam đất Việt—Quảng Đông Quảng Tây (*). Điều sai thứ hai ở các nhà giải thích về pho tượng chùa Bộc , là nhà nho xưa hiểu rất rõ vị thế chuyển biến từ cõi trần tục đến cõi vô hình, hiểu "sinh vi *tướng*, (ắt) tử vi *thần*" chứ không thể cho ông Quang Trung thành Phật như các học giả giương cao cờ Đảng ngày nay bửa đầu người nhét kiến thức vào, không chịu thì cho đi cải tạo! Thế mà cái sai về cây cờ, về thứ bậc anh em Tây sơn, về cái đồng tiền to tổ bố đúc ở Chợ Lớn, Huế những năm 60, lại được trân trọng ở điện Tây Sơn, xứ của Tây Sơn. Chỉ vì người ta *nghe theo lời* những bậc tài danh ở nơi khác chứ không chú ý đến tiếng nói của người con xứ Bình Định. Dành rằng lễ hội thường cần đến huyền thoại, không cần đến lịch sử chân xác nhưng lá cờ *một màu đỏ* gần với sự thật hơn, không làm suy chuyển đến tinh thần náo nức của quần chúng tham dự, vậy mà sai lầm chắc vẫn khó bỏ.

Điện Tây sơn đã dựng lại trong thời chiến, thay thế đình Phú Lạc cũ bị tàn phá. Nhà từ đường của tôi đã cháy, con cháu lưu lạc chạy ăn, không về xây cất lại. Không buồn xây cất lại. Có cất lại cũng không được như xưa, không phải như xưa. Thời thế đã đổi khác rồi, cùng đích của

hành động đã xoay chiều hướng. Có người làm ăn phương xa về sửa gia phả, xây lại từ đường mới, chạp mả rộn ràng hàng xóm để anh cán bộ tức khí xây nhà to hơn, khánh thành đông người hơn tranh với anh Việt kiều. Các anh "yêu nước" cứ tưởng lấn lướt được Việt cộng ở nhà bóp họng nhân dân à? Người ta đã chiếm được nhà từ đường, lợi dụng lòng hào hiệp có ẩn ức tội lỗi giàu có của người nước ngoài quyến rũ bởi hào quang chiến thắng của Đảng, bởi sự khốn cùng hấp dẫn của dân chúng trong tê liệt chính trị. Người ta đủng đỉnh chờ đón đám con cháu li khai rủng rỉnh tiền xu muốn chơi trội, hay mỏi mệt trở về qui phục lạy ông bà, đủng đỉnh chờ thời gian giúp cho sự cưỡng đoạt trở thành bình thường, chờ đến lúc củng cố xong chân lí: Lịch sử nào cũng là lịch sử của kẻ chiến thắng dù là lịch sử thêm mùi huyền thoại. Vậy thì *tôi mong trở về An Thái để làm gì?*

Ngày 3-8-1994, tôi bước xuống đất Mĩ. *An Thái ở đâu?* Cùng đích của con người là phía trước mặt hay đằng sau lưng?❑

(*) Tất nhiên, nếu tranh luận trên các chữ Hán để biểu diễn chữ "việt" thì phải nói dài dòng hơn. Lầm lẫn không phải chỉ của người trong nước. J. K. Whitmore trong *Vietnam, Hồ Quý Ly and the Ming* (1371-1421), trang 26, viết: "Hồ Tông Thốc's *Việt Nam Thế Chí (A Record of the generations of Vietnam)*. Tuy nhiên người trong nước đáng trách hơn vì đáng lẽ phải thấu hiểu những khác biệt tinh tế trong ngôn ngữ của mình hơn là người ngoại quốc.

Chính với ý nghĩa Việt Nam là phía Nam đất Việt, nước Nam Việt (của Triệu Đà) mà nhà Thanh mới sửa đổi tên nước của Gia Long thành Việt Nam. Tuy cùng một ý nghĩa nhưng xanh dưng ở các thời đại khác nhau không thể hiểu giống nhau được.

tìm đọc

nụ tầm xuân

tập truyện của Mai Kim Ngọc
Văn Học xuất bản

Ngày Giỗ Mẹ

Ngụ Thuyết

Tôi dựa lưng vào chiếc ghế bọc màu da đen, tay chân lúng túng, chiếc ghế lẻ của bộ xa-lông to lớn gồm nhiều loại bàn ghế mà tôi không biết hết tên. Tôi không biết tên hầu hết những thứ khác trong cái phòng này, nói chi tên bàn tên ghế.

Tôi mệt nhọc nhìn những thứ đồ bày biện không tên đó, hay nói cho đúng hơn, những thứ đồ tôi không biết tên. Và tôi buồn ngủ. Để cái đầu khỏi gật gà gật gù, tôi cố giương to đôi mắt quan sát một cái gì đấy. Ngay trước mặt tôi, kê sát tường, là cái tủ kính. Những gì trong đó vậy? Móng cọp? Vuốt chim ưng? Răng nanh sư tử? Chắc là thứ thiệt. Gươm giáo, cung tên, mũ trụ, áo giáp thời trung cổ hay thượng cổ của Tàu của Ai Cập? Chắc là của giả. Rồi những đồng tiền đúc cách đây mấy trăm năm của Pháp hay Anh hay Ý? Còn những thứ gì nữa kia nằm trong cái tủ đứng chạm trổ tinh vi cao đến tận trần nhà? Những kỷ vật của thời nội chiến Mỹ, những hình ảnh đánh nhau ngày xưa giữa Mỹ và Tây Ban Nha ở vùng địa đầu phía nam. Thứ thiệt đó, có tiếng nói ở đâu bay tới, không phải đồ dỏm đâu. Thiệt chăng? Giả chăng? Xưa cổ đến thế ư? Dì tôi chắc là giàu sụ, và thích đồ cổ. Tôi mệt nhoài.

Bậy quá. Tối hôm qua mình làm cái trò gì mà đi ngủ trễ đến thế, dễ chừng hơn ba giờ sáng, để bây giờ bết bát như thế này. Mình làm cái gì vậy, cố nhớ mãi không ra, ôi cái đầu lùng bùng! À đúng rồi, tôi chẳng làm gì cả, chỉ nằm trằn trọc mãi vì ly cà-phê đậm lâu ngày mới có dịp uống lại.

Tôi sực nhớ hai cánh tay tôi vắt lên kỳ cục, cái kiểu "Cánh én chiều ly biệt". Tôi sửa lại cách ngồi hai bàn tay để lên đùi, hai chân gác lên nhau như những người khác trong phòng. Phòng khách rộng mênh mông. Ngoài bộ xa-lông còn có một bộ bàn ghế bóng lộn kê gần bức tường lửng ngăn phòng khách với phòng ăn có cửa thông qua. Khách khứa dăm bảy

người ngồi nói chuyện lầm rầm. Không bắt gặp khuôn mặt nào quen, tôi ngồi yên. Tôi không bắt chuyện cả với ông lão ngồi ghế bên trái và người đàn bà đứng tuổi ngồi ghế bên phải của tôi. Hai vị này nói chuyện với nhau ngang qua tôi, đúng ra chỉ có người đàn bà nói, uể oải, đều đều, được bắt nhịp bằng những tiếng lập đi lập lại "Thế ư, thế cơ" của người đàn ông, cũng đều đều, uể oải.

Như những lớp sóng nghe từ xa, như tiếng ve rừng kêu ni non rền ri trong nhiều cánh rừng khác nhau, a, những con ve rừng nhỏ, chắc, cứng, nướng lên ăn ngon hơn cào cào, châu chấu, bò cạp, của những mùa hè khác nhau, a, đó quả là dấu hiệu của những mùa hè đến rồi đi quên kéo tôi theo, rồi những mùa hè khác tới, mùa nào cũng bỏ tôi ở lại, tiếng ve sầu dai dẳng, giục giã từng hồi làm cho cây rừng vây quanh muốn đổ lửa, làm cho mắt tôi hoa lên, đầu choáng váng, bụng cồn cào, làm tôi muốn buông xuôi tất cả để chúi nhủi xuống, để không bao giờ ngồi dậy bên mớ tranh vừa mới cắt, bên con đường mòn trong rừng lá khô phủ đầy, có những đàn kiến vàng chạy quẩn quanh, tiếng nói râm rang, lãng đãng, vang lên chìm xuống lùa lùa từng đợt đưa tôi vào giấc ngủ lúc nào không hay. Ông cụ ngồi bên cạnh ho ậm à, khọt khẹt đánh thức tôi dậy. Tôi choàng mắt nhìn cụ. Cụ nhìn lại bằng cặp mắt vô hồn mồm lẩm bẩm "Thế cơ, thế cơ".

Tiếc quá. Dường như tôi đã mơ thấy một chuyện gì quan trọng lắm. Bị đánh thức đột ngột tôi quên bén hết. Đó là những chuyện đã xảy ra trong cái quá khứ xa tắp, mù mờ chỉ đôi lúc nằm mơ tôi mới thấy lại rõ. Hay đó là chuyện sắp xảy ra trong tương lai, như một báo trước? Tôi hãy nên có những giấc mơ như vậy để khi tỉnh dậy chẳng còn nhớ gì. Giấc mơ là loài có cánh bỏ ngọn cây là tôi bay đi biệt tích.

Tôi co chân lại. Cặp chân dài ngoẵn này chắc đã làm bực mình mấy cô gái mặc váy chật đi lui, đi tới. Khách đã đông, chiếm tất cả các ghế ngồi. Toàn là những người già cả hoặc đứng tuổi, ngoại trừ tôi. Đám thanh niên thiếu nữ một số lớn đứng trước sân nhà nói chuyện ồn ào với nhau bằng tiếng Anh. Số còn lại quì lễ trong căn phòng bên cạnh phòng khách.

Dì tôi quì ngay trước bàn thờ Phật, kế đó là cái bàn thờ nhỏ khói hương nghi ngút, lửa nến bập bùng, trên đó có chưng tấm ảnh đen trắng to bằng nửa bàn tay đặt sau bình hoa huệ và đĩa trái cây. Mẹ! Bức ảnh cũ của mẹ có nhiều chỗ đã bị tróc nước thuốc, từ trước đến giờ nằm kỹ trong ví tôi, nay được lồng kính đặt trên bàn thờ. Tôi đã giữ bức ảnh này khá lâu. Cúng giỗ xong tôi sẽ tháo nó ra khỏi lồng kính cho nó vào ví mang theo. Tôi không có bức hình nào của người thân. Tôi không nhớ mặt bố tôi. Thảng hoặc trong giấc mơ thật ngắn, tôi gặp cặp mắt bố nhìn

tôi nghiêm khắc, rồi biến đi nhanh. Khuôn mặt bố ra sao nhỉ? Tôi có giống bố tôi không? Già thêm mươi tuổi nữa tôi sẽ biến thành giống như bố thì phải, bố của những ngày cuối cùng. Phải chi tôi biết vẽ. Nếu tôi là họa sĩ có tài chắc là tôi cũng không thể vẽ được mặt bố tôi. Tôi quên hết cả rồi!

Mọi người đang tụng kinh cầu siêu phụ họa theo tiếng trầm tiếng bổng của dì tôi. Dì tôi có giọng tụng kinh buồn buồn, lơ lớ như tiếng hát lạc giọng. Dì kiêm luôn việc đánh chuông, gõ mõ. Coi bộ thành thạo.

Tôi ngồi thẳng người lại, lúng túng. Lẽ ra tôi phải quỳ bên cạnh dì tôi chứ. Sao tôi lại ngồi trơ trên chiếc ghế lẻ này. Tôi chưa biết xử trí ra sao, bổng tiếng tụng kinh chấm dứt sau một hồi chuông vang lên nhỏ dần. Dì tôi đứng dậy vái tiếp mấy vái, quì lạy, mọi người khác làm theo nhịp nhàng, lẹ làng. Xong đâu đấy dì đứng lên đến gần tôi nói nhỏ nhẹ:

— Tội nghiệp, cháu của dì đang mệt. Mà này, sao Hoạt không mở cửa đón mẹ vào?

Tôi ngơ ngác. Dì nói tiếp:

— Ngày giỗ, ngày Tết phải mở cửa rước ông bà vào nhà.

Tôi nghe tiếng được tiếng mất. Một người đàn ông trạc tuổi tôi nhanh nhẩu chen vào:

— Cô ơi, khỏi cần mở cửa. Lạnh lắm. Người chết biết tàng hình mà. Người chết đi qua được mọi thứ cửa...

Người đàn ông ngừng nói nhìn quanh chờ được tán thưởng. Không thấy ai phát biểu ông ta tiếp:

— Họ còn biết đi mây về gió nhanh như chớp. Từ Việt Nam qua đây mấy giây là cùng, miễn là mình có lòng thành cầu nguyện. Chung quy mọi chuyện đều do anh Hoạt phải biết cầu nguyện thành khẩn. Có lòng thành cầu chi được nấy. Vạn sự do tâm...

Tôi không biết trả lời ra sao cho cái anh chàng miệng nói trơn như bôi mỡ này. Tôi cũng không hiểu hết ý anh ấy muốn nói gì. Quả thật tôi không nghe rõ hết, phải đoán già đoán non.

Dì cười cười:

— Thôi, tốp bớt một chút đi ông!

Một cô gái tóc nâu, mắt đen nói tiếng Việt lõm bõm:

— Mom, a ầm hát ầm...à...hát cái đó à...*what for*?

Anh chàng lúc nãy trả lời tranh:

— Để cầu hồn người chết lên...lên trên "*air*", nghĩa là lên trên "*sky*", nghĩa là lên mây.

Dì tôi đi biến đâu mất. Tôi không biết là nên cười phụ họa theo những người xung quanh hay làm mặt nghiêm. Tôi không biết xác định thái độ của tôi thế nào cho phải. Quả vậy, từ khi đặt chân lên đất Mỹ đến

giờ, chả lâu la gì, tôi không biết phản ứng như thế nào trước những lời nói đùa hoặc nói thật. Hay nói đúng hơn, từ khi ra khỏi nhà tù cải tạo, tôi đâm ra quê trước mọi chuyện xảy ra trước mắt. Dì tôi từ phòng bên cạnh nói vọng qua:

— Hoạt này, dì hỏi cháu chuyện này.

Tôi ngồi yên nhìn dì chờ đợi. Dì lại đến gần tôi nói nhỏ nhẹ:

— Mỗi năm cháu vẫn nhớ giỗ mẹ đó chớ?

— Dạ?

Dì lặp lại câu nói. Tôi trả lời "vâng". Dì nói tiếp:

— Cháu biết không, hồi mẹ cháu còn sống — dì rơm rớm nước mắt — mẹ cháu thương dì lắm. Hai chị em con cô cậu mà quý nhau hơn hai chị em ruột. Nên chi gặp lại cháu dì nhớ chị quá. Hồi đó hai chị em quấn quýt nhau như là...gì vậy đó. Cháu biết chớ?

— Vậy à? Cháu biết.

— Chốc nữa cháu kể cho dì nghe những ngày cuối cùng của mẹ cháu.

Dì lại rơm rớm nước mắt.

— Vâng.

—...Mộ của chị, mộ mẹ cháu ở vùng nào?

— Dạ.

— Dạ làm sao, ơ cái ông này!

— Dạ được. Cháu chỉ.

Mẹ chết lúc nào? Giỗ mẹ ngày nào? Ngày hôm nay ư, cái ngày tôi nói đại khi dì gạn hỏi? Và mộ mẹ ở đâu? Ở Giồng Ông Tố, ở Dĩ An, Ở Gò Dưa, hay ở tận ngoài Trung mà tôi không hề trở lại thăm sau ngày mất nước? Làm sao tôi biết được. Hay là mẹ đã chết trên đường vượt biển khi tôi còn ở trong tù? Hay hải tặc...Tôi không biết được tin tức gì của mẹ tôi và gia đình em gái tôi từ ngày tôi ra tù.

— À mà hồi còn ở Việt Nam cháu làm đám giỗ ra sao? Dì hỏi cho có hỏi thôi. Cháu một mình làm thế nào...

— Dạ cũng có. À, mà cháu làm chay tại chùa.

— Chùa nào vậy cháu? Xá Lợi hay...hay Già Lam? Đi lâu ngày dì quên cả tên chùa.

Tôi cố nhớ cho ra tên một ngôi chùa. Dì nói tiếp:

— Dì nhớ hồi đó dì thường cùng mẹ cháu đi chùa mỗi lần có ngày vía chư Phật. Đi xuống trường đua Phú Thọ quẹo qua đường...đường Lê Đại Hành rồi quẹo trái vô đường...đường Tôn Thất Hiệp...

Tôi bỗng nhớ ra:

— Dạ chùa Hải Quang.

Quả thật tôi có biết chùa Hải Quang. Năm nào cũng vậy, trước khi

đi Mỹ, tôi đến chùa Hải Quang một vài lần. Ngôi chùa, khuất nẻo, yên tĩnh mặc dù ở cạnh khu đất hoang cỏ dại mọc bừa bãi, rác rến đổ đầy, chai lọ vỡ nằm ngổn ngang, và xa hơn một chút có mấy quán thịt chó mùi chả nướng bay nồng trong gió. Đó là phía hông phải của nhà chùa. Trong sân chùa những cây đại cổ thụ lá dày rậm rạp, hoa nở trắng quanh năm; cuối mùa đông những cây mai thân có nhiều cục u sần sùi, cành khẳng khiu, trổ hoa to bảy tám cánh vàng rực. Khoảnh đất nhỏ bên hông trái của ngôi chùa được làm nơi an nghỉ cuối cùng của những khách thập phương trong đó có ngôi mộ một người con gái cheết sớm còn để lại trên mộ chí khuôn mặt nhợt nhạt, đôi mắt to nhìn xa, đôi mày cong phơn phớt, mũi miệng thanh tú, chiếc cằm thon, mái tóc ngắn dợn sóng phủ một bên vùng trán đẹp, nghĩa là khuôn mặt mà bây giờ tôi vẫn còn nhớ. Ngôi chùa còn có vị trụ trì dáng dấp vặm vỡ và huyền bí của một vị phương trượng võ công đầy mình của thời xưa. Và có những tấm hình.

Mỗi khi đến chùa, sau khi khóa chiếc xe đạp vào gốc tre của khóm tre trước cổng, tôi thường đi vòng vòng thăm mấy cây đại, cây mai, rồi đi bọc qua hông trái xem thử tấm hình người con gái chết sớm có còn đó không trước khi đến cửa chánh điện vái vọng vào ba vái để cuối cùng, lần nào cũng vậy, tôi tới trước bàn thờ vong ở góc trái của chái sau đứng nhìn những tấm hình được chưng lên thờ.

Một lần, tôi giật thót mình. Vị sư trụ trì đến đứng sau lưng tôi từ lúc nào.

— Anh cần gì?

— Xin lỗi thầy, tôi không nghe rõ.

— Anh có điều gì cần?

— Tôi không cần gì cả.

— Có chứ. Nhưng không sao, cứ tự nhiên đi.

— Dạ thưa không.

— Anh muốn có một tấm hình?

— Dạ. Dạ không.

— Tấm hình đầu tiên bên trái hàng thứ ba kể từ trên xuống, phải không?

— Đúng vậy thưa thầy. Tấm hình đó giống quá. Dạ giống mẹ con quá, thưa thầy.

— A Di Đà Phật. Thầy cho in ra. Vài hôm nữa anh ghé lấy.

Bức ảnh đó nay nằm trong lồng kính đứng sau bình hoa huệ và đĩa trái cây trên bàn thờ trong ngày giỗ mẹ.

— Này Hoạt này! Mẹ cháu chụp tấm hình này vào lúc nào vậy? Trông chị trẻ, đẹp, và vui. Dì vẫn nhớ hoài, mẹ cháu hay buồn lắm từ ngày ba cháu qua đời. Dì mau nước mắt một, mẹ cháu mau nước mắt

mười.

—...

— Dì có cái tật hay nhắc chuyện cũ, mẹ cháu rồi ba cháu. Dì còn mường tượng khuôn mặt của ba cháu. Đố ai biết ba cháu đang nghĩ gì. Chỉ biết rõ một điều là trước mặt cháu, tuy ông có vẻ lạnh lùng, nhưng ông quý cháu lắm. Chắc cháu biết?

— Dạ...

— Ông thường nói cái thằng đó thông minh, học giỏi, và có lòng. Nó sẽ làm rạng rỡ tông đường. Nay cả ba mẹ cháu đều đã mất, cháu tới được xứ này, có dì có cháu. Dì sẽ sắp đặt cháu làm quản lý hãng đồ nhựa của dì... Này, này, cháu đừng vội từ chối, dì mà còn dư sức làm huống là cháu. Cháu nói sao? Không phải vậy đâu, dì nhờ cháu đó. Cháu giúp dì chớ không phải dì giúp cháu đâu. Sao? Sao? Thôi được, mình sẽ tính chuyện đó sau. Đồng ý với cháu, trong ngày giỗ của mẹ cháu, khoan nói chuyện làm ăn cái đã.

Dì quay nhìn mọi người trong phòng, cao giọng:

— Bây giờ thì xin mời cô chú, các anh các chị, và quý vị qua phòng bên dùng chút rượu. Còn mấy cô cậu đứng ngoài sân...có chỗ ngồi không nào. Chịu khó ăn đứng nghe. Đã có sẵn chén đĩa giấy dành cho các cô các cậu dây. Các cháu vào nhập cuộc đi, tự lo lấy nghe!

Quay lại nhìn tôi dì cau mày:

— Cháu làm sao thế? Dì biết cháu không được khỏe. Cháu tức ngực lắm không?

Tôi vội sửa lại dáng ngồi, co hai chân, hai tay buông xuống để trên đùi. Liệu tôi có nên nói với dì rằng tôi đã mang tật rồi. Ngồi xuống mà không chú ý thì hai cánh tay tự động xếp cặp cánh, một cánh tay đè sau lưng, cánh tay kia đè lên ngực, trông kỳ cục chẳng giống ai. Lại thêm lỗ tai nghễnh ngãng, đầu óc không tập trung nổi, trí nhớ mòn mỏi. Liệu tôi có nên nói tôi không còn là người như dì tưởng. Nhiều năm tù đày sống trong rừng, hết cánh rừng này đến cánh rừng khác như loài khỉ loài vượn, những ngày ra khỏi tù lang thang làm đủ mọi nghề mà kiếm không đủ miếng ăn: vá xe đạp, bán cà rem cây, hàn thau nhựa bình nhựa, nấu rượu lậu, phụ xay bột, làm đậu hủ, gói bánh ú, khuân vác ở chợ cầu Ông Lãnh, và khi bị truy lùng vì không có hộ khẩu ở Sài Gòn, phải đóng vai đi buôn mỗi ngày một rổ hột vịt lộn trên chiếc xe đò Sài Gòn — Cai Lậy, năn nỉ hết lời để được ở luôn trên xe. Cuối cùng đi bán sách. Những cuốn sách đủ loại, có thì giờ thì đọc lướt qua vài trang để biết đại khái sách nói gì, không thì giờ thì nhận sách bất cứ của ai bán đại, gặp lề đường nào thuận tiện thì bày ra bán, gặp công an là cuốn chiếu chạy trốn chui trốn nhủi. Như những người bán sách khác, mặc cho hên xui may rủi. Cuối

cùng bị tóm cùng với cuốn sách "phản cách mạng". Thế là lại đi tù. Những cực hình tra tấn, những buổi trưa nắng cháy bị nhốt trong thùng phuy nghe tiếng cây nện lên nóc thùng như sét nổ bên tai, đầu óc quay cuồng, máu tai máu mũi ứa ra; những hôm trời mưa bị trói ngay dưới máng xối, nước đổ lên đầu suốt những trận mưa dài bứng đi từng vạt tóc, nhưng ghê rợn hơn cả vẫn là "Cánh én chiều ly biệt". Cái thằng điên khùng nào lại đặt cái tên buồn cười như vậy. Mình ngồi yên một hồi lâu trên chõng tre để chuẩn bị tinh thần, theo cái lối nói của tên tra tấn; xong, một cánh tay bị bẻ quặt ra sau lưng, cánh tay kia đè lên ngực , hai bàn tay bị cột chặt vào hai hòn gạch ép vào ngực và lưng và nối với một chạc dây khác từ trên cao thòng xuống. Chạc dây này lại nối vào cái ròng rọc treo trên sà nhà. Khi đầu dây kia của ròng rọc được kéo xuống thì cả thân mình bị kéo lên khỏi chõng tre, hai cánh tay muốn rời khỏi thân thể, hai viên gạch siết vào lưng vào ngực, nghẹt thở, hộc máu, chết giấc. Nhưng có biết gì đâu mà khai. Cái trò đó tái diễn mãi. Mà lạ quá, đau đớn đến thế, hễ thấy thằng tra tấn dẫn xác tới thì hai cánh tay ngoan ngoãn xếp cặp cánh trong thế chờ đợi. Lâu ngày thành thói quen. Về sau hễ ngồi xuống bất cứ nơi nào mà đầu óc lang bang thì hai cánh tay lại tự động xếp cặp cánh.

Tôi sửa lại dáng ngồi, nhìn dì, cái đầu lùng bùng, cặp mắt khờ khạo. Dì bối rối.

Liệu tôi có nên nói thật với dì về chiếc ảnh đẹp và tươi đó sau mấy cây nhang chưa cháy hết, về ngày giỗ mẹ hôm nay. Liệu tôi có nên giả vờ hoài, sống bịp bợm hoài?

— Thưa dì, tôi ngập ngừng, cháu tính ngày mai đi xa... Xin phép dì cho cháu nói tiếp, cháu đi qua miền Đông.

— Dì biết cháu có nhiều bạn bè bên đó. Làm ở lò nguyên tử Đà Lạt ngày xưa phải không? Nhưng...

Bỗng dưng cái đầu tôi lại lùng bùng. Tôi không còn tự chủ nổi, nói như thét:

— Không có nhưng gì cả!

Dì lùi một bước, mở to cặp mắt nhìn tôi. Tôi bỗng nhận ra cái tình huống oái oăm này, lắp bắp nói tiếp:

— Dạ cháu...cháu...điên cái đầu rồi. Cháu xin lỗi dì, xin lỗi dì. Dì cháu coi như mẹ, dì đừng chấp. Cháu không đi đâu cả. Xin hứa với dì, xin khai thiệt với dì, cháu không đi đâu cả. Không lẽ cháu bỏ đi trong ngày giỗ mẹ. Nhưng...nhưng...nhưng ngày mai dì cho phép cháu đi.

Tôi nghe tiếng nói của tôi vang lên bên tai to dần. Tôi vừa nói một cách hoảng hốt thì hai cánh tay của tôi cũng tự nhiên co lên duỗi xuống từng hồi như để trở lại cái thế xếp cặp cánh. Lại một cái tật mới vừa được

Ngẫu Hứng
HÀ TRUNG

Chồi lá!
Trời ơi rướn dáng cong!
Nhớ em dêm dó cũng sau vườn.
Mau thật!
Tóc mình giờ tiêu muối
Đứng đón Xuân về
Nhấp rượu sâm!

khám phá. Tôi cắn răng, trợn mắt, dằn lại. Tôi còn mấy chục đôla trong ví. Sau tám tháng hưởng trợ cấp xã hội, sau khi thanh toán mọi khoản tiền nhà, tiền ăn, tiền điện, tiền điện thoại, tiền nợ lặt vặt, tôi còn lại mấy chục đôla. Đúng ra tôi không muốn tháng tháng chìa tay ra hưởng trợ cấp tị nạn. Tôi đã được một cơ quan xã hội đưa đi nhiều hãng xưởng xin việc làm, nhưng không nơi nào chịu nhận tôi. Đất Cali này chọn người làm việc kỹ lắm. Tôi với cái tuổi đang ngả bóng, cái đầu lùng bùng, hai tai nghễnh ngãng, hai tay quờ quạng, quả không phải là món hàng có thể bán được trên thị trường việc làm nơi đây.

Ngày mai tôi đi xa. Xưa kia những đoàn người lập nghiệp đầu tiên đi từ miền Đông qua miền Tây nước Mỹ, gặp bao nguy nan, gian khổ. Còn tôi, tôi đi ngược lại. Họ đi từng đoàn người, tôi đi một mình. Nhưng không sao. Đâu còn đất hoang hàng ngàn dặm, đâu còn đói khát, rắn rết, nhện độc, thú dữ, thời tiết khắc nghiệt, và đám thổ dân thù nghịch. Miền Đông trù phú, nhiều việc làm, miễn là mình phải làm sao tìm cách tới được nơi đó. Nơi một tiểu bang nào đó của miền Đông nước Mỹ. Hình như tiểu bang miền Đông nào cũng có nhiều việc làm, cũng dễ tuyển dụng người mới, không như cái đất Cali kén chọn khó khăn này. Nhưng làm sao đi? Thì ra bến xe buýt mua vé, chớ có gì đâu mà nghĩ ngợi lôi thôi hoài. Tôi có tiền mà. Cháu có tiền đây, dì yên tâm. Dì này, dì...dì cho cháu mượn thêm một ít tiền nhé. Một vài trăm là đủ. Cháu có tiền nhưng cũng phải phòng chuyện bất trắc xảy ra, bị móc túi chẳng hạn, làm bể bánh tráng chẳng hạn. Dì sẽ thụt lùi một bước nữa, cặp mắt sẽ mở to hơn. Liệu tôi có đủ can đảm mở miệng nói chuyện mượn tiền không? Hay là tôi sẽ mượn thật nhiều tiền cho đáng một lần mượn, thấy thế dì lại nể, thế nào dì cũng cho mượn. Và để trả công ơn dì, trước khi ra đi, chào từ biệt xong, tôi sẽ nói rằng ngày này năm sau thế nào cháu cũng trở về đây thăm dì và giỗ mẹ. Trong lòng tôi quả thật cũng muốn thế.❑

Huyền Thoại Sao

Ngô Nguyên Dũng

Tăm Tre thức giấc bởi một vài tiếng động lạ. Bóng tối mông mênh chung quanh. Trời chưa sáng, Tăm Tre sật sừ nhủ lòng. Tiếng động từ phòng ngủ ba má càng lúc càng rõ dần. Dường như là tiếng thuỷ tinh vỡ, tiếp theo là tiếng quát tháo. Tăm Tre bật ngồi dậy, mở mắt lơ láo trong bóng đêm. Nó vói tay bật chụp đèn đặt trên chiếc bàn con kê cạnh giường. Ánh sáng nhá nhem, vàng tái. Giường bên, Tí cũng đã tỉnh ngủ. Nó dụi mắt, ngơ ngác nhìn Tăm Tre. Có tiếng ai vỗ hay đập vật gì vào tường nghe côm cốp. Rồi tiếng má khóc rưng rức. Tí trèo xuống giường, chạy sang, chui tót vào chăn, ôm lấy Tăm Tre, mếu máo. Tăm Tre ôm chặt Tí, vỗ về:

— Đừng sợ!

Tí dúi mặt vào ngực anh, gật đầu. Từ phòng bên cạnh, không còn nghe tiếng khóc nữa mà là giọng kể của mẹ, đứt quãng, van xin.

Tí thều thào:

— Ba về.

Tăm Tre lặp lại:

— Ừ, ba về rồi.

Những lần ba về, thường vào ban đêm, là có chuyện cãi vã với má. Tăm Tre nghe má kể lại, vì thời buổi kinh tế khó khăn, ba phải đi làm xa để nuôi gia đình, thỉnh thoảng mới có dịp về nhà. Mỗi lần như thế, Tăm Tre lại tỉnh giấc nửa khuya vì những tiếng xô chạm, trách cứ và khóc lóc.

— Tí muốn... muốn... đi đái.

Tí cất giọng, nhỏ nhẻ, ngần ngại. Tăm Tre xô nhẹ Tí ra, thẳng thừng:

— Đái gì giờ này?

Hai mắt Tí nhíu lại, mặt nhăn nhó khổ sở:

— Mắc thật mà. Anh dẫn Tí đi, nhá!

Tăm Tre tưởng tượng ra khoảng cách từ phòng tới nhà vệ sinh, ngẩn

thôi, nhưng phải đi ngang phòng ngủ ba má. Còn phải bật đèn nữa chứ. Tự dưng Tăm Tre cảm thấy bất an, ngại ngùng, sợ bị ba má bắt gặp. Đúng hơn, Tăm Tre không muốn thấy nét mặt hầm hầm hung tợn của ba, mái đầu tóc rối bung và những vết sưng bầm trên mặt má. Tí thúc nhẹ vào tay Tăm Tre:

— Đi!

Tăm Tre rời giường, nắm tay Tí kéo xuống, càu nhàu:

— Lộn xộn quá.

Tăm Tre mở cửa, thò đầu nhìn ra hành lang tối om. Cửa phòng ba má đóng kín, bên dưới hắt ra một rãnh sáng loá. Tăm Tre giữ chặt tay Tí, dắt đi dò dẫm. Ngang phòng ba má, Tăm Tre không còn nghe tiếng động nào. Tất cả trở nên im lặng khác thường. Những đoạn phim trẻ con, những mẩu chuyện cổ tích có hung thần và ác quỉ chuyên bắt cóc con nít hiện ra lớn vởn trong trí Tăm Tre. Một tay bấu chặt cổ tay Tí, tay kia Tăm Tre vo lại theo kiểu "ếm xì bùa" đọc được trong sách. Như thế, Tăm Tre và Tí tới phòng vệ sinh.

Tăm Tre nhẹ nhàng mở cửa, đẩy Tí vào, đóng lại. Tí phản đối:

— Tối hù hà.

Tăm Tre giải thích:

— Tại Tí chưa quen mắt, chờ một lát, sẽ thấy... sáng.

Thật vậy, chốc sau Tăm Tre và Tí đã nhận ra lờ mờ những vật dụng trong phòng vệ sinh. Tăm Tre lò dò bước lại kéo tấm màn nhựa che ô kính rộng. Bất ngờ, một luồng sáng tuôn vào như phép lạ. Tăm Tre ngước mặt nhìn lên. Vầng trăng đầy treo trên đỉnh trời cao vợi, rộng thênh. Tinh tú nhấp nháy reo cười. Tăm Tre ngẩn người như bị mê hoặc. Chưa lần nào Tăm Tre chứng kiến cảnh trăng sao huyền hoặc như đêm nay. Tí cũng bước lại, giật giật tay anh.

Tăm Tre gắt khẽ:

— Xong rồi à?

Tí thỏ thẻ:

— Hết mắc rồi.

Tăm Tre nhăn mặt, cốc nhẹ vào đầu Tí, mắng:

— Nhiều chuyện quá. Hết mắc cũng phải đi!

— Lát nữa đã. Bế em lên!

— Để làm gì?

— Cho em ngắm với.

— Có gì đâu mà ngắm?

Tí nài nỉ:

— Bế đi mà!

Tăm Tre hậm hực quàng tay qua hai nách Tí, nhấc lên. Nặng quá.

Tăm Tre buông Tí xuống, thở ra:

— Tí mập quá, anh bế không nổi.

Tí vẫn bướng bỉnh:

— Nổi mà, bế đi!

Tăm Tre sực nhớ tới chiếc ghế con mà Tí vẫn dùng kê chân mỗi khi đánh răng rửa mặt. Nó cẩn thận khuân ghế đặt sát ô cửa. Tí khoái chí trèo lên, tì người vào bệ cửa, hai tay kê cằm, nhìn ra. Đêm an lành tươi mát. Trăng tròn đầy như chiếc bánh sinh nhật toả ánh sáng hoang đường. Sao to, sao nhỏ đính đầy tấm chăn trời, chớp tắt như nháy mắt.

Tăm Tre thủ thỉ:

— Tí biết gì không?

— Không.

— Mỗi vì sao là một con mắt.

Im lặng.

— Ở trên kia giống như dưới này, có người ở.

— Sao biết?

— Biết chứ sao không. Đã là người thì phải có mắt.

Tí ngần ngừ một lát rồi gật đầu tán thành, nhưng không nói. Tăn Tre cố gắng thuyết phục:

— Tí không thấy mấy con mắt nhấp nháy à?

— Thấy.

Đáp xong, Tí ngập ngừng lên tiếng:

— Mà tại sao nhiều mắt dữ vậy?

Tăm Tre quả quyết:

— Nhiều người thì nhiều mắt chứ sao?

Tí rụt rè:

— Người gì mà không thấy mũi miệng, tay chân gì hết trơn.

— Tối quá, sao thấy được?

— Ban ngày cũng không thấy.

— Ban ngày, người ta... đi làm.

Tí thở hắt như người lớn, buông một câu lạc lõng:

— Tí đi đái đây.

Tăm Tre làu bàu:

— Lộn xộn quá. Nhớ đừng dội nước, nghe không!

Tí khựng lại:

— Sao vậy?

— Dội nước om sòm, ba má nghe được thì sao!

Tí không đáp, lò dò bước lại bồn vệ sinh, rụt rè tụt quần, trèo lên ngồi. Tự dưng Tí thấy ánh trăng sáng quá. Trăng tô lên phần da trống trên đùi Tí màu ánh sáng nhàn nhạt, lờ lợ. Tí nghĩ tới lớp da bụng thằn

lần, vội vàng chặn hai tay lên đùi, mặt ngước lên ô cửa. Tăm Tre vẫn tựa người nhìn ra trời đêm, như thể đang lẩm nhẩm đếm từng đốm mắt sao. Tăm Tre đang đếm sao thật. Nhưng chỉ được vài chiếc là Tăm Tre đành chịu thua, vì không biết được cái nào đã đếm rồi, cái nào chưa. Hơn nữa, tiếng tiểu tiện lè xè của Tí làm Tăm Tre không tài nào chú tâm được. Tăm Tre bực dọc, lẩm bẩm: "Lộn xộn quá!", rồi cảm thấy như rơi từ trên cao xuống. Cảm giác hao hụt, chới với như vừa đánh mất điều mầu nhiệm nào. Tăm Tre còn đang xúc động vì nhiều cảm xúc khó phân thì Tí đã níu tay áo, thỏ thẻ:

— Xong rồi.

Tăm Tre hầm hừ:

— Thì sao?

— Anh dẫn Tí về phòng.

Tăm Tre xẳng giọng như bửa củi:

— Về một mình đi!

Tí xụ mặt:

— Em sợ.

— Sợ cái gì?

Tí liên tưởng đến dãy hành lang ám đầy bóng tối. Nhưng đe doạ hơn cả là thứ ánh sáng le lói, như dấu hiệu cần phải đề phòng, hắt ra từ rãnh cửa phòng ngủ ba má. Nhưng không hiểu sao, Tí nói trớ đi:

— Sợ ma.

Tăm Tre nhăn mặt:

— Ma gì ở đây?

Tí lì lợm:

— Anh không dẫn Tí về phòng, Tí khóc à nhe! Còn giậm chân nữa đó!

Tăm Tre biết không làm gì được, đành kéo màn cửa, nắm tay Tí mò mẫm trong bóng tối mất ánh trăng. Tăm Tre và Tí nhẹ nhỏm cả người khi thấy cửa phòng ba má không còn hắt sáng. Trở về phòng, Tí chui vào chăn, ngủ một giấc đầy đặn. Còn Tăm Tre vẫn trằn trọc, loay hoay với những chấm sao chớp tắt trên đỉnh trời cao mù. Như thế, cho tới sáng.

Má rót sữa nóng ra ly cho Tí và Tăm Tre, đưa cho mỗi đứa một cái muỗng. Tăm Tre múc bột ca-cao đổ vào ly, khuấy lanh canh; trong khi Tí thờ ơ ngậm đầu muỗng, mắt không rời khuôn mặt má. Trán má bầm tím, mắt trái và môi sưng húp như bị ong chích.

Căn bếp sáng chủ nhật lặng lẽ như chưa thức giấc. Tăm Tre bưng ly uống một ngụm. Vệt sữa ca-cao bết thành đường hai bên mép. Tí trỏ tay:

— Sữa dính mép kìa.

Tăm Tre không màng chùi, ngẩng mặt hỏi má:

— Ba đâu, sao không thấy?

Má kẹp hai lát bánh mì vừa bật khỏi máy nướng, bỏ vào dĩa, giọng thờ ơ:

— Đi rồi.

Tăm Tre và Tí nhìn nhau ngơ ngác. Tí khẽ cất tiếng:

— Ba đi đâu vậy má?

Má cười xa vắng;

— Đi làm chớ đi đâu, hỏi ngộ.

Tăm Tre thắc mắc:

— Sao ba về mà không cho tụi con thấy mặt?

— Gấp quá, không có nhiều thì giờ.

Tăm Tre nhớ tới những âm thanh hỗn độn tối qua, muốn hỏi, nhưng ngại ngùng không dám, khi thấy ra những thương tích hằn dấu trên khuôn mặt má. Tăm Tre cúi đầu nhìn vào ly sữa ca—cao, gợn buồn, vì đã lâu rồi Tăm Tre không gặp lại ba, kể từ hôm ba phải đi làm xa. Đúng ra, ba có về thăm, nhưng chỉ vào ban đêm, và không hề báo trước. Thỉnh thoảng thức giấc giữa khuya vì tiếng động lạ là Tăm Tre biết có mặt ba trong nhà. Những đêm ấy, Tăm Tre thường thao thức tới sáng. Lạ lùng thay, đêm nào ba về, trời cũng giăng đầy sao và trăng sáng vằng vặc. Tăm Tre hay ra ngồi cạnh cửa sổ, tần mần đếm sao để khỏi nghe tiếng xô xát, trách mắng rồi khóc lóc, vỗ về từ phòng ba má vọng sang. Tăm Tre đoán biết lờ mờ, có điều gì không thật trong ngôi nhà này. Nhưng là điều gì?

— Ba có gởi quà cho hai đứa.

Má từ tốn nói. Tí reo lên:

— Thích quá. Quà gì vậy má?

— Má không biết, ba gói trong hộp.

Tí nhíu mày:

— Rồi làm sao biết quà nào của con, quà nào của anh Tăm Tre?

— Ba có ghi tên trên hộp, đừng lo!

Tí xô ghế, nhớn nhác người, dợm chân toan chạy tìm thì má đã khoác tay:

— Từ từ, có mất đi đâu mà vội. Để má vào phòng lấy cho hai đứa.

Má vừa bước đi, Tí quay mặt nhìn Tăm Tre, cười híp mắt:

— Thấy không, ba cũng còn thương tụi mình chớ bộ!

Tăm Tre nhún vai:

— Ừ, thương.

Tí cong môi véo von:

— Em mơ được một con búp bê biết khóc, biết cười, biết đi, biết bò,

biết làm đủ trò như em bé thật. Em sẽ cho em bé ngủ chung giường, tắm chung bồn và ẵm em bé đi học để khoe với bạn.

Tăm Tre cười khỉnh:

— Khùng vừa thôi.

Vừa lúc ấy má bước vào, tay cầm hai gói quà bọc giấy hoa. Má đưa gói to cho Tí, gói nhỏ cho Tăm Tre. Tí tíu tít tháo giấy, mở hộp, reo lớn:

— A, một con gấu bông.

Tí áp con thú vào ngực, mặt rực sáng. Tăm Tre còn do dự, chưa mở quà thì má đã mỉm cười, giục:

— Tăm Tre mở quà đi!

Thật sự Tăm Tre đã đoán ra đó là thứ quà gì. Hình thù cái gói giấy thế kia thì chỉ có thể là một cuốn sách. Lại sách, Tăm Tre ngán ngẩm nhủ thầm, mở quà mà lòng không mấy vui. Quả thật, một quyển sách thiếu nhi.

Tăm Tre lí nhí cám ơn, không tin vào mắt mình khi nhìn vào cái bìa sách in nhiều màu tuyệt đẹp. Bìa vẽ một cậu bé nằm ngủ, mơ thấy cảnh trời đêm đầy sao. Có vì là một nụ hoa. Có vì là một hạt nút áo. Có vì là một cánh bông tuyết... Tất cả nằm gọn trong bầu trời đêm nhỏ hẹp như quả bóng thoát ra từ chiếc đầu cậu bé tựa trên gối. Tăm Tre nhẩm đọc: "*Huyền thoại sao*", cả người rợn lên niềm rạo rực khó tả. Cảm giác bất phân biữa nóng và lạnh, đêm và ngày, không buồn cũng không vui.

Má đặt tay lên vai Tăm Tre, mềm giọng:

— Sách vừa ý con không?

Tăm Tre lẳng lặng gật đầu. Sau bữa điểm tâm, Tăm Tre rút vào phòng, leo lên giường, mở sách đọc say mê.

"Thuở xưa, xưa lắm, lúc loài người và thú vật còn nói cùng một ngôn ngữ, tại một ngôi làng hẻo lánh nọ trên mặt đất, có cậu bé tên Rabi. Rabi không giống những đứa trẻ khác. Vừa lên năm, cậu đã biết tư lự vấn vơ về đời sống của cỏ cây hoa lá. Lên sáu, đến tuổi tới trường, cậu đã bắt đầu thích làm thơ. Mẹ cậu hỏi tại sao, cậu trả lời, vì thơ là hơi thở của đời sống. Cha cậu không muốn cậu trở thành một kẻ ngông, cấm cậu làm thơ và đem đốt hết những bài thơ cậu làm. Từ đạo ấy Rabi tịnh khẩu.

Một đêm mùa hạ có con đom đóm bay vào lều cỏ của Rabi, rù rì đánh thức cậu bé đậy nghe kể chuyện.

Đom đóm đậu trên đầu gối Rabi, thầm thì:

— Thật ra ta đâu thuộc vào hành tinh này.

Chợt Rabi hết tịnh khẩu, xoe mắt hỏi:

— Vậy sao?

— Ta đến từ vũ trụ mênh mông ngoài kia. Ta là vì sao thứ hai ngàn không trăm năm mươi bảy bị đày xuống đây làm thân đom đóm.

— Tội nghiệp chưa. Mà đom đóm phải tội gì?

— Vì ngủ quên, ta đã không thắp sáng vào cái đêm bác sao chổi đu hành, làm bác lạc lối, va vào Thổ tinh chết tan xác. Chắc ngươi chưa biết điều này, mỗi một chấm sao trong vũ trụ thênh thang đều giữ một vai trò quan trọng, là điểm định lối cho các vật thể ngoài không gian...

Rabi góp ý:

— Cho cả các loài chim đêm.

Đom đóm ngần ngừ:

— Không... không biết, ta chưa nghe chuyện đó bao giờ. Đời sống nơi đây, đối với ta, hoàn toàn mới lạ. Tất cả đều nhanh, ồn, rối loạn và nhiều bạo hành quá.

Rabi rụt rè hỏi:

— Tại sao đom đóm biết Rabi ở đây mà tìm tới?

Đom đóm bật cười, nghe như lá reo:

— Vì cậu là đứa trẻ lạ thường. Cậu có những bản năng của nhiều động vật góp lại. Ngay cả cảm tính của họ sao chúng tôi, cậu còn cảm được nữa là...

Rabi nhoẻn cười. Lần đầu tiên cậu cảm thấy được thông hiểu tuyệt đối. Đom đóm vẫn rỉ rả chuyện trò:

— Cậu có để ý điều này, đời sống có những mâu thuẫn rất khó hiểu. Chẳng hạn cuộc đời của một vì sao cực kỳ dài, của một con đom đóm lại cực kỳ ngắn. Dài hay ngắn, đổi thay trong chớp mắt. Mới đấy, ta còn ngạo nghễ soi sáng trên đỉnh trời mà giờ đây, ta chỉ là một con đom đóm tầm thường, đậu trên đầu gối cậu, kể chuyện ngớ ngẩn. Nhưng trước khi đời sống của con đom đóm kết thúc, ta muốn nghe cậu đọc thơ.

Rabi thở dài:

— Cha đem thơ của Rabi đốt hết rồi.

Đom đóm cười xoà:

— Đó là thứ thơ của giấy mực, còn loại thi ca của tâm hồn, làm sao đốt được?

— Nhưng thi ca của tâm hồn Rabi đã cháy mất rồi.

— Lửa chính là thơ.

— Không biết. Rabi chỉ thấy đời sống của đom đóm chính là một bài thơ tuyệt đẹp.

— Của đom đóm hay của một vì sao?

Rabi ngập ngừng:

— Có lẽ Rabi thích bài thơ sao hơn.

— Tại sao?

— Vì nó có đó, còn mãi trên trời đêm.

— Rabi là một cậu bé mơ mộng. Dừng mơ tưởng nhiều quá, sẽ khổ, Rabi ơi.

— Tâm tính Rabi là vậy, biết làm sao bây giờ. Cũng như đom đóm, đang là một vì sao an vui, không dưng lơ đễnh, để giờ này hoá thân thành đom đóm, sống đời ngắn ngủi.

— Cũng thú lắm chú. Đời sống đom đóm tuy ngắn, nhưng không phải bận tâm vì những chuyện không đâu. Ta chỉ biết ăn, ngủ và nhởn nhơ tình tự.

Rabi ngạc nhiên thốt lên:

— Chỉ bấy nhiêu thôi sao?

Đom đóm lại rúc rích cười:

— Còn hơn cách sống lạ đời của vì sao, ngủ ngày và thức đêm. Chán lắm, Rabi ạ!

Rabi nghĩ ngợi giây lát, rồi cất tiếng:

— Rồi sau này đom đóm sẽ là gì?

Đom đóm ngúc ngoắc thân mình, chấm lân tinh run rẩy:

— Chưa biết.

— Nhưng đóm đóm thích sẽ là gì?

— Trở lại là một vì sao.

Đom đóm đáp không nghĩ ngợi. Rồi, không một lời từ giã, đom đóm chắp cánh lao qua khung cửa mở. Rabi mỉm cười nhìn theo chấm sáng ngoằn ngoèo ẩn hiện trong vòm lá đêm. Cậu bé vắt người qua thành cửa, như muốn theo cùng. Chợt cậu thấy ra trong kẽ lá chòm cây thưa, có một vì sao long lanh hé nụ. Sao sáng lắm, mới nguyên, như chưa lần bám bụi vũ trụ. Rabi say mê ngắm nghía vì sao, không chớp mắt. Cậu bé từ từ cảm nhận, đấy chính là đời sống tiếp nối của đom đóm."

Quỳnh đặt tay lên vai bà Quế, hỏi:

— Tại sao chị lại làm vậy?

Người đàn bà rụt vai lại, lắc đầu:

— Không biết, không biết tại sao nữa.

— Đã vậy thì thôi, lại còn dối gạt hai đứa nhỏ.

Bà Quế trợn mắt, hỏi gặng:

— Chị dối gạt chúng nó bao giờ?

Quỳnh ôn tồn:

— Không lừa gạt, tại sao anh ấy chết mất xác trong chuyến đi chơi núi với bạn đã bao nhiêu năm mà chị vẫn không cho thằng Tăm Tre và con Tí biết, còn đóng kịch, tự hành xác mình bằng những chuyện gây gổ, bạo hành giữa đêm?

Bà Quế ngó mặt, ấp úng:

— Anh ấy... anh ấy về thật... thật mà.

Quỳnh siết chặt tay chị, than van:

— Trời ơi, khổ quá.

Một lần
HUỲNH LIỄU NGẠN

thôi hoàng hôn một vầng trăng chưa tỏ
em đi rồi khoẻ hạnh có kề vai
mà mộng cũ cứ vờn qua khung cửa
một nỗi đời sự việc đã hôm mai

còn gì nữa mà ngồi mơ thuở nọ
thuở dường đi không mong đợi những gì
thế thì hết ngã ba chia ngã bảy
ngã của đời xếp lại mấy tà huy

rồi cứ hẹn đường xưa chưa về kịp
bởi biết về cũng khó xử như xưa
ai ngõ đợi tơ vương mà ngân giọng
còn gì không tôi lên tiếng đạ thưa

thôi xin hẹn mấy lần thôi cũng hẹn
em đi hoài khoẻ hạnh có liêu trai
mà sự việc của hôm mai hôm mốt
hơn một lần thế sự cũng trầm phai

Bà Quế vẫn điềm nhiên:

— Chuyện có thật mà, anh ấy có chết bao giờ, thỉnh thoảng lại về thăm nhà vào những tối đầy sao. Chị van xin anh ấy đừng đi nữa, nhưng anh ấy nhất quyết không chịu, còn đem chuyện tai tiếng cũ giữa chị với một người đàn ông khác ra kết tội. Rồi anh ấy mạnh tay với chị. Chị khóc lóc xin lỗi. Chỉ có vậy.

Giọng người đàn bà ráo hoảnh, không cảm xúc. Tia mắt hoá dại. Quỳnh chắt lưỡi, rên rỉ:

— Chị quẫn trí mất rồi. Đêm nào trời đầy sao là chị lại mê tưởng xằng bậy. Khổ quá! ❑

Dải Ngân Hà Năm Xưa

Minh Ý

Tôi nhìn qua cửa sổ, bên ngoài trời trong xanh. Nhiệt độ của những ngày cuối hè như thế này là lý tưởng. Thời tiết đẹp nên cuộc đời cũng...đẹp. Cả tuần nhắm mắt kiếm cơm, được hai ngày nghỉ ngơi, người ta phải tận dụng quên đi những tất bật, căng thẳng trong tuần, để còn can đảm tiếp tục...mà sống. Vì thế phải kéo bạn bè vào đời mình, chia sẻ cái quá khứ vui buồn nào đó, hay lẩm cẩm bàn tính về một thứ tương lai chưa có thực và đôi khi lại rất bi hài và đen tối...

Tôi may mắn có Tùng ở gần, nó là bạn thân từ ngày chúng tôi mới lún phún có mấy sợi râu đầu đời, ở thời trung học..., và hai thằng cùng có "bẩm tính trời sinh" là hay ngây dại mỗi khi gặp những người con gái đẹp. Tùng không vào được Đại Học nên phải nhập ngũ, nhưng hai đứa tôi vẫn duy trì tình bạn cũ, cho tới bây giờ...

Thằng bạn nối khố của tôi oang oang bên kia đầu dây nói:

— Mày biết nấu nướng nồi gì, kể cả vợ mày nữa! Để đó tao, mười lăm phút nữa có mặt là tao sẽ cho vợ chồng mày thưởng thức tài nghệ của tao... Bảy năm Hải quân và bốn năm tù, tao thừa sức thành tay... phù thủy ẩm thực...

Tôi phải cắt ngang:

— Càng già càng lẩm mồm! Qua tao ngay đi, tối đến nơi rồi... Mày uống bia thì xách sang, tao không có sẵn.

Tùng cười:

— Vợ cấm phải không? Cá hấp cuốn bánh tráng mà thiếu bia là mày...thua cả đàn bà con gái. Thôi tao đi!

Sáng nay tôi đi câu gặp một ngày may mắn. Một thùng cá *trout* hơn chục con tươi rói. Tôi chia cho cô em gái và mấy người hàng xóm thân quen hết phân nửa. Phần còn lại, tôi làm sạch sẽ đem cất tủ đá để ăn dần.

Vợ tôi chọn hai con khá lớn để hấp ăn ngay buổi chiều cho tươi tốt. Thùy kén ăn, sang bên này nàng ít ăn cá trừ khi mua được cá tươi còn lội trong hồ.

Vào bếp, tôi nói với Thùy:

— Anh gọi Tùng rồi. Em nghĩ, mình có nên gọi thêm vợ chồng Hưng nữa cho vui không?

— Tùy anh! Nếu có Hưng và Hạnh nữa, thì em phải làm thêm món bò tái chanh mới đủ ăn. Hai đứa nhỏ nhà mình thì em cho ăn món gà chiên, như tụi nó yêu cầu.

Tôi hôn tóc vợ:

— Ừ! Để anh gọi vợ chồng Hưng.

— Anh nhớ bảo Hạnh đem sang cho em mấy trái cam tươi ở vườn nhà nó.

Hạnh là em gái tôi. Nó làm nghề buôn bán nhà cửa. Gặp một nha sĩ độc thân đi...mua nhà. Thế là em gái tôi với tên khách độc thân nên vợ nên chồng. Hưng thành rể gia đình tôi đã hơn một năm nay. Hưng với tôi cùng mê đánh quần vợt nên chúng tôi là "tri kỷ thể thao" của nhau. Hưng còn trẻ, cái tuổi ba mươi nhẹ tênh, không một gánh nặng quá khứ nào làm trăn trở hay trì kéo bước chân của mình. Trong những bữa cơm gia đình cuối tuần, có thêm vài người bạn thân, tôi thường rủ Hưng sang góp mặt, để cậu ta biết thêm về cái nơi chốn nguồn cội mà Hưng đã chỉ trải qua ngắn ngủi, trước khi có mặt ở đất nước này...

Trong bữa ăn, vẫn cái giọng oang oang của Tùng:

— Ở chợ đồn Biên Hòa, món cá hấp quán Hồng Hoa cũng ngon, nhưng chưa có sáng tạo. Phải xào thêm ít ba rọi với nấm tàu đổ lên cá...thì cuốn bánh tráng mới đậm đà. Chị Thùy và cô Hạnh đồng ý với tôi không?

Hạnh chỉ cười trừ, còn Thùy ừm ờ:

— Tôi chưa được ăn cá hấp Hồng Hoa nên cũng khó có ý kiến. Mà được anh Tùng nấu cho ăn là thích rồi! Anh Duy nhà tôi có biết nấu nướng gì đâu, nên tôi cả đời trong bếp.

Tôi vội nhảy vào kể công:

— Thì anh đi câu...giỏi, mới có cá tươi cho em nấu chứ! Của chồng công vợ mà...Tùng nó chỉ muốn quấy phá gia cang nhà mình mà em không biết!

Vợ tôi cười, giả vờ trêu Tùng:

— Sao anh Tùng có vẻ "âm mưu thâm độc" thế?

— Tôi chỉ muốn mọi người biết rằng món cá hấp của tôi ngon hơn thiên hạ. Thì Duy nó lại lấy tôi làm bia đỡ đạn, chị ạ! Thằng này sợ... chị

có tiếng.

Thằng bạn của tôi vẫn gọi tôi là mày xưng tao, như thời còn tuổi nhỏ. Trong khi nó... "phải" gọi Thùy bằng chị, dù Thùy là vợ tôi và lại nhỏ tuổi hơn cả hai chúng tôi nữa. Nhiều khi tôi phải buồn cười vì cái sự phong phú của tiếng mẹ đẻ. Thực ra, ngôn ngữ tự nó thì không đến nỗi phức tạp, nhưng văn hóa của mỗi dân tộc làm ngôn ngữ đôi khi trở nên...khó tiêu vô cùng.

Nghĩ thế, tôi bèn trả đũa Tùng một cách ngang xương:

— Mày gọi Thùy... bằng chị, chứng tỏ mày cũng...sợ Thùy, huống chi tao?

Cả đám cười lớn vì câu nói lãng xẹc của tôi, chỉ có Thùy ngượng ngùng:

— Mấy cái ông này! Rượu vào lời ra.

Hưng lên tiếng:

— Sao các anh chị không gọi nhau bằng tên, để tránh tình trạng ngôi vị lủng củng như thế?

Tùng vừa gỡ bánh tráng vừa trả lời:

— Thời đại của tụi tôi thì kiểu cách hơn các cô các cậu bây giờ. Lúc nào đàn bà cũng nhất, không có chuyện ngang bằng phải lứa. Lúc chưa lấy chồng thì là cô bé để những thằng con trai làm nô lệ hầu hạ, nước mắt các cô là mệnh lệnh. Khi lấy chồng rồi, thì chồng là quân hầu đầy tớ, lúc đó không còn nước mắt nữa, mà là lời nói. Các bà ra lệnh bằng lời, thẳng tay rõ ràng.

Hưng ngây thơ:

— Em với Hạnh đâu có như vậy!

— Bởi vậy...tôi mới nói thời đại của tụi tôi, đàn bà là nhất.

Lúc đó, Hạnh chen vào:

— Giờ này anh Tùng vẫn chưa chịu lấy vợ. Như vậy là thích làm nô lệ hơn là làm đầy tớ, phải không? Đầy tớ vẫn sướng hơn nô lệ một bực, tại sao anh không chịu lên chức?

Tôi thấy gương mặt Tùng có một chút thay đổi. Một sự thay đổi làm đôi lông mày kéo dài xuống, cùng với ánh mắt như mất hút vào một cõi u tối nào đó. Tùng im lặng giây lâu, rồi nói:

— Thôi cô Hạnh làm mai làm mối cho anh đi! Cứ khai với các bà các cô rằng anh không còn là...lính đa tình nữa, mà là *technician* đa tình, tiền không giầu nhưng...giầu tình yêu.

Thùy nhăn mặt:

— Cải lương Hùng Cường thế?

Tùng cười, nụ cười méo mó:

— Tôi hỏi chị? Tôi chưa phải là... lão, nhưng tôi cũng không còn trai

trẻ. Cuộc đời tôi tự nó đã cải lương rồi, mình phải thành thực chứ!

Cho là Tùng đùa nên Hạnh nói:

— Vậy anh Tùng...ca cải lương về cuộc đời anh đi! Em thấy được, em sẽ giới thiệu cho.

— Ừ thì ca, còn mục giới thiệu thì tính sau.

Tùng lui lại quá khứ của mình...

1973. Hôm ấy, ngày giỗ mẹ. Tùng về nghỉ phép.

— Bác bán cho cháu hai trái bưởi.

Bà bán hàng mau mắn:

— Cậu mua bưởi đường hay bưởi thanh? Mùa này bưởi thanh ngọt lắm! Cậu lấy bưởi thanh về ăn thử..

Tùng biết mẹ mình cũng ưa bưởi thanh hơn, chàng gật đầu:

— Dạ, bác lựa giùm hai trái.

Người con gái đem cơm ra cho mẹ. Khoảng mười bảy. Cô dựng chiếc xe đạp rồi xách giỏ cơm đến bên sập bưởi. Bằng giọng của đứa con cưng, cô nói:

— Má à, con đóng tiền hụi cho chị ba Thành rồi. Chiều nay tan học, con ghé tiệm may lấy chiếc áo dài, con sẽ nói Hoàng ra phụ má thay con.

— ừa! Nhớ dặn em con khóa cửa cẩn thận, lúc này trộm ngày trộm đêm tùm lum đó con.

Cô gái dạ nhỏ rồi dắt xe đạp quay đi. Tùng vội vã trả tiền hai trái bưởi...Chiếc Suzuki màu đen của Tùng rà chậm sau lưng cô gái...Tình cờ họ quen nhau như thế. Vào ngày giỗ mẹ...

Cuộc chiến ở vào giai đoạn khốc liệt. Quân đội Mỹ và đồng minh đã rút quân. Hiệp định Paris, trái hỏa mù mà miền Nam phải hứng chịu...Từ đó, dẫn đưa tới một kết thúc đau buồn. Cái nghiệp nặng nề của cả một dân tộc...

1974. Hôm đó, trời tối thăm thẳm. Thành phố bắt đầu vào giấc ngủ đêm. Cô gái nghe tiếng người đàn ông thì thầm với mẹ...Hồi chập tối, ông ta đã lách mình vào nhà, trong sự ngạc nhiên hốt hoảng của cả ba mẹ con. Lần đầu tiên cô gặp cha mình.

Người đàn ông đã ra đi biền biệt, mười sáu năm dài, từ khi em trai cô còn trong bụng mẹ. Hôm đó ông trở về, lén lút và tờ mờ sáng đã bỏ đi không một tiếng động. Mẹ cô dặn chị em cô, phải tuyệt đối giữ kín cuộc thăm viếng đêm qua của người cha mà mình chỉ gặp trong chốc lát. Bà gọi riêng cô xuống bếp, bà khóc:

— Con à, tình hình sắp thay đổi lớn. Má thương con, nhưng theo lời ba con dặn thì con phải nghe theo. Đừng gặp thằng Tùng nữa, sau này sẽ nguy hiểm. Rắc rối lắm đó con.

Cô gái chết sững. Giọng cô run rẩy:

— Tại sao hả má? ổng là...cái gì mà tự nhiên ổng về, ổng bắt con bỏ anh Tùng? Chính má cũng thương anh Tùng mà?

Bà mẹ thở dài:

— Má thương, nhưng má nghĩ là ba con biết chuyện hơn má. Ba con...đang làm nghĩa vụ của một người yêu nước. Ba con hi sinh tất cả vì điều đó. Chính quyền này không tốt, miền Nam cần được giải phóng...Má chỉ biết như vậy thôi. Đừng viết thư liên lạc với Tùng nữa, nghe lời má đi con!

Cô gái không hiểu. Không có sự chuẩn bị nào. Mọi sự đột ngột quá! Sự xuất hiện một đêm của người cha làm đảo lộn tất cả. Tình hình thay đổi. Nghĩa vụ yêu nước. Miền Nam cần được giải phóng? Giải phóng khỏi cái gì mới được chứ? Sự giải phóng đó dính líu gì đến tình yêu giữa Tùng và cô? Hai năm qua, Tùng cho cô những thương nhớ giận hờn...Đẹp và dễ thương quá mà! Tại sao tình yêu đó lại "bị" giải phóng? Cô thẫn thờ đau khổ...Cô gọi tên Tùng và cảm thấy trái tim nhỏ bé của mình đang nhức buốt...

Sau ngày gặp cha, cô gái vẫn lén mẹ viết thư cho Tùng. Bà mẹ bán hàng ngoài chợ nên thư đi thư về, bà không hề hay biết. Bà yên tâm là đứa con gái mà bà cưng chiều đã nghe lời nhắc nhở của mẹ. Cùng lúc, cô cũng giấu Tùng về cái biến cố làm cô đau khổ đó. Và Tùng vẫn lầm tưởng người yêu của mình là một cô gái mồ côi cha từ thuở nhỏ. Như chính cô đã lầm tưởng trước đây.

1975. Vào những ngày cuối, Biên Hòa tương đối yên bình, dù bị đạn pháo kích nhưng người ta không phải bồng bế nhau chạy giặc. Không tận cùng đau khổ như miền Trung tan nát. Không xáo trộn hoang mang như Sàigòn nóng bỏng.

Tùng lấm lem trở về thành phố. Tìm gặp người yêu...

Họ ôm nhau sống lại. Tùng nói:

— Anh tưởng đã mất em luôn rồi. Tàu của anh rời bến, họ tìm đường trốn đi ngoại quốc. Anh không bỏ em ở lại được, mà cũng không biết em và gia đình có bình an thoát nạn không? Nên anh tìm mọi cách trở về... Má có khỏe không em? Thằng Hoàng đâu?

Cô gái im lặng. Cô không biết phải nói những gì vào giây phút này. Tùng đã bỏ những cơ may trong đời để về tìm cô. Tùng liều mạng vượt qua trăm ngàn nguy hiểm, cũng vì cô. Tình yêu của Tùng trở thành nỗi

cay đắng xót xa giữa một hoàn cảnh trắc trở mà Tùng vẫn chưa hay biết.

Tùng chọn ở lại với ước mơ được sống cả đời với người mà mình yêu thương mong đợi. Cuộc đời đã không đơn giản như thế. Cá nhân Tùng là một phân thể nhỏ bé trong cuộc biến động lịch sử. Tùng chọn lựa ở lại để phải...trình diện và sống một cuộc sống khác. Cuộc sống tù đày.

Trước khi rời thành phố để khởi sự những ngày tháng lao tù, Tùng ngồi bên người yêu bóp chặt tay cô:

— Anh không ngờ hoàn cảnh lại trớ trêu như vậy? Nhưng anh vẫn hi vọng...Dù sao họ cũng không thể nuôi mãi mấy trăm ngàn kẻ thất trận. Em cố chờ anh về...

Cô gái không còn kiên nhẫn, giọng cô nghẹn nghào trong tiếng khóc:

— Anh không hiểu gì cả! Em yêu anh, chờ anh bao lâu em cũng chờ được. Nhưng...ba em..., ông ấy sắp về. Em không thực sự mồ côi như em vẫn tưởng.

Tùng bối rối:

— Ba em về? Có thực không, em nghe tin này hồi nào?

Cô nhìn Tùng xót xa:

— Anh không được trách giận em. Em không thể nói với anh ngay, chỉ vì...em muốn những điều em biết em nghe, cách đây nửa năm, sẽ không bao giờ là sự thực. Cuối năm 74, em gặp ba em lần đầu, kể từ khi ông ra đi lúc em chưa đầy một tuổi. Má đưa tụi em về sống ở xóm này như một bà góa và hai đứa con côi. Hôm đó ông trở về, em được biết chút tin tức qua má em. Về tình hình sẽ thay đổi, sẽ có..."giải phóng", nhưng em không tin những chuyện lạ hoắc đó, hơn nữa em cũng chẳng hiểu gì...Ông không muốn em liên hệ với anh nữa, và điều đó làm em đau khổ, nên em giấu anh. Em chỉ nghĩ tới anh, chỉ muốn ngấm ngầm chống đối sự có mặt đột ngột của ba em. Đơn giản có vậy thôi! Em làm sao biết được mọi chuyện diễn biến thế này?...

Trong những ngày tháng tù đày, cô gái đã thăm nuôi Tùng. Bất chấp đường xa cực khổ. Bất chấp những hăm dọa khó chịu của người cha. Bất chấp những dòng nước mắt muộn phiền của mẹ... Cô làm những gì mà Tùng đã làm cho cô khi cuộc chiến vừa tàn. Bỏ tất cả để tìm về với cô... Và bây giờ cô muốn đáp trả, bằng tình yêu đầu đời của mình. Bằng những vớt vát mong manh...

Trại tù Hàm Tân. Nắng chiều sắp tắt. Cô gái đến thăm Tùng và đã ra về. Đôi mắt cô buồn, buồn một cách khác lạ, để lại cho Tùng nỗi âu lo bất

ổn. Tùng thờ thẫn xếp đặt những gói quà. Bỗng đôi mắt Tùng sáng lên, có hồn trở lại. Lá thư của người yêu nằm giữa lớp vỏ của trái bưởi, một đường rạch khéo léo mà chàng vô tình nhìn thấy. Lại hơn nữa, cô gái đã lấy danh nghĩa người cha để không bị khám xét sổ sàng, trước khi được vào gặp Tùng. Như một cơ may cuối. Để không bao giờ trở lại.

Tùng vội vã đọc những dòng chữ quen thuộc của người yêu, dưới ánh sáng nhá nhem của một buổi hoàng hôn gần tàn...

Biên Hoà ngày...

Anh,

Em sắp được gặp mặt anh lần cuối. Ngày mai. Nghe sao đau thương quá, anh nhỉ? Nhưng có lẽ em không còn một lựa chọn nào? Tương lai anh, tương lai em như một cõi vô định. Em không phải là một cô gái yếu mềm, nhưng em không làm gì được để có thể thay đổi được cuộc đời chúng ta...Anh cũng vậy...

Ba em đã trở về sau nhiều năm vắng mặt. Trở về vinh hiển. Ba em quyết định mọi sự. Má thương em nhưng bà đành khuất phục. Vì người đàn ông đó má đã một đời kính trọng. Hơn nữa, bà cho rằng thời thế đổi khác, phải sống theo sự..."lãnh đạo sáng suốt" của ba em!

Em nhớ những năm tháng êm đềm của ba mẹ con ngày trước. Em nuối tiếc những chiều tan học có anh đứng đón ở cổng trường mỗi khi anh được về nghỉ phép. Em nhớ những ly nước mía có lát cam thơm ngọt như ánh mắt anh những chiều chia tay bịn rịn...Em thích cái khu xóm bình dân em đã lớn lên, với những láng giềng thân tình và tử tế...

Bây giờ thì hết rồi anh ạ! Thằng Hoàng không còn ngoan ngoãn như xưa. Nó tập sống bằng quyền bính của ba em. Má thì hài lòng hãnh diện... Hàng xóm nhìn gia đình em bằng sự né tránh sợ hãi...Anh lại đang khốn cùng ở một nơi tù đày xa thẳm. Em lạc lõng sầu khổ...

Với quyền tước trong tay, ba em lo cho em và Hoàng cùng đi Nga du học. Dúng ra, chỉ có một mình Hoàng đi thôi. Nhưng ông muốn em phải xa hẳn anh, ông dùng cách đó để hủy diệt tình yêu của chúng mình...

Ba năm trước, anh đã không bỏ em. Và vì thế, anh đã từ chối một cuộc sống có thể tốt đẹp, ít nhất một cuộc sống không bị tù đày! Bây giờ, với hoàn cảnh tương tự, em cũng muốn vì anh...

Em muốn trốn biệt ở một nơi nào đó. Chờ anh về. Rồi mình sẽ có nhau. Nhưng ngày nào anh về, hả Tùng? Chúng ta không có câu trả lời. Tương lai chúng ta mất hút... Cho đến nay, gần ba năm rồi, chưa một sĩ quan nào đã được thả về. Em nghĩ, có thể anh sẽ phải chết mòn mỏi trong tù, hay em sẽ phải chết vì mòn mỏi đợi mong... Hơn nữa, em trốn làm sao được với cái chính sách hộ khẩu khe khắt của họ? Và như vậy, việc em bỏ trốn đi sẽ không phải là một giải pháp có hi vọng. Dẫu nào thì nỗi tuyệt vọng...cũng ở bên cạnh, cũng gần liền.

Mong anh hiểu em. Hiểu rằng em yêu anh và chỉ có hạnh phúc khi có

anh...

Hôn anh,

Tùng áp lá thư lên mặt. Hơi thở nghẽn đặc trong lồng ngực. Anh ngồi bất động...

Đêm xuống. Tùng không sao ngủ được. Những âm thanh gần gũi quen thuộc từ giọng nói của người yêu như vẫn còn vang đọng, lẩn quất quanh đây..."Anh ăn thêm chút nữa. Công em mang xách đường xa. Lần này, em thấy anh gầy hơn trước...Em vẫn yêu anh, như xưa..." Lại nghẹn thở. Tùng bật dậy khỏi tấm ván gỗ khô lạnh.

Anh đứng bên chiếc ô cửa méo mó của vách lá trại tù. Tùng nhìn ra ngoài thì thầm..."Em đang ở đâu giờ này? Đừng dại dột em ạ! Rồi anh sẽ về. Rồi mình sẽ có nhau. Sẽ cho nhau hạnh phúc như em mong đợi. Đừng bỏ anh, em van anh..."

Tùng nhìn lên bầu trời đen. Những vì sao lấp lánh... Một dải ngân hà thu gọn ở một góc đỉnh trời xa tít tắp. Thật xa nhưng cũng thật gần. Trông như đôi mắt buồn vời vợi của người yêu đã đến thăm anh lần cuối...

1980. Tùng ra tù. Tìm về thành phố cũ. Người yêu đã thực sự không còn... Theo những người biết chuyện kể lại... Vì không chịu nổi những xếp đặt của người cha, vì không muốn du học ở cái xứ Liên Xô xa xôi nào đó, cô gái đã theo gia đình một người bạn thân xuống Rạch Giá để tìm đường vượt biên. Chuyến đi không có tổ chức, không mua bãi bến nên bị lộ. Trong lúc trốn chạy để thoát thân, cô tuột sút mất chiếc dép, để rồi sau đó với bàn chân trần, cô dạp phải một miếng sắt rỉ sét làm cô khụy xuống, không còn bước đi được nữa. Công an biên phòng đưa cô về, cho cô băng chân rồi nhốt trong một căn phòng đầy người, có lẽ họ đều là những "tội nhân phản động" như cô.

Vài ngày sau, bàn chân nhiễm độc. Cô bị sài uốn ván. Tai nạn tầm thường đó đã đưa cô đến cái chết không một người thân bên cạnh. Bà mẹ đưa xác con về, chôn cất và thương xót âm thầm...

Khi Tùng đến thăm mộ người yêu, đôi mắt cô gái như vẫn nhìn anh. Như chỉ mới ngày hôm qua. Buổi chiều ở trại Hàm Tân...Tùng tự hỏi, tại sao Tùng không chết trong tù? Không chết vì những đọa đày trong bao năm dài tủi cực?

Rồi với những xô đẩy của thời cuộc, và cũng chẳng còn gì để bám víu, Tùng vượt biên cùng với gia đình người chị ruột...như một bước đường cùng. Bỏ quê hương ra đi không một chủ đích. Không một dự tính tương lai. Với đôi mắt buồn của người yêu. Bám chặt không rời...

Chạnh nhớ chiều xưa Hồ Dzếnh
NGỮ AN

Làm sao trên đường về nhớ đầy
Những chiều không dám ngó mây bay
Khói thuốc xanh đâu sầu vạn cổ
Rừng xa từ thuở chim lạc bầy

Ngày đưa ngày tháng vội đưa năm
Chợt hát bài ca chạnh cõi lòng
Cái phút nhớ nhà người lữ khách
Dâu bằng nỗi nhớ kẻ lưu vong

...Câu chuyện tới đó, Tùng kết luận bằng một câu giễu cợt:

— Bây giờ chị Thùy có thấy cuộc đời tôi...cải lương chưa?

Mọi người im lặng. Tùng cười khan, rồi tiếp:

— Nghĩ cho cùng, một câu chuyện như thế cũng không có gì gọi là lâm li đặc sắc. Nó giản dị như trăm ngàn những trắc trở thường tình, nhất là với hoàn cảnh và thời điểm lúc đó. Nhưng tôi, kẻ trong cuộc, lúc nào cũng mang cái mặc cảm chính mình đã giết chết người con gái mà mình yêu thương nhất.

Mọi người vẫn im lặng. Tôi thấy thương thằng bạn của mình. Lần đầu tiên Tùng kể rõ chuyện tình của nó cho tôi nghe. Thời gian Tùng bắt đầu yêu cô gái, thì tôi đang bận học ở Sàigòn. Những lần về phép, nó bỏ tôi để đi chơi với bồ. Tôi mừng cho nó nên cũng để nó...yên thân. Từ đó hai đứa tôi ít có dịp gặp lại nhau...

Rồi tháng tư 75. Tôi đã cùng gia đình di tản. Tùng ở lại...tù đày. Năm 81, tôi bảo lãnh cho bạn định cư ở đây, sau bảy tháng chuyển tiếp ở trại tị nạn. Tôi vô tâm chẳng biết sự tình riêng tư của Tùng, mà nó thì chẳng bao giờ nhắc nhở đến...

Có điều tôi nhớ lại, mỗi khi đi chơi chung với nhau, lúc về đêm, Tùng thường ngước nhìn bầu trời cao rộng dù ánh đèn thành phố đã làm cho không gian bớt đi cái nét tinh hài của nó. Tôi nghĩ, có lẽ bạn tôi đang tìm kiếm những dải Ngân hà...năm xưa. Tìm kiếm đôi mắt buồn của người yêu cũ... ❑

Chiều Chiều Lại Nhớ...

Hoài Ziang Duy

— Mai nầy con định thi hoa hậu đó chú.

— Trời đất! Nói thật hay nói chơi đó?

— Thật mà. Tụi bạn rủ nhau, chỉ có con đường đó mới lập thân nhanh được; mà chú thấy sao?

— Chú hả? Chú không thích cái vụ khám, cân đo, vòng eo vòng mông kỳ cục lắm; cái gì người ta cũng coi được.

— Có sao đâu, họ nói là thủ tục phải vậy mà, sơ khảo vòng loại gì đó. Mà sao người ta lại thích coi nhiều vậy, lại chụp hình để dành, nói là làm hồ sơ nữa... Cái con nhỏ bạn kỳ rồi nói là có ông phải mang kiếng để soi siêu vi khuẩn nữa.

— Cái vụ này chú không rành, nhưng phức tạp lắm. Nó không giản dị đâu. Người ta có nhiều con đường để đi lên, nhưng đường ca hát và đường thi hoa hậu nó gần như nhau, cái nào cũng có cay đắng, tủi buồn, sung sướng và nước mắt.

— Cháu chưa thấy lần nào tổ chức cho đàn ông thi cả. Đàn ông mà thi thì ban giám khảo phải là các bà khám lại, chấm điểm, tuyển lựa; mà không thể gọi là hoa hậu được. Hoa là bông, hậu là bà chúa. Gọi là hoàng tử thì so với chữ Hoa hậu thấy giống con cái quá, vậy thì phải gọi là gì mới được. Chú thử nghĩ coi.

Thụy cười. Thật tình, bất ngờ quá Thụy cũng chưa biết gọi danh xưng gì đối đầu với chữ *hậu*. *Hoa* là không được rồi. Chắc phải dùng chữ *Đế*. *Đại Đế*? Cái bọn nhậu uống nhiều thì lại hay xưng *Đại Đế*. Chả nhẽ đưa danh từ nầy tiêu biểu cho bọn uống rượu. Gọi *Đại Vương* thì có vẻ giống sơn tặc quá. Chỉ còn nước cười trừ. Thụy nói:

— Đàn ông thi sao được, ông nào bụng cũng bằng ngực hết. Con nít thì ngực lép, đàn ông thì bụng dầy ra.

— Đàn bà mà khám các ông chắc vui lắm chú hả? Chỉ vụ mắc cỡ

thôi cũng đủ run tay khám rồi.

— Tháng trước gần Tết đó. Chú thấy không, cơ quan ban ngành, nhà báo, ở đâu cũng ì xèo vận động thi hoa hậu bán vé hết; như chơi xổ số vậy mà, còn chú đưa rước bọn này nhiều tháng, chưa bao giờ chú nghe nói gì hết. Chú có vẻ hiền quá, không giống giới xích lô nhà nghề.

— Tôi hả? Cũng như người khác thôi. Người ta đi lên bằng sự nghiệp, còn mình muốn nhanh hơn nên phải chạy, mà chạy đạp vòng vòng.

— Chú nói chuyện nghe vui thiệt.

— Cháu nói cũng có duyên.

Chiếc xích lô chậm lại. Thụy kéo thắng tay cho xe đổ lại bên đường. Trên xe cô gái sửa lại mái tóc, kéo vạt áo rồi thong thả bước xuống. Cái xắc tay đeo tòn ten trên vai, miệng cười nói "Tối chú đến rước nghe."

Không cần trả lời, Thụy chỉ gật đầu. Buổi chiều xuống. Thành phố đã nhá nhem tối. Xong một người khách, chân Thụy lại mỏi thêm một chút. Mỗi ngày sau buổi tan trường, rời bục giảng, trở lại với đời sống áo cơm. Đó là tiếng thở dài. Nhiều khi nhìn những đôi mắt mở to chăm chú; những cái đầu nghiêng nghiêng liếc trộm; hình như đâu đó Thụy thấy lại quãng đời ấu thơ của mình. Đã bao năm qua sống với đời sống nầy. Đã bao lần Thụy muốn rời bỏ nó; nhưng có một cái gì níu kéo, vương vấn... Thụy không muốn là gánh nặng cho gia đình. Con mỗi ngày một lớn. Ai cũng phải đi làm mới đủ ăn... Tiền lương dạy học lãnh ra cho một tháng chỉ hơn tuần là hết sạch, chưa kể những lần chạy gạo thuốc men. Dạy học và viết lách. Đó là chuyện hồi trước. Cái nào cũng tim óc. Vắt đi những lời nói, vắt đi những đêm dài để viết, để hình thành tác phẩm. Thụy cũng có niềm vui nghiệp dĩ chính mình. Tất cả những gì qua đi. Bây giờ chỉ còn lại mớ sách đã nằm yên trên quầy kệ trong nhà. Thụy không muốn nói, muốn nhắc lại. Người ta đã từ chối, phê phán luồng văn học mà Thụy đã sống trước kia. Tước bỏ mọi điều, nhưng trong lòng Thụy nỗi ray rức vẫn là điều khôn nguôi. Viết cho ai đọc và viết để làm gì. Thụy không muốn là mục tiêu cho sự khuyến dụ và nhận lãnh những phê phán. Như bao người khác, Thụy đã sống những năm dài chờ đợi. Một cái gì đó ở ngày mai. Lâu ngày rồi thấy nó mơ hồ với áo cơm trước mặt. Chỉ còn mỗi ngày lên lớp dạy. Thụy muốn an thân với chính mình. Còn giữ được vai trò nầy phải chăng Thụy có cái hèn của người chưa dám rút chân thực sự. Níu kéo giữa bản chất trí thức không dám tự nhận và thực tế phải đương đầu. Rút vào trong tối là thu lại trong cái vỏ ốc, cái hào quang bao che phân phẩm. Đứng bên lề nhìn người ta sống, bon chen hay tự mãn. Rồi còn đám học trò bao quanh. Phải chăng Thụy còn muốn được kính trọng tôn vinh. Nhưng có điều mâu thuẫn, Thụy sợ một hôm nào đó, người thầy trên bục giảng chỉ là người đạp xích lô ban

chiều bị bắt gặp. Nhiều lần nhận những đồng tiền quăng vội vã, mặc cả với đủ hạng người, nhẫn nhục để nhét đồng tiền vào túi, Thụy chỉ mong một ngày bình yên. Cuộc sống không còn là nghề tay trái nuôi tay mặt mà bằng đôi chân, bằng mồ hôi vã ra trong bộ đồ che mặt đổi lốt.

Người đàn bà hình như nhìn Thụy đã lâu. Rồi có tiếng gọi Thụy không nghe rõ. Đến khi bà ta bước lên xe. Giọng nói dịu dàng cất lên:

— Đi thôi, anh.

— Đi đâu thưa bà?

Có tiếng cười bỡn cợt đi sau giọng nhỏ nhẹ:

— Anh cứ chạy theo ý anh muốn, lòng vòng chỗ nào mát mẻ, tôi muốn được yên. Đừng ngại tôi sẽ trả tiền giờ cho anh.

Đã quen những lần chở khách ngoại kiều, Thụy gò lưng đạp. Gió từ bờ sông thổi vào sảng khoái. Tiếng người đàn bà nhắc lại lần nữa.

— Anh chạy ra hướng ngoại ô đi. Đừng sợ, tôi trả tiền mà, kể cả tiền giờ anh ngồi nghe tôi nói. Đừng nghĩ tôi như người đàn bà từ khách sạn đi ra. Hay có nghĩ vậy cũng chả sao.

— Dạ, tôi đâu dám.

— Tôi đợi dịp này lâu rồi anh biết không, anh Thụy. Ngạc nhiên lắm hả? Tôi từ chỗ con bé mà mỗi ngày anh chở nó đi làm đó; tình tứ quá, lại chú chú cháu cháu.

Thụy cảm thấy hơi bực. Mọi việc đến có vẻ sỗ sàng, trơ trẽn. Giọng nói, hình dáng hình như có sự quen thuộc nào đó. Hay đây là đứa học trò cũ nào đã nghỉ học, không nhớ nổi. Trong đầu, Thụy điểm qua những nhân vật phá phách.

— Ngừng đây đi anh, kiếm chỗ nào ngồi.

Cho xe dừng hẳn lại. Chìu ý khách. Người đàn bà bước xuống. Cái dáng cuốn hút quen quen Thụy nhìn từ đằng sau . Cái bờ lưng thon thon mái tóc xõa dài.

— Ngồi đây anh, ngồi lại gần tôi nè.

— Câu chuyện bắt đầu từ cái đêm hôm đó.

— Cái đêm hôm đó là đêm gì?

Đột nhiên cái jupe bung lên và có tiếng la bật dậy

— Úi da, kiến.

— Ở đâu?

— Kiến cắn chim.

Không nhịn được, Thụy bật tiếng cười.

— Kiến gì mà khôn vậy, sao bắt mùi mà cắn chim.

— Quỷ sứ anh; em nói kiến cắn con chim nằm chết khô kìa.

Quỷ sứ anh! Cái tiếng nầy cùng với chiếc răng khểnh đã làm Thụy nhận được Tuyết, Tuyết trước mặt mình của mười mấy năm về trước.

Tuyết từ tỉnh lên Sàigòn trọ học ở nhà Thụy; ngổ ngáo phá phách nhưng cũng lăng mạn. Lấy chồng sớm, vinh hoa hưởng thụ nhiều. Đã xa đã bỏ đi lâu rồi. Sao bây giờ gặp lại.

— Ngồi chỗ nầy đi; không có kiến cắn chim.

— Quỷ sứ anh; y như hồi xưa, trong trường thì đạo mạo, viết lách thì móc lò.

Thụy cười trừ trước không khí thân thiện hơn.

— Cứ tưởng là Việt kiều về nước, lên xe không cần trả giá chứ.

Mùi dầu thơm thoang thoảng khi Tuyết tựa vào gần Thụy. Tự nhiên trong lòng Thụy, cái cảm giác nao nao sung sướng. Không phải của ông thầy mà của chính Thụy, cái tâm trạng tình ái đánh thức Thụy dậy. Đã lâu, đã lâu lắm rồi, không có chút ngọt bùi, không có chút tâm tình để làm mình trẻ lại. Nắm lấy bàn tay Thụy, Tuyết kể:

— Từ ngày lấy Hiệp, không sanh con được, nhưng đã sao! Em vẫn là "bà" của một quận lẻ. Cái quận ở ngã ba sông cũng là quê hương mình; tự thuở nhỏ lớn lên đi học rồi trở về khi lấy chồng. Cho đến ngày tan hàng, quận cố thủ, Hiệp tử thương.. Em phải bỏ trốn không dám trở về. Làng xóm còn đó. Rồi đến khi mẹ mất, ngoại mất. Những năm đầu lén lút trở về chịu tang rồi bỏ đi. Em sợ về nơi cảnh cũ, sợ vết đau, sợ kỷ niệm, bỏ lên Sàigòn lập thân. Không nơi nương tựa, nhưng nhờ có tiền dần đà em cũng chen vào cuộc sống mới đổi thay. Có khuây khỏa, có trốn lấp đi những đêm, những canh bạc dài; nhưng sao em vẫn nhớ, vẫn muốn tìm kiếm một tình thân, nơi cuốn rún chia lìa. Đã lâu muốn gặp lại anh, nhưng ngại ngùng. Cảnh vật đổi thay và anh cũng không còn như trước.

Tuyết nói một lúc; rồi khóc. Giọt nước mắt ứa ra lặng lẽ. Cái bàn tay ngờ nghệch của Thụy thêm lúng túng. Câu chuyện của Tuyết cũng là của Thụy. Gần hai mươi năm rồi chưa về lại cảnh cũ. Lập thân, lập nghiệp ở Sàigòn đã lâu. Đâu còn gì nữa mà quay về, lại sợ nhiều chuyện khác.

— Vợ anh bây giờ ra sao?

— Tết nầy, gom chút tiền cho mẹ con về xứ, đi cả rồi; chỉ còn một mình ở lại; phải giữ ngôi nhà, không có gì, nhưng Tết nhất không muốn đóng cửa.

— Anh nầy. Những buổi chiều thế nầy, em sợ lắm. Em sợ nỗi cô độc, lặng lẽ. Em có thể có những điều anh không thể có như vật chất, nhưng chung quanh chỉ là những giả dối. Sau những rộn ràng là nỗi đìu hiu. Có thể người ta sẽ không nghĩ em là con người như vậy. Nhưng với anh, em nói thật một điều mỗi khi nghĩ về quê nhà; dù đã không còn gì nhưng sao em vẫn nhớ. Nỗi khao khát muốn sống lại tuổi nhỏ, muốn sống lại quãng đời qua.

— Ừ thì cũng như anh thôi. Cũng có bao người như chúng ta chiều chiều lại nhớ chiều chiều, trông về quê mẹ ruột đau chín chiều. Đó là câu ca dao gần gũi ở lớp vỡ lòng, nhưng bây giờ chiều chiều còn có ý nghĩa thâm sâu hơn; nhớ về ngày cũ là nhớ tất cả, nhớ về những ngày tháng đẹp, nhớ nỗi đau hoài mong ước hẹn.

— Năm nầy anh cho em về lại nhà anh, bỏ đi không khí chung quanh em. Em cần có một tình thân, dù ngắn ngủi. Em sợ nỗi cô độc, đằng sau tiếng pháo, tiếng chúc tụng, đằng sau những lễ nghi lịch sự. Cho em về với anh đi.

— Bây giờ hả?

— Ừ, thì bây giờ.

— Anh còn phải rước cô bé mà em thấy đó.

— Không sao đâu, nó đón xe khác về, em là chủ nó mà.

Trong lòng Thụy, nỗi lưỡng lự. Có một điều gì phạm tội, có một điều gì mơ hồ đang len lỏi vào nỗi cô độc mà Thụy sẽ phải sống trong những ngày tới nầy. Một lúc ngần ngừ Thụy nói:

— Cũng nghèo như xưa, Tuyết có chịu được không?

— Có sao đâu. Em chỉ cần tình thân, cần có tình người.

Hai người đứng yên. Tuyết nắm lấy tay của Thụy như muốn nâng đỡ chính thân thể mình. Con chim bị kiến cắn còn nằm đó; và tiếng "quỷ sứ" chạy theo, lên xe với Tuyết.

Giờ nầy đường vắng. Chỉ còn mấy gánh hàng rong đang vội vã trở về. Đạp xe ngang qua khu phố cũ; mỗi lần qua con đường Gia Long, thói quen là Thụy phải ngẩng đầu lên, ở đó bên trong có cái cầu thang trôn ốc dẫn lên trên. Ở đó năm xưa Thụy đã lui tới nhiều lần để đưa bài viết, ngồi đấu láo. Bây giờ đã khác. Sân khấu đã hạ màn. Thụy vẫn viết rồi bỏ đó. Đôi lúc cầm viết lên tự nghĩ viết để làm gì. Có nuôi sống được gia đình? Nhiều lần như vậy, nhưng hình như ở đó là đời sống Thụy, cái đời sống thật sự ở tâm linh cần thiết như hơi thở. Đêm nay gặp lại Tuyết, cùng lúc nghe Tuyết hỏi:

— Sao dạo nầy anh không viết nữa. Bị cấm? Thì lấy tên khác. Hồi đó sách nào của anh, em cũng tìm đọc. Giữ lấy nó như giữ kỷ niệm của tuổi đời mới lớn ngưỡng mộ anh. Ở chung nhà, mà sao hồi đó anh cù lần quá, nhút nhát; chả bù với văn chương thì tình tứ, thô bạo.

— Còn bây giờ?

— Biết đâu được, hay bây giờ anh chỉ viết bằng cái đầu suy nghĩ của anh.

Đến nhà mở cái khóa. Mở đèn đưa Tuyết vào trong. Thụy đẩy xe đến đầu ngõ. Trả tiền thuê cho chủ. Là xong một ngày... Trở về nhà; sao đêm nay Thụy thấy lòng mình hơi khác. Cái cảm giác không tả được.

Hình như đã chuẩn bị sẵn cho cuộc gặp sau lúc tắm rửa, Tuyết trở ra trong bộ đồ ngủ dễ thương, không chút son phấn, dịu dàng, làm Thụy thấy ngẩn ngơ. Nhìn Tuyết không phải là người đàn bà trước đây mấy tiếng đồng hồ. Tuyết có vẻ hiền lành như một loài bông bụp ở hương đồng cỏ nội. Đằng sau lớp áo mỏng, cái thân hình mảnh mai mờ mờ ảo ảo như mê hoặc lấy Thụy.

— Anh nhìn gì dữ vậy?

— À không, làm chút chuyện đã.

— Để em, anh đi thay quần áo sạch sẽ đi. Em thích làm công việc nhà nầy. Đã lâu không ai bắt mình phục vụ. Sống bừa bãi quen rồi, đôi lúc cũng muốn làm, muốn lo cho mái ấm gia đình.

Tuyết quét dọn trên bàn thờ, sắp mấy trái cây ra dĩa, công việc làm nhanh gọn. Nhìn nàng mân mê từng món đồ, đôi lúc có vẻ thẫn thờ. Thụy cũng không hiểu nàng nghĩ gì.

— Chắc chị ấy không ngờ em đến đây, mà đã sao, anh em mà, lâu lâu quay về chốn cũ, đời sống anh có vẻ thiếu thốn lắm hả? Anh mà đi làm cái nghề của em chắc không quen đâu. Phải biết săn đón vui vẻ, mà anh thì cù lần bỏ mẹ.

— Đêm nay em ở lại?

— Thì ở lại. Tuyết vừa trả lời vừa nhoẻn miệng cười. Cái răng khểnh, cái đôi mắt tình tứ mở lớn.

— Em không sợ à?

— Sợ gì, anh đàng hoàng mà; em không ngủ đâu, phải thức suốt đêm. Mấy khi có lần can đảm nầy. Em cũng phải thắp nén nhang cho mẹ, cho anh ấy. Lâu lắm rồi, anh biết mà, công việc nghề nghiệp em làm, cũng phải giấu đi.

Tuyết so nhang, đốt lửa; rồi đưa lên trước trán khấn nguyện. Nàng đứng đó. Cái áo ngủ hở bờ vai trắng, vừa tới gối. Nàng lâm râm khấn nguyện, vái van. Thụy thấy cái đùi nàng thon thả hạnh phúc như từ trên đóm lửa kia, lần xuống mái tóc, lần xuống vòng eo. Năm xưa Thụy nghĩ nàng nhỏ bé khờ khạo, bây giờ như pho tượng đó. Tuyết hiện thân của một tình cảm êm ấm; khao khát thứ tình người đã xa. Tuyết thấy gì ở đó: Thiên đường hay quỷ dữ. Có đôi mắt bà mẹ. Có mái tóc già quê ngoại, cái miệng móm nhai trầu hay vòng tay của Hiệp buông xuống. Trước sau ai cũng về miền đất hứa, miễn cưỡng hay nhận chịu cũng chỉ như một định mệnh của mỗi phận người. Khi đã mất mới quí cái gì không đạt được; khi đã già mới ngẫm lại được đoạn đường đã đi qua.

Tuyết ngồi xuống bên Thụy. Đôi mắt nàng ướt. Thụy nhả vòng khói. Nàng ngồi xích lại, kéo vạt áo che đùi, cặp chân nàng gác tréo.

— Hồi đó em đâu dám ngồi tự nhiên thế nầy phải không. Anh có sợ

không?

Thụy không sợ. Cục phấn trên bục giảng rớt xuống. Hồi hộp thì phải hơn. Thụy muốn sống lại với những lãng mạn chính mình, khi cầm bút, khi viết, vẩn vơ tình ái và trầm mặc, còn bây giờ thì những náo nức như ùa ra, thẹn thùng trong ngôi nhà vắng lặng.

— Thăng trầm trong cuộc sống. Em muốn sống thật với chính mình. Dẹp bỏ đi đạo đức. Sống mà không đạt được điều mong mỏi thầm kín, quãng đời em còn lại chỉ là những vô nghĩa.

— Đâu phải lần cuối, Tuyết nói chi vậy.

— Biết đâu, liệu còn có duyên nữa hay không, ngày mai anh còn có bổn phận. Em chỉ là chiếc bóng đi qua đời anh, nhưng với em anh là người đứng lại.

Nàng ngã vào người Thụy. Cùng lúc hai cánh lục bình lạc loài trôi tấp vào nhau. Nỗi bất hạnh của tâm tình dâng hiến ẩn đục. Ở nơi quê nhà năm xưa tĩnh mịch; có bụi tre già, có tiếng mục đồng ê a thúc trâu lội qua vũng lầy. Có tiếng nổ. Có trái sáng những đêm soi hồi hộp âu lo. Có người đi xa. Có người đánh mất tất cả; để rồi chiều chiều lại nhớ...một phút nào đó, không gian như đứng lại; nỗi chua chát, nỗi mặn nồng. Cái áo Tuyết mất đi đầu mối, cái dây treo lơ lửng, đôi chân xoãi dài, bước qua cầu tre lắc lẻo. Hơi thở Tuyết nóng. Ngực phập phồng căng cứng. Không biết lúc nào hai người ôm nhau rất lâu. Rất lâu để thấy dòng sông ở ngã ba quê nhà chảy lặng lờ, dưới đêm trăng; có tiếng vỗ nước nhè nhẹ, có điệu hát ầu ơ của thuở ấu thời. Mẹ mất đi, người thân cuối cùng rời khỏi em. Khi không còn ai che chở bảo bọc, mới thấy mình trưởng thành. Em vẫn mơ một ngày trở lại; nhưng không còn gì để quay về. Em cần một tình thân, chốn nương thân nơi quê nhà. Mỗi năm em sợ những ngày Tết đến, sợ nỗi cô độc chính mình. Tất cả đều khép kín, ai cũng quay về, tìm chỗ quây quần. Còn lại em, chỉ còn là khoảng trống. Hãy để em băng qua dòng sông, lội ngược dòng nước chảy. Nước quê nhà chia hai dòng mặn, lợ. Lấy nước uống phải qua bờ bên kia. Thụy cũng thấy khát. Cái mằn mặn của giọt nước mắt chực hờ trên môi Tuyết. Cái bờ đê nơi quê nhà đã lở, nhưng ngực Tuyết không có dòng sữa chảy ra để hòa lẫn với ngọt lợ quê nhà. Nó vẫn căng cứng tức tưởi, thầm thì.

Đúng lúc ấy, đồng hồ gõ mười hai tiếng. Thụy đứng lên. Giao thừa, phải cúng mới được. Tuyết nằm yên. Đã ngủ hay còn thức. Tỉnh táo hay buông xuôi như đám lục bình trôi, dật dờ dưới chân nàng. Bật diêm quẹt, đốt mấy nén nhang cúng ông bà. Thụy chợt nhớ câu nói của Tuyết trước lúc kiến cản chim. Cái đêm hôm ấy. Cho đến lúc nầy Thụy cũng không hiểu cái đêm hôm ấy đêm gì. Để rồi chiều chiều lại nhớ...❑

thơ

HỒ MINH DŨNG

Mùa Xuân

Xuân đến, hỏi ta tụng bao nhiêu kinh
mõ cây trọc trần vẫn chưa lìa gốc
nửa tâm thất ta mở chốn thiền lâm
rộn rã bóng em ngày xuân xuống tóc
gởi trả mây xa, buộc mối tình gần.

Tình cũ

Gạn hỏi cánh hồng có bao nhiêu gai
xước vẹt tim ta mương rạch kênh ngòi
một mình nai lưng dẩy tình mắc cạn
đêm khuya nằm mơ chung gối với người

Tạ ơn

Tháng giêng, hỏi em còn mấy lá
lá nào hiu hắt dáng ngô đồng
ta về gom lại un khói bếp
hít tro than, ngửng mặt chạy rông.

Tháng tư, hỏi em ráng hoàng hôn
vàng rộm môi người cười thuở trước
trăm năm đeo tình nặng như chì
hát xẩm vu vơ lời nguyền ước.

Tháng tám, hỏi em mương nước rút
còn lối nào rong tấp vô bờ
ta vập đầu mò kim đáy nước
sình lấm, bùn văng, váng bốn bề.

Tháng chạp, hỏi lòng em đầy, khuyết
chén rượu mời nhau uống cạn, cay
nương cánh tò vò ta xoay xở
móc ngược tổ lên, treo tình đầu.

Mây vô xứ

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Ta gọi tên ta mây vô xứ
Trôi miết ngàn năm những đáy trời
Dôi khi ngoảnh lại nhìn quê cũ
Nhủ lòng thôi cũng thế mà thôi

Chênh vênh trí nhớ ngày đưa tiễn
Trầm thân hành ẩn biệt giang đầu
Bình sinh chẳng sá ngoài trôi dạt
Mộng dã hoang đường chuyện bể dâu

Cất bước hát ngao ngoài muôn dặm
Gọi gió theo về ở chốn không
Tám hướng mười phương đời chia ngả
Theo ngả nào cũng ngả thất tung

Ta phóng bút đề thơ trên đá
Bài thất truyền bụi xóa tháng năm
Thịt xương ném trả vào vô nghĩa
Mang nặng vong tình xuống cõi âm

Từ lâu tuyệt ẩn am mây trắng
Ta vẫn đi về một chốn đâu
Gửi cánh chim phiêu về dốc núi
Một cành hoa ngắt dưới vực sâu

Xin em cắm trong bình kỷ niệm
Nghe thầm thì hoa khóc đoạn tang
Thăm thẳm đôi bờ xanh mộng huyễn
Mắt quạnh hiu lệ nhỏ ngăn hàng

Ta thả hồn ta con nước xiết
Cuốn băng đi những kiếp hợp tan
Máu thủy triều rưng rưng thương tiếc
Sóng thiên thu điệp điệp giăng hàng

Dang tay ôm trọn lòng biên giới
Có không đây đó những quê hương
Xa lắc địa đầu xanh diệu vợi
Mới mòn tinh đẩu trắng tang thương

Hư Cấu

Mai Kim Ngọc

truyện vừa

1

Cụ Hưng giở cuốn truyện của mình ra đọc. Cụ nghĩ tác phẩm thành công, hơn sáu tháng rồi mà bán vẫn chạy, có lẽ sang xuân lại phải tái bản. Cụ ôn lại văn nghiệp mình, một văn nghiệp đa dạng kéo dài gần nửa thế kỷ, với hơn ba chục tác phẩm dựng trên những không gian thời gian hoàn toàn khác nhau... Những tác phẩm trữ tình thời tiền chiến, những tác phẩm hào hùng thời kháng chiến chống Pháp, những tác phẩm vinh danh công nông binh trong giai đoạn xây dựng xã hội chủ nghĩa, và gần đây những tác phẩm nghệ thuật cởi trói... Thể loại nào cụ cũng góp phần.

Sự nghiệp có thăng có trầm, nhưng nói chung, thời nào cụ cũng được ca ngợi, không ít thì nhiều. Sự việc phản ảnh rõ ràng trong tiêu chuẩn gia cư. Cụ được cấp một căn nhà biệt lập ven hồ Tây, có chút vườn đằng trước và chút gác nhìn ra hồ. Căn nhà nguyên của một người đội sen đầm Pháp bỏ lại, đồ đạc cũ kỹ nhưng phần đông còn hữu dụng nhờ bảo trì và tái bảo trì, từ chiếc quạt trần bốn cánh cho đến cái chuông điện mà tiếng reng nghe như chuông điện thoại.

Cụ thích nhất tác phẩm cuối đời đang cầm trong tay. Cụ viết về một người mật thám Pháp khá gần gũi với cụ. Trong bầu không khí mới tương đối rộng rãi hơn về chính sách và lập trường, cụ đã tiện nghi xoay sở khi viết cuốn truyện... Vả lại hận thù với Pháp đã trở thành sử liệu, ít người cau mày khi cụ ghi lại đôi nét nhân bản nơi kẻ thù cũ... Sau bao lần nhuận sắc và tái nhuận sắc, cụ đã thuộc lòng từng câu từng chữ tác

phẩm mình. Cụ giở hú họa, như người bói Kiều. Thật ra đoạn nào cụ cũng thích thú. Cụ rơi vào chương giới thiệu nhân vật phụ Madeleine, tên Việt là Quỳnh Loan, cô dầm lai con gái của lão mật thám Pháp. Cụ lẩm nhẩm đọc:

"Quỳnh Loan mười sáu tuổi. Cô bé không hẳn là đẹp theo nghĩa thông thường của chữ đẹp Hùng vẫn hiểu. Chỉ có cái mũi là thanh tú, thẳng như mũi bố mà không to không thô... Đôi mắt nai mầu nâu, có lẽ xinh đẹp trên khuôn mặt Á đông, nhưng xếch một cách lộ liễu trên làn da trắng điểm tàn nhang, tố cáo sự pha trộn chưa hài hòa của hai dòng máu. Cái môi đầy đặn bắt mắt Hùng, thơ ngây nhưng đã ám tàng đam mê thể xác của tây phương, cái đam mê một khi thức dậy sẽ cháy bỏng dục tình...

Lẽ ra sự pha trộn phải đưa ra cái đẹp của cả hai dân tộc, nhưng Hùng không thấy diễm phúc ấy nơi Quỳnh Loan. Anh nghĩ đến gốc gác của nàng. Cha nàng là lão Tây trùm mật thám. Mẹ nàng nguyên con ở kiêm nhân tình, về sau thăng cấp lên thành vợ..."

Cụ bằng lòng với hư cấu của mình. Tất nhiên là hơi quá tay, sự thật không xấu xí như vậy. Nhưng .hư cấu này cần thiết để tạo thêm kịch tính cho cái đam mê dầu sôi lửa cháy về sau giữa Quỳnh Loan và Hùng...

Bỗng dưng, cụ Hưng không muốn đọc tiếp.

Những hàng chữ nhảy múa trước mắt, và lần đầu tiên cụ ngại ngùng khi đọc văn mình. Cụ nhìn đồng hồ. Một rưỡi chiều, còn ba giờ nữa khách mới tới...

Đã bao lâu rồi cụ chưa gặp Quỳnh Loan, không phải Quỳnh Loan nhân vật tiểu thuyết của cụ, mà Quỳnh Loan bằng xương bằng thịt của đời sống thật ngoài đời...

Quỳnh Loan cũng là văn sĩ, lẽ ra cuộc tái ngộ sẽ vui gấp đôi. Ngoài chuyện cố nhân cố sự, hai người còn có thể trao đổi với nhau những thú vị về văn chương thơ phú...

Nhưng cái vui tái ngộ chưa hưởng đã bị tì ố vì áy náy lo âu.Tiểu thuyết tất nhiên là hư cấu, nhưng tiểu thuyết của cụ hư cấu từ những chi tiết quá thật, quá gần... Quá gần với Quỳnh Loan, với cha mẹ nàng, với chính cụ. Không biết lát nữa Quỳnh Loan sẽ phản ứng như thế nào.

Trốn nghĩ chuyện phiền toái, cụ liếc nhìn tờ báo hàng ngày đặt trên chiếc bàn con. Ảnh ông Mandela in lớn, bề ngang chiếm bốn cột trang nhất bắt mắt cụ. Có cái gì hấp dẫn toát ra từ vị lãnh tụ da đen vừa đắc cử tổng thống Nam Phi, một xứ lạc hậu nổi tiếng kỳ thị chủng tộc. Cụ ngắm chân dung Mandela, mê cái nhân hậu cùng với cái trí tuệ sắc bén thấm nhuần khuôn mặt xương xương. Cụ nghĩ huyết thống tù trưởng đã cho phép Mandela đứng trên mọi sắc dân, đen cũng như trắng, để cai trị

Nam Phi với cung cách vương giả trong bao dung độ lượng...

Cao hứng, cụ Hưng thấy mình giống Mandela. Cụ cũng trạc tuổi ấy, và nửa thế kỷ trước khi đồng chủng bị khinh miệt, cụ đã được người da trắng biệt đãi. Mới đỗ tú tài một, cụ đã được giáo sư môn văn người Pháp tiến cử với bạn làm lớn trong tòa khâm sứ, và chức tham sự ngạch Pháp chờ sẵn cụ ở cổng trường trung học một khi cụ tốt nghiệp tú tài toàn phần. Sau tham sự sẽ là hậu bổ, là tri phủ tri huyện, và hoạn lộ cụ thênh thang. Nghe nói ông Mandela cũng vậy, tài hùng biện của ông đã làm nhiều quan tòa da trắng thán phục...

Giống nữa là cả hai cùng tham gia cách mạng rất sớm, ngay từ hồi trung học... Chỉ có khác là Mandela bền chí đấu tranh cho đến thành công, không quản tù tội, không quản hy sinh hạnh phúc cá nhân suốt nửa đời người.

Sự nghiệp Mandela đã lên đến tột đỉnh, còn cụ chưa bao giờ phải vào sinh ra tử mà cũng chưa bao giờ được quảng đại quần chúng biết đến như một anh hùng dân tộc...

Cụ đổ cho số mệnh. Đúng, số mệnh đã làm cho cụ gặp một con người đặc biệt ở một ngã ba đời then chốt. Con người ấy đã ảnh hưởng sâu xa đến cụ, đã lái cụ ra khỏi sự nghiệp cách mạng. Con người ấy là Jacques Martin, viên chức quan trọng của sở liêm phóng Đông dương những năm đầu thập niên bốn mươi. Như cụ ghi lại trung thực trong tác phẩm, lão là cha dẻ của Madeleine Martin, cô gái đầm lai có tên Việt rất xinh rất Việt là Quỳnh Loan.

Có nhiều huyền thoại về lão. Người Việt thời ấy, cách mạng cũng như không cách mạng, không biết xếp lão vào loại nào. Lão độc ác khét tiếng, mưu lược, lại rành rõi văn hóa bản xứ, am thông Quốc ngữ cũng như chữ Nôm chữ Hán. Thú vui của lão là dịch Kiều ra Pháp văn. Lão sinh hoạt với giới trí thức kinh đô, thường đóng vai cái gạch nối giữa những văn nhân từ Pháp sang thăm với giới thượng lưu bản xứ. Lão còn nghiên cứu đạo Phật, và thường có mặt tại những buổi nói chuyện của hội Phật học. Ngày xưa với cái giản dị của người chưa sống, cụ cho tất cả sinh hoạt của lão chỉ có một mục đích là len lỏi vào ngóc ngách của xã hội bản xứ để rình mò. Bây giờ nghĩ lại, cụ thấy lão phức tạp hơn cụ nghĩ nhiều lắm...

Dù sao cụ cũng không quên được lão, và từ khi cụ viết cuốn sách cuối đời này, Jacques Martin hư cấu thành nhân vật Jacques Martinez đã trở lại ám ảnh cụ. Hồn ma của y tựa hồ ngày đêm sống lại bên cụ trong một liên hệ còn thật hơn khoảng thời gian gần gũi với lão nửa thế kỷ trước...

2

Lần đầu tiên cụ đối đầu với Jacques Martin, Pháp còn cai trị Đông Dương, Việt Nam còn là An Nam, và cụ Hưng còn là trò Hưng, hay trò Hùng, nhân vật chính trong truyện của cụ.

Hùng đang theo học ban tú tài trường trung học Pháp Việt. Không gian là Huế, thủa ấy còn là kinh đô của vương quốc An Nam. Tin thời sự quan trọng là ngài Ngự lên Ban Mê Thuột bắn voi với toàn quyền Decoux bị trặc chân, nhưng may nhờ con voi nhà trung thành nên thương tích không có gì nguy hiểm. Bọn học sinh rắn mặt và vô tư lự lại đồn là giao tế thân mật của Hoàng thượng với Decoux phu nhân đã tạo ra hiểu lầm, và vết thương nhẹ ở chân ngài Ngự là do viên đạn ghen tuông của quan toàn quyền kiêm thủy sư đô đốc. Chúng suy diễn rằng thủy quân Pháp có truyền thống mọc sừng. Thủy sư đô đốc Decoux cũng chung số phận, chỉ có điều uy quyền phó vương của ông cần cái sừng vương giả mới xứng, và cái sừng ấy ngài Ngự đã tặng cho ông...

Nhưng Hùng không chống Pháp một cách nhảm nhí. Đoàn viên hội kín hội học sinh cách mạng mới được ba tháng, anh để tâm cố gắng tạo tín nhiệm nơi anh em.

Còn nữa, phiên họp đêm qua trong lúc hăng say, nhân có người ta thán về lão chánh sở liêm phóng Martinez, anh đã nói lên ước vọng được đóng vai Kinh Kha đi ám sát lão. Nói xong anh đã thấy bất an, linh tính cho anh hay có lính kín trong hàng ngũ anh em tham dự buổi họp.

Và linh tính anh đã đúng. Ngay sau giờ chơi, mọi người vừa yên chỗ thì hai nhân viên sở liêm phóng theo giáo sư hiệu trưởng bước vào lớp. Họ mặc thường phục, bao da súng ngắn láng bóng nửa kín nửa hở dưới vạt áo sơ-mi bỏ ngoài quần, lạnh lùng hống hách, lộ liễu cung cách chó săn chim mồi. Họ nói nhỏ với thầy Tấn đang phụ trách lớp, rồi đảo mắt nhìn đám học sinh đang thu hình trên ghế.

Thầy Tấn gọi Hùng đứng lên trình diện với nhân viên chính quyền. Giây phút bấy lâu sợ hãi sau cùng đã đến. Biết sinh hoạt hội kín của mình đã bại lộ, Hùng đứng dậy thu dọn sách vở vào cạc-táp rồi bước ra khỏi bàn. Động viên lòng hết lòng can đảm, anh gắng làm bộ hiên ngang tiến lên đầu lớp.

Hùng không biết thầy Tấn và thầy hiệu trưởng nói gì, sự việc như không âm thanh, như diễn ra trong cơn ác mộng. Anh chỉ nghe cái nhìn vừa ái ngại vừa bất lực của hai thầy đè nặng lên vai khi anh bị nhân viên công lực giải đi. Tới cửa lớp, anh dừng bước quay đầu nhìn lại. Trong một giây anh thu vào tất cả cảnh đời học sinh đang dở. Thằng Tòng thủ

quân đội bóng lớp cười gượng gạo với anh, làm anh nhớ tới cuộc đấu liên trường cuối tuần lẽ ra anh chạy tiền đạo với nó. Mấy cô bạn ngồi bàn đầu nhìn anh, nửa thán phục nửa xót xa. Những bàn, những ghế, những vật dụng tầm thường của lớp học bỗng như có hồn, ngậm ngùi giã từ anh...

Bất thần anh ghi nhận bức tranh cách trí trên tường bấy lâu ra vào lớp học anh đã không còn để ý. Bức tranh lớn bằng tờ nhật báo mở đôi, minh họa cơ thể hai người, một đàn ông một đàn bà, phần trước thân mình đã bị cắt đi, ruột gan tim phổi phơi hết ra ngoài mà nét mặt vẫn thanh thản như không hề đau đớn.

Cái vô lý của bức tranh làm anh cau mày. Rồi như mặc khải, anh phát hiện ra lời nhắn nhủ bất ngờ. Anh hiểu anh phải xử lý hoàn cảnh hiện tại thế nào cho xứng đáng với những người đã được số mệnh và lịch sử chọn làm môn đệ Kinh Kha... Anh sẽ cắn răng nhận cái đau cái chết của sự nghiệp cách mạng mà không một lời ta thán.

Suy nghĩ theo chí hướng ấy, tới sở liêm phóng anh đã sẵn sàng. Thủ tục khám người lăn tay chụp hình vừa hoàn tất, không đợi hỏi đến, anh dòi giấy mực để viết tờ khai. Anh viết một hơi sáu trang, phê phán gay gắt chế độ thuộc địa bất nhân của Pháp... Nhà tù xây nhiều hơn trường học... Sưu cao thuế nặng... Quan lại sâu mọt... Anh mỉa mai những khẩu *hiệu Tự do, Bằng đẳng, Bác ái* mà thực dân cho vẽ cho in bừa bãi trên mặt tiền các công sở, trên văn thư hành chánh, bìa sách giáo khoa, và cả trên tờ giấy bạc Đông dương đang lưu hành suốt ba kỳ đất nước từ Nam đến Bắc và hai vương quốc Miên Lào. Ngôn từ tử tế mà hành động tàn ác bất nhân, coi thuộc địa như con bò vắt sữa, coi dân bản xứ như nô lệ...

Viên đội tây chăm chú đọc tờ khai của anh. Như được báo trước, hắn không tỏ chút ngạc nhiên. Đọc xong, hắn nói, *"Văn chương mày quả có giỏi như chúng nó đồn. Nhưng mày ngồi đợi đấy."* Nói xong hắn mang tờ khai đi ra khỏi phòng.

Còn lại một mình, nghe tiếng la hét của người đang bị lấy khẩu cung phòng bên vẳng qua, anh nhớ lại chuyện các bạn đã bị bắt kể lại về phương pháp làm việc của sở liêm phóng Pháp, chuyện treo chân lên trần nhà, chuyện trấn nước, chuyện tra điện. Anh nghĩ ngày tận số đã tới. Anh tiếc công cha mẹ sinh thành. Anh nghĩ đến hai đứa em ở Phan Thiết nơi cha anh đang làm việc tại sở hỏa xa, đến những chuyện anh muốn làm cho chúng một khi tốt nghiệp, có công việc, có lương bổng. Ruột gan thắt lại, anh ghi nhận tất cả chỉ còn là những mộng ước của một cuộc sống đã không còn nữa...

Độ một tiếng sau, người đội trở lại. Hắn giải anh qua nhiều cửa. Dọc đường, hắn bảo *"Quan Chánh muốn gặp mày, liệu mà ăn nói cho có lễ*

độ..."Anh thoáng nghe ám tàng chút hứa hẹn khoan hồng, nhưng lại nghĩ tốt hơn hết là chấp nhận chuyện xấu nhất, chấp nhận cái chết. Một khi anh đã chấp nhận như vậy, chúng không còn cơ hội làm anh thất vọng hay giao động.

Tới một văn phòng rộng lớn anh nhận ngay ra lão Martinez, nhờ đã thấy hình lão trên báo chí. Nhưng ngoài đời lão trông còn khiếp đảm bội phần. Lão cao to như người khổng lồ, mắt sắc như dao, râu quai nón xồm xoàm, lông mày chổi xể dính liền với nhau thành một vạch đen trên trán. Thấy mặt anh, lão nổi cơn thịnh nộ, đập bàn đập ghế, quát tháo ầm ầm. Hùng bất cần. Tuyệt vọng đến chỗ bình tĩnh, anh khẳng khái nói lên những lời tâm huyết đã soạn sẵn trong đầu. Anh nói một hơi, sau cùng yêu cầu lão đừng bịt mắt anh khi giải anh ra pháp trường. Nói xong, anh hét lớn:

"*Độc lập hay là chết. Annam muôn năm.*"

Hô xong khẩu hiệu anh thấy vô cùng mệt mỏi. Phần anh, anh đã làm xong bổn phận, và anh sẵn sàng làm liệt sĩ. Bây giờ là phần lão làm bổn phận đao phủ thủ.

Nhưng lão chỉ sững người nhìn anh. Anh bỗng bắt được một thoáng mệt mỏi và buồn bã trong ánh mắt lão. Nhưng chỉ một thoáng thôi, lão hống hách quát tháo trở lại. Rồi lão sai viên đội tây nọc anh xuống đất đánh năm roi mây.

Đánh xong, lão bắt anh ngồi lên ghế, chậm rãi khen anh học giỏi, và mắng anh về tội nhẹ dạ nghe lời xúi giục của phiến loạn. Giọng lão từ tốn như răn dậy vỗ về. Xong xuôi lão gọi tài xế và ra lệnh cho y đánh xe trả anh về trường.

Anh ngạc nhiên thấy tất cả gian khổ chỉ có thế. Tất cả chỉ có năm roi mây, tuy đau nhưng không thể gọi là đòn thù của giặc.

Bác tài ghé tiệm sách Accueil mua bộ *Les Misérables* toàn tập. Bác cũng ghé tiệm bách hóa Morin mua chiếc cặp học trò bằng da đen khóa đồng. "*Quà của quan Chánh tặng cậu,*" bác nói, và bác đưa cả sách lẫn cặp cho anh.

Sự việc xoay chiều quá nhanh, anh sững sờ ôn lại những biến cố dồn dập và bất thường đã xảy ra từ sáng đến giờ. Anh bị bắt lúc mười giờ, viết bài phản kháng lúc trưa, bị đánh roi mây lúc một giờ hơn. Lát nữa anh sẽ về lại lớp bằng xe riêng của chánh sở mật thám, có thể đúng vào giờ tan học, trước sự chứng kiến của cả trường.

Đám bạn xúm lại mừng anh được trả lại tự do. Anh bỏ chuyện bị tây nọc ra đánh, chỉ kể cho các bạn âm mưu mua chuộc của lão trùm mật thám Martinez. Anh cũng kể đã đối đáp với địch thế nào và đã giữ tiết tháo của một thanh niên yêu nước ra sao.

Thoáng thấy ngờ vực trong vài khóe nhìn, anh dẫn dám bạn ra sông Hương phía sau đài tử sĩ, mở bọc cho họ xem quà tặng của viên chánh sở liêm phóng. Rồi bỏ bộ *Les Misérables* vào chiếc cặp đen còn thơm mùi da mới cùng với mấy hòn đá cho đủ nặng, anh lấy hết sức bình sinh quẳng tất cả xuống sông Hương. Tối hôm ấy anh chong đèn ngồi viết lại tờ khai bằng tiếng Pháp cho bè bạn xem...

Sau một vài tuần e dè, bạn bè dần dần tỏ ra tín nhiệm anh trở lại. Lần rải truyền đơn cuối cùng, anh cũng được tham gia. Đúng lúc ấy Martinez ra tay lần thứ hai. Một chiều thứ bảy, lão sai bác tài lái chiếc xe riêng của lão tới nhà Hùng trọ. Trước tai mắt mọi người, bác tài khúm núm thưa:

"Quan chánh sai tôi đón cậu tới dùng cơm tối với ngài."

3

Anh gặp Quỳnh Loan lần đầu tiên trong bữa ăn ấy. Mọi người vừa ngồi xuống, đôi mắt nai đã nhìn anh chăm chú. Khác với những cô gái Huế thủa ấy, bạn học hay bạn gái của anh, đôi mắt không e lệ cúi xuống khi bị con trai nhìn lại. Quỳnh Loan quan sát anh như quan sát một sinh vật lạ kỳ xuất hiện từ một cảnh sống khác mà bây giờ cô mới được gặp.

"Đây là ông Hùng mà cả tháng nay ba vẫn nói tới phải không?" cô hỏi.

Giọng cô thản nhiên. Cô lập ngôn như hỏi ba cô, mà mắt cô lại nhìn anh chăm chăm như đợi anh trả lời. Cách nói chuyện kỳ khôi của cô bé làm anh lúng túng. Lão Martinez đỡ lời anh:

"Đúng, đây là ông Hùng con ạ."

Lão nói thêm:

"Ông Hùng là người thanh niên có chí hướng."

Nói xong, lão đỡ chai vang người bồi mới mở, tự tay rót rượu ra mời khách. Ngạc nhiên không thấy nét mỉa mai, anh quan sát kẻ thù. Vẫn hàm râu quai nón, vẫn cặp lông mày chổi xể, nhưng lão đã hoàn toàn khác hẳn với lão Martinez cũ. Trước mặt anh là một người Pháp trung niên, lịch sự, phong độ như vị thầy giáo Pháp văn của anh, người Pháp độc nhất mà anh kính mến.

Anh cảm thấy hoàn toàn bị động, rồi anh ghi nhận anh đã bị động suốt tháng nay, từ khi đụng độ lần đầu với lão. Lão bắt anh rồi lão thả anh. Lão tha cho anh những tra tấn dã man nhưng lại đánh anh năm roi mây như phạt một đứa học trò hư hay răn dậy con cháu trong nhà... Anh đã bị động khi lão làm các bạn nghi kỵ anh một thời gian vì những món

quà lão tặng... Và bây giờ anh bị động ngay trên bàn ăn của lão, bởi đứa con gái choai choai mới lớn của lão...

Ba người trong gia đình thay phiên nhau gợi chuyện với anh, về học hành, về thể thao, về gia cảnh... Nghĩ họ hỏi cho có hỏi, anh trả lời cho có trả lời. Không có lý do gì để họ thực tình bận tâm với những chi tiết riêng tư của anh. Riêng lão Martinez, lão tất đã có đầy đủ hồ sơ về anh, chuyện hỏi han kể như hoàn toàn giả dối. Bữa ăn trôi qua nhạt nhẽo trong bầu không khí nặng nề...

Món tráng miệng dùng xong, bất thần lão Martinez sai bồi dọn cà phê trong phòng làm việc của lão và mời anh vào theo. Chủ khách an tọa, lão vào thẳng đề. Vừa quấy đường vào tách, lão bảo anh bằng tiếng Việt:

"Tôi mong cậu không để bụng vì mấy ngọn roi. Cậu nên coi đó như sự săn sóc răn dậy của bậc cha chú trong nhà. *'Thương cho roi cho vọt'*, ngạn ngữ mình có câu, chắc cậu còn nhớ..."

Lần đầu nghe tận tai lão nói tiếng Việt, anh giật mình với độ chuẩn của văn phạm, ngữ vựng cũng như cách phát âm của lão. Trong khoảng sáng gần như chói chan dưới cây đèn đọc sách đặt trên mặt bàn giấy rộng, lão ung dung ngồi nhìn anh, như đo trên mặt anh sự ngỡ ngàng lão mới tạo ra.

Anh không trả lời, làm bộ thản nhiên nhìn quanh căn phòng lờ mờ dưới làn ánh sáng lọc qua chụp đèn. Anh không cảm thấy sợ hãi. Anh nghĩ ra khỏi sở liêm phóng và bỏ ra ngoài những hộ vệ và an ninh của chức vụ, một đối một, lão không phải là đối thủ ngoài tầm tay của anh. Giá có con dao găm, anh có thể hạ thủ lão ngay tối nay.

Anh nhìn cây rựa của người Thượng treo bên chiếc ná mọi sau lưng lão, trên khoảng tường nhỏ độc nhất không bị tủ sách chiếm. Nhưng anh lại tính có chạy vòng qua lão lấy được món võ khí cổ sơ này, anh cũng đã mất yếu tố bất ngờ. Tầm mắt anh dừng lại trên con dao dọc giấy cán ngà lưỡi lá lan đặt trên cuốn sách mới mua. Không ai giết người bằng dao dọc giấy, nhưng bên cạnh con dao là chiếc khăn mùi-xoa phủ một hờ trên khẩu súng lục chuôi còn thòi ra ngoài.

Anh tiếc là anh không biết bắn súng. Khẩu súng lục độc nhất anh được cầm một lần là của người chú họ làm đội khố đỏ đóng đồn Phan Thiết, một hôm tới thăm cha mẹ anh đã cho anh xem. Anh biết mường tượng là muốn lên đạn thì phải kéo cơ bẩm và muốn bóp cò thì phải thả chốt an toàn, nhưng chưa bao giờ anh được thực sự bắn khẩu súng ấy. Rồi anh lại nghĩ, có thể khẩu súng không có đạn, lão làm bộ hớ hênh chỉ để thử anh...

"Cậu không nhận ra là cái gì hả?"

Anh giật mình nghe lão nói. Mắt đã điều tiết, anh nhìn theo tay lão chỉ, thấy chiếc bàn con bằng gỗ lim khảm xà cừ lấp lánh. Trên mặt bàn là cây đèn dầu lạc đặt bên chiếc đọc tẩu bằng gỗ đen, na ná chiếc điếu cầy nhưng nhỏ hơn.

"Thuốc phiện đấy," lão cắt nghĩa.

Lão lại nói:

"Tôi còn nhớ tờ khai của cậu. Cậu nói đúng, ngoài chuyện xây nhà tù nhiều hơn trường học, người Pháp còn mở ty rượu, ty thuốc phiện để đầu độc dân bản xứ. Chắc cậu không ngờ tôi cũng dùng thứ độc dược này. Nhưng mà biết điều độ thì cái gì cũng hữu dụng cả..."

Hùng đổi đề tài:

"Tôi nghe nói ông đang dịch Kiều..."

"Đúng."

Anh khiêu khích:

"Tiếng Pháp không đồng văn với Quốc ngữ, truyện Kiều lại viết bằng thơ, chắc khó dịch cho hay lắm..."

"Khó mới thích..."lão thản nhiên trả lời.

Rồi lão phân bua:

"Tôi biết cậu vẫn còn oán tôi. Đúng, không oán sao được, khi cậu muốn làm anh hùng mà tôi lại đánh roi cậu như đánh con nít... Nhưng chuyện này ngoài cậu với tôi không một ai biết, cả nhà tôi lẫn con Quỳnh Loan cũng vậy..."

"Cảm ơn ông... Nhưng dù bà và cô có biết cũng chẳng hề chi."

Lão dốc bao thuốc Bastos xanh, lấy ra một điếu. Nhẩn nha lão đánh diêm châm thuốc. Sau khi kéo một hơi dài và thả khói lên trần nhà, lão nói:

"Tôi muốn giúp cậu về đường tương lai."

Lão bảo có hai cách lão có thể giúp anh. Giúp anh thành lãnh tụ cách mạng thì không khó khăn gì. Lão chỉ cần cho thuộc hạ tra tấn anh như thường lệ, rồi lập án, rồi đày ra Côn đảo. Cái căm hờn sau trận đòn thù, cộng thêm với sự dạy dỗ của những đàn anh cách mạng đang ngồi tù, trong vòng năm nữa anh sẽ mãn khóa nhập môn vào cuộc đời cách mạng. Khi anh mãn tù, lão sẽ gởi tên anh đi các trường công tư suốt ba kỳ để anh không còn đi học tiếp được nữa. Các công sở sẽ không tuyển mộ anh, và lão sẽ áp lực các tư sở không được thu dụng anh. Con đường độc nhất còn lại cho anh là tiếp tục làm cách mạng cho đến khi cách mạng thành công. Bằng lề lối này trong hai mươi năm qua, lão đã gián tiếp huấn luyện quá nhiều lãnh tụ tương lai cho xứ An Nam theo kiểu mẫu căm thù.

Nhưng lão định những năm còn lại của cuộc đời công chức, lão sẽ

quà lão tặng... Và bây giờ anh bị động ngay trên bàn ăn của lão, bởi đứa con gái choai choai mới lớn của lão...

Ba người trong gia đình thay phiên nhau gợi chuyện với anh, về học hành, về thể thao, về gia cảnh... Nghĩ họ hỏi cho có hỏi, anh trả lời cho có trả lời. Không có lý do gì để họ thực tình bận tâm với những chi tiết riêng tư của anh. Riêng lão Martinez, lão tất đã có đầy đủ hồ sơ về anh, chuyện hỏi han kể như hoàn toàn giả dối. Bữa ăn trôi qua nhạt nhẽo trong bầu không khí nặng nề...

Món tráng miệng dùng xong, bất thần lão Martinez sai bồi dọn cà phê trong phòng làm việc của lão và mời anh vào theo. Chủ khách an tọa, lão vào thẳng đề. Vừa quấy đường vào tách, lão bảo anh bằng tiếng Việt:

"Tôi mong cậu không để bụng vì mấy ngọn roi. Cậu nên coi đó như sự săn sóc răn dậy của bậc cha chú trong nhà. *'Thương cho roi cho vọt'*, ngạn ngữ mình có câu, chắc cậu còn nhớ..."

Lần đầu nghe tận tai lão nói tiếng Việt, anh giật mình với độ chuẩn của văn phạm, ngữ vựng cũng như cách phát âm của lão. Trong khoảng sáng gần như chói chan dưới cây đèn đọc sách đặt trên mặt bàn giấy rộng, lão ung dung ngồi nhìn anh, như đo trên mặt anh sự ngỡ ngàng lão mới tạo ra.

Anh không trả lời, làm bộ thản nhiên nhìn quanh căn phòng lờ mờ dưới làn ánh sáng lọc qua chụp đèn. Anh không cảm thấy sợ hãi. Anh nghĩ ra khỏi sở liêm phóng và bỏ ra ngoài những hộ vệ và an ninh của chức vụ, một đối một, lão không phải là đối thủ ngoài tầm tay của anh. Giá có con dao găm, anh có thể hạ thủ lão ngay tối nay.

Anh nhìn cây rựa của người Thượng treo bên chiếc ná mọi sau lưng lão, trên khoảng tường nhỏ độc nhất không bị tủ sách chiếm. Nhưng anh lại tính có chạy vòng qua lão lấy được món võ khí cổ sơ này, anh cũng đã mất yếu tố bất ngờ. Tầm mắt anh dừng lại trên con dao dọc giấy cán ngà lưỡi lá lan đặt trên cuốn sách mới mua. Không ai giết người bằng dao dọc giấy, nhưng bên cạnh con dao là chiếc khăn mùi-xoa phủ một hờ trên khẩu súng lục chuôi còn thòi ra ngoài.

Anh tiếc là anh không biết bắn súng. Khẩu súng lục độc nhất anh được cầm một lần là của người chú họ làm đội khố đỏ đóng đồn Phan Thiết, một hôm tới thăm cha mẹ anh đã cho anh xem. Anh biết mường tượng là muốn lên đạn thì phải kéo cơ bẩm và muốn bóp cò thì phải thả chốt an toàn, nhưng chưa bao giờ anh được thực sự bắn khẩu súng ấy. Rồi anh lại nghĩ, có thể khẩu súng không có đạn, lão làm bộ hớ hênh chỉ để thử anh...

"Cậu không nhận ra là cái gì hả?"

Anh giật mình nghe lão nói. Mắt đã điều tiết, anh nhìn theo tay lão chỉ, thấy chiếc bàn con bằng gỗ lim khảm xà cừ lấp lánh. Trên mặt bàn là cây đèn dầu lạc đặt bên chiếc dọc tẩu bằng gỗ đen, na ná chiếc điếu cầy nhưng nhỏ hơn.

"Thuốc phiện đấy," lão cắt nghĩa.

Lão lại nói:

"Tôi còn nhớ tờ khai của cậu. Cậu nói đúng, ngoài chuyện xây nhà tù nhiều hơn trường học, người Pháp còn mở ty rượu, ty thuốc phiện để đầu độc dân bản xứ. Chắc cậu không ngờ tôi cũng dùng thứ độc dược này. Nhưng mà biết điều độ thì cái gì cũng hữu dụng cả..."

Hùng đổi đề tài:

"Tôi nghe nói ông đang dịch Kiều..."

"Đúng."

Anh khiêu khích:

"Tiếng Pháp không đồng văn với Quốc ngữ, truyện Kiều lại viết bằng thơ, chắc khó dịch cho hay lắm..."

"Khó mới thích..."lão thản nhiên trả lời.

Rồi lão phân bua:

"Tôi biết cậu vẫn còn oán tôi. Đúng, không oán sao được, khi cậu muốn làm anh hùng mà tôi lại đánh roi cậu như đánh con nít... Nhưng chuyện này ngoài cậu với tôi không một ai biết, cả nhà tôi lẫn con Quỳnh Loan cũng vậy..."

"Cảm ơn ông... Nhưng dù bà và cô có biết cũng chẳng hề chi."

Lão dốc bao thuốc Bastos xanh, lấy ra một điếu. Nhẩn nha lão đánh diêm châm thuốc. Sau khi kéo một hơi dài và thả khói lên trần nhà, lão nói:

"Tôi muốn giúp cậu về đường tương lai."

Lão bảo có hai cách lão có thể giúp anh. Giúp anh thành lãnh tụ cách mạng thì không khó khăn gì. Lão chỉ cần cho thuộc hạ tra tấn anh như thường lệ, rồi lập án, rồi đày ra Côn đảo. Cái căm hờn sau trận đòn thù, cộng thêm với sự dạy dỗ của những đàn anh cách mạng đang ngồi tù, trong vòng năm nữa anh sẽ mãn khóa nhập môn vào cuộc đời cách mạng. Khi anh mãn tù, lão sẽ gởi tên anh đi các trường công tư suốt ba kỳ để anh không còn đi học tiếp được nữa. Các công sở sẽ không tuyển mộ anh, và lão sẽ áp lực các tư sở không được thu dụng anh. Con đường độc nhất còn lại cho anh là tiếp tục làm cách mạng cho đến khi cách mạng thành công. Bằng lề lối này trong hai mươi năm qua, lão đã gián tiếp huấn luyện quá nhiều lãnh tụ tương lai cho xứ An Nam theo kiểu mẫu căm thù.

Nhưng lão định những năm còn lại của cuộc đời công chức, lão sẽ

làm một điều gì thực sự tốt lành cho đất nước này. Lão sẽ giúp anh lớn lên thành người An Nam hữu dụng, thành thầy giáo, thầy thuốc, luật sư, cùng lắm là thành thợ máy, tóm lại những nghề mà chế độ bảo hộ khai phóng của Đại Pháp chưa nghiêm chỉnh khai sáng cho thuộc địa...

Luận điệu trịch thượng của lão làm cơn giận như nung nấu toàn thân anh. Như không để ý đến phản ứng của Hùng, lão khen anh:

"Tôi rất mến văn tài của cậu. Tôi nghĩ cậu thông minh, lại có tư cách. Tất nhiên có cái vụng dại anh hùng tính của tuổi thanh niên, nhưng cái quý nơi cậu là lòng can đảm và tâm hồn trong sáng... Cậu có hứa hẹn lớn trên văn đàn..."

Mất kiên nhẫn với trò chơi của lão, anh khẳng khái đứng dậy. Lão Martinez vươn cánh tay dài như tay vượn qua bàn giấy đè vai anh ngồi lại xuống ghế.

"Cậu lớn rồi, phải tập dần bớt bồng bột đi. Muốn làm chuyện lớn thì phải tập bình tĩnh mới được."

Rồi bất thần lão đổi đề tài:

"Nhưng cậu chưa muốn tôi giúp cậu, thì cậu phải giúp tôi một chuyện. Tôi muốn cậu kèm cho con Quỳnh Loan học. Nó rất kém về văn và toán. Tôi sẽ trả công cậu 50 đồng một tháng, bằng lương bác tài... Bác ta một vợ hai con, sống tạm đủ với số lương ấy... Còn cậu độc thân, tôi nghĩ như thế đã là quá tốt. Nhiều tiền chỉ tổ hư thôi..."

Anh chưa kịp chối từ, lão đã nói:

"Cậu sợ nguy hiểm phải không? Tôi bảo đảm sẽ không một ai dám động đến cậu."

"Vấn đề không phải là nguy hiểm."

"Vậy cậu sợ mang tiếng phản quốc? Tôi sẽ không bao giờ để cậu dính líu với công việc trị an của tôi. Tôi sẽ không bao giờ nhờ cậu việc gì liên quan đến sở liêm phóng... Nhưng cậu khoan trả lời tôi bây giờ. Một tuần nữa cậu có từ chối cũng không muộn..."

4

Một tuần sau, anh nhận lời dạy học cho con gái lão Martinez. Mới đầu Hùng đã định chối từ, nhưng sau khi được anh đoàn trưởng khuyến khích, Hùng ghi nhận là cơ hội ngàn năm một thủa để bao giờ tình thế chín mùi, anh có thể dễ dàng ra tay.

Nhưng ý định đầy cảm tính của anh, nhờ sự chỉ đạo khôn ngoan của đàn anh, đã trở thành một kế hoạch có cơ sở và kỷ luật nằm trong chiến lược chung của đoàn thể. Hùng long trọng cam kết sẽ không bao giờ tự ý hành động nếu không có lệnh, và trong khi chờ đợi, sẽ xử lý hoàn toàn

như một người kèm trẻ tại gia.

Anh tới biệt thự lão lúc trời còn sớm. Con sen như đã được dặn trước đon đả chạy ra mở cổng khi anh còn loay hoay tìm ra cái nút chuông điện. Nó dẫn anh vào phòng khách giới thiệu anh với cô Năm, vợ lão Martinez:

"Bẩm bà, thầy giáo của cô con đã tới."

Gian phòng khách sang trọng làm anh lúng túng. Anh ngồi xuống chiếc ghế xa-lông gần nhất, một tay vẫn cầm cặp sách, một tay ôm khư khư cái mũ cối bằng bấc bọc vải trắng học trò trung học các trường Pháp Việt bấy giờ hay đội. Anh nhìn quanh, tìm chuyện nói cho đỡ ngượng ngập mà tìm không ra... Anh cẩn thận đặt mũ xuống bàn, mở cặp lấy ra cuốn hình học không gian lớp thi Brevet. Sau cùng anh hỏi cô Năm:

"Học trò đâu?"

Anh nghe lời anh nói vang lên cục cằn trong bầu không khí thanh lịch. Cô Năm như không để ý, dịu dàng trả lời:

"Em Loan mới ở trường về, đang thay quần áo trong nhà trong. Nhưng mà cậu ngồi chơi cái đã..."

Cô nói tiếp:

"Nhà tôi dặn là nếu cậu không thấy phiền, thì mình làm như thế này... Là trước tiên, mời cậu nghỉ ngơi dùng trà. Lát nữa, cậu dùng cơm tối với chúng tôi, cơm nước xong cậu sẽ kèm em nó học. Nếu cậu thấy tiện, từ nay về sau ta sẽ cứ như vậy..."

Nói xong, cô quay ra sai con sen sửa soạn trà bánh đãi khách.

Anh nhìn cô Năm mà không nhận ra cô. Lần trước, luôn luôn phải lo đối phó với lão Martinez, anh đã không để ý đến cô, không nhớ cô đã nói gì trên bàn ăn, không nhớ cả dung nhan hay dáng người. Ra về, anh vẫn đinh ninh cô chỉ là một me tây tầm thường như những me tây khác.

Hôm nay mặt đối mặt, anh biết anh đã lầm. Cô Năm thật ra còn trẻ, chỉ khoảng độ ba mươi tư ba mươi lăm, trang sức nhũn nhặn, dáng dấp thanh nhã, biểu lộ một truyền thống gia đình khả kính.

Cô nói tiếng Nam, giọng dễ nghe, mà ngôn ngữ lại lịch sự chau chuốt. Anh bỗng nhớ lại một vài mẩu chuyện lần trước cô nói ở bàn ăn với con gái bằng tiếng Pháp, rất chuẩn, rất nhẹ, không phải thứ tiếng tây bồi các bà me tây thường dùng... Anh suy diễn người Nam không cứ lam lũ mới lấy tây... Có thể cô là ái nữ của một quan đốc phủ sứ, gia đình sinh hoạt theo lối tây phương đã thành nếp...

Anh dóng cặp sách lại. Đôi tay như thừa thãi, anh nghĩ anh đã quá bộp chộp vụng về, đi dậy học mà như đi cầy. Chân ướt chân ráo mới bước vào nhà người ta, anh đã hỏi học trò đâu. Thăm hỏi xã giao anh còn quên, nói chi đến nhẩn nha ngồi uống tách trà thơm với chủ.

Anh chợt thấy bóng anh trong chiếc gương lớn khung gỗ mun treo trên tường phòng khách. Nét mặt căng thẳng của anh quá lạc lõng trong căn nhà sang trọng. Chiếc áo dài thâm, đồng phục của học trò bản xứ bằng vải trúc bâu dầy đơm khuy xương tròn, trông quá tầm thường, quê mùa. Anh tiếc đã không mặc chiếc quần tây đũi và áo sơ mi phin trắng dài tay, bộ âu phục độc nhất của anh. Thật ra anh đã tính mặc, nhưng đổi ý vào phút chót vì không có mũ dạ để đội cho khỏi cọc cạch.

Tim anh đứng lại khi cô Năm cầm chiếc nón cối của anh lên ngắm nghía. Cái nón anh đội bấy lâu quen thuộc đến chỗ không còn ghi nhận hình dáng của nó, hiện ra như một món đồ kịch cỡm trong bàn tay người đàn bà sang đẹp. Từ cái chùm cau trên đỉnh mũ cho tới cái nồi mũ khum khum, cái dây da giả vắt lên vành trước, tất cả đều lố bịch đến chỗ khôi hài. Nó không lịch lãm như chiếc mũ dạ Fléchet bẻ vành hơi lệch sang bên mà những người giàu có, Pháp cũng như Nam, thường đội ngoài phố, hay các tài tử điện ảnh thường đội trong xi-nê.

Anh không ngờ cô Năm lại có thiện cảm với chiếc mũ:

"Cậu Hùng, anh họ tôi ngày xưa cũng hay đội mũ cối kiểu này. Tôi vẫn lấy phấn trắng hòa nước đánh mũ cho anh. Hai anh em tôi thân nhau lắm... Anh Tuấn tôi đi học trên tỉnh, mỗi khi anh về quê là tôi mừng hết lớn."

Con sen đã bưng khay trà lên, cô đặt chiếc nón xuống, rót nước mời khách. Cầm chén trà kiểu trong tay đối ẩm với bà chủ nhà sang đẹp, anh nghe hương sen ướp trà mát như ngọn gió từ hồ Tịnh Tâm, và vị ngọt man mát mà hơi chát nơi cuống lưỡi làm anh nhớ đến những chiếc gương sen đầy hạt non ăn sống hồi còn trẻ con ở làng. Kỷ niệm ấu thơ làm anh thư giãn. Anh rụt rè bắt chuyện:

"Thưa ông chú bây giờ ở đâu?"

"Anh tôi mất rồi. Anh tôi làm hội kín bị bắt giam, mất trong khám lớn Sài Gòn..."

Nét buồn thoáng trên mặt người đàn bà. Tự trách mình đã xấy miệng, anh ấp úng:

"Tôi xin lỗi..."

"Cậu không có lỗi gì. Mà thật ra, chuyện cũng đã lâu rồi..."

Anh lặng thinh, nửa xót xa cho cô Năm, nửa thắc mắc về nghịch cảnh gia dình này. Người anh làm cách mạng bị Tây giết, người em lại lấy chồng Tây chánh cẩm.

Cô Năm làm bộ tươi trở lại. Cô nói chuyện chung chung, chuyện con gái, chuyện gia đình, những món ăn lão Martinez thích, thú làm vườn trồng hoa của chính cô, chuyện trà Đồng Lương loại hảo hạng cũng ngon lắm, không kém gì trà nhập cảng từ bên Tầu... Nhưng bầu

không khí vì anh mà u ám vẫn không hoàn toàn trong sáng trở lại.

Có tiếng cổng sắt biệt thự mở ra và tiếng lốp xe hơi cán lên những hòn cuội trải lối vào. Cô Năm bỏ dở câu chuyện, nghiêng đầu nghe ngóng.

"Nhà tôi đã về."

Cô vừa nói vừa nhỏm dậy như sắp ra đón chồng. Rồi bất thần cô nói thật nhanh:

"Cậu Hùng, tôi xin cậu một điều..."

Dáng điệu cô hốt hoảng, tựa hồ như cô muốn nói cho xong, cho kịp, trước khi lão Martinez có mặt. Anh lễ phép trả lời:

"Dạ, xin bà cứ cho hay..."

"Cậu kèm em Quỳnh Loan học thì xin cậu đừng đánh em. Em còn bé dại, tôi lại trót nuông chiều nó quá..."

Anh thấy trong mắt cô Năm cái lòng tôn kính của dân quê dành cho ông thầy đồ vừa hay chữ vừa dữ đòn của con mình. Hùng cảm thấy thoải mái. Học vấn đã làm cho anh được kính trọng. Không, người đàn bà không thấy anh khôi hài hay lúng túng vụng về... Tự tín phục hồi, anh trấn an cô như trấn an một bà mẹ quê mùa:

"Bà yên chí. Đời bây giờ tân tiến rồi, dậy học trò con gái không cần roi vọt nữa..."

"Cảm ơn cậu..."

5

Chẳng mấy chốc anh quen thuộc với sinh hoạt trong nhà lão chánh sở mật thám. Anh lợi dụng cơ hội quan sát lão, và anh ngạc nhiên là mặc dầu nghề nghiệp đầy bất trắc, lão vẫn có những thói quen đều đặn của người công chức. Lão thường về nhà đúng sáu giờ, ngồi vào bàn uống chén trà và trao đổi vài ba câu chuyện với cô Năm và anh. Cơm tối xong, lão nấn ná lại bàn ăn vài phút với vợ con rồi lui về thư phòng. Lão làm việc rất khuya, anh dậy Quỳnh Loan xong đèn phòng lão thường vẫn còn sáng.

Anh không ngờ lão rất nghiêm túc khi dịch Kiều. Anh đã chứng kiến một hai lần lão khốn khổ vì chưa tìm được một chữ cho thật chuẩn. Có lần lão sang phòng học của con gái, gián đoạn lớp toán của Quỳnh Loan để hỏi ý kiến anh về nghĩa bóng mà lão nghĩ cụ Nguyễn Du đã gởi gấm trong một đoạn thơ...

Anh khám phá ra một sự việc mới mà bạn anh trong hiệu đoàn chưa biết, là mặc dầu hút thuốc phiện, lão rất điều độ và tráng kiện. Lão giỏi

võ Nhật và anh đã thấy những miếng ván gỗ vỡ đôi mà theo chị bếp lão đã chém bằng tay không. Theo bác tài, lão bắn súng lục cũng rất chuẩn...

Lão có nhiều thiện cảm với anh, thỉnh thoảng có sách mới mua từ Sài Gòn về, lão cho anh mượn. Anh phải công nhận là lão không hẳn chỉ dễ ghét và đáng khinh bỉ. Xấu tốt nơi lão quả thật không ranh rới rõ ràng. Nếu lão không thỉnh thoảng phiền nhiễu anh với những phân tích thời cuộc nặng luận điệu thực dân, anh đã bị lầm vì bề ngoài hiền từ mà chấp nhận lão như một người bạn dị chủng vong niên tốt bụng.

Lão thích nói về những người cách mạng đang hoạt động chống Pháp. Lão bảo họ đã lầm khi lấy võ lực làm phương sách giải phóng quê hương. Họ không có mấy chục vạn quân của Nam triều trước kia, mà lòng ái quốc cũng như gan dạ của họ tuy dư thừa nhưng chắc gì đã hơn các ông Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu... Các danh tướng Nam triều đã thua trận không phải vì thiếu can đảm hay không yêu nước, nhưng vì không có khoa học kỹ thuật hiện đại. Thật đáng tiếc khi đám cách mạng hậu sinh lại không học tập đúng mức bài học ấy, lại làm lại cũng những lỗi lầm cũ.

Muốn thành công, tốt hơn hết họ nên tranh đấu cho việc canh tân xứ sở... Khi nước An Nam đã canh tân, dân trí đã cao, chuyện tự trị không cần tranh đấu cũng thu hồi lại được... Đường lối không cần đổ máu mà chắc còn thành công mau hơn...

Lão cũng thích tuyên bố lão rất yêu đất nước An Nam, và lão muốn giúp cho người An Nam một bầu không khí ổn định để yên tâm học hỏi khoa học kỹ thuật, chìa khóa để tiến tới canh tân và tự trị. Lão tin tưởng một khi dân trí *bản xứ* cao hơn thì những người Pháp tiến bộ ở *mẫu quốc* cũng như ở đây sẽ có cơ sở để thắng những phần tử Pháp bảo thủ, để tạo nên một liên hệ Pháp Nam công bình và lưỡng lợi. Hàng chục chiếc cầu vĩ đại như cầu Doumer và hàng chục hải cảng tiện nghi như cảng Hải Phòng sẽ được xây lên, năm bảy hệ thống nông giang như ở Thanh Hóa sẽ được thiết lập, và mỗi kỳ sẽ có một trường đại học quy mô như Đại Học Đông Dương Hà Nội... Hai nước Pháp Nam sẽ sung mãn trong một nền thịnh vượng chung...

Lão đàn áp cách mạng không phải vì chống lại nguyện vọng An Nam tự trị, nhưng vì những người cách mạng phá rối trị an, cản trở việc canh tân xứ sở...

Hùng không cãi, định tâm nhịn lão cho đến ngày thời cơ thuận lợi. Khi ấy anh sẽ bắt lão trả nợ, trả đủ cả vốn lẫn lời. Dần dà, anh bỏ ngoài tai những lời lão nói và không còn bực tức nữa.

Tuy nhiên một hôm anh chú ý đến câu chuyện của lão. Hôm ấy, bộ tịch lão vô cùng xúc động, và qua những lời lão kể, anh đoán lão vừa đi

coi xử trảm một hội viên hội kín về...

Lão nói người An Nam rất can đảm và biết giữ tư cách trước cái chết... Đầu họ rụng dưới lưỡi gươm đao phủ thủ, họ chết không toàn thây, mà tựa hồ như nhân phẩm họ không hề sứt mẻ...

Trầm ngâm sau một hơi thuốc Bastos, lão như nhìn về quá khứ. Lão chậm rãi nói đến ba ông Ngáo nổi tiếng của Nam triều mà mấy chục năm qua lão đã được chứng kiến tay nghề thành thạo, từ cách chém ngang lưng cho đến cách chém treo ngành...

Khi anh tỏ ý ghê tởm, lão bênh vực những kẻ giết người vì phận sự, vì họ chỉ là công cụ thi hành việc giết người của kẻ khác... Đáng trách là các quan lại đã ra lệnh cho các ông Ngáo khai đao... Mà các quan lại cũng không đáng trách bằng những người Pháp đã làm áp lực để các quan nghị án... Rồi lão nói khẽ như nói một mình, "*Những cái chết thật quá phí phạm, nhưng than ôi lại cần thiết vì lỗi lầm chồng chất của cả hai bên.*"

Tôn giáo lão cũng đem ra bàn với anh. Lão bảo nếu cả Pháp lẫn Nam đều thấm nhuần lời Phật dậy thì con người sẽ có thể giầu mạnh mà không cần giết nhau... Lão đem kinh Bát Nhã ra giảng... Lão bảo nhược điểm của văn minh tây phương là dựa lên nhị nguyên, đem người đối lập người, lấy lòng tham cá nhân làm động lực phát triển kinh tế... Chỉ cần thuộc kinh Bát Nhã, bỏ được nhị nguyên, là một nền kinh tế lành mạnh mới, một văn minh mới sẽ thành hình. Khi ấy, tiến bộ cá nhân hay quốc gia hay thế giới sẽ được thực hiện trong tương thân thương ái, không những giữa người với người mà còn giữa người với thiên nhiên vũ trụ... Anh ngạc nhiên thấy quả lão có nghiên cứu kinh Phật. Không hiểu đạo Phật sâu xa như lão, anh bàn chung chung. Anh bảo ác giả ác báo, và những ông Ngáo cũng như những tên sát nhân đã ra lệnh cho các ông khai đao sẽ trả nợ, không những đời họ mà còn đời con đời cháu họ...

"Hùng đừng nói bậy," lão nóng nẩy ngắt lời anh. "Con người, ai chịu nghiệp nấy... Phật tử tốt không tin chuyện trừng phạt *con cái* những tội ác của cha mẹ tổ tông..."

Hai chữ *con cái* của lão làm anh giật mình nghĩ đến một ngày cô bé Quỳnh Loan phải chịu tội thay bố. Bất giác anh nghĩ đến hình ảnh Quỳnh Loan bị hành quyết, cái đầu xinh đẹp của cô dính với tấm thân bé bỏng thơ ngây bằng chút da cổ... Như cũng thấy hình ảnh ấy, lão chớp mắt quay đi...

Bên ngoài, thời sự đất nước cũng như thế giới biến chuyển nhanh. Nhật đã đổ bộ lên Đông Dương, bắt đầu biểu dương sức mạnh quân sự và trình độ kỹ thuật cao độ của họ. Hùng có cảm tình nhiều với những người lính tuy ngoại quốc nhưng cùng da vàng máu đỏ, chứng tỏ rằng Á châu có thể thức tỉnh để làm những chuyện phi thường. Anh công khai

tán dương Nhật trước mặt lão, khen từ khẩu súng *Thiên Hoàng* của lính bộ binh cho đến cây gươm *Samourai* của sĩ quan Nhật. Lão không can thiệp lòng ngưỡng mộ ấy. Chờ đến một hôm hiến binh Nhật chặt tay một người đàn bà ăn cắp thực phẩm ngay giữa chợ, lão mới ôn tồn bảo thế còn cái tội ăn cướp thực phẩm của cả một nước để sinh ra cái đói tháng ba chết một triệu người thì hiến binh Nhật tính chặt tay ai? Lão kết luận, *"Người An Nam không nên văn minh theo lối Nhật."*

Máy bay Mỹ theo chân lính Nhật tới bắn phá các trục giao thông và các nhà máy, và nhà chức trách đưa ra những biện pháp phòng thủ thụ động, khuyến khích dân chúng đào hầm trú ẩn tránh bom. Đèn đường giảm độ sáng và tự động tắt khi có báo động, và đèn tư gia phải lắp chụp giấy không cho ánh sáng chiếu ra lộ... Hùng lại khen Mỹ là một nước văn minh giàu mạnh như vậy mà không bao giờ dùng sức mạnh của mình đi cướp nước của ai. Như thường lệ, lão không cho Hùng thắng cuộc. Vẫn ôn tồn, lão nhắc lại người Mỹ lập quốc bằng cách xâm lăng cả lục địa Mỹ châu của người da đỏ...

Nhưng nói chung, lão Martinez mỗi ngày tỏ ra một tư lự hơn. Có hôm lão ở lì trong phòng. *"Để nghe vô tuyến,"* Quỳnh Loan ngây thơ cắt nghĩa. *"Ba thích vô tuyến lắm, ông có cả máy nghe lẫn máy phát..."* Nhiều khi giữa bữa ăn, lão nhìn trộm vợ con rồi nhìn anh như lo ra. Anh sung sướng thấy lão như con hùm đang bị bao vây, và vòng vây mỗi lúc một chặt.

Một hôm lão về sớm uống bữa trà thường lệ của gia đình Martinez. Lão bảo anh thời sự thay đổi rất tốt. Đồng minh đã đổ bộ sang Normandie. Người Pháp dưới sự lãnh đạo của tướng De Gaulle cũng dự phần vào cuộc giải phóng đất nước mình. Quân Quốc xã bị quyét khỏi tây Âu đang mở đường máu chạy về Đức... Nhật mỗi ngày mỗi thua đậm trên mặt trận Thái Bứnh Dương...

"Nước Pháp đang phục hồi," lão sung sướng tuyên bố... Lão tiên đoán người Pháp sau khi nếm cái hận bị Đức chiếm đóng sẽ tỉnh ngộ, và những người Pháp tiến bộ sẽ có cơ hội cầm quyền với một chính sách thuộc địa rộng rãi và khôn ngoan... Có thể An Nam sẽ thu hồi độc lập sớm hơn từ tay Pháp, qua phương thức hòa bình...

Tất nhiên là còn nhiều khó khăn trước mặt... Có những người An Nam trong cũng như ngoài các hội kín mong muốn độc lập tức thì trong ly khai với mẫu quốc... Còn nữa, người Nhật trước khi thua trận có thể đảo chính Pháp trong một cuộc hành quân tuyệt vọng, để lại một tình trạng vô trật tự khủng khiếp trước khi đầu hàng...

Tuy nhiên, lão vẫn hy vọng... Nếu chuyện lành xảy ra, nếu sự chuyển tiếp xảy ra nhịp nhàng, lão sẽ sung sướng tiếp tục làm việc cho An Nam,

dù trong cương vị cố vấn hay thuộc hạ của một tân quốc trưởng người bản xứ... Lão bảo biết đâu, lão chẳng giống như một trong những cố vấn gốc Pháp ngày xưa giúp vua Gia Long lập quốc, về sau nhận phẩm trật triều đình, lấy tên An Nam, vợ An Nam...

Anh thấy lão chủ quan và lộng ngôn. Chữ *mẫu quốc* của lão lại làm anh nóng mặt... Nhưng anh nhất định không cãi lý với lão, nghĩ thầm thời điểm thuận lợi cho anh ra tay hạ sát lão đã tới gần...

Một hôm khác, lão đường đột hỏi anh có bao giờ nghĩ chuyện sang Pháp du học không. Anh vẫn mơ ước được xuất dương. Nhưng từ lão tới, câu hỏi tạo ra nơi anh phản ứng đối kháng...

"Không, tôi không có ý định xa quê hương."

"Tôi cũng nghĩ vậy, đất nước này đẹp lắm. Vả lại chắc cậu không thích hợp với đời sống bên ấy... Cậu giống con Quỳnh Loan... Những lần về thăm bà con, Quỳnh Loan không những không vui mà còn nhớ nhà..."

Rồi lão nói thêm:

"Tôi cũng vậy. Mấy năm nay tôi không về Pháp nghỉ thường niên, nhưng cũng không thấy thèm. Ngay cả hồi còn về được, lắm khi tôi không nhận ra nước Pháp của tôi nữa..."

Hùng buột miệng:

"Nhất là bây giờ nước Pháp đã bị tàn phá sau khi bị Đức chiếm đóng."

Lão nhìn anh, như ngạc nhiên, như thất vọng. Chậm rãi lão nói:

"Sự khiêu khích của Hùng thật ra không cần thiết..."

6

Với cô Năm, liên hệ của anh dễ dàng và giản dị. Cô có cảm tình với anh, và trong cách đối đãi hàng ngày cô tỏ lòng biết ơn của một bà mẹ học sinh. Anh cũng khám phá ra cô có văn hóa, biết thưởng thức tranh, thưởng thức nhạc, và anh thích những bức tranh hay những đĩa hát trong gia đình này mà anh áng chừng chính cô đã chọn tại tiệm bách hóa Godard, những lần theo chồng ra thăm Hà Nội.

Khi anh tỏ lời ngợi khen, cô thật tình thú nhận tất cả những điều cô biết là hoàn toàn do chồng chỉ dậy. Vui miệng, cô bảo khổ nhất là khi lão bắt cô học nói tiếng Pháp cho đúng mẹo luật với bạn lão, một ông giáo già khó tính dậy văn ở trường trung học Pháp... Còn những chuyện khác như trang hoàng nhà cửa, như xem tranh hay coi tuồng, hay nghe hát, hay tiếp khách, hay tiệc tùng, thì gọi là học nhưng không có gì vất vả khó khăn... Lại vui nữa...

Anh nghĩ lão Martinez dậy vợ như thực dân Pháp dậy dân thuộc địa. Quả thật, cô không biết gì về vạn vật, lý hóa, sử địa... như người cắp sách đến trường phải biết. Lão chỉ nhằm tạo cô thành một người vợ lịch lãm trong giao tế chung, và tiện lợi cho đời sống của lão. Lão tính toán với vợ như lão tính toán với mảnh đất này, có ân cần săn sóc chẳng qua là vì lòng vị kỷ để biến những gì lão thích cho hợp với sở thích của lão hơn.

Anh lại thấy rõ cái kiêu căng của lão, chiếm đoạt người thân của một liệt sĩ, biến đổi người đàn bà ấy theo tiêu chuẩn cũng như cung cách sống của lão. Tưởng như lão bao dung, nhưng thật ra lão tự tín tự tôn, không thèm thắc mắc khi vợ nhắc nhở đến người quá cố. Với anh lão cũng vậy. Biết anh toan giết lão, lão vẫn thuê anh dậy học con, coi ý đồ của anh như chuyện con nít... Cô cũng như anh, là nạn nhân của chế độ, và ý niệm đồng hội đồng thuyền làm gia tăng lòng quý mến anh dành cho cô.

Anh quý mến cô Năm như một người đàn bà đáng thương và mộc mạc cho đến một hôm cô làm anh ngạc nhiên. Bất thần bỏ dở câu chuyện đang nói, cô nghiêng đầu như nghe ngóng, rồi đăm chiêu nhìn ra sông. Anh nhìn theo chỉ thấy giáng chiều lộng lẫy đang đổ trên mặt nước.

"Cậu Hùng có *nghe* thấy không?"cô hỏi.

Bây giờ thì anh nhận ra tiếng chuông chùa thoang thoảng trong gió. Thật ra tiếng chuông khá rõ, ngân nga trong buổi chiều yên lặng, nhưng nghe quen vào giờ này anh đã không để ý nữa. Ước lượng phương hướng, anh áng chừng là chuông thu không chùa Linh Mụ.

Cô sửa anh:

"Không phải, chuông chùa Sư Nữ đấy."

Cô lại nói:

"Mà *như vậy* đã cả tuần nay rồi..."

Thấy anh không bắt được chữ *như vậy*, cô cắt nghĩa:

"Tôi muốn nói chuông lại đánh sai... à, đánh lỗi nhịp..."

Bây giờ thì anh hiểu cô nói gì. Nghe kỹ, anh ghi nhận quả có những tiếng chuông hơi sớm hơn một tí hơi nhẹ hơn một tí, so với tiếng trước hay tiếng sau. Cô nói khẽ:

"Cả tuần nay chiều nào cũng vậy... như người đánh chuông có khi đánh hụt cái núm chuông, như vừa thỉnh chuông vừa lo ra chuyện gì..."

Anh buột miệng:

"Sư nữ mà lo ra gì nữa. Chắc bà sư già nào đau tay vì chứng phong thấp..."

Cô nhìn anh, nửa ngạc nhiên nửa trách móc. Anh biết anh lại lỡ lời. Anh xấu hổ vì người đàn bà tế nhị quá mà anh cộc cằn quá.

Rồi anh thắc mắc không biết cô thấy gì trong tiếng chuông lỗi nhịp. Anh tưởng tượng khung cảnh một tu viện thanh đạm có cô sư bé bỏng tưởng đã tìm được an bình mà tâm hồn còn khắc khoải khôn nguôi.

Anh lại tò mò về thân thế cô Năm. Rõ ràng là cô không giản dị như anh nghĩ. Không biết cô con cái nhà ai, ái nữ của vị quan nào, vì quyền lực hay ép uổng nào đã phải kết duyên cùng người khác giống. Hình ảnh cô sư nữ tội nghiệp như nhập vào người me tây đang ngồi trước mặt anh, và anh tưởng như thấy trên mặt cô nỗi u hoài không nói được với ai.

Lãng mạn, anh xót cô Năm quá nhậy cảm để sống an bình trong thân phận làm vợ kẻ thù đất nước. Nhưng cái tâm hồn nhậy cảm đã hành hạ cô trong cảnh đời, sẽ hành hạ cô trong cảnh đạo nếu cô xuống tóc đi tu... Số phần cô phải sống cho hết nghiệp, để âm thầm trăn trở khôn nguôi vì cái nhậy cảm của mình. Anh buột miệng:

"Hùng xin lỗi Dì..."

Nói dứt lời, anh giật mình thấy cách xưng hô quá thân mật. Sự thân mật ấy anh đã đơn phương tạo ra trong đầu và trí tưởng tượng đã dẫn anh đi quá xa. Nhưng cô Năm không tỏ dấu khó chịu. Dịu dàng, cô bảo:

"Hùng gọi tôi bằng Dì là phải. *Bà* với *tôi* nghe sao kiểu cách xa lạ..."

7

Người độc nhất trong gia đình Martinez không làm anh khó nghĩ là Quỳnh Loan. Thỉnh thoảng cô bé chép thơ tặng anh, chữ viết nắn nót, thêm minh họa chim bướm vào những khoảng giấy còn trống. Những hôm trường có chợ phiên, cô bé bắt anh đi cùng, và sự ganh tị của những bạn trai cùng trường Pháp với cô làm anh ghi nhận cảm tình cô bé dành cho anh không hẳn là tình thầy trò. Mỗi ngày mỗi quen thuộc với những nét pha tây phương của Quỳnh Loan, sau cùng anh thấy cô bé hợp nhãn. Niềm luyến ái đồng trang lứa với Quỳnh Loan mỗi ngày mỗi đậm hơn, và anh thoải mái xếp cô Năm yên vị trong vai vế bà mẹ học sinh.

Thân tình giữa Quỳnh Loan và anh không qua khỏi mắt lão Martinez. Không những không phản đối, nhiều khi lão còn như ngầm khuyến khích. Lão tỏ ý hài lòng mỗi khi thấy Quỳnh Loan ngồi dự bữa trà chung với mẹ và anh. Lão lại dặn là ngoài giờ học, Quỳnh Loan phải hoàn toàn xử dụng tiếng An Nam, dù với mẹ hay với Hùng. Hôm nào ngoài phố chiếu phim hay, lão hỏi tại sao hai anh em chưa đi xem...

Nhưng cô Năm không rộng lượng như chồng. Anh linh cảm thấy cô khó chịu với sự thân mật Quỳnh Loan dành cho anh. Linh cảm ấy được kiểm chứng khi Quỳnh Loan trong một bữa trà bất thần hỏi anh:

"Anh Hùng thấy Quỳnh Loan đẹp hay các chị bạn học ở trường đẹp?"

Anh chưa kịp trả lời, cô Năm đã mắng con gái:

"Quỳnh Loan không được vô phép".

Cái cau mặt kèm theo làm câu mắng nặng hơn câu mắng thường lệ. Tiu nghiu, Quỳnh Loan đứng dậy rồi vùng vằng chạy lên gác. Anh nghe tiếng cô bé đành hanh đóng xầm cửa lại. Anh nghĩ cô Năm sẽ theo con gái vào buồng dỗ dành, hay sẽ đổi đề tài nói với anh những chuyện nhẹ nhàng vô thưởng vô phạt, và sự việc sẽ được bỏ qua. Nhưng cô Năm không bỏ qua. Nhìn thẳng anh, cô nghiêm trang nói:

"Em nó đang tuổi mới lớn, khôn thì chưa khôn mà dại thì không còn dại nữa. Cậu phải che chở cho em..."

Cô Năm như còn muốn nói nữa khi còi báo động bất thần hú lên báo hiệu phi cơ Mỹ sắp tới. Cuộc oanh kích hôm nay bất ngờ hơn mọi hôm. Chỉ nửa phút sau hồi còi hụ, phi cơ Mỹ đã bắt đầu oanh tạc phía nhà ga... Nhanh như tên bắn cô Năm vụt chạy lên gác. Thoắt sau cô trở xuống, nửa ôm nửa đẩy Quỳnh Loan. "Hùng theo tôi xuống hầm," cô hét lớn khi chạy ngang qua anh...

Phút sau, dưới hầm trú ẩn đào cho nhà trên, anh tưởng như cảnh tận thế đang diễn ra. Chưa bao giờ Hùng sợ hãi đến như vậy. Tiếng động cơ có khi nghe như sát sạt mái nhà, nặng như sấm sét lẫn với tiếng súng phòng không tới tấp của lính Nhật bắn lên. Bom đạn long trời lở đất và chấn động của sức nổ ép nặng trên lồng ngực mọi người. Chết chóc như sẵn sàng ụp xuống tất cả. Tâm trí tê dại, anh tưởng như cuộc oanh tạc kéo dài bất tận...

Rồi bất thần yên lặng trở lại, tiếp theo là còi hụ báo tin phi cơ địch đã bỏ đi. Anh ghi nhận trong lúc sợ hãi hai người đàn bà đã ôm chặt lấy anh. Vòng tay của Quỳnh Loan nới lỏng trước tiên, và cô bé chạy ra cửa hầm nhìn ra ngoài.

"Hôm nay anh Hùng bị em đè suýt nữa bẹp dí..."

Tiếng Quỳnh Loan từ cửa hầm vọng lại với tràng cười ngây thơ ròn rã. Anh đột ngột trở lại thực tại, và thực tại hoàn toàn bất thường và lúng túng. Từ phía sau, cô Năm vẫn còn ôm anh, và anh đang vuốt ve cánh tay cô không biết từ bao giờ. Anh vội vã ngưng lại và cùng một lúc cô Năm buông anh ra. Khoảng không gian tối om của căn hầm nghe đặc sệt cái sượng sùng của hai người vừa chợt tỉnh cơn mê. Anh tự trấn an là sự việc không ai để ý. Quỳnh Loan là một cô bé vô tư, và đám gia nhân có hầm trú ẩn riêng của họ đào ngay trước dãy nhà bồi cuối vườn...

Lát sau trở vào nhà, anh nhìn trộm cô Năm. Chiếc áo lụa cô mặc đã nhầu nhĩnh, và đất bụi còn bám đầy mái tóc. Nét mặt cô lạnh lùng.

Bác bếp là người đầu tiên khám phá ra điện đã bị hỏng. Đêm đã xuống, và vú già lấy nến ra thắp. Cô Năm quay lại bảo anh:

"Hôm nay cậu Hùng cho em nó nghỉ học."

Rồi cầm cây nến, cô lặng lẽ tiễn anh ra cửa.

Anh dẫn xe đạp ra đường, lầm lũi như người phạm tội. Anh nhớ lại cô Năm đã nghiêm nghị nhắc anh giới hạn của một thầy giáo kèm trẻ tại gia. Anh nghĩ cô là người đạo lý ngiêm túc, và anh xấu hổ đã vuốt ve tay cô dưới hầm trú ẩn.

Trước khi nhẩy lên xe, anh ngoái đầu nhìn lại thấy cô vẫn tựa cửa nhìn theo. Dưới ánh nến từ tay cô chiếu lên, khuôn mặt cô vẫn bí hiểm lạnh lùng. Anh biết cô không bỏ qua sự việc.

Nhưng anh bỗng thấy cô Năm đẹp, thân hình cô vô cùng quyến rũ với những khoảng sáng tối chợp chờn theo ánh nến lung linh... Lưng anh, tay anh bỗng nhớ lại một cách tha thiết những giao động xúc giác, khi người đàn bà tựa vào anh trong khi bên ngoài đạn bay bom nổ long trời lở đất...

Anh mừng không phải dậy học Quỳnh Loan tối nay. Anh sung sướng nghĩ hai tuần tới về Phan Thiết nghỉ Tết với gia đình, anh tạm thời không phải giáp mặt cô. Anh tự trấn an là hoàn cảnh bất thường dưới hầm đã tạo ra những chuyện bất thường. Hoàn cảnh đã không còn nữa, chuyện bất thường sẽ không tái diễn...

8

Hết Tết anh trở về Huế, lòng nhẹ nhàng thanh thản. Anh nghe thoải mái và tự tin, nghĩ mọi chuyện sẽ bình thường, và anh đã quá quan trọng sự việc.

Đến ngày dậy học Quỳnh Loan, anh ngạc nhiên thấy lão Martinez tự tay lái xe tới đón anh. Trên đường lão cho anh hay Quỳnh Loan đã được gửi lên Đà Lạt học trong một trường nữ có nội trú. Lão bảo một phần tại cô Năm thấy Quỳnh Loan hơi xanh, nghĩ khí hậu cao nguyên sẽ tốt lành cho cô bé. Vả lại Đà Lạt chưa bao giờ bị bom Mỹ, lão cũng an tâm hơn. Lão nói:

"Thật ra nhà tôi cũng có lý... Lính Nhật mỗi ngày một lộng hành, và Quỳnh Loan ở với các nữ tu trong nội trú an ninh hơn là ở dưới này. Em gái tôi có đồn điền trên ấy, ngày nghỉ Quỳnh Loan có thể ra chơi với dì dượng và các em... ít tháng nữa, tình hình ngã ngũ hơn, Quỳnh Loan sẽ trở về Huế..."

Anh nghĩ cô Năm chủ xướng việc gởi con đi học xa, việc kèm học kể

như chấm dứt, và hôm nay lão đích thân tới đón anh chắc để cho anh nghỉ việc. Phản ứng đầu tiên của anh là nghĩ cha mẹ sẽ vất vả trở lại vì thiếu món tiền nhờ dậy học Hùng gửi về. Rồi tự ái, anh tự nhủ như vậy cũng tốt. Sự thân mật với gia đình Martinez nếu còn dai dẳng, chỉ làm cho anh khó xử khi phải ra tay thi hành nhiệm vụ.

Lão lại nói:

"Lẽ ra nhà tôi cũng nên dời tạm lên trên ấy với con gái, nhưng bà ấy không chịu... Anh biết đấy, đàn bà An Nam bao giờ cũng muốn chia sẻ gian khổ với chồng..."

Đang lo ra vì gia đình mình, chuyện gia đình lão làm anh sốt ruột. Anh cắt gọn:

"Ông sắp đặt như vậy cũng phải. Vả lại tôi cũng sắp hết chữ dậy Quỳnh Loan rồi. Hôm nay kể như là hôm tạ từ."

Lão cười lớn:

"Cậu lầm rồi, tôi vẫn cần cậu. Lần này thì cho chính bản thân tôi..."

Lão Martinez cắt nghĩa là lão đã dịch gần xong cuốn Kiều, và lão muốn nhờ anh cộng tác để nhuận sắc...

Xe về đến biệt thự, cô Năm đang dạo chơi trong vườn chạy ra tự tay mở cổng. Cô tươi tắn như không có gì xảy ra. Anh theo cô vào nhà, thấy khay trà thường lệ đã sẵn sàng trên bàn xa-lông.

Anh ngạc nhiên thấy đĩa kẹo hạt điều thay thế cho bánh quy Pháp. Tới bữa cơm, rau muống sào và cá bống kho tiêu xuất hiện, thay vì những món Pháp sở trường của bác bếp như bí-tết, ra-gu hay bò xốt vang.

"Dì nấu lấy đấy, Hùng ạ, bác bếp chỉ giỏi món tây thôi," cô Năm nói.

Lão Martinez phụ họa theo:

"Nhà tôi nấu cơm ta thì nhất, chắc cậu thích cơm ta hơn là cơm tây phải không?"

Lễ phép, anh khen cô Năm:

"Cảm ơn Dì, Dì nấu ngon quá..."

Cô bảo:

"Có cao lương mỹ vị gì đâu, chỉ mất công một chút thôi... Mà Dì đâu có bận bịu gì..."

Giọng tha thiết hơn là xã giao, cô nói tiếp:

"Nhà trọ nấu cho đông người ăn, chắc không khéo không kỹ.... Những cậu học sinh đi trọ học thật là tội nghiệp... Nhưng mà Hùng đừng cảm ơn... Khách sáo làm gì, còn bao nhiêu chuyện nữa Dì muốn làm cho Hùng..."

Anh chợt ghi nhận cô Năm đã nhớ những món thích khẩu mà một hôm vui chuyện anh kể cho cô. Anh bắt được trong giọng cô một cái gì

thật mềm dành riêng cho anh, mềm như cái cánh tay đàn bà ôm anh trong hầm trú ẩn. Anh giật mình nhìn trộm lão Martinez, thấy lão mải chan canh với nước rau muống nấu cà chua.

Cô Năm hồn nhiên như dì săn sóc cháu và lòng tin cẩn bình thản của lão Tây làm anh khựng lại. Anh thấy mình hư hỏng và bất chính trong đà suy nghĩ vô trật tự.

Cơm nước xong, anh bắt đầu làm việc với lão Martinez. Đầu óc anh không trụ nổi trước những hàng chữ viết tay của lão trên xấp bản thảo dầy cộm. Bắt được vẻ lo ra nơi Hùng, lão bảo nếu chưa sẵn sàng thì bữa khác làm việc cũng được. Hôm nay lão cũng có nhiều chuyện khác cần bàn với anh...

Rót thêm trà cho Hùng, bất thần lão nói:

"Hùng có tin là tôi yêu đất nước này không?"

Thấy anh không trả lời, lão khuyến khích:

"Cậu cứ nói đi. Có bao giờ tôi giận cậu hay làm hại cậu vì những lời nói thẳng?"

"Ông nói đúng."

"Vậy cậu nói đi."

"Tôi nghĩ chức phận của ông làm việc ông yêu đất nước này khó khăn hơn bình thường..."

Lão không chịu đuối lý:

"Tôi không hỏi *tất cả người Pháp làm sở liêm phóng* có yêu đất nước này hay không. Tôi hỏi là Hùng có tin là *tôi* yêu xứ An Nam."

Anh cũng không chịu thua:

"Tôi nhìn nhận ông yêu văn hóa Việt Nam, từ truyện Kiều đến đạo Phật. Nhưng ông yêu Việt Nam như một ông giám đốc sở liêm phóng Pháp yêu... Ông yêu đất nước này như yêu một thuộc địa của nước Pháp..."

Trầm ngâm, lão nói:

"Tôi biết Hùng mỉa mai..."

Yên lặng giây lâu, lão tiếp tục như có gì bắt lão phải nói:

"Nhưng dù sao Hùng phải công nhận là trong lòng yêu mến xứ An Nam, tôi cũng đã làm được những chuyện tích cực..."

Và lão lại mở bài bản cũ về việc chế độ thuộc địa có thể thay đổi bằng đường lối hòa bình bởi những người Pháp tiến bộ ở đây cũng như ở mẫu quốc, một khi dân trí bản xứ đã được nâng cao. Nghĩ muốn dân trí tiến bộ trước hết phải có ổn định, lão đã đem tâm sức ra tạo lập một tình trạng ổn định. Tất nhiên là có người bị tra tấn, có người bị giết, có người bị biệt xứ. Và tất nhiên là có những lạm dụng của thuộc hạ.

Anh ghi nhận tuy cung cách vẫn trịch thượng, nội dung câu chuyện

của lão cởi mở hơn, cái nhìn lão chia sẻ với anh về thời cuộc thật tình hơn... Và anh cũng ghi nhận hình như lão thực tâm khi hứa không để tâm thù khi hai người cãi lý với nhau...

Lão xuống giọng như tâm sự:

"Nhưng dù sao tôi rất kính trọng họ..."

"Ông kính trọng ai?"

"Những người làm hội kín. Tôi phải đối phó với họ, nhưng tôi vẫn ghi nhận họ là những người có phẩm chất, có tư cách... Tôi đàn áp họ mà vẫn kính trọng họ... "

Lão vừa nói vừa ngắm hai bàn tay lông lá của mình. Hùng nhìn lão, như nhìn một con quái vật, đã ác độc lại đạo đức giả đến độ cao siêu. Giết lão là đúng, và anh mừng thầm Tết qua, anh đã có dịp học hỏi tường tận với người chú họ về khẩu súng lục của quân đội Pháp... Anh đã nài ni chú cho ra vườn sau nhà bắn thử... Những tiếng súng lẫn trong tiếng pháo xuân, bây giờ âm vang rõ rệt trong đầu anh như thuyết phục anh giữ vững ý định...

Martinez tiếp tục độc thoại:

"Hùng có biết là với những đối thủ tôi đặc biệt kính trọng, tôi đã giúp đỡ vợ con họ trong cảnh bơ vơ không? Tất nhiên là với thượng cấp, tôi trình bầy lý do hành chánh là để mua chuộc, để giảm bớt những mối thù truyền kiếp của chế độ... Sự thật là tự đáy lòng, tôi mến phục những con người đáng trọng ấy...

"Hùng phải tin lời tôi thôi, tôi không kể tên họ ra cho Hùng được... Tôi không muốn làm sứt mẻ danh tiếng của những người có phẩm chất. Nên để cho những người tử vì đạo được giữ nguyên vẹn huyền thoại của họ... Vả lại những giúp đỡ đó tôi tự ý làm, lúc sinh thời họ không hề mở miệng xin xỏ..."

Khi anh bảo nếu ở địa vị vợ con những liệt sĩ ấy, anh sẽ không bao giờ nhận ơn huệ cả kẻ thù, lão chậm rãi nói:

"Hùng còn trẻ nên khắt khe quá. Nhưng mà một nhà có một người anh hùng không đủ rồi sao?"

9

Hùng tiếp tục giúp lão hiệu chỉnh bản dịch truyện Kiều. Công việc tiến hành một tuần một lần, lê thê chậm chạp. Thời sự ngoài phố một ngày một căng, lính Nhật một ngày một hống hách với thường dân và binh lính Pháp.

Anh thấy cố gắng văn học của lão vô nghĩa đến chỗ khôi hài. Mía mai hơn nữa là một ngày gần đây anh sẽ hạ sát lão trong khi cuốn sách

của lão sẽ đề tên chung với anh như lão đã hứa...

Anh sốt ruột mong chóng nhận được lệnh trung ương để thi hành sứ mệnh. Nghịch cảnh đã trở nên quá nặng nề...

Một hôm đang làm việc với lão, Hùng nghe máy vô tuyến của lão nhấp nháy báo tin có người bên kia đang phát sóng. Lão đeo máy nghe lên, sắc mặt mỗi lúc một nghiêm trọng hơn. Nghe xong, lão bảo anh:

"Hôm nay làm việc như vậy cũng đủ rồi."

Không đợi anh hỏi, lão cắt nghĩa:

"Tình hình căng quá, biến cố xem ra không thể tránh được."

Vấn đề lão đã nêu lên, anh tiện đà hỏi tới:

"Ông muốn nói người Nhật sắp đảo chính?"

Như đối ý không muốn bàn thêm, lão làm mặt nghiêm. Lão nói:

"Người Nhật dư sức đảo chánh. Nhưng tôi vẫn hy vọng họ sẽ không làm chuyện ấy. Họ sẽ tiếp tục dùng người Pháp để quản trị và cung cấp những nguyên liệu họ cần... Vả lại họ sắp thua trận, một chiến thắng chiến thuật tạm thời chỉ tạo ra ác cảm với Pháp trong tương lai... Không, tôi không nghĩ sẽ có chuyện Nhật đảo chính..."

Lão mâu thuẫn với chính lão. Lão không thuyết phục được anh, và anh biết lão cũng không thuyết phục được lão...

Cô Năm tiếp tục săn sóc anh như một bà Dì thật thụ. Cô để ý chiều anh từ miếng bánh ngọt, tách trà, cho tới bữa cơm tối. Chiếc cặp sách nhiều khi anh bỏ lây lất dưới đất, bao giờ cô cũng nhặt lên đặt ngay ngắn trên bàn. Cô pha nước cam nước chanh cho anh giải khát lao giữa những giờ làm việc với lão Martinez.

Có hôm thấy cổ áo dài của anh sứt khuy, cô bắt anh cởi ra cho cô đơm lại... Như mọi lần, cô lại nói Hùng giống người anh họ của cô ngày xưa... Anh có cảm tưởng cô không còn phân biệt được sự khác nhau giữa người sống và người chết...

"Ảnh anh Tuấn đây, em này," cô nói.

Hùng nhìn quanh, không thấy một cuốn Album nào. Quay lại anh ngạc nhiên thấy cô cởi khuy cổ, luồn tay vào trong áo lót kéo ra chiếc mề-đai đưa cho Hùng. Cái phần ngực dưới chiếc cổ trắng ngần của người đàn bà vừa thoáng hiện bắt mắt anh. Thấy anh nhìn, cô đỏ mặt làm anh đỏ mặt theo, ghi nhận tất cả cái tục mạch của mình.

Anh ngắm món đồ nữ trang. Chiếc mề-đai vàng tây cẩn hạt ngọc hồng lớn cỡ đồng trinh Bảo đại. Những hạt mồ hôi lăn tăn còn đọng trên vàng, và một mùi hương rất nhẹ rất ngọt rất đàn bà phảng phất tới mũi anh. Anh nghe thân nhiệt cô còn nóng hổi trên tay, cảm thấy như bảo vật anh đang cầm là một phần cơ thể cô vừa tháo ra giao cho anh.

Bất giác, ngón tay anh vuốt nhẹ những hạt mồ hôi lấm tấm đọng lại trên vàng... Anh nghĩ chiếc mề-đai đã ướp mùi phấn mùi nước hoa của cô, đã áp vào ngực cô nơi tim cô đập... Và bảo vật trong tay anh đã bắt được nhịp tim người đàn bà, từng giây, từng phút, ngày này qua ngày khác, đêm này qua đêm khác, lúc buồn phiền cũng như hoan lạc.

Rồi bỗng liên tưởng đến những lúc ái ân giữa cô với chồng, đến bàn tay lông lá của lão Martinez, và anh thấy ruột gan xót xa và lửa ghen nổi dậy trong lòng. Anh nóng nẩy muốn được lệnh ra tay sớm chừng nào hay chừng ấy, để được cứu người đàn bà như Thạch Sanh cứu công chúa ra khỏi hang yêu tinh.

"Mở ra Hùng ạ, bóp mạnh cái chốt khóa bên hông ấy."

Anh giật mình, làm theo lời cô và lưng tấm mề-đai bật ra như một cánh cửa bí mật. Trong ruột mề-đai là một tấm ảnh nhỏ, và từ trong ảnh người thanh niên tuấn tú đang cười với anh. Anh ta đội mũ cối bọc vải trắng, mặc chiếc áo dài đen, đồng phục của học sinh các trường trung học Pháp Việt.

"Anh ấy đẹp trai quá, Hùng nhỉ?"

"Dạ... Nhưng mà sao không giống cô lắm..."

"Làm sao mà giống được... Đã bảo anh ấy họ rất xa, thật ra cũng không có họ nữa..."

Anh thoáng nghĩ Tuấn là cố nhân của cô Năm, và lão Martinez không biết vợ ngày đêm đeo ảnh người xưa trong chiếc mề-đai bộng ruột. Anh ngạc nhiên khi cô nói:

"Nhà tôi thì bảo Hùng giống anh ấy... Tôi cũng thấy vậy..."

Hùng đánh trống lảng:

"Chiếc mề-đai đẹp quá."

Cô bàn theo:

"Chiếc mề-đai khéo chọn, phải không Hùng. Quà sinh nhật của nhà tôi tặng đấy. Jacques độ lượng và dễ thương... Kể ra đàn ông Pháp không hay ghen bậy như đàn ông mình..."

Cô vừa nói vừa đeo lại chiếc mề-đai vào cổ. Lần này anh quay đi, nhưng trong con mắt của tưởng tượng, phần cơ thể kiều diễm của người đàn bà hiển hiện trong tâm trí anh.

Suốt ngày hôm ấy anh như bị ma làm, lúc thì nghĩ đến cô Năm với cái cổ trắng ngần và những hạt mồ hôi lấm tấm trên mặt vàng tây, lúc thì thắc mắc với liên hệ kỳ lạ giữa người đàn ông tên Tuấn và gia đình lão Martinez...

Quỳnh Loan đi xa, cô Năm như dồn cả thương mến và săn sóc vào Hùng. Cô càng săn sóc, anh càng khốn khổ. Cô hồn nhiên như một bà dì thương cháu, nhưng anh không hồn nhiên khi nhận sự săn sóc ấy.

Những cái chạm tay vô tình khi cô tiếp thức ăn cho anh, cũng làm anh xúc động và hàng giờ sau vẫn còn tơ tưởng. Chút nước hoa sót lại cái áo sứt chỉ cô vừa vá lại cũng làm anh suy nghĩ mung lung...

Trước mặt cô, anh phần nào tự kiểm soát được hành động và tư tưởng. Nhưng một mình ở nhà trọ, anh nhớ cô da diết, và từng cử chỉ từng lời nói của cô hiện lại trong trí tưởng tượng. Nhớ xong, anh lại tự trách mình, để rồi khuôn mặt yêu kiều của cô lại hiện ra làm nhạt nhòa trang sách.

Cố gắng tìm những nét không hoàn mỹ của cô, một hôm anh nhớ đôi bàn chân cô tuy không còn đen đúa hay nứt nẻ, nhưng thô như chân gái quê... Vậy mà anh vẫn thấy cô vẫn đẹp, và người đàn bà đứng trên đôi bàn chân thô ấy vẫn ngày đêm ám ảnh anh.

Tình trạng bất ổn nội tâm ảnh hưởng xấu đến việc học hành. Tháng sáu tới, anh đi thi mà không sẵn sàng chút nào. Hỏng thi, anh vẫn chưa tính ngộ. Lấy cớ phải sửa soạn thi kỳ hai, anh ở lại Huế.

Mùa hè mang Quỳnh Loan từ Đà Lạt trở về, đem lại vui tươi cho ngôi biệt thự. Nhưng Hùng nhận ra cái vui tươi nơi cô bé là cái vui của tuổi thơ, trong sáng nhưng nhạt nhẽo. Khi cô Năm bảo Quỳnh Loan đã có thể tự học, đề nghị anh nên chú tâm vào việc giúp chồng cô hoàn tất bản dịch truyện Kiều, anh cũng không phản đối. Lão Martinez tỏ ý hơi ngạc nhiên nhưng cũng thuận theo vợ.

Thỉnh thoảng ân hận với sự si mê vô lý của mình, anh rủ Quỳnh Loan đi xem chiếu bóng, trong vô thức tìm nương tựa nơi thói quen cũ để lấy lại thăng bằng. Cô gái tuy thơ ngây nhưng không phải là không nhậy cảm. Một hôm cô bảo học giỏi như anh mà hỏng kỳ đầu chắc khổ tâm lắm, và cô không buồn nếu anh lo thi cử cho xong cái đã. Khi anh chống chế, Quỳnh Loan dứt khoát "Còn hơn là đi chơi với em mà lo ra như thế này..."

Còn non một tháng nữa thì kỳ thi thứ hai tới. Tình thế một ngày một nhiễu nhương. Lính Nhật chận đường một ông tòa Pháp đánh đến bất tỉnh rồi lột trần truồng vứt bên vệ đường. Lão Martinez vội vã gửi con gái trở lại Đà Lạt.

Anh lấy cớ học thi xin nghỉ một tháng. Anh tính hết hạn, anh sẽ nghỉ luôn và sẽ không giao thiệp gì với gia đình lão nữa, cho đến khi có lệnh thi hành nhiệm vụ...

Hùng gắng chống trả với cái trống vắng không vì không còn hàng tuần đến nhà cô Năm làm việc với lão Martinez. Anh nhớ ngôi biệt thự mà mới năm trước anh còn coi như sào huyệt của kẻ thù. Và trong nhớ nhung, anh gạn lọc đi những rầy rà đã làm cho anh bất an. Anh nhớ cái vui vẻ hồn nhiên của Quỳnh Loan ngày trước, và anh nhớ những săn sóc

dịu hiền của cô Năm bây giờ. Thậm chí anh nhớ cái căng thẳng những lần đấu trí với lão già Martinez, với những bàn cãi gần đây với lão về văn chương truyện Kiều...

Một tuần trôi qua, hai tuần trôi qua, anh không học được gì. Anh muốn trở lại nhà lão Martinez sớm hơn, nhưng lòng tự ái giúp anh nghị lực để không sai hẹn với chính mình. Sang đến tuần thứ ba, anh thấy cái câu nệ của mình quá đáng. Anh tìm được lý do để tự biện minh: Anh phải giữ liên lạc với lão để khi động dụng có thể ra tay. Anh quyết định trở lại làm việc sớm hơn dự tính.

Gần tới nhà lão, lại có báo động không tạc. Anh vội vã chui xuống hầm trú ẩn công cộng. Chen chúc với mấy bác phu xe và mấy bà bán hàng rong, anh chợt nhớ lại cái hôm trú bom tại nhà cô Năm và anh nhớ lại cái lý do chính đã làm anh tìm cách rời bỏ gia đình Martinez. Anh thấy rõ sự quyến luyến của anh với cô Năm bất chính và không thể nào anh cho nó có dịp nẩy nở thêm được.

Tuần lễ thứ tư bắt đầu, Hùng như người cai thuốc đã qua được cơn hành nặng nhất, thì lão Martinez lái xe tới tìm anh. Lão mặc đồ kaki, lưng đeo súng lục, chân đi bốt da, ăn bận như sẵn sàng đi xa. Lão vào thẳng đề:

"Hùng sửa soạn theo tôi... Đêm qua ga Phan Thiết bị bom nặng. Không những nhà ga chính mà cả cư xá nhân viên bản xứ cũng bị triệt hạ."

Phải một giây sau anh mới hiểu. Bằng điện thoại của màng lưới liêm phóng lão đã có phúc trình chính xác về trận dội bom này.

"Ông có tin gì của ba mẹ tôi?"

Quay mặt ra cửa sổ, lão nói:

"Không... Nhưng mà cậu sửa soạn mau lên, ta lên đường. Mang một bộ quần áo để thay đổi thôi..."

10

Bất hạnh lớn đã xảy ra. Gia đình anh, toàn gia đã thiệt mạng trong trận bom Mỹ. Người chú họ làm đội khố đỏ được nghỉ phép ra thăm anh chị ngủ lại cũng thiệt mạng luôn trong trận dội bom ấy.

Tê liệt dưới nhát búa của tai ương, anh xử lý những chuyện phải xử lý như một cái xác biết đi. Ngày hôm sau thấm ý niệm chết chóc, anh ghi nhận cái cô đơn trơ trọi của mình. Anh ôm lấy những thây xác đã cháy đen, lúc hạ huyệt anh muốn nhào xuống chết chung với người thân...

Lão Martinez cư xử như một bậc niên trưởng trong họ. Lão nhờ bà vợ một nhân viên sở liêm phóng địa phương giúp anh lo liệu tang lễ

đúng theo nghi lễ Việt Nam. Suốt mấy ngày tang tế, trừ những lúc phải đi họp với cơ quan, lão luôn luôn có mặt để an ủi săn sóc anh. Lão khuyên anh trở lại Huế với lão để thi cho xong bằng tú tài.

Anh cảm ơn, lão chỉ gạt đi. Lão nói, "Đằng nào thì tôi cũng phải đi Phan Thiết, vì bom Mỹ phá hỏng hệ thống vô tuyến cửa sở liêm phóng. Tôi lo việc sở, luôn tiện cho lo việc nhà cho Hùng, có gì mà ơn nghĩa. Phí tổn ma chay, tôi sẽ trừ vào lương Hùng... Hùng không nợ tôi gì cả..."

Chuyến về còn cam go hơn chuyến đi. Qua những tỉnh lị dọc đường, lão Martinez dừng lại các ty liêm phóng địa phương. *"Để cập nhật hóa tình hình,"* lão nói. Anh ngồi xe đợi lão, chỗ một tiếng chỗ nửa giờ, để thấy lão trở ra, mỗi lần mỗi căng thẳng và lầm lì hơn. Một lần, lão lẩm nhẩm một mình, *"Thế sự như đê vỡ..."* rồi lặng yên.

Đồng minh vẫn gia tăng oanh tạc. Nhiều cây cầu hôm trước còn nguyên vẹn đã gẫy gục, và ô tô phải dùng phà để sang sông. Xe chạy qua những nhà ga xụp nát, những nhà máy cháy rụi, và quốc lộ đầy hố bom. Có những đoạn đường còn khét mùi khói, và tro hỏa hoạn của thôn xóm còn đóng một lớp xám trên mặt nhựa. Cái sát khí đằng đằng của những toán lính Nhật gặp dọc đường làm bầu không khí ly loạn càng ly loạn thêm.

Anh như nghe được tiếng rạn nứt của trật tự cũ đang rã ra như một cái mền rách bung chỉ. Ngày tàn của thực dân Pháp đã đến, nhưng trong lòng anh chỉ có đau thương tang tóc. Hùng không tìm được dấu vết niềm vui trước viễn tượng tốt đẹp của đất nước. Anh chỉ nghe điềm bất lành như đám mây đen dai dẳng bao trùm lấy anh, và tai nạn lúc nào cũng như sắp sửa tái diễn.

Tai nạn sau cùng đã tới lúc xe vừa quá Năm Ô. Bác tài trong một giây lo ra đã đâm xe xuống hố.

Hùng ngất đi, mê thấy đi giết lão Martinez. Anh mơ thấy cầm khẩu súng lục của lão, lên đạn, kê miệng súng lên trán lão ngay tại chỗ hai chân mày chổi xể giao nhau. Anh bóp cò, nghe tiếng kim hỏa khô khốc gõ vào đít viên đạn. Lão nheo mắt, méo miệng, cơ thái dương giật liền mấy cái như chờ đợi... Nhưng súng không nổ.

Kéo cơ bẩm đuổi viên đạn thối ra khỏi lòng, anh bóp cò lần thứ hai. Lần này súng nổ và đầu lão bật ra đằng sau và mặt lão toác ra như miếng thịt trâu mới xẻ. Nhưng trong khoảnh khắc, máu và não của lão vương vãi trên thùng xe tự gom lại rồi chạy ngược trở về vết thương và khuôn mặt lão lại lành lặn như cũ... Đôi mắt lão xanh ngắt trừng trừng nhìn anh như ngạc nhiên, như buồn vời vợi như lần đầu khi anh mắng lão rồi tình nguyện ra pháp trường không cần bịt mắt. Nhưng cái buồn bây giờ còn sâu đậm đến thê lương. Cái miệng gần phủ kín bởi hàm râu mấp máy,

"Hùng ơi, dừng bắn... Hùng cho tôi nói cái đã... Hùng nghe tôi đi, những viên đạn sát nhân giết cả người bắn lẫn người bị bắn... Hùng ơi, tôi đã qua cầu ấy... Hãy cứu lấy Hùng. Hùng còn quá trẻ để vác lấy cái ám ảnh chung thân này..."

Mặc cho lão lải nhải, anh lại bóp cò. Đầu lão lại bật về sau, máu và óc lại tung toé ra nệm xe trắng. Như lần trước, lão lại sống lại. Lão nói, *"Hùng ơi, tôi không chết để cho Hùng có cơ hội thứ hai... Một mạng tôi hay một mạng Hùng không thay đổi được lịch sử bây giờ... Hùng không có bổn phận giết người, Hùng không phải là đao phủ thủ... Dừng Hùng ạ, sống mà làm chuyện tử tế... Tôi có dụ định tốt cho Hùng... Tôi có dụ định tốt cho con Quỳnh Loan..."*

Cứ thế giấc mơ tiếp diễn. Lão lải nhải nói, không những bài bản cũ của lão mà cả những trăn trở thầm kín của chính anh từ ngày nhận sứ mệnh giết lão, những trăn trờ mà anh không nói ra cũng không dám nghĩ cho cạn vì sợ nhụt ý chí... Nhưng những ý anh không dám nghĩ cho cạn, lão nói ra rành mạch cho anh. Lời lão như những mũi tên bắn thẳng vào lương tâm anh.

Hoảng hốt, anh nhất quyết giết lão để thoát khỏi sự hành hạ bất ngờ này. Anh bắn lão cho đến khi súng hết đạn, để sau cùng thức dậy, mồ hôi lạnh toát, và tim dập như lồng ngực sắp vỡ...

Anh thức dậy, dụi mắt nhìn xung quanh. Bác tài gục trên vô lăng, mắt mở trừng trừng, máu miệng trào ra hai mép. Chưa hoàn toàn ra khỏi cơn mê, Hùng quờ quạng tìm lại những mẩu tri giác cũ để tiếp nối đời sống thật... Và mẩu tri giác đầu tiên anh nắm được là ý đồ giết lão.

Nhìn lão Martinez nằm thiêm thiếp dưới thùng xe, khẩu súng của lão văng ra lăn lóc, anh ghi nhận cơ hội đã thật sự tới với anh. Một chọi một, anh lại có võ khí trong tay. Một thân một mình trên đời, anh không còn sợ liên lụy đến ai, và cả đến uy quyền tinh thần của anh hiệu đoàn trưởng cũng không cản được Hùng nữa...

Giống hệt trong mơ, anh nhặt khẩu súng lên, thấy cùng kiểu với khẩu súng lục của người chú họ... Anh lắc đầu xua đuổi ám ảnh ma quái của cơn ác mộng... Anh nghĩ chẳng qua thần kinh suy nhược vì mấy ngày tang tóc vừa qua, anh đã để luận điệu đạo đức giả của lão len lỏi vào mộng mị để huyễn hoặc anh...

Dứt khoát, anh kéo cơ bẩm và nghe viên đạn đầu tiên từ kíp nhảy lên nòng. Tiếng thép chạm thép làm lão Martinez mở mắt.

Trong một giây, anh nhớ lại những tội ác anh đã nghe về lão, những vụ đàn áp cách mạng dã man của lão, những gầm tầu thủy hôi hám đầy thanh niên ưu tú của đất nước lão đầy ra Côn đảo, những người con gái bị nhân viên sở liêm phóng hãm hiếp tra tấn rồi lột trần truồng bắt đi diễu phố... những vụ chém treo ngành, chém ngang lưng, mà lão hay

những người Pháp như lão đã ra lệnh...

Anh đưa súng lên nhắm giữa hai mắt lão. Hoàn bình tĩnh, lão bảo:

"Súng không có đạn đâu Hùng ạ..."

Anh biết lão gạt anh để mua thì giờ, nhưng anh không vội bóp cò. Anh kéo mạnh cơ bẩm, viên đạn nằm sẵn trong nòng văng ra, thay thế bởi viên đạn kế tiếp.

Bây giờ thì lão cam phận chờ dợi, không năn nỉ, không van xin. Khác với trong cơn ác mộng, lão cũng không tìm cách thuyết phục anh.

Họng súng vẫn chĩa vào giữa hai mắt đối thủ, anh sửa soạn bóp cò... Anh tự nhủ, đây không phải giấc mơ, và lão sẽ không sống đi sống lại như con quái vật...

Cảm giác cứng lạnh của thép ép vào ngón tay làm anh sực nhớ lại khẩu súng của người chú họ. Rồi anh nhớ đến chính chú, đến cha mẹ, đến mấy đứa em, đến những giọt nước mắt của lão hôm đám ma... Đôi mắt xanh đang nhìn anh không chớp, đôi mắt này đã kín đáo khóc trước dẫy quan tài người thân của anh...

Rồi anh thấy trước mắt anh không phải là con quái vật anh đã định giết từ lâu, mà là lão Martinez thông thạo phong tục tập quán Việt Nam, đã đứng ra nâng đỡ anh về mọi mặt trong lúc tai ương bất hạnh đổ xuống đầu anh... Anh thấy lại cái sung sướng của lão khi tìm ra được một chữ thật chuẩn khi dịch Kiều... Anh thấy nơi lão người cha chăm sóc Quỳnh Loan, người chồng cưng chiều cô Năm... Chuyện xấu chuyện tốt của lão lẫn lộn với nhau, và lão hiện nguyên hình thành một cái gì rất thật, rất người.

Và anh ghi nhận được tất cả tầm quan trọng của việc anh sắp làm. Anh sắp giết người, và anh sắp trở thành kẻ sát nhân...

Lão nhìn anh, tò mò hơn là sợ hãi, tựa như chuyện chết của lão không quan trọng, mà quan trọng hơn là một thanh niên như Hùng sắp dính tay vào máu... Mặc cho họng súng kê ngay giữa trán, lão tiếp tục nhìn anh... Đôi mắt xanh lè buồn thăm thẳm, thê lương đến lạnh xương sống.

Một giây, hai giây, ba giây trôi qua, anh vẫn chưa bóp cò nổi. Khẩu súng bây giờ nặng như cái cối đá. Tay súng của anh từ từ hạ xuống và khẩu súng tuột khỏi tay anh rơi xuống đất. Không buồn thu hồi võ khí, lão ngồi thẳng dậy, chậm rãi nói:

"Lúc nãy tôi không nghĩ là Hùng có thể bóp cò."

Anh yên lặng. Lão chậm rãi nói tiếp:

"Hùng vuốt mắt cho bác tài rồi chúng mình ra đường cái tìm cách trưng dụng cái xe khác để về ty liêm phóng Tourane. Từ đó ta sẽ tính."

11

Lát sau, ngồi bên lão Martinez, tựa lưng vào cột cây số, anh nhìn bóng chiều nhuộm tím núi đồi. Con đường cái quan vắng tanh chạy hun hút vào đêm tối, mù mịt như cuộc đời trước mặt. Bất giác anh thở dài. Tưởng anh sốt ruột, lão bảo xe cộ ít chạy ban ngày vì sợ phi cơ đồng minh oanh kích. Mọi giao thông là về đêm...

Anh nghe khí núi toát ra lạnh ngắt. Anh chạnh lòng nghĩ đến thân phận côi cút của anh. Anh nghĩ đến người phi công đồng minh đã bấm nút thả quả bom hạ sát gia đình anh. Anh cố hình dung diện mạo kẻ sát nhân nhưng vô hiệu, anh không có một ý niệm gì về con người xa lạ ngoại trừ hẳn là người Mỹ, chắc còn trẻ mới lái máy bay, chắc lớn lên trong sung túc của cái nước Mỹ xa xăm mà anh chỉ biết là rất trù phú và rất đẹp qua bài học địa lý thế giới... Cái nước Mỹ anh thán phục đã tới với anh bằng bom đạn tang tóc... Anh cố tưởng tượng ra người phi công sát nhân đang làm gì trong giờ phút này... Có lẽ hẳn đang uống bia trong một câu lạc bộ sĩ quan đồng minh tại một phi trường quân sự đâu đó trong vùng Đông Nam Á hay trên một hàng không mẫu hạm ngoài khơi Thái Bình Dương, hồn nhiên kể lại cho bạn bè cuộc oanh tạc vừa qua... Và trong câu chuyện, hẳn chắc không biết gì về cái xác cháy đen của cha anh, người thư ký hỏa xa vô tội bên những cái xác cháy đen khác của mẹ anh, hai em anh và chú họ anh...

Anh miên mang nghĩ cách giết người của lính tầu bay. Không ân hận, không ăn năn, giết xong không phải gánh vác cái gánh nặng lương tâm của kẻ đã nhúng tay vào máu người vô tội...

Anh lại nghĩ lão Martinez là kẻ thù của đất nước anh, vậy mà anh không giết nổi lão. Chỉ suýt giết lão thôi mà anh đã trăn trở dầy vò...

Còn những vụ giết người lão đã gián tiếp dự phần qua thuộc hạ, hay qua quan lại Nam triều, cái gánh nặng lương tâm của lão đã quá rõ ràng. Nó hành hạ lão, luôn luôn bắt lão biện minh trong những câu chuyện thời thế lão nói với anh...

Ý niệm về bạn với thù lẫn lộn trong đầu, bất giác anh hỏi lão:

"Có bao giờ ông tự tay giết ai chưa?"

Câu hỏi sống sượng, nhưng không còn sống sượng trong hoàn cảnh mới giữa anh và lão, tựa hồ như một liên hệ thắm thiết bất ngờ đã gắn bó hai người. Lão nhìn anh rồi vòng tay sang ôm vai anh. Trong bóng đêm, anh không thấy rõ mặt lão, nhưng nghe hơi ấm từ lão truyền sang...

"Chưa..." lão nói.

Anh biết lão nói dối. Anh thầm trách cái thiếu thành thật của lão

không tương xứng với cảm tình anh dành cho lão trong lòng. Như đọc được suy nghĩ của anh, lão đổi ý, thú nhận:

"Thôi được, Hùng muốn biết sự thật thì tôi cho Hùng biết... Sự thật là tôi *đã* trực tiếp giết người... Tôi sẽ kể cho Hùng nghe, vì câu chuyện gián tiếp liên quan đến Hùng..."

Lão Martinez kể hai mươi năm trước, lão bước chân sang Đông dương sau khi tốt nghiệp ưu hạng trường hành chánh thuộc địa với chuyên ngành an ninh. Lão đỗ tú tài năm mười sáu tuổi, hai mươi ba tuổi đã tốt nghiệp đại học. Nhiệm sở đầu tiên của lão là ty thẩm vấn của sở liêm phóng Sài Gòn. Thuộc hạ của lão vừa bắt được một học sinh làm cách mạng. Anh ta bị bắt vì mưu toan ném bom vào bàn tiệc của các sĩ quan Pháp tại khách sạn Continental vào đêm Giáng Sinh...

Sự việc thật ra không có gì quan trọng, vì quả bom bằng ống gang nhồi thuốc pháo quá thô sơ, chưa chắc đã nổ và có nổ cũng chưa chắc đã chết ai... Lòng yêu nước của bị cáo rất cao, nhưng huấn luyện về quân sự và tổ chức hoàn toàn không có gì... Anh chàng là một học sinh ưu tú, và trước khi tham gia hội kín chỉ biết chuyện sách đèn...

Tuy không ai dậy tra tấn ở trường hành chánh thuộc địa, Martinez đã được thuộc hạ trình bầy kỹ thuật lấy cung ở đây. Tất nhiên là dã man, nhưng không dã man bằng kỹ thuật lấy cung các vị quan An Nam vẫn xử dụng trước khi người Pháp sang... Và chắc cũng không dã man hơn, nếu so với những phòng lấy cung bên Pháp...

Lão tự tay lấy cung, cốt để hiểu cho ra ngọn ngành lý do nào đã đẩy vào hàng ngũ hội kín những người được Pháp ưu đãi, những người bản xứ ưu tú lẽ ra phải lo canh tân xứ sở để cộng tác với những người Pháp cấp tiến như lão, hầu mang lại một liên hệ Pháp Nam đề huề và lành mạnh. Tội nhân hai mươi mốt tuổi, đẹp trai, cao ráo thư sinh, nước da hơi xanh, khuôn mặt cao ngạo... Anh ta hoạt bát, ngôn ngữ chau chuốt phản ảnh học vấn và trí tuệ... Chỉ có cái nhìn là quá cứng rắn, lúc nào cũng thấy cái chết và bạo lực là giải pháp độc nhất cho mọi vấn đề.

Đây là mẫu người lý tưởng để thực thi chính sách Pháp Nam đề huề mà lão và các bạn cấp tiến của lão bên mẫu quốc vẫn mơ ước... Vấn đề là phải thuyết phục được những người như vậy, và muốn thuyết phục thì phải thẩm vấn kỹ lưỡng để tìm hiểu đối tượng cho thật tường tận...

Matinez nhìn anh ta. Anh ta nhìn lại, thách thức, tự tín... Căm thù từ nội tâm chiếu ra, thấm nhuần từ nụ cười kiêu ngạo cho đến cái cau mặt đầy kiêu hãnh của người con trai ấy...

Có lẽ sự thiếu kinh nghiệm hiển hiện trong giọng nói của lão, có lẽ cái xúc động với lòng ái quốc của người thanh niên An Nam đã lộ ra ngoài, Martinez rơi vào thế bị động khi thẩm vấn. Ba giờ trôi qua không

kết quả gì, Martinez thấy rõ sự chênh lệch nội lực hai bên. Một đằng là môn đệ của Kinh Kha đưa cả cuộc sống của mình ra chơi ván bài, một đằng là sinh viên Pháp mới ra trường, khốn khổ vì cái mâu thuẫn giữa lý tưởng khai hóa cao đẹp của nước Pháp vừa được nghe ở giảng đường và thực tại thô bạo ở thuộc địa. Tù nhân bị còng tay mà vẫn thong dong như biết mình sẽ làm gì, còn Martinez thì ở thế thượng phong mà trong bụng lại mất phương hướng về cách xử lý hoàn cảnh.

Cứng không xong mà mềm cũng không xong. Tội nhân chỉ có một lập trường là tội của y là yêu đất nước Việt Nam, nay đã thất thế vào tay kẻ thù thì cam chịu mọi hành hạ. Y thương hại Martinez là người trí thức ăn học, mà lại chà đạp lên nhân phẩm đồng loại, hành động như côn đồ cướp bóc... Tới cực điểm của công phẫn, anh ta nhổ vào mặt Martinez...

Martinez thẳng tay tát tai tù nhân. Cái tát trời giáng không thay đổi được tình thế, người tù chỉ ngạo nghễ nhìn lại, tựa hồ như anh ta đã thắng, và nội lực yếu kém của kẻ thù dị chủng đã lộ liễu qua sự nóng giận.

Ánh mắt bất phục của viên đội phụ tá làm Martinez tìm cách vớt vát uy tín. Lão ra lệnh cho tội nhân *đi tầu bay cấp một*, một hình thức tra tấn kể như là nhẹ thường không để lại cố tật. Cột chân tội nhân vào sợi chão, viên đội dùng hệ thống ròng rọc kéo ngược đầu y lên treo lơ lửng trong không. Martinez sung sướng khi thấy chưa đầy hai phút, tội nhân đã tỏ ra vô cùng khó chịu. Mặt y tụ máu đỏ rần, mắt y trợn ngược, và y giãy giụa. Nhưng y giãy giụa không lâu. Ngạc nhiên với sự yên tịnh quá sớm, viên đội hạ tội nhân xuống. Quá trễ, y đã tắt thở...

Martinez thức suốt đêm đọc lại hồ sơ tội nhân, khám phá ra lý do cái chết bất ngờ. Y yếu tim, chưa hoàn toàn bình phục đã bị bắt... Nhưng Martinez còn khám phá ra nhiều điều quan trọng hơn nữa... Cái chết của người học trò bản xứ vô lý và không cần thiết. Cái hại anh ta đem lại cho nền trị an chỉ đáng vài roi mây. Việc lấy cung tầm thường đã thoái hóa thành tội ác, và người thanh tra liêm phóng trẻ tuổi đầy thiện chí đã trở thành sát nhân.

Khám phá quan trọng nhất của Martinez đêm ấy là thấy gần gũi với nạn nhân của mình. Y là hình ảnh của chính Martinez mấy năm trước, một thanh niên gốc gác nông dân, vì học giỏi, đã tạo cho mình một tương lai huy hoàng qua thi cử và học vấn... Những sách giáo khoa y đang dùng là những sách giáo khoa Martinez đã dùng để luyện thi vào viện hành chánh thuộc địa... Những tiểu thuyết y đang đọc, Martinez đã đọc hồi còn là học sinh ban tú tài... Và nhật ký của y tương tự như nhật ký của Martinez, trong đó có cái mơ ước ngàn đời của tuổi trẻ về những hoài bão lớn lao, lẫn với nguyện vọng chân thành phụng sự đồng loại...

Cũng như Martinez, y đang yêu một người con gái xinh đẹp, viễn tượng cuộc sống lứa đôi tươi mát như buổi sáng mùa xuân...

Ý niệm tội lỗi ngày đêm ám ảnh Martinez. Lão lao đầu vào công việc để tìm quên, ăn ngủ thất thường, lạm dụng cà phê lẫn thuốc an thần... Lão hút a-phiến cũng vào thời ấy.

Lão xử lý công việc một cách hỷ nộ bất thường. Có khi vì ân hận, lão quá nhẹ tay với đối thủ. Có khi như nổi điên vì đã thua trí người thanh niên bản xứ để đến mất bình tĩnh mà mang tội sát nhân, lão trở nên vô cùng tàn ác. Lão như muốn tự chứng minh cho mình rằng sức mạnh tinh thần của người da vàng bản xứ là một huyền thoại, và sức mạnh ấy có thể bẻ gẫy nếu biết áp dụng đủ bạo lực. Đó là thời điểm mà Matinez nổi danh trong giới thực dân như một cột đồng của đế quốc.

Bề ngoài, nhờ thông minh và ăn nói mạch lạc, Martinez giấu được sự giao động nội tâm. Nhưng những trăn trở ấy đầu độc đời sống riêng tư của lão. Vợ lão, một cô giáo trung học trẻ theo chồng sang thuộc địa, mới đầu tìm cách khuyên giải an ủi, sau cùng phải bỏ cuộc về Pháp...

Còn lại một mình, Martinez thi hành ý định về lục tỉnh thăm gia đình nạn nhân. Ý định Matininez có ngay sau khi tai nạn xảy ra, nhưng lão đã trì hoãn, một phần vì nhân viên can ngăn, một phần lão chưa sửa soạn tâm lý để trực diện với gia đình nạn nhân.

Lấy cớ đi thanh tra, lão về quê người xấu số. Gần hai năm đã trôi qua kể từ ngày tai nạn xảy ra. Gia đình người con trai đã bỏ làng đi biệt tăm. Gia đình người con gái đã bị cường hào ác bá địa phương làm cho khánh kiệt, và bản thân cô phải đi làm con ở cho lão lý trưởng...

Lão tâm sự:

"Hùng, hồi ấy tôi vô cùng khốn khổ. Tôi nghĩ đến chuyện tự vẫn gần như thường xuyên... May mắn mà tôi gặp được nhà tôi bây giờ. Không có Năm, chắc tôi đã chết hay ít ra cũng vào nhà thương điên... Tôi mắc nợ Năm hai chục năm hạnh phúc...

"Tôi vẫn tin thuộc địa cần được tự trị, và cách êm thắm nhất để trao trả lại độc lập cho An Nam là nâng cao dân trí... Nhưng tiên quyết là phải có trị an, và tôi gắng sức tạo trị an...

"Nhưng tôi có kế hoạch riêng với học sinh cách mạng. Tôi cố gắng dung dưỡng họ. Tôi cố gắng giành họ lại từ tay kẻ thù... Thậm chí tôi lập ra một chi hội cách mạng ma, để tuyển mộ những thanh niên yêu nước và kiếm những công việc vô thưởng vô phạt cho họ làm, như rải truyền đơn, in bích báo, viết kiến nghị, vân vân... Hùng đã gia nhập cái chi hội cách mạng ma của tôi...

"Khi được báo cáo Hùng tình nguyện làm Kinh Kha đi ám sát tôi, tôi giật mình... Không phải vì sợ bị ám sát, mà vì hai chữ Kinh Kha cũng

đã được nạn nhân của tôi năm xưa nhắc đến. Tôi ra lệnh cho bắt Hùng.

"Và tôi gặp lại hình ảnh của người học sinh yêu nước mà ngày xưa tôi đã lỡ tay sát hại. Cách hành văn của Hùng, lòng tin tưởng của Hùng ở tương lai đất nước, lòng hy sinh ngây thơ của Hùng cho hiệu đoàn, tất cả quen thuộc quá...

"Tôi tưởng như được cơ hội thứ hai để sửa sai lại lỗi lầm năm xưa khi xử lý vụ Tuấn... Và tôi nhất định ảnh hưởng đến tương lai Hùng, hướng dẫn Hùng về một ngả sống khác hơn là cuộc sống đầy chém giết hay lừa gạt của chính trị, dù chính trị trị an của tôi, hay chính trị cách mạng của người bản xứ..."

Anh lặng người khi được biết vị đoàn trưởng bí mật của anh, con người từng trải phong sương anh đã kính yêu, con người anh đã tưởng chỉ sống vì đất nước, con người ấy lại làm tay sai bí mật cho ngoại bang...

Cái "sốc" mạnh đến nỗi Hùng như tê liệt... Rồi anh thấy anh đã già đi rất nhiều, từ lúc chứng kiến những thi thể xám đen của thân nhân, từ lúc kê họng súng vào giữa hai mắt lão Martinez mà không bóp cò nổi, từ lúc biết mình đã bị người đoàn trưởng phản bội...

Rừng núi hun hút trước mặt đen tối như mầu tuyệt vọng, và anh ngồi bất động nghe lão lê thê kể lại tâm sự của lão.

Bất thần lão thú nhận mọi chuyện có thể đã quá trễ cho chính lão cũng như cho người Pháp ở Đông Dương. Hôm ở Phan Thiết, lão đã được tin người Nhật sẽ đảo chính Pháp. Tin ấy được phối kiểm qua những tư liệu địa phương và xem ra có cơ sở vững chắc... Chuyện ấy xảy ra, những cố gắng một đời của lão trở thành vô nghĩa. Bạo lực đã dùng quá nhiều mà khai hóa thì chưa kịp làm được bao nhiêu... Chưa bao giờ lão cần thời gian như bây giờ... Giá trời Phật cho lão mười năm thanh bình... Lão không muốn đi vào lịch sử đất nước này như một tên thực dân khát máu...

Rồi lão đổi đề tài:

"Quỳnh Loan là một con bé tội nghiệp. Bản chất nó giống mẹ, tốt lành và chân phương..."

Lão như muốn gởi gấm Quỳnh Loan cho anh... Nhưng lão ngưng lại giữa chừng và ngồi lặng yên...

12

Khoảng một giờ sáng lão Martinez trưng dụng được chiếc xe cam nhông chở gạo từ Huế vào. Hung tín đợi lão ở ty liêm phóng Tourane. Vừa gọi về sở, lão được tin cô Năm đau nặng đã vào nằm bệnh viện nhà

binh ở Mang Cá.

Qua điện thoại, bạn lão là bác sĩ đại úy chỉ huy quân y viện cho biết ba hôm trước, cô Năm tự nhiên lên cơn sốt rồi mê sảng. Tuy có lúc cô tỉnh lại, nhưng cơn sốt không thuyên giảm, và bệnh tình mỗi ngày một nặng hơn. Bác sĩ cũng cho hay là cô mắc chứng đau màng óc, sống chết không biết ra sao...

Để xác bác tài lại nhờ nhà chức trách địa tẩm liệm và gửi bằng xe lửa về sau, lão Martinez lấy chiếc traction mới cùng Hùng về Huế. Lão lái xe thẳng vào nhà thương. Lúc hai người bước vào phòng bệnh, cô Năm đang thiêm thiếp ngủ. Mặt cô đỏ hừng hực bừng báo hiệu cơn sốt vẫn còn nặng lắm. Lão cầm tay vợ, cúi xuống hôn vừng trán ướt đẫm mồ hôi bê bết mấy lọn tóc con. Cô Năm vẫn mê man không biết gì. Mắt đỏ hoe, lão nói:

"Lát nữa thức dậy thấy Hùng, chắc nhà tôi mừng lắm. Nhà tôi quý Hùng lắm..."

Cô Năm khẽ cựa mình. Lão lại cúi xuống hôn cô. Trong mê sảng, như đứa trẻ thơ, cô ôm lấy lão. Như thói quen vợ chồng lâu đời, cô vuốt ve lưng lão. Cô khựng lại khi chạm tay phải bao súng lục của lão dưới chiếc sơ-mi bỏ ngoài quần, và cô vụt buông lão ra...

Nước mắt rơm rớm, một tay vẫn ôm vợ, lão nới thắt lưng để bao súng tuột xuống đất. Gượng nhẹ, lão đặt cô nằm lại xuống giường rồi ngồi thẫn thờ bên vợ.

Lát sau lão mở mắt ra nhìn quanh như người mới tỉnh ngủ. Lão nhặt khẩu súng nằm lăn lóc dưới sàn ngay chân Hùng rồi ngẩng lên nhìn anh, như ghi nhận thù hận cũ giữa anh vào lão đã không còn nữa. Lão hạ thấp giọng:

"Hùng ạ, tôi có chuyện muốn nói với Hùng..."

Tiếng gõ cửa làm lão quay lại. Người đội tây rón rén bước vào. Y đưa cho lão một tấm công điện. Đọc xong, lão biến sắc quay sang anh:

"Tôi phải đi bây giờ, sẽ trở về ngay. Hùng gắng ngồi với nhà tôi một lát..."

Lát sau y tá vào chích thuốc cho cô Năm. Mũi kim làm cô tỉnh dậy. Cô mở mắt nhìn quanh, sung sướng thấy Hùng:

"Em đấy hả... Chị mừng lắm... Cám ơn em đã tới thăm chị..."

Nói xong cô đưa tay cho anh cầm. Hơi nóng tay cô hừng hực truyền sang tay anh. Cách xưng hô mới cho Hùng biết cô còn mê sảng. Nhưng cô không mê hẳn. Chỉ khuy cổ của Hùng chưa cài, cô bảo:

"Lại đứt khuy rồi, nhưng hôm nay chị mệt quá không đơm cho em được. Em giống hệt anh Tuấn của chị, chẳng ăn diện gì, quần áo bao giờ cũng lôi thôi lếch thếch..."

Rồi cô ra lệnh cho Hùng:

"Đỡ chị dậy..."

Khi đã ngồi ngay ngắn, lưng tựa lên chiếc gối gấp Hùng lót vào tấm ván đầu giường, cô nói:

"Cảm ơn em. Để chị lấy ảnh anh Tuấn cho em xem..."

Hoàn toàn quên bẵng cô đã cho anh xem ảnh Tuấn, cô cởi áo ngủ lấy chiếc mề-đai ra. Trong mê sảng, cô không đỏ mặt như lần trước, để mặc chiếc áo hở hang phô bày bộ ngực trần của cô. Tiếp tục xưng hô chị em với Hùng, cô nói tiếp:

"Bấm cái chốt bên hông mà mở, em ạ... Anh ấy đẹp trai quá Hùng nhỉ... Chị thương anh ấy lắm...

Cô lại nói:

"Đừng hỏi chị tại sao anh ấy không giống chị... Chị đã bảo là họ xa lắm, kể như không có họ em ạ...

"Lẽ ra chị lấy anh ấy. Hồi ấy, gia đình chị khá giả, gia đình anh ấy khá giả, hai đứa đã ăn hỏi, kể như vợ chồng... Mỹ Tho gần Sài Gòn, anh ấy về nhà chơi luôn, bao nhiêu là kỷ niệm..."

Cô hụt hơi, khẽ nhắm mắt, tựa hồ cơn mệt đã trở lại. Lát sau thấy cô thiu thiu ngủ, Hùng định đỡ cô nằm xuống cho thoải mái. Cô mở bừng mắt, chận tay anh lại.

Cô lại nói sảng:

"Tuấn ơi, em không muốn nằm đâu. Anh ngồi yên cho em nói cho hết. Tuấn, anh giận em lấy Jacques phải không?"

Hùng lay vai cô:

"Dì Năm, Dì tỉnh lại đi, Hùng đây mà Dì..."

Mắt lạc thần, cô năn nỉ:

"Tuấn đừng nói dối em... Tuấn không muốn nói chuyện với em nữa phải không? Nhưng Tuấn phải cho em nói hết... Chúng mình có bao nhiêu kỷ niệm đẹp với nhau, lẽ nào anh không tha thứ cho em...

"Tuấn ơi, em ân hận lắm... Đêm trăng cuối cùng của tụi mình, anh vẫn còn trách em phải không... Em cũng trách em nữa, chả là anh...

"Em khó khăn với anh... Vì những cái không đâu, mà em đã khó khăn với anh...

"Nhưng Tuấn phải nghe em... Tuấn phải nghe em cho cạn một lần...

"Anh không nhớ sao, anh không nhớ thì em nhắc lại cho anh nhớ... Đêm Trung Thu ấy hai đứa mình đi thuyền trên sông Tiền giang...

"Năm ấy được mùa, mọi người dư dả, trẻ con từ khắp xóm khắp ngõ đổ ra đường chơi trăng, đứa nào cũng có đèn trung thu... Đẹp nhất là đèn con nít nhà thuyền chài... Cũng chỉ là những chiếc đèn ông sao, đèn cù ấu, đèn xếp, đèn quả bưởi, mà treo trên mũi thuyền phản chiếu

xuống nước một hóa thành hai... Em tưởng như ông sao ông trăng trên trời đêm ấy, vì thương trẻ con nhà nghèo vất vả quanh năm, đã rủ nhau xuống đậu mũi thuyền để cho chúng một đêm rằm đặc biệt...

"Chưa bao giờ trăng sáng như thế. Ô, sáng như không còn thể sáng hơn được nữa. Bấy giờ em còn là đứa con gái quê mới mười bẩy tuổi, em chỉ biết lặng người đi vì trăng đẹp. Mà ngay cả bây giờ, em cũng không đủ chữ để tả cho Tuấn được. Em nói làm sao đây, trăng sáng như tựa hồ nếu sáng bớt đi một tí thì cũng bớt đẹp, mà sáng hơn nữa thì chói quá, cái đẹp hóa thành cái đau ấy...

"Tuấn mở hộp bánh trung thu mua từ tỉnh về. Em cũng lấy bình trà Tía em pha sẵn cho con gái và con rể tương lai mang theo thuyền... Quên con dao, em cắt bánh bằng lá dừa... Bánh cắt không gọn mà Tuấn vẫn khen em khéo, lại khen thơm mùi lá dừa, mùi quê, mùi Mỹ Tho của hai đứa mình...

"Có một lúc trời thật mát, trăng thật sáng. Em nhìn mặt sông phẳng không một gợn sóng, chỉ thấy những xoáy nhỏ của con nước ngầm, xinh như những lúm đồng tiền sau lưng con gái mới lớn... Trăng trải vàng trải bạc từ bờ này sang bờ kia, và Tuấn bỗng nâng mặt em lên hôn. Tuấn nhớ không, Tuấn hôn em ở mắt, ở trán, ở má... Những cái hôn như có phép nhiệm mầu làm em vừa sợ vừa sướng...

"Sau cùng Tuấn hôn em ở miệng, và tuyệt vời làm sao... Hôn Tuấn mà em tưởng như em đã cho Tuấn một phần trinh tiết của em rồi...

"Tuấn hôn em lâu lắm. Miệng Tuấn thơm mùi trà tầu, mùi lá dừa, mùi bánh trung thu, và nhất là mùi con trai, mà cái hôn của Tuấn đẹp như ông trăng ấy...

"Mà giống ông trăng thật... Tại vì nó làm cho em sướng tuyệt vời, tựa hồ không còn thể nào sướng hơn, cũng như trăng không thể sáng hơn, vì sướng hơn nữa sáng hơn nữa thì thành ra chói mắt, thành ra đau ấy... Và cứ như thế, Tuấn mê mải hôn em, mặc con thuyền trôi trên mặt sông dãi trăng...

"Rồi Tuấn buông em ra. Em thấy Tuấn quay lại nhìn khoang thuyền. Bó rơm mới ai bỏ sót lại lấp lánh ánh trăng như bó tơ mới. Tuấn rỡ rơm trải ra khoang và em nghe dậy lên mùi lúa tươi, thơm như mùi cốm Vòng của người Bắc mà ba em có lần ra chơi ngoài ấy mua về...

"Tuấn quỳ trước em, Tuấn nói với em, *'Em nhé...'*

"Tuấn nói thế thôi, nhưng em hiểu Tuấn muốn một cái gì em chỉ mường tượng nhưng cũng muốn tha thiết... Em khẽ gật đầu, nhắm mắt, chờ dợi...

"Tuấn cởi khuy áo em, cởi dải yếm em... Em nghe Tuấn áp mặt vào ngực em, như trẻ sơ sinh áp mặt vào ngực mẹ tìm sữa... Mặt sông phẳng

lặng mà em tưởng như con thuyền chao đảo... Thật ra chính em chao đảo, lửa như cháy trong em, mà ruột gan em nghe mềm như bún... Cảm giác chưa bao giờ biết mà sao quen thuộc, như em đã đợi nó từ thủa sơ sinh... Như cùng một lúc em đang làm vợ, làm mẹ...

"Em mở mắt để tìm Tuấn như em cần phải thấy mắt Tuấn, phải có Tuấn với em trong giây phút ấy... Nhưng em chỉ thấy mái tóc Tuấn, thấy cổ áo Tuấn, còn trước mắt em là ông trăng phản chiếu trên mặt sông, thật sáng, thật to, sừng sững nhìn em...

"Tuấn cúi đầu nên Tuấn không biết...

"Ông trăng sáng quá, to quá, tọc mạch quá... Cái nhìn của ông sổ sàng quá, sống sượng quá, và em chợt tỉnh để thấy vai em ngực em lõa lồ dưới trăng...

"Em bỗng nhớ đến cha đến mẹ, cha mẹ em, cha mẹ Tuấn... Em nhớ đến làng đến nước... Hình như có đám sương bay qua, mỏng lắm, không che dấu được gì nhưng làm cho ông trăng dịu lại... Ông trăng như phân trần với em là ông đã lỡ sáng quá, đã lỡ to quá, và ông đã lỡ làm em đau, và cái đẹp cái sướng đã lỡ đẹp quá sướng quá để trở thành cái đau cái nặng...

"Nhưng ông phân trần trễ quá, cũng sông ấy, nước ấy, trăng ấy, gió ấy, mà sao mọi thứ đã khác rồi... Em nhẹ ôm đầu Tuấn lên... Không duyên cớ gì mà em khóc nức nở... Tuấn nhớ không, nước mắt em giàn giụa, những lời khó khăn từ đáy lòng như tự động thốt ra nơi miệng em. Em bảo Tuấn, *'Tuấn ơi, em cũng muốn lắm lắm, nhưng như thế này không phải, như thế này uổng đi, Tuấn phải giúp em để dành đến tối tân hôn... Chỉ còn bốn tháng nữa là đến Tết, và ra xuân là đám cưới chúng mình...'*

"Em nghĩ Tuấn thương em nhiều lắm, và đêm chơi trăng ấy, em về nhà kể như vẫn còn là trinh nữ... Em nghĩ Tuấn hiểu em, Tuấn kiêu hãnh vì em, và Tuấn yêu em nhiều hơn...

"Nhưng em biết Tuấn vẫn trách em, và không bao giờ em quên được nét hụt hẫng trên mặt Tuấn lúc ấy...

"Sáng hôm sau Tuấn trở lại Sài Gòn. Ba tháng sau Tuấn bị bắt...

"Tuấn ơi, suốt đời em, em đã ân hận cho em, ân hận cho Tuấn, là đã vì những cái chẳng đâu vào đâu mà em không cho trao thân cho Tuấn đêm ấy...

"Tuấn đi rồi, trăm thứ khổ đến cho gia đình em... Mất mùa, đói kém, nợ nần, bệnh tật... Em như người từ trên cầu vồng ngã xuống xuống bùn... Em đã nếm cái đói, cái lạnh, cái nhục đi làm con ở cho người ta...

"Đúng lúc ấy thì chồng em xuất hiện... Câu chuyện dài dòng lắm, nhưng sự việc là Jacques đã đưa tay kéo em từ bùn đứng dậy..."

Hùng lặng người nghe cô kể lể. Đôi mắt vẫn lạc thần, cô nhìn anh

mà như nhìn xuyên qua anh... Lời cô đều đều như bài kinh cầu, như ru anh, như bắt tâm trí anh vào nhịp câu chuyện cô kể. Dần dà, anh như bị huyễn hoặc, như đang biến dần thành anh chàng Tuấn ngày xưa... Anh thấy trước mắt cái đẹp mê hồn của đêm Trung thu năm cũ, anh nghe trong cơ thể cái rạo rực của Tuấn, như thể Tuấn đang nhập vào anh, để thấy tình yêu trai gái thăng hoa như trăng rằm trên bầu trời sông Tiền giang, để nuối tiếc cái lãng phí cái lỡ làng của đôi nhân tình...

"Dì Năm, tỉnh lại Dì. Hùng đây này, Dì nhận ra không Dì?"

Anh hốt hoảng lay mạnh vai cô Năm, tựa như nếu đánh thức được người đàn bà thì anh cũng ra khỏi cái hôn mê kỳ quái.

Nhưng khẽ xoay mình để gỡ tay anh ra, cô lại nói:

"Tuấn, nhưng mà em không muốn trách anh, hay xin lỗi anh hôm nay... Không, không phải vậy... Em không muốn vậy... Em không muốn tiếc chuyện quá khứ... Như Jacques vẫn nói, quá khứ qua rồi, tại sao không sống với hiện tại...

"Tuấn, hôm nay không phải là để trách nhau, để bào chữa hay để xin lỗi... Hôm nay là để đền bù cho nhau, đền bù cho Tuấn, đền bù cho em..."

Cô áp đầu Hùng vào cô. Anh nghe hơi nóng hừng hực của cơn sốt đau màng óc, anh nghe mùi thơm của phấn của nước hoa, anh nghe tiếng tim cô đập thật gần thật sát, anh nghe mồ hôi cô chua chua và nóng như nước mắt, ướt má ướt môi anh... Vũ trụ như quay cuồng xiêu vẹo, chòng chành như con đò chơi trăng từ một đêm Trung thu quá khứ theo cơn mê sảng trở về... Hồn ma của Tuấn đã nhập vào anh, Hùng đã biến thành Tuấn... Trong mê man, anh nghe tay cô vuốt ve tóc anh. Anh nghe cô nói:

"Tuấn yêu của em... Chồng em, con em..."

13

Có tiếng động ngoài hành lang...

Hùng ghi nhận lúc mặc lại áo quần cho cô Năm, anh đã quên đeo lại cho cô chiếc mề-đai vàng. Món nữ trang nằm lộ liễu trên đệm, nhưng quá trễ, anh đặt nó lại trên chiếc bàn con kê đầu giường bệnh.

Cánh cửa mở, lão Martinez bước tới ngồi xuống chiếc ghế bên giường. Mặt lão xám ngắt, đôi mắt xanh lạnh như thép.

Anh nghĩ có thể lão đã rình và thấy hết mọi chuyện... Nhưng anh không sợ hãi. Anh cảm thấy sẵn sàng đối đầu với lão như một người đàn ông với một người đàn ông.

Nhưng lão đưa hai tay lên ôm đầu. Lão nhắm mắt giây lâu như ngủ

thiếp đi. Rồi bừng thức dậy, lão hỏi anh cô Năm có tỉnh lại không. Hùng nói có, nhưng không lâu, mà cũng không hoàn toàn tỉnh. Lão lại hỏi có nói mê không, có gọi tên Tuấn không. Quay mặt đi, anh bảo có.

Lão hỏi như đã biết câu trả lời, như kiểm chứng anh có nói thật không. Anh nghe lão nhặt chiếc mề-đai lên, tiếng sợi giây vàng khẽ lách cách trên mặt kính lót bàn. Anh quay lại thấy lão đang đeo chiếc mề-đai lại cho vợ, nhẹ nhàng nhưng thản nhiên cởi áo vợ trước mặt anh, tựa hồ như anh với lão với cô Năm, ba người không còn gì bí mật riêng tư nữa...

Lão nói:

"Tuấn là tên người thanh niên làm cách mạng tôi kể với Hùng đêm qua đưới ở Nam Ô... Hôm tôi về Mỹ Tho thăm làng Tuấn, lão lý trưởng thấy tôi để ý đến Năm, đã cho Năm ra tiếp tôi... Năm ở với tôi ngay từ tối hôm ấy..."

Sau cùng lão đứng dậy. Chậm rãi lão nói:

"Cả cậu và tôi, chúng mình cần về nhà tắm rửa sau cuộc hành trình cả ngàn cây số này..."

Căn biệt thự hoàn toàn im lìm khi lão Martinez về đến nhà. Lão bật đèn gọi bồi nhưng không ai trả lời. Khu gia nhân tối om, không một tiếng người. Tất cả đã bỏ đi không một lời từ biệt. Lão trở lại nhà trên, mở tủ lạnh nói với Hùng:

"Để tôi làm bánh mì thịt nguội chúng mình ăn tạm..."

Rồi bất giác lão nói thêm:

"Họ bỏ đi cũng phải, có chính biến thì ngôi biệt thự này sẽ là điểm nóng. Tàu sắp chìm ai đại gì mà không chạy lên bờ... Đám gia nhân này thật ra không mắc nợ tôi gì cả, tôi chưa làm gì đặc biệt cho họ..."

Lão gắng giữ giọng thản nhiên, nhưng chưa bao giờ lão xuống sắc đến thế, tựa hồ như bị gia nhân bỏ rơi đã làm lão tổn thương tận phủ tạng và làm tan biến chút ý chí phấn đấu cuối cùng của lão.

Sau bữa ăn quàng quấy với chút thịt nguội thừa và mấy mẩu bánh mì khô trong tủ lạnh, lão lấy chai cô-nhắc rủ anh ra hiên nhà ngồi. Câu chuyện xoay quanh bệnh tình cô Năm. Lão bảo lão có nói chuyện với bác sĩ, và lão không hy vọng là cô sẽ phục hồi. Lão lại nói quân y Nhật hôm qua đã có nhã ý tặng mấy ve thuốc Penicilline và mấy chục viên Sulfamide. Lão kết luận:

"Nghề y cũng lạ. Có thể Nhật sẽ đảo chính Pháp đêm nay. Vậy mà hôm qua quân y Nhật vẫn cho quân y Pháp mượn thuốc..."

Anh nghe có gì bất cần trong lời lão.

"Sao ông còn ngồi đây?"anh hỏi.

"Tôi vẫn hy vọng là phút chót sẽ có thay đổi và biến cố sẽ không xảy ra... Vả lại tôi không có chỗ chạy. Nếu đảo chánh, thì toàn thể Đông

Dương này sẽ đảo chánh một lúc... Mẫu quốc thì quá xa và quá yếu... Vả lại nhà tôi còn đau ốm như thế này..."

"Họ sẽ giết ông."

Rót rượu ra ly, lão nói:

"Có thể còn hơn thế nữa... Có thể họ sẽ giao tôi cho các hội kín bản xứ. Tôi thà chết còn hơn là để chuyện đó xảy ra...

"Mà có thể họ cần tôi sống để bàn giao hệ thống cảnh sát một cách thứ tự êm thắm... Chế độ nào thì cũng phải diệt trừ những phần tử bất lương trộm cướp hiếp dâm..."

Lão kết luận:

"Đằng nào thì giờ phút của sự thật cũng rất gần... Tuy nhiên tôi không sợ chết..."

Lão rót rượu mời anh:

"Cậu uống đi. Nếu chưa biết uống thì nên tập uống tối nay. Uống mừng nước cậu sắp thoát khỏi nền đô hộ Pháp... Sẽ không êm ả như tôi mong muốn, nhưng độc lập vẫn là độc lập..."

Lão đưa ly lên cạn một hơi. Anh đưa ly rượu lên môi, nghe vị nồng chát ở lưỡi rồi bỏ ly xuống lại bàn.

Lão lại nói:

"Lúc nãy Hùng nói đúng. Có thể họ sẽ giết tôi. Thành thử tối nay tôi muốn nói chuyện với Hùng về Năm và con Quỳnh Loan... Có hai câu chuyện khác nhau tôi sẽ nhờ Hùng... Tùy theo nội dung cú điện thoại tôi sắp nhận được..."

"Chuyện gì?"

"Lát nữa cũng không muộn..."

Hùng ngồi lặng yên. Anh thấy cái khôi hài của nghịch cảnh đã đưa đẩy anh từ chỗ làm cách mạng tài tử đến chỗ trở thành bạn tâm phúc của lão chánh sở liêm phóng... Lát sau lão thiếp đi trong một mỏi... Khoảng mười lăm phút sau, lão choàng thức dậy. Nhìn đồng hồ, lão nói:

"Mười hai giờ rồi..."

Tiếng điện thoại từ trong nhà reng lên làm lão nhổm người. Nghiêm nghị, lão bảo anh:

"Tôi vào trả lời điện thoại. Dù lâu hay chóng, dù năm phút hay cả đêm nay, bao giờ tôi gọi Hùng mới được vào."

Anh rùng mình nghĩ số phận lão đã được quyết định. Vài phút nữa, con người bên kia đầu dây sẽ cho lão biết người Nhật sẽ đảo chánh hay không... Lão dừng lại tại ngưỡng cửa. Tay cầm quả nắm, lão nói thật nhanh:

"Nếu tôi có mệnh hệ gì, Hùng hứa chôn cất nhà tôi tử tế nhé. Nghĩa tử nghĩa tận..."

Anh chưa kịp trả lời, lão đã biến sau cánh cửa.

Năm phút trôi qua... Mười phút trôi qua... lão vẫn chưa trở ra. Nửa giờ trôi qua, một giờ trôi qua, anh hy vọng chắc có điều đình, vì chỉ điều đình mới tốn kém thì giờ... Rồi anh thoáng nghĩ hay là lão đã trốn đi...

Một tiếng nổ chát chúa từ trong nhà phá tan bầu không khí nặng nề. Anh vùng dậy chạy vào thư phòng của lão. Dưới ánh đèn, lão nằm gục xuống bàn giấy, máu miệng trào ra như suối. Hai phong thơ xếp ngay ngắn trên điện thoại, một đề tên anh, một đề tên vị chỉ huy quân đội Nhật... Anh đọc lá thư lão viết cho anh:

"Tôi ở đất nước này lâu quá, suy nghĩ như người An Nam lúc nào không hay... Có lúc tôi đã định gả con Quỳnh Loan cho Hùng, muốn bắt Hùng làm con rể tôi... Quỳnh Loan nó An Nam quá, sẽ khổ sở nếu lấy chồng Pháp, nếu phải về Pháp sống như người Pháp... Hùng có tư cách, thông minh, có tâm hồn, sẽ mang lại hạnh phúc cho con gái tôi... Tôi nghĩ nhà tôi sẽ sung sướng nhận cậu làm con rể. Không phải mình tôi, mà cả Năm cũng quý mến cậu. Năm cũng thấy cậu giống Tuấn ngày xưa... Năm không bao giờ nói ra, nhưng những chuyện ấy, vợ chồng sống với nhau lâu năm cần gì phải nói... Nhưng tôi lầm... Không có tình yêu giữa Loan và cậu... Cậu quý Quỳnh Loan như quý em gái... Vấn đề là cậu thương người khác...

"Sự việc ở bệnh viện chiều nay đã xảy ra như thế, Hùng không thể lấy Quỳnh Loan làm vợ được nữa... Quỳnh Loan lên Đà Lạt là phải... Tốt nhất là cảm tình nó dành cho cậu dừng lại ở giới hạn anh em... Vả lại nó ở đồn điền em gái tôi, động dụng, theo dì về Pháp cũng ổn... Mọi chuyện đã được thu xếp phía ấy...

"Hùng có biết chút nữa là tôi đã bắn Hùng tại bệnh viện chiều nay không. Nhưng may mắn tôi đã không bắn. Tại sao tôi không giết Hùng, lúc ấy tôi cũng không rõ nữa. Có lẽ tôi mệt quá, có lẽ tôi sắp mất Năm cho tử thần, cũng như sắp mất sự nghiệp một đời, và đi vào lịch sử như một kẻ sát nhân...

"Bây giờ sắp sửa từ giã cõi đời, tôi thấy mọi việc rõ hơn, và tôi bằng lòng với mọi chuyện... Dù sao trong hôn mê, Năm đã toại nguyện... Phần tôi, tôi chọn cái chết, không để cho người Nhật làm nhục...

"Như đã nói, thảm kịch của tôi là từ giã đất nước yêu quý này như một kẻ sát nhân, và tôi chưa có dịp làm những chuyện lớn lao lợi ích như tôi mong mỏi... Tôi chết đi như vô số những

người đồng hương đồng nghiệp thực dân của tôi mà suốt đời tôi đã khinh bỉ...

"Nhưng tôi mong Hùng thấy những vận động của tôi với phủ toàn quyền để yểm trợ thay vì đàn áp phong trào Phật học, phong trào truyền

bá quốc ngữ, phong trào thanh niên thể thao và một phần nào tự do báo chí, làm chứng cho lòng thành của tôi với đất nước này...

"Tôi không trách Năm. Nếu tỉnh, Năm không bao giờ phụ tôi. Khi Năm mất rồi, Hùng làm ơn cho ghi vào bia mộ dưới tên tuổi nhà tôi hàng chữ **'Một Người Đàn Bà Tiết Hạnh'** bằng tiếng An Nam... Đúng, Hùng ạ, nhà tôi là một người đàn bà tiết hạnh, tuy không hẳn theo lối thông thường phong tục An Nam đòi hỏi, nghĩa là trên đời chỉ được biết một người dàn ông...

"Hùng có nhớ tối hôm qua ở Nam Ô, tôi nói với Hùng về cái nhân phẩm của những người như Tuấn, về cái nhân phẩm giúp cho Tuấn vẫn ở thế thượng phong trong cuộc thẩm vấn, mặc dầu cái bạt tai trời giáng của tôi... Hay rộng hơn, cái nhân phẩm của đám tử tù, mà lưỡi gươm của đao phủ, với nhát chém treo ngành hay nhát chém ngang lưng, vẫn không làm sứt mẻ nổi.

"Cái tiết hạnh của nhà tôi nó là như vậy. Khi gặp tôi tối hôm ấy thì Năm không còn trinh nữa. Nhan sắc như vậy mà qua tay lão lý trưởng, thân cô thế cô, chuyện bị dầy vò là tất nhiên. Và tôi chiếm đoạt Năm một cách suồng sã thô bạo như xử dụng một món đồ chơi tầm thường lão lý trưởng cống hiến mình... Tựa hồ như trong tiềm thức, tôi muốn tẩm thường hóa cái ám ảnh của hồn ma Tuấn, bằng cách chà đạp lên nhân phẩm của vị hôn thê Tuấn đã để lại...

Nhưng mà tôi khám phá ra cái nhân phẩm của Năm không thể chà đạp được bằng sự dầy vò của lão lý trưởng, của những người đàn ông khác, hay của tôi đêm đó. Người đàn bà bất hạnh kể như mình đã chết. Và một khi đã giữ được tiết hạnh với người đàn ông Năm đã chọn để kính trọng và yêu thương, thì chuyện gì xảy ra về sau trên tấm thân kể như đã chết không còn quan trọng nữa... Thậm chí không còn ăn nhằm gì đến tiết hạnh...

"Nhưng cái tốt trong Năm chưa chết. Chung sống với nhau, Năm thấy tôi còn khốn khổ hơn Năm. Và cái tốt trong Năm sống lại hôm tình cờ Năm bắt gặp tôi đang ngậm lòng súng lục vào miệng, sắp sửa bóp cò... Rồi bằng săn sóc, bằng thương hại, Năm cứu tôi ra khỏi cái điên tưởng mỗi ngày một nặng...

"Lát nữa, tôi sẽ ngậm lại lòng súng. Nhưng lần này thì Năm không có ở bên để can tôi...

"Năm không bao giờ biết tôi là người tra tấn Tuấn đến chết... Những điều Năm nói mê với Hùng chiều nay, Năm đã nói mê nhiều lần trong quá khứ... Nghĩ lại, Năm xứng đáng hưởng cái đêm rằm Năm đã nhắc đến nhiều lần trong những lúc mơ ngủ... ít nhất là tôi mắc nợ nhà tôi chuyện ấy...

"Tôi cũng không trách Hùng... Lại thương Hùng quá trẻ để gánh

trách nhiệm nặng nề của những việc người lớn làm... Sự thật là những u uẩn của tôi và của Năm đã làm tuổi trẻ của Hùng mất đi quá sớm...

"Xem xong thư này thì Hùng đốt đi... Lá thư kia, Hùng trao cho người Nhật khi họ tới...

"Hùng mở ngăn kéo dưới lấy gói tiền mà chi dùng mọi việc..."

Những giòng chữ ngay ngắn và cứng cáp của lão như quay cuồng trước mắt anh. Nước mắt khóc cha mẹ khóc chú khóc em tưởng đã khô, lại giàn giụa ra má anh... Anh đọc chưa xong lá thư thì có tiếng súng từ bên kia sông vọng lạ . Rồi súng nổ phía tòa Khâm sứ, và tiếp theo là từ phía nhà ga. Rồi tiếng súng ngưng, và xa xa có tiếng xe thiết giáp...

Cuộc chạm súng chóng vánh. Anh nghĩ người Nhật đã chính thức thay thế Pháp. Hùng đứng dậy lấy tấm chăn từ phòng ngủ ra đắp lên thây lão mật thám già. Ngoài vườn trước, tiếng giầy đinh rầm rập đạp trên sỏi lẫn với những hiệu lệnh như quát tháo bằng tiếng Nhật...

14

Cụ Hưng sống lại những giây phút đầy biến cố của đời cụ, và một nửa thế kỷ sau sự việc, cụ lại khóc... Trái tim cụ xúc động đến se sắt và cụ buông thả cho những giọt nước mắt đổ xuống đôi má già nhăn nheo...

Cụ nhớ lại cô Năm, người đàn bà bạc mệnh... Cụ nhớ lại cung cách khoan thai hòa nhã mà vô tình cô đã tập cho người con trai mới lớn tên Hưng... Cụ nhớ những món ăn thích khẩu cô tự tay nấu lấy cho anh... Cụ nhớ lại nét mặt tư lự khi cô bắt được hồi chuông lối điệu của chùa Sư Nữ một buổi hoàng hôn khi giáng chiều đổ xuống lộng lẫy trên mặt sông...

Rồi cụ nhớ lại chiếc mề-đai vàng lấm tấm mồ hôi, còn thơm mùi phấn và mùi da thịt đàn bà... Cụ nhớ tấm thân ngà ngọc, từ hơi thở đến phủ tạng nóng hừng hực vì cơn sốt mà đam mê còn quạt lên cho nóng hơn...

Với tất cả trìu mến, cụ nhớ lại đến cái mê man của cô Năm và cậu học trò Hùng trong một đêm rằm tưởng tượng, khi cái sáng cái đẹp của trăng đã sáng đã đẹp đến chỗ trở thành cái chói chang cái đau đớn... Và cả hai đã đón nhận cái chói chang cái đau đớn ấy trong hoan lạc của những giây phút hoang dại, khi người đàn bà hấp hối biến chàng trai mới lớn thành đàn ông...

Lão Martinez nói đúng, cụ không yêu Quỳnh Loan, người con gái xinh đẹp lẽ ra vừa đôi phải lứa với cụ. Cụ đã yêu cô Năm từ buổi ban đầu, khi cụ còn là anh học trò nghèo mặc áo dài đen đơm khuy xương, đội mũ cối bằng bấc bọc vải trắng, loay hoay lúng túng trong phòng

khách sang trọng của cô... Lão còn có tài tiên tri, vì cụ yêu cô Năm nhiều hơn tất cả những người đàn bà về sau đã đến với cụ, và trong đời cụ, chưa có một đêm rằm nào đẹp bằng cái đêm rằm tưởng tượng cô kể cho cụ nghe trong lúc hôn mê...

Chuông điện thoại reo làm cụ Hưng giật mình... Tỉnh giấc mộng, cụ nhớ hơn chục năm nay, từ ngày đi công vụ bên Tiệp Khắc trở về, cụ đã không có điện thoại, và chiếc chuông cửa cũ rích để lại từ hồi Pháp thuộc đang báo hiệu khách đã tới. Một thếu phụ đứng tuổi mặc Âu phục đang nghiêng đầu nhìn vào... Quỳnh Loan...

Cụ mừng rỡ đã không viết tất cả những chi tiết riêng tư vào truyện. Cụ chỉ chú tâm vẽ lại trung thực cái hỗn hợp ly kỳ giữa xấu và tốt nơi lão Martinez. Cô Năm là nhân vật rất phụ, đóng vai một bà mẹ thương chồng thương con, muốn con nên vợ nên chồng với người thanh niên Việt Nam tuấn tú, nhưng nhất định che chở cho con khỏi chuyện trong bộc trên dâu. Cô mong muốn cho con gái tất cả cái đoan trang mà đời sống đã khước từ cô... Cô không biết sự cấm cản vì thiện ý của cô cùng với cái bất ngờ của thời thế do vụ đảo chính Nhật đã làm tình duyên đôi trẻ lỡ làng...

Cái gay cấn của truyện hoàn toàn khác cái gay cấn ngoài đời. Cụ đã hư cấu cái chống trả của Hùng với mối tình éo le thành cuộc đấu trí giữa Hùng và lão chánh sở mật thám Pháp...

Cụ chỉ có lỗi với Quỳnh Loan... Từ một cô học trò nhỏ quý mến cụ bằng mối tình nhỏng nhẻo thơ ngây, cụ đã hư cấu ra một cô gái đam mê dầu sôi lửa cháy, với những đêm hè hò hẹn giữa vườn hoa biệt thự sức nực mùi bông xứ bông lài...

Chuông cửa lại reo xối xả. Quỳnh Loan vẫn là Quỳnh Loan, vẫn mau mắn nóng nẩy như nửa thế kỷ trước... Cụ đứng dậy ra mở cổng...

15

Một tuần sau, tại phi trường Nội Bài, cụ Hưng tiễn bạn trở lại Pháp. Trong phòng tiễn đưa, cụ ngồi nghe chuyện bạn, trong đầu ôn lại bẩy ngày tái ngộ vừa qua.

Mọi chuyện êm xuôi. Quỳnh Loan thành công bên Pháp, đời sống gia đình kể như hạnh phúc. Và Quỳnh Loan sung sướng thấy cụ cũng thành công.

Quỳnh Loan chỉ ái ngại với cuộc sống vật chất của cụ mà nàng cho là quá khiêm tốn. Nàng xót xa quê mẹ đã không đãi ngộ tài năng của cụ đúng mức. Tất cả lợi nhuận của cuốn sách thành công của cụ chưa bằng hai tuần lương của người thư ký công nhật bên Pháp... Và giống như

những Việt Kiều, Quỳnh Loan đã biểu lộ lòng xót xa bằng cách đền bù cho cụ bằng quà các đắt tiền và ba ngàn phật lăng gói trong chiếc phong bao... Cụ biết ơn lòng thành của Quỳnh Loan, và món quà thực tiễn của bạn không hẳn không thực dụng. Nhưng mà... *"Giá Quỳnh Loan kín đáo hơn một chút nữa..."* cụ nghĩ thầm. Nhưng rồi cụ lại nghĩ kiểu bào nào chả vậy, chả vội vã, chả bộc trực vào thẳng mọi vấn đề...

Quỳnh Loan bảo cụ:

"Em cảm ơn anh đã trung thực với ba em trong truyện. Anh công bằng, vì dù sao cũng có những người Pháp tốt, và họ đã đóng góp không ít cho đất nước mình... Ba em ra đi như một kẻ sĩ... Phong thái của ông thật đúng phong thái người mình..."

Cả tuần nay rồi cụ vẫn chưa quen với những chữ *'người mình'*, *'dân mình'*, *'nước mình'* của Quỳnh Loan, những từ rất dễ thương nhưng vẫn ngộ nghĩnh khi đối chiếu với dung nhan Âu Á của bạn.

Quỳnh Loan lại nói:

"Mẹ rất thương ba, mang hài cốt ba về Pháp chôn ở nghĩa địa gia đình... Chủ nhật nào mẹ cũng ra thay hoa cho ba... Cả cuốn kinh Bát Nhã mẹ dùng cũng là cuốn mà ba dịch chung với thiền sư gì em quên mất tên rồi..."

Cụ Hưng yên lặng nghe chuyện Quỳnh Loan. Những điều Quỳnh Loan nói, cụ đã nghe nhiều lần trong tuần lễ qua, và một lần nữa cụ yên chí Quỳnh Loan không biết gì về liên hệ của cụ với cô Năm.

Nhưng Quỳnh Loan lại biết những điều cụ không biết. Cụ không biết bác sĩ Yorita, giữ lời hứa với lão Martinez, đã tiếp tục trị liệu cho cô Năm, và sau cùng cô đã bình phục trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người...

Ra bệnh viện cô Năm được gia nhân cho hay cụ đã bị Nhật bắt giam ngay tối đảo chánh, vì bị tình nghi là thân cận với mật thám Pháp. Có tin đồn là cụ đã chết trong khám Nhật, như chú họ của Quỳnh Loan tên Tuấn đã chết trong khám Pháp...

Thu vén chút tài sản còn sót lại, cô Năm xây mộ cho chồng rồi lên Đà Lạt tìm con. ít lâu sau, hai mẹ con dọn về Pháp sống. Cô Năm không tái giá, ở vậy nuôi con... Cô hay nhắc lại thời gian cụ kèm học Quỳnh Loan... Cô còn nhớ cụ thích món cá bống kho tiêu và kẹo hạt điều... Mãi tới ba năm trước cô mới qua đời...

Quỳnh Loan cũng tin cụ đã chết, cho đến khi cuốn truyện cuối cùng của cụ xuất bản, với những tình tiết quá trung thực và ảnh cụ in bìa sau... Quỳnh Loan nói:

"Mà em lầm cũng phải, vì mẹ bảo anh có tài, nếu còn sống tất đã thành công, tất đã có tên tuổi... Mẹ bảo ba em nhìn người không sai...

Anh phải làm sao, ba mới định gán em cho anh... không ngờ anh đổi tên họ...

"Mà em cũng ngu không nghĩ ra là chuyện đổi tên họ là phổ thông cho các ông cách mạng... Cứ thế cho đến khi sách anh với ảnh anh bầy bán ở tiệm sách Pháp... Chỉ tiếc là mẹ đã không còn để thấy tác phẩm của anh..."

Quỳnh Loan chóng buồn mà cũng chóng vui. Nhoẻn miệng cười, Quỳnh Loan bỗng quay sang cụ:

"Anh có tiếc là chúng mình không lấy nhau không?"

Cụ Hưng toan nói dối. Nhưng không nỡ, cụ làm bộ lãng tai. Rồi cụ khó chịu với bạn. Câu hỏi thật không cần' thiết mà tạo ra bao nhiêu phiền hà cho cụ. Suốt tuần qua, cụ sống bên Quỳnh Loan như hai người bạn già. Cụ đưa bạn đi du lịch những thắng cảnh của miền Bắc, từ sông Dà cho đến vịnh Hạ Long... Cụ không thấy dấu vết yêu đương gì nơi bạn. Cái tinh nghịch của cô học trò ngày xưa thỉnh thoảng hiện về, còn yêu đương thì nhất định là không. Nhưng Quỳnh Loan không buông tha:

"Anh có tiếc là anh em mình không nên vợ nên chồng không?"

Cụ nghĩ cụ phải thành thật với Quỳnh Loan, như một bổn phận với bạn cũ... Hơn nữa, như một bổn phận với cô Năm... Nhưng Quỳnh Loan đã nói sang chuyện khác:

"Em thích thú đọc cuộc tình anh hư cấu ra giữa anh với em trong tiểu thuyết. Em tưởng tượng sống với anh những giây phút mê ly và hồi hộp trong vườn hoa ba em, giữa mùi thơm của hoa lài hoa đại... Thật ra những chuyện ấy lẽ ra phải xảy ra, nếu không vì bom Mỹ em phải lên Đà Lạt. Đúng, cuộc tình hai đứa mình không xảy ra mà như đã xảy ra, vì em biết hồi ấy em cũng thích anh, còn anh thì tất nhiên là mê em rồi..."

Cao hứng Quỳnh Loan nói tiếp:

"Yêu nhất là cái đêm trăng anh hư cấu trên sông Sài Gòn, với hai đứa mình trên chiếc tầu Ho-Bo của ba em... Em hoàn toàn tưởng tượng được cái đẹp anh tả...

"Đẹp quá, anh nhỉ... Trăng sáng mà không còn có thể sáng hơn được nữa... và cái sướng của hai đứa khi được gần nhau cũng đẹp quá, sướng mà không thể sướng hơn được nữa, vì sướng hơn nữa thì hỏng hết mọi chuyện...

"Anh phải mê em lắm mới hư cấu ra được như vậy... Mà em cũng tức cười là hư cấu, anh cho em về nhà đêm ấy vẫn còn trinh, ít ra còn trinh một nửa... Nhưng mà anh tham lắm, cái nửa ấy anh cũng cho vai chính về sau chiếm đoạt luôn dưới bụi ti-gôn..."

Giọng Quỳnh Loan nhẹ nhàng như giọng con trẻ... Cụ thấy nhẹ

nhõm. Thế là xong, Quỳnh Loan không trách cụ những chi tiết cụ bịa đặt ra về nàng, mà cũng không nghi ngờ điều gì bất thường, thời gian cụ liên hệ với gia đình Martinez.

Tiếng loa phóng thanh bắt đầu cất lên, nhắc hành khách ra sân bay. Như sực nhớ điều gì, Quỳnh Loan nói vội với cụ:

"Mẹ em trối rằng... Mẹ bảo nếu còn gặp anh... Nếu anh không chết trong khám Nhật... Nếu anh chưa quên gia đình em..."

Cụ nghe tiếng được tiếng không, bực mình với cái loa phóng thanh vẫn oang oang, lần này bằng tiếng Pháp... Cụ hỏi lại:

"Em bảo gì?"

Quỳnh Loan hét vào tai cụ. Lõm bõm trong âm thanh hỗn tạp, cụ nghe Quỳnh Loan nói:

"Mẹ bảo nếu gặp lại anh... Nếu anh còn nhớ gia đình em... Nói với anh là lúc ba em và anh ở Phan thiết về..."

Tiếng phóng thanh chấm dứt, câu cuối của Quỳnh Loan trở nên rõ ràng rành mạch:

"Mẹ bảo khi ấy mẹ mê nhưng vẫn tỉnh, và mẹ biết ai với ai, và mẹ biết mẹ nói mê những gì..."

Cụ nhìn Quỳnh Loan, thấy nét mặt bạn vô tư lự như người đưa thư không biết lá thư quan trọng mình vừa phát chứa đựng những gì. Hành khách xôn xao đứng dậy đổ dồn về phía cửa ra sân bay, nhưng cụ không nghe tiếng chân bước hấp tấp, tiếng người đi tạ từ người ở, tiếng người ở chúc người đi thượng lộ bình an, tiếng hẹn hò tái ngộ. Tất cả chìm đi, cụ nghe tim cụ đập đổ hồi, và cụ nghe một cái gì như hạnh phúc tràn ngập thân thể...

Cụ nghe Quỳnh Loan tạ từ, hẹn mùa cốm Vòng sẽ sang lại. Cụ nhìn mặt bạn, bỗng thấy nụ cười quen thuộc của cô Năm. Cụ bưng mặt bạn lên. Quỳnh Loan không phản đối. Cụ cúi xuống...

Nét tinh nghịch trong ánh mắt, Quỳnh Loan hỏi:

"Anh còn thấy em thô và lai một cách không hài hòa không?"

Cụ sực tỉnh. Đoạn văn hư cấu Quỳnh Loan vô tình nhắc lại đã đánh thức cái gì thâm sâu trong cụ. Như nhà tu bỗng ngộ, trong một giây cụ bỗng thấy rõ bản thân...

Cụ thấy tất cả những hư cấu cụ đã làm trong cuốn truyện không phải là hư cấu mà chính là những giả dối để sống qua ngày. Mối tình lớn của cụ với cô Năm, không có gan viết sự thật, cụ đã hư cấu người đàn bà thành một nhân vật vô thưởng vô phạt đến chỗ nhạt nhẽo. Cái đam mê ngồn ngộn sức sống mà đầy trăn trở cô chia sẻ với cụ, cụ gượng gạo hư cấu nó thành mối tình phải đạo với Quỳnh Loan...

'Con Gái Kẻ Thù', cụ nghĩ đến cái tựa cụ chọn cho tác phẩm, và cụ

thấy tất cả cái hèn nhát của mình... Và cụ ghi nhận cụ đã *hư cấu* rất nhiều suốt nửa thế kỷ qua, không những trong tiểu thuyết mà trong cả cuộc sống thật ngoài đời...

'Hư cấu... Hư cấu', cụ lẩm nhẩm trong đầu cái mỹ tự cụ dùng bấy lâu để tránh sự thật, để trốn trực diện với những khó khăn của cuộc sống... Cụ thấy rõ không những cụ chỉ hư cấu, mà cụ còn du di nữa... Du di quá nhiều...

Bất giác cụ hổ thẹn với chính mình... Thật là mỉa mai, hôm qua, cụ còn tự ví mình với Mandela... Thiện ác là chuyện khác nhau, nhưng thật ra lão Martinez gần với Mandela hơn cụ... Cả Tuấn anh chàng học sinh yểu mệnh cũng vậy... Cả ba là những con người tầm thước, thuộc về một giống người khác cụ, cái giống người dám làm, dám sống... giống người có gan đeo đuổi việc mình làm, tới chỗ thành công, hay là tới cái chết... Có thể cô Năm thuộc về giống người ấy...

Nhưng cụ thì nhất định không...

Tài của cụ không phải là dám thành công hay dám chết, mà là cái tài chịu đựng để sống sót qua những thăng trầm của thế cuộc...

Rồi cụ lại tiếc cái quãng đời ngắn ngủi khi cụ còn là cậu học trò muốn làm Kinh Kha... cái quãng đời tuy lẫn lộn hận thù yêu ghét, nhưng không bao giờ dối trá, dù với bạn, với thầy, với bản thân, và ngay cả với lão Martinez... Và quãng đời ấy thuộc về một đêm rằm kỳ ảo trên sông Tiền giang mà cụ không bao giờ quên được...

Chỉ có khoảng thời gian ngắn ngủi đó là cụ đồng hội đồng thuyền với họ... Cái hào khí ngày xưa sao xa lắc xa lơ...

"Anh nghĩ gì thế?" Quỳnh Loan hỏi cụ.

Nhất định không hư cấu, cụ trả lời:

"Anh nghĩ đến mẹ em..."

Cụ cúi xuống hôn Quỳnh Loan... Cụ hôn Quỳnh Loan lên má cái hôn tạ từ, cái hôn anh em với người sống, cái hôn chung thủy với người chết...

Và cụ biết cụ còn một tác phẩm nữa phải viết trước khi từ giã cuộc đời...❑

hình ảnh

NGUYỄN CHÍ KHAM

anh với ngày xưa theo lãng du
mình em thắp nến tạnh sương mù
khói chiều hoang giạt tràn lên mái
và nửa ngày xanh đợi cuối thu

nhìn lại hoàng hôn đã úa phai
người đi trên vạn chuyến sông dài
ngây thơ giữa một mình xa vắng
lòng còn dư vị để thương ai

đâu những lời xanh mộng tiếng em
vườn cây rụng trái chín môi mềm
nhìn em cả nụ cười trăm hạt
giăng bướm tơ vàng xỏa mái hiên

như thế ngày mai đỏ hết chưa
tìm về bông lúa bạc bơ phờ
năm ấy đợi mùa chia mái tóc
màu trời hoang trắng giữa cơn mơ

thời gian

hương thơm gió buổi đầu thai
nhị hồ đôi cánh bồng lai phương trời
thời gian trắng mộng tuyệt vời
sương bay một đám yêu đời cỏ hoa
dịu dàng như bóng em qua
mai sau vẫn nhớ người xa tâm hồn
nữa rồi trong cõi ly hương
bao la mây trắng bên đường tuổi thơ
ngày đi nửa bước trong mơ
phố xa không hẹn bao giờ biệt ly
nhìn em lòng đã ra đi
bâng khuâng xuống hết vành mi buổi chiều

Chúc Tết

Nguyễn Mộng Giác

truyện thật ngắn

"...Thuận đấy à? Mình nói chuyện thoải mái được không? Cô thì lúc nào cũng ậm ừ, nhưng mặc kệ, cuối năm anh phải điện thoại chúc Tết cô. Không điện thoại sớm, cô bận nghe những lời chúc khác văn chương hơn, bay bướm hơn, cô quên anh đi. Cười! Không thật thế à! Năm mới cô muốn anh chúc gì nào? Khang an thịnh vượng, già quá! Dồi dào sức khoẻ? Thừa! Cô thì lúc nào không dồi dào sức khoẻ, chẳng thế mà lúc nào cũng có hàng tá những anh tình nguyện chở các cháu đi học, đi shopping, đi ăn kem, đi cắm trại. Lại cười! Thôi, anh chỉ xin chúc cô một năm mới hoàn toàn như ý. Cho cô hoàn toàn tự do lựa chọn, muốn gì được nấy. Phần anh, cuối năm bận lu bù. Hết cuộc họp tất niên này đến cuộc họp tất niên khác. Anh mới đi ăn tất niên ở hội đồng hương về đây. À, có chuyện này anh kể cho cô nghe. Tính anh vẫn thế, ưa nói ngược. Bạn bè anh đua nhau tán tụng cái đất địa linh nhân kiệt, hãnh diện là người đồng hương của ông này bà nọ. Anh, anh bảo anh hãnh diện làm người đồng hương của Tám Khùng. Vâng, Tám Khùng, người điên nổi tiếng của thành phố Qui nhơn. Mọi người trố mắt nhìn anh. Cô biết anh giải thích sao không? Nhưng trước hết anh phải cho cô biết Tám Khùng là ai đã chứ. Hồi đó anh từ quê xuống Qui nhơn học. Thành phố sau chiến tranh chỉ là một bãi cát đầy dây kẽm gai và vài chục túp lều tranh trên bờ biển. Gia đình Tám Khùng đã ở đó rồi. Bọn học trò rẩn mắt, trong đó có anh, ngoài cái thú tắm biển, đi xem phim Tarzan ở cái rạp xi-nê duy nhất Tân Châu, chỉ còn cái thú chọc ghẹo Tám Khùng. Mỗi lần bị chọc, Tám Khùng la khóc bai bải, luôn miệng chửi "Cha mày Xe, mẹ mày Bành", rồi chạy đi tìm một hòn đá, một miếng gạch...Ô không, không phải để ném vào bọn anh đâu. Tám Khùng lấy đá gạch đập vào ngực mình, đập hết lực, miệng vẫn không thôi lải nhải "Cha mày Xe, mẹ

mày Bành". "Xe, Bành" là tên cha mẹ của Tám Khùng, cô thấy có lạ không? Ông ấy oán trách cha mẹ đã sinh ra mình để mình phải khổ như thế chăng? Kẻ gây khổ cho ông ấy là bọn anh, nào phải cặp vợ chồng ngư phủ già ở xóm lưới! Tại sao ông ấy lại lấy đá tự đập vào ngực mình mà không ném cho vỡ đầu bọn anh? Khó hiểu chứ! Như ông ấy muốn bảo "lỗi tại tôi lỗi tại tôi mọi bề", quá lắm chỉ dám đổ lỗi cho cha mẹ. Ông ấy điên, nhưng có khác gì ông thánh.

Một lần anh mê phim Tarzan quá mà không có tiền, bèn nghĩ ra cách đi nhặt cái vé cũ đem dán với cái cùi vé cũng cũ, chờ gần vào xuất chiếu, nhiều người chen lấn mới vào để mong người kiểm vé không thấy sự giả mạo. Nắm khư khư tấm vé trong tay, anh ra sức chen. Vã mồ hôi chen được đến trước mặt người soát vé, thì hỡi ôi, tấm vé dán bằng cơm đã rã làm hai. Anh giận quá, chen trở ra. Vô phúc, Tám Khùng đang đứng trước cửa rạp Tân Châu. Anh la to "Xe Bành, Xe Bành". Tám Khùng nổi giận, tru tréo "Cha mày Xe mẹ mày Bành" như mọi khi, rồi chạy đi tìm đá. Ông ta tìm được một nửa viên gạch. Ông ta đập vào ngực mình một cú mạnh đến nỗi ông té ngửa, ngồi lặng một lúc, rồi rũ ra ho. Từ đó, cô biết không, mỗi lần làm điều gì khuất lấp, ngực anh bỗng đau nhói".

Bên kia đầu dây, có giọng nữ run run: "Tội quá hở bác! Ổng còn sống không?"

"Ủa, ai đang nói điện thoại vậy? Thuận, không phải Thuận à?"

"Thưa bác mẹ cháu xuống phố có chút việc. Bác có cần nhắn mẹ cháu điều gì không ạ?"

"Thế...thế..từ nãy tới giờ..."

Có tiếng mở khóa lách cách ở cửa trước. Ánh sáng ùa vào căn phòng tối. Người đàn ông đột nhiên đổi giọng, hét vào điện thoại: "Vâng, thưa ông tôi nghe rồi. Tôi đã nói với ông là nhà tôi đã sắm Tết đủ, không cần đặt bánh chưng ở chỗ ông nữa. Từ sáng tới giờ ông làm phiền tôi tới ba lần, ông nhớ không? Xin lỗi tôi phải cúp máy!"

Người đàn bà vừa vào nhà hỏi:

"Ai gọi vậy anh? Gớm, người ta chen nhau mua sắm, như sợ hết hàng ấy. Có ai gọi cho em không?"

"Không có ai cả. Chỉ có cái lão gì nói giọng Bắc quảng cáo bánh chưng. Thật phiền. Vợ anh hôm nay diện dữ. Để mấy cái gói đó anh mang vào cho".

Người đàn ông vội vã giấu mảnh giấy ghi mấy con số điện thoại vào túi quần. Tim ông đập mạnh, nhưng ông không cảm thấy nhói đau! ❑

Tháp Ký Ức

Phùng Nguyễn

Năm đó tôi mười một tuổi. Sau mấy năm ròng rã mài đũng quần ở cái trường tiểu học dột nát ở làng trên, thuộc nát bấy cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư, và lãnh những trận đòn thừa sống thiếu chết vì tội trốn học đi bẫy chim đá dế ngoài đồng, tôi may mắn trúng tuyển vào cái trường trung học công lập cấp tỉnh duy nhứt của tỉnh Quảng Nam, trường Trần Quý Cáp. Quý vị đã từng, hoặc có cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái, bà con, bạn bè đã từng cắp sách đến trường Phan Chu Trinh ở Đà Nẵng xin đừng nổi nóng mà hãy từ từ để tôi giải thích! Cái lý do tôi không đề cập đến trường này bởi vì trường Phan Chu Trinh thuộc về thị xã Đà Nẵng, không giống như trường Trần Quý Cáp, vốn trực thuộc cấp tỉnh. Đây là chỉ nói về mặt hành chánh, còn về chất lượng thì cái đó còn tùy ở chỗ ... bạn học trường nào và nhận định của bạn khách quan đến mức nào.

Cái hôm đi coi bảng, tôi chẳng có hy vọng gì mấy. Tỉnh Quảng Nam có đến hàng trăm xã ấp, mỗi xã có một trường tiểu học, mỗi trường tiểu Học có một lớp Nhất, tức là lớp Năm sau này. Mỗi lớp nhất có khoảng năm chục đứa học trò mà trong đó có tới bốn mươi đứa tham gia cuộc thi tuyển, tính ra không dưới năm ngàn thí sinh. Trường Trần Quý Cáp có sáu lớp đệ thất, cao lắm khoảng ba trăm học sinh được tuyển vào mỗi năm, còn mấy ngàn đứa kia thì có nhiều hy vọng về nhà ... chăn trâu trừ phi được cha mẹ cho vào bán công hoặc tư thục. Lúc còn học tiểu học, tôi thích chơi nhiều hơn thích học, những con cá rô cá cấn, chim giồng giộc chim sâu trông hấp dẫn hơn những bài địa dư sử ký, bị thầy bắt quỳ gai mít hoài mà vẫn chứng nào tật nấy. Tuy nhiên, bà nội tôi tin tưởng mãnh liệt vào cái câu học tài thi phận, vả lại thi cử là chuyện thiên kinh địa nghĩa nên cuối cùng mẹ tôi vắt cho tôi một mo cơm nắm, dúi vào tay tôi mấy đồng bạc để đi xe điện—danh từ dân địa phương dùng để gọi xe

đò—Hội An để dự thí.

Chen lấn mãi mới đến gần được cái bảng gỗ có dán danh sách thí sinh trúng tuyển, tôi dự định sẽ đọc cái danh sách từ dưới lên, chừng năm mươi hàng mà chưa thấy tên mình thì tốt hơn chui trở ra cho đỡ mất thì giờ. Ai dè mới đọc được có mấy hàng đã thấy tên mình. Tôi dụi mắt hai ba lần, đọc lại cho kỹ vẫn thấy tên mình còn sờ sờ ở đó, bèn mừng rỡ mở một đường máu chui ra khỏi cái đám con nít đang xô đẩy nhau, chửi mắng nhau, la hét, cười khóc ồn ào như cái chợ nhỏ. Thằng bạn cùng làng cũng vừa mới thoát ra khỏi cái đám đông hỗn tạp, mặt mày tái mét, thở hổn hển hỏi tôi:

— Bộ mày đậu rồi hay sao mà nhảy tưng tưng vậy?

— Đậu rồi. Còn mày?

— Tao đậu bình thứ. Còn mày?

— Tao không biết. Tên tao ở hàng thứ năm.

Thằng bạn tròn mắt ngạc nhiên:

— Thứ năm? Vậy là mày đậu ưu rồi.

Hắn gãi đầu có vẻ suy nghĩ, nói tiếp:

— Hồi nãy tao xem bảng kỹ lắm mà tại sao không thấy tên mày.

Tôi bỏ mặc thằng bạn đứng ngẩn ngơ, đi bộ ra bến xe đón xe đò về nhà.

Cái việc tôi đậu vào đệ thất trường công lập, dù đậu hạng bét là một sự kiện đáng kể cho gia đình tôi, vốn gồm có bà nội, mẹ tôi, tôi, và ba đứa em gái còn nhỏ xíu. Mấy năm về trước, sau khi đã chán cái việc sản xuất và dưỡng dục nhi đồng, ba tôi quay lưng lại người vợ đáng thương và bầy con nheo nhóc, bỏ đi giang hồ vặt, lâu lắm không nghe tin tức. Mẹ tôi ở lại một mình tảo tần buôn bán, nuôi nấng bầy con. Bây giờ thằng con lớn được vào trường tỉnh học, bà vừa mừng lại vừa lo, bởi vì chỉ còn vài tuần nữa là thằng con phải đi xa trọ học.

Làng tôi cách thị xã Hội An —còn được gọi là Phố hay Faifo— khoảng gần ba chục cây số. Muốn đến thị xã, tôi phải đi bộ bốn năm cây số, băng qua cái cầu xe lửa dài ngoẵng bắc ngang qua con sông Thu Bồn nước trong veo, rồi leo lên cái xe điện duy nhất của tuyến đường Kỳ Lam–Hội An để kết thúc cuộc hành trình. Gần đến Vĩnh Điện, quận lỵ Điện Bàn, xe đi ngang qua tháp Chàm Bàng An, một di tích lịch sử. Ngôi tháp cổ xây bằng gạch nung, lâu ngày rêu phong bám đầy, đứng im lìm, sừng sững nhìn xuống con đường trải đá lầm bụi chạy dài từ quận lỵ về đến vùng núi non tiếp cận dãy Trường Sơn. Cây tháp chứng nhân của một triều đại đã suy tàn mà mỗi khi nhìn thấy đã gợi trong tôi những ấn tượng mạnh mẽ, những cái tên như Chế Mân, Chế Củ, những Lý Thường Kiệt, Trần Khắc Chung, những câu chuyện huyền hoặc về những người

dân của một quốc gia đã bị xóa tên.

Vậy là tôi bắt đầu cuộc đời trọ học từ lúc còn rất trẻ. Cứ mỗi vài tuần tôi lại đáp xe đò từ tỉnh lỵ về, băng qua cái cầu xe lửa bằng sắt, sải những bước chân nôn nao trên con đường đất khi thì nút nẻ mấp mô, khi thì lầy lội trơn trợt, bỏ lại sau lưng những ruộng lúa nghèo nàn, những bãi dâu tươi tốt, những rặng tre xào xạc, tiếng rầm rập của những máy dệt vải bằng gỗ, tiếng sè sè của những cái trục ươm tơ, lòng hớn hở khi nhìn thấy cái hàng rào quen thuộc có những bông hoa dâm bụt đỏ chói. Rồi có tiếng con chó Vàng sủa ăng ẳng mừng rỡ, tiếng mấy đứa em kêu réo om sòm *Mẹ ơi anh Hai về*, rồi bà nội đứng ở ngưỡng cửa đưa bàn tay nhăn nheo có dính những vệt vôi ăn trầu lên xoa đầu đứa cháu nhỏ hỏi han *Con đi đường xa có mệt không*, rồi mẹ tôi đôi má ửng hồng bên ánh lửa rơm nhìn tôi mỉm cười dịu dàng *Mẹ biết thế mô con cũng về bữa ni, cái con mắt trái hắn giựt giựt từ hồi sáng tới chừ.*

Rồi trong bữa ăn tối thế nào cũng có hoặc là nồi canh cá diếc nấu rau răm, hoặc là *trã* cá đồng kho khô, những món ăn mà tôi ưa thích. Dưới ánh đèn dầu, gia đình tôi quây quần vui vẻ bên nồi cơm độn bắp bốc khói, nói chuyện không ngừng. Mấy đứa em tôi hỏi tôi hàng trăm lần về những chiếc *xe điện, xe hình bịch* mà họa hoằn lắm chúng mới có dịp thấy, những con khỉ đá, chó đá ở chùa Cầu, những đoàn hát bội nổi tiếng chúng chưa bao giờ được xem. Mẹ tôi bận rộn suốt buổi cơm, la đứa này, nạt đứa kia *Con gái chi mà cái miệng xon xón*, hỏi tôi về việc học hành, ăn ở *Họ có cho con ăn uống đàng hoàng không? Tối mi ngủ có treo mùng không, hay là cứ làm biếng ngủ trần để muỗi cắn mi chết*. Tôi biết mẹ đang vui bởi vì tôi và mấy em tôi cũng đang vui. Thỉnh thoảng tôi bắt gặp trong mắt mẹ long lanh một nụ cười lặng lẽ hiếm hoi kể từ khi bà phải một mình gồng gánh gia đình trong đơn chiếc, từ khi *Vai xuân thì bánh mật ngả màu đen* (1) bởi cái gánh hàng nặng trĩu bà mang đi mang về hàng vài mươi cây số mỗi ngày để kiếm tiền nuôi nấng bầy con. Rồi hôm sau tôi lại quay về tỉnh lỵ nơi có căn nhà nhỏ mà tôi và những thằng bạn đồng cảnh ngộ đang ở trọ.

Trường có sáu lớp đệ thất thì hết năm lớp dành cho học sinh với ngoại ngữ chính là Pháp văn. Tôi được đưa vào đệ thất 3, ngồi ngay sau lưng dám học trò con gái. Học trò nhà quê lên tỉnh học dễ bị ăn hiếp. Chỉ cần nhìn cái mặt ngơ ngáo, quần áo lôi thôi, đôi dép râu thô kệch để lòi dôi bàn chân sứt sẹo vì lội ruộng bắp, đá banh bòng banh bưởi là biết ngay. Trong lớp tôi có mấy đứa chuyên môn đi bắt nạt mà đứng đầu là thằng Bạo. Thằng này tên giống như người, mặt mày bặm trợn, lỗ mũi lúc nào cũng đỏ bóng như trái cà chua. Nó thích bắt nạt tôi, chẳng biết vì lý do nào. Nạn nhân kế tiếp phải kể đến Phạm Dó. Thằng này đáng lẽ tên

Phạm Gió hay Trúng Gió thì mới phù hợp với câu *tên sao người vậy*. Phạm Dó người nhỏ xíu, ốm tong ốm teo, nhà ở bên kia sông, nơi gọi là Cẩm Giàng Cẩm Phả gì đó. Tôi đã nghèo mà thằng này còn nghèo hơn, đi học mang đôi dép làm bằng mo cau kéo lệt xệt dọc hành lang nghe muốn điếc con ráy. Mỗi lần thấy đám thằng Bạo là mặt mày nó tái mét, tay chân giật đùng đùng như mắc phong, mắt lác xệch đi, ngay cả thằng Bạo trông thấy cũng phát ớn, bỏ đi tìm tôi hay Vĩnh Hoành để trêu ghẹo. Vĩnh Hoành dòng dõi hoàng tộc, vai vế ngang hàng với công dân Vĩnh Thụy, vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn. Đám thằng Bạo tước đoạt của thằng này khá nhiều tư trang vật dụng, ngay cả cây viết *Pilot* mới toanh cũng đổi chủ ngay từ lúc Vĩnh Hoành mang đến trường lần đầu. Tôi vốn nhát gan, thấy đám cô hồn là lo kiếm đường dông trước, vậy mà cũng không thoát tay tụi nó. Có lần thằng Bạo làm quá, đẩy tôi té đập đầu vào vách tường thiếu điều long óc. Tôi giận quá quên cả sợ, vác chiếc ghế dựa của ông thầy rượt nó chạy lòng vòng cái hành lang dài ngoẵng của sáu lớp đệ thất. Sau lần đó, tôi có biệt danh là "Trừ... Bạo", và không còn bị ăn hiếp nữa.

Giáo sư Việt văn kiêm hướng dẫn lớp đệ thất 3 là thầy Kham, Tôn Thất Kham. Theo chỗ tôi biết, thầy là người nhạy cảm và rất thương học trò. Vài tháng sau khi trường khai giảng, vùng tôi ở bị mấy cơn lụt lội, hoa màu bị tàn phá, chợ búa đóng cửa cả tháng. Mẹ tôi không đi buôn bán được, thiếu tiền trả tiền trọ học cho tôi. Tôi nhờ người quen giới thiệu đến một lò bánh mì dưới phố để xin lãnh bánh mì đi bán buổi tối phụ với mẹ trả tiền cho chủ trọ. Mỗi đêm tôi hăng hái vác cái bao tải chứa những ổ bánh mì thơm tho nóng hổi đi vào các khu xóm rao bán. Có lần tôi đang ngoác miệng rao inh ỏi *Bánh mì nóng dòn dây* bỗng có tiếng ai nghe quen quen gọi lại hỏi mua. Đến gần, tôi nhận ra thầy Kham. Thầy trò nhìn nhau ngỡ ngàng. Hình như mắt thầy hơi ươn ướt. Cuối cùng thầy giành mua hết những ổ bánh mì còn lại của buổi tối. Tôi còn nhỏ, đầu óc khờ khạo nhưng cũng biết là thầy muốn giúp mình, chứ thầy cũng ở trọ đi dạy học làm gì mà một mình có thể ăn hết chừng ấy bánh mì trong một vài hôm. Thầy có vẻ quan tâm đến tôi một cách đặc biệt, và đáp lại, tôi cũng chịu khó học hành đàng hoàng trong giờ Việt văn.

Cái bàn học dành cho học trò con gái phía trước tôi có đến hai *chị lớn* ngồi. *Chị lớn* là cái danh từ chung lũ học trò con trai dùng để gọi những nữ học sinh lớn tuổi mà không biết vì lý do nào lại được sắp vào cái lớp con nít này. Chị Bích Ngọc và chị Thuận là hai nhân vật ưa thích của tôi. Hai chị đều lớn hơn tụi tôi năm, sáu tuổi, vào khoảng mười sáu hay mười bảy gì đó trong khi đám còn lại cả trai lẫn gái mới có mười

một, mười hai tuổi. Chị Bích Ngọc tóc dài, chị Thuận tóc quăn, hai người đều... dễ thương. Tôi biết được điều đó qua miệng mấy *anh lớn* học trên đệ nhị cấp hay lảng vảng ngoài hành lang nhìn vào. Riêng tôi và mấy thằng quỷ sứ ngồi cùng bàn đồng ý là mấy chị rất tốt bụng. Trong giờ học, thay vì... thả hồn ra cửa sổ, chúng tôi để hết tinh thần vào việc chọc phá mấy chị lớn, từ việc cột mấy vạt áo dài lại với nhau cho đến việc dán những tờ giấy vẽ hình nhăng nhít vào tóc vào áo của mấy chị, chúng tôi đều thực hiện với một lương tâm chức nghiệp rất cao. Kết quả vô cùng vẻ vang. Hai chị dắt chúng tôi ra cái quán nước nhỏ xíu của vợ chồng bác gác trường, mua cho chúng tôi kẹo mè xững và kẹo *nougat* sau khi bắt chúng tôi long trọng thề thốt sẽ không bao giờ tái diễn những hoạt động có tính cách phản nghệ thuật như vậy nữa.

Niên học đầu tiên rồi cũng qua đi, đánh dấu bởi những chuyến đi cắm trại ở cửa Đại, ở đó chúng tôi đốt lửa trại thi đua văn nghệ. Cũng trong niên học này, tôi quen biết Thước, người bạn cùng lớp mới mười hai tuổi đã biết làm thơ, biết đọc *Ngàn Khơi* và *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*, những tạp chí văn chương dành cho người lớn. Rồi những lần theo Phạm Dó qua bên kia sông thăm gia đình hắn, cái gia đình nghèo rách mùng tơi mà vô cùng hiếu khách. Rồi những trò đùa nghịch ngợm, độc ác một cách vô tội của tuổi thơ, những con sâu đo gớm ghiếc làm lũ học trò con gái khóc thét, cuống cuồng sợ hãi. Rồi những buổi tối lang thang dọc bờ sông Phố, nơi có cái rạp chiếu bóng duy nhất của thị xã, để xem người lớn câu cá hanh bằng những cây cần trúc dài ngoẵng. Và khi những chùm hoa phượng rực rỡ nở ra trên những tàng cây xanh ngắt trong sân trường, chúng tôi tặng nhau lưu bút, hẹn sẽ gặp lại vào mùa Thu tới.

Thầy Kham không còn là thầy hướng dẫn của chúng tôi. Thầy ở lại với đám học trò mới của lớp đệ thất 3. Giáo sư Việt văn kiêm hướng dẫn của đệ lục 3 là đàn bà, đàn bà đẹp. Cô giáo tên Tố Quyên, người Bắc. Lúc thầy giám thị đưa cô vào để giới thiệu cho cả lớp, đám học trò con trai đứa nào đứa nấy im thin thít, trống ngực đập còn hơn trống làng. Bởi vì cô trẻ quá, đẹp quá, giọng Bắc kỳ êm quá, và trông cô... dễ thương quá. Sau buổi học đầu tiên, thằng Thước, thi sĩ nhi đồng, về nhà làm ngay mười mấy bài thơ tình ướt át gọi gió than mây.

Vào giữa niên học, cô Tố Quyên cho chúng tôi bình giảng truyện ngắn "Vàng Tháp Hời" của Vũ Hạnh. Đã hơn ba mươi năm, những chi tiết của câu chuyện tôi không còn nhớ nữa, chỉ nhớ đại khái là có hai anh em nhà kia rủ nhau đi tìm vàng trong một ngôi tháp cổ của dân tộc Chiêm Thành, cuối cùng vì một trong hai người nghe lời xúi giục của ngoại nhân mà gây nên cảnh huynh đệ tương tàn. Vào thời điểm đó, đối với tôi câu chuyện chỉ có tính cách ngụ ngôn kiểu tục ngữ *Một giọt máu*

đào hơn ao nước lã hoặc Quốc Văn Giáo Khoa Thư *Bó Dũa*. Sau này biết ra Vũ Hạnh là Cộng Sản, hoặc ít nhất đã hoạt động cho Cộng Sản, tôi thấy tội nghiệp cho ông ta bởi vì chính cái truyện ngắn này đã có thể dùng để chỉ trích, phê phán cái chế độ mà ông ta đã lựa chọn để phục vụ. Riêng cô Tố Quyên, tôi có thể đoan chắc mục đích của cô là thuần túy văn học, và một trong những mục tiêu của cô là giúp chúng tôi định nghĩa và phân tích hai chữ *hy vọng*.

Hy vọng luôn luôn hướng về tương lai, cô Tố Quyên giải thích, *hai anh em trong bài viết này hy vọng rằng họ sẽ tìm được kho vàng chôn giấu trong cái tháp Chàm cổ kính*. Tôi đưa tay lên phản đối. *Hy vọng không nhất thiết phải hướng về tương lai! Trước khi đi tìm vàng, hai người hy vọng đã có một kho tàng trong cái tháp Hời. Có vàng hay không có vàng trong cái tháp Hời là chuyện của quá khứ. Do đó, trong trường hợp này, hy vọng đã hướng về quá khứ*. Đám học trò con trai, ngoại trừ thằng Thước, vỗ tay tán thành ầm ĩ. Hơi ngạc nhiên về cái lý luận... bá láp của tôi, cô Tố Quyên bắt cả lớp im lặng rồi giải thích rằng có vàng trong tháp Hời, đối với hai anh em trong câu chuyện, là một niềm tin, không phải hy vọng. Với lối lý luận cù nhầy, lũ chúng tôi vẫn khăng khăng cho rằng hy vọng có tính cách... hai chiều, không phải một chiều như cô đã khẳng định. Không còn "hy vọng" thuyết phục chúng tôi, cô Tố Quyên trong lúc "tuyệt vọng" bèn... khóc. Sau này, trong cuộc đời ba chìm bảy nổi của mình, tôi cũng đã có dịp chứng kiến đàn bà khóc, có khi vì tôi, có khi vì tình địch của tôi, có khi vì một lý do nào khác, cũng có khi không vì lý do nào hết. Nói chung đàn bà trông đẹp và dễ thương hơn khi họ khóc, nhưng tôi chưa thấy ai khóc... đẹp bằng cô Tố Quyên. Lúc đó bao nhiêu hùng tâm tráng chí của lũ chúng tôi xẹp xuống như bánh xe dạp cán đinh, nếu cô có bảo *hy vọng* nằm ở... hướng Tây chúng tôi cũng chịu nữa. Nhưng đã trễ. Cô khóc, rồi cô bỏ đi. Bỗng dưng tôi trở thành tên tội phạm hàng đầu. Đám học trò con gái nhìn tôi với những cặp mắt giận dữ. Thằng Thước từ mãi dưới cuối lớp chạy lên đòi ăn thua đủ với tôi, ngay những đứa mới cách đây mấy phút đã mạnh mẽ ủng hộ cái *hy vọng hai chiều* cũng quay ra đả kích tôi dữ dội. Phần thì băn khoăn không biết rồi cô Tố Quyên có còn trở lại dạy chúng tôi nữa hay không, phần thì lo lắng vì bỗng dưng trở thành chánh danh hung thủ, tôi buồn bã ngồi tẩn mẩn cột tóc của hai chị lớn ngồi bàn trên lại với nhau.

Cuối cùng rồi cô Tố Quyên cũng trở về, với một đạo binh. Cho đến giây phút đó, và ngay cả sau này trong cuộc đời đi học của mình, chưa bao giờ chúng tôi được chứng kiến một cuộc phô trương lực lượng quy mô như vậy. Ngoại trừ thầy Hiệu trưởng, từ thầy Hiệu phó, thầy Tổng Giám thị cho đến các thầy đang dạy lớp chúng tôi, và ngay cả các thầy

dạy các lớp đệ nhị cấp, đều hiện diện. Lũ học trò nhìn nhau, mặt cắt không còn hạt máu. Trước mặt chúng tôi là cái tập hợp chọn lọc của ngành giáo dục quốc gia, lò đào tạo nhân tài và niềm kiêu hãnh của tỉnh Quảng Nam, người nào người nấy trông đằng đằng sát khí. Các thầy lần lượt lên phát biểu, nói cho đúng hơn, sỉ vả chúng tôi. Cuộc sỉ vả kéo dài tưởng như vô tận, dù mỗi thầy chỉ nói có vài ba phút. Ôi, *le jour le plus long*. Cô Tố Quyên là người phát biểu sau cùng. Cô không sỉ vả chúng tôi, cô chỉ nói nhẹ nhàng, *Cô hy vọng rằng từ nay về sau các em sẽ thảo luận các nghi vấn với cô một cách nghiêm chỉnh hơn.* Chúng tôi đều ghi nhận cái tín hiệu cô gởi, *từ nay về sau*, temps future, future tense, thì tương lai, *hy vọng chỉ hướng về tương lai.*

Biến cố đáng ghi nhớ đó rồi cũng qua đi, năm học thứ hai ở trường tỉnh lỵ rồi cũng qua đi. Trong những năm tháng còn lại ở phố Hội, tôi có thêm nhiều bạn bè, nhiều kỷ niệm. Vào mùa lũ lụt, tôi thường ra bờ sông để xem người ta kéo vó. Đôi khi tôi theo chủ nhà trọ xuống biển cửa Đại, cái bãi biển hoang vắng với rừng phi lao xanh ngắt, để câu cá hồng cá hanh. Thỉnh thoảng tôi lại đạp xe qua chùa Cầu, chiếc xe nhảy lộc cộc trên những thanh gỗ lót đường. Hoặc ra xóm Mới—bây giờ chắc đã cũ lắm rồi—với những con đường lầm cát, nơi có nhà thằng Thước. Hắn vẫn chưa chịu cho tôi xem mấy bài thơ hắn làm cho cô Tố Quyên.

Năm thứ ba ở trường Trần Quý Cáp đánh dấu những biến động lịch sử mà cái tuổi non nớt của tôi không đủ kiến thức để nhận định. Cuộc đảo chánh tháng mười một năm sáu mươi ba đối với tôi là cơ hội để được nghỉ học đi biểu tình, đón người hùng cách mạng Tôn Thất Đính, và những điều tương tự. Cũng trong thời gian đó, làng tôi càng ngày càng trở nên mất an ninh. Đã có những cuộc ám sát, khủng bố thực hiện bởi phía bên kia, những cuộc hành quân lùng sục của phía bên này. Đã có những lần về thăm nhà, giữa đêm khuya tôi giật mình thức giấc bởi tiếng đạn tầm xa gầm rú bay ngang qua nóc nhà hoặc tiếng súng vang rền từ phía bên kia sông.

Cơn lụt khủng khiếp năm sáu mươi bốn đẩy tôi lìa xa vĩnh viễn ngôi trường tỉnh lỵ. Nhà chúng tôi đã bị sập bởi cơn bão mấy tháng trước đó, những cây cột tre tạm bợ không chịu nổi dòng nước lũ, lại một lần nữa tan tành trong cơn hồng thủy. Cơn lụt vô tiền khoáng hậu kéo đến từ những dãy núi xa bên kia sông Cái, cày xới những sườn đồi, bật tung cây cối, ào ạt tràn xuống khu đồng bằng nghèo nàn của miền Trung, cuốn đi những bãi dâu xanh, những nong tằm vàng óng, những mái nhà tranh, những căn nhà ngói, những vườn cây trái, những mạng người. Cũng may mà gia đình tôi đều được an toàn. Trong những ngày tháng kế tiếp, gia đình tôi sống qua ngày bằng lu bắp khô còn sót lại, những hạt bắp

khô cứng, nhạt nhẽo cầy xới cuống họng của bầy con đói khát và trái tim của người mẹ đơn chiếc. Mẹ tôi quyết định đưa chúng tôi vào miền Nam tìm kế sinh nhai.

Chia tay với cái thành phố càng ngày càng trở nên quen thuộc không phải là chuyện dễ dàng. Tôi luyến tiếc nhìn hàng phượng vĩ với những chùm hoa đỏ nở muộn, những con sâu đo gớm ghiếc, cái quán nước nghèo nàn của bác gác trường. Tôi còn nhớ cái mùi khăm khẳm đặc biệt của những con ruốc làm mắm phơi trên những vỉ tre dọc lề đường, tô bún bò Huế có miếng thịt đùi thơm tho, những cây "sê ri" với chùm trái chín mọng trồng dọc con đường khu tôi ở trọ. Tôi còn nhớ mối tình con nít vụng dại với đứa em gái của thằng bạn cùng lớp, lá thư viết hai tháng chưa dám gởi đi, nụ hôn đầu tiên trên môi đứa con gái mười ba tuổi bởi thằng con trai mười bốn tuổi sướng tê người.

Rất lâu sau này tôi có một lần về thăm chốn cũ. Cái thành phố ngày xưa bỗng như nhỏ lại. Cỡi chiếc xe gắn máy mượn của đứa cháu, tôi dừng lại trước cổng trường. Những cây phượng ngày xưa vẫn còn đó, cằn cỗi hơn, thiếu vắng những chùm hoa rực rỡ. Có lẽ vì trái mùa, mà cũng có lẽ vì *nhân khử tận*. Đám bạn học ngày xưa cũng đã tản lạc phương nào, những cái tên của dĩ vãng, thầy Hoàng Trung, thầy Kham, cô Tố Quyên, thằng Bạo, Phạm Dó, Vĩnh Hoành, Huỳnh bá Thước, Tường Vi bỗng dưng nghe buồn như thơ Vũ Đình Liên. Cuộc viếng thăm Hội An của tôi rất ngắn ngủi. Trên đường về thăm làng cũ, tôi có dịp thấy lại ngôi tháp Chàm Bàng An. Vẫn sừng sững, vẫn rêu phong, nhưng cái âm u, bí ẩn đã không còn. Chỉ còn là một nhân chứng u sầu với tiếng thở dài phiền muộn mỗi khi ngọn gió đồng thổi qua đỉnh tháp dột nát.

Bây giờ là sáu giờ sáng. Tôi có thói quen dậy sớm, ngồi một mình ở cái bàn ăn nhỏ. Trước mặt tôi là ly cà phê nóng với cái hương vị lai căng—cà phê bột của Mỹ và sữa đặc có đường hiệu Ông Thọ—và điếu thuốc lá đầu ngày. Có lần tôi đọc một truyện ngắn, hình như của Phan Du, về một ngọn đèn vàng ở một góc cầu thang nào đó đã nhắc nhở tác giả về một ánh đèn vàng ở một nơi chốn khác trong quá khứ. Ngọn đèn như chiếc chìa khóa thần diệu mở ra một ngăn kéo của ký ức, ở đó tác giả tìm thấy lại hình ảnh của người tình chìm khuất. Còn tôi? Chìa khóa nào đã mở ra cho tôi tuổi hoa niên, ngôi tháp Chàm đổ nát, mái trường thân yêu, những cái tên đã tưởng không bao giờ còn nhớ nổi, nụ hôn đầu đời sướng tê người, chùm hoa phượng đỏ rực, và những con sâu đo gớm ghiếc? Tôi không biết. Tôi chỉ biết cám ơn cái quyền lực huyền nhiệm nào đó đã cho tôi khả năng sống lại những kỷ niệm xa xưa.

Tôi mong một ngày nào đó được gặp lại Thước để xin hắn tập thơ hắn làm cho cô Tố Quyên vào năm mười hai tuổi, nếu hắn còn sống và

Về Bạc Liêu

PHAN NI TẤN (N. D.)

Ngã bảy Phụng Hiệp là đây
xuống ghe tôi dụng một cây mưa già
về Kế Sách dặm mây xa
mưa bên Phụng Hiệp theo qua bến này

Lòng tôi là láng nước đầy
ra sông lại dụng thêm cây mưa dầm
tới của Đại ngãi mù tăm
biết đâu trời đất mà thăm Hộ phòng

Lên bờ núp bóng Sóc trăng
vắt khô hồn nước lạnh băng trong đầu
hỏi ai muốn dả thành sầu
nhắp ly rượu nếp Bãi Xàu Mỹ xuyên

Ngó lên nóc chợ chim chuyền
thấy thương mái lợp nghiêng nghiêng nắng vàng
thấy ghe Long phú vừa sang
chở theo mái tóc dài ngang lưng chiều

Phiêu diêu tôi tới Bạc liêu
mắt đà chạm những em Triều châu ơi
ước gì ứng một lần thôi
có cô cá chốt chịu trôi vô lòng

Đêm ra ngắm trăng ngoài sông
nỗi nhà tịch mịch dưng không rạt rào
như hai bờ kè đá cao
lòng tôi con nước chảy vào chảy ra

còn giữ tập thơ. Tôi cũng rất mong gặp lại cô Tố Quyên để hỏi cô một lần nữa *Phải chăng hy vọng chỉ hướng về tương lai?* Nếu phải thì buồn quá, bởi vì chẳng lẽ những ngăn kéo ký ức tôi mở ra cùng với ly cà phê lai căng và điếu thuốc đầu ngày chỉ chứa có mỗi một niềm tuyệt vọng thôi sao? ❑

(1) Ở lại, thơ Du Miên

Người tử tù

Saki (1870 -1916)

Nguyễn Thị Chân Quỳnh dịch

Saki tên thật là Hector Munro, người gốc Tô Cách Lan, sinh tại Miến Điện, nhưng được nuôi dạy tại Anh quốc. Trước khi bước vào nghiệp văn, Saki viết cho tờ báo bảo thủ The Morning Post và chỉ viết truyện châm biếm từ 1896. Cuốn sách đầu tay của ông là một cuốn sử liệu. Trừ cuốn này và hai cuốn tiểu thuyết, tác phẩm của Saki gồm toàn truyện ngắn: Khi thế chiến I bùng nổ, mặc dầu không còn ở lứa tuổi thanh niên, Saki đã là người đầu tiên xung phong nhập ngũ, rồi tử trận ở Pháp năm 1916.

Saki nổi tiếng về truyện ngắn, đôi khi rất ngắn chỉ độ vài ba trang. Truyện thường mô tả xã hội Anh thời tiền chiến khi ảnh hưởng của Thanh giáo chỉ còn cái vỏ với những lễ giáo, tập tục đã biến thành những cái "khuôn vàng, thước ngọc." Trong "Người tử tù", bề ngoài tiếng rằng Saki chĩa mũi dùi vào viên giáo sĩ nhưng thực ra Saki phơi bày, mổ xẻ cả cái văn minh suy đồi của nhân loại, đạo lý đảo ngược: người ta hết lòng nâng niu loài chó, săn sóc phẩm cách của chúng nhưng lại hết sức lạnh nhạt, vô tình đến tàn nhẫn đối với loài người.

Truyện của Saki hay pha chút quái dị và cái kết thường đột ngột. Bút pháp cô đọng, ẩn hiện một nụ cười kín đáo, dí dỏm, rất "Ăng Lê."

Vị giáo sĩ của ngục thất bước vào phòng tên tử tội một lần cuối để tìm cách an ủi.

Tội nhân nói: "Điều độc nhất mà con mong ước là được tỏ bày câu chuyện của con từ đầu đến cuối cho một người nào ít nhất cũng chịu để tai nghe con một cách vô tư."

"Được rồi. Nếu chúng ta đừng quá dài dòng." Giáo sĩ vừa nói vừa nhìn đồng hồ.

Tội nhân cố nén không rùng mình và bắt đầu kể:

"Phần đông người ta cho rằng con đang trả nợ cái tội đã hành hung giết người. Thật ra con chỉ là một nạn nhân vô phúc không được ăn học đến nơi đến chốn, không có lấy một nghề chuyên môn.

Vâng, nếu con được là một trong những nhà bác học hiếm có của nước Anh, biết thông tỏ mọi ngành những loại thú sống ở *Outer Hebrides* hay là có thể đọc vanh vách nguyên văn thơ của *Camoens*, thì con đã chẳng gặp khó khăn khi cần chứng minh thân thế mình trong cái vụ mà thân thế minh bạch là điều sống còn đối với con. Nhưng mà con chỉ được hưởng thụ một nền giáo dục bậc trung và tính lại ưa tránh né mọi lãnh vực chuyên môn. Con chỉ biết qua loa mỗi thứ một tị: làm vườn, lịch sử, danh nhân thời cổ, nhưng bảo con trả lời ngay rằng *"Stella van der Loopen"* là một loài cúc hay là một nữ nhân nổi danh nào trong chiến tranh giành độc lập của Hoa kỳ hay là một họa phẩm của Romney ở viện bảo tàng Le Louvre thì con xin chịu.

Giáo sĩ bồn chồn đổi dáng ngồi. Cả bấy nhiêu câu trả lời bây giờ nghe phạm nhân kể ra thấy câu nào cũng có thể đúng cả.

Tội nhân kể tiếp: "Con yêu cô vợ viên bác sĩ địa phương, hay tưởng rằng con yêu. Con cũng chẳng hiểu tại sao con lại yêu nàng vì con không nhớ nàng có cái gì đặc biệt hấp dẫn dù là sắc đẹp hay trí tuệ. Bây giờ nghĩ lại chuyện cũ con lại thấy hình như nàng đặc biệt tầm thường. Song con cho rằng ông bác sĩ nọ có lần say mê nàng thì một người đàn ông khác cũng có thể say mê nàng được. Nàng có vẻ hài lòng khi thấy con săn sóc nàng, con có thể nói rằng nàng khuyến khích con nữa, nhưng con cho thực tình nàng chỉ coi đấy là tình nghĩa xóm giềng. Đứng trước mặt tử thần, con muốn xử sự cho công bằng."

Giáo sĩ lẩm nhẩm gật đầu.

"Nàng quả thật kinh hoảng khi con lợi dụng một hôm viên bác sĩ vắng mặt để tỏ tình. Nàng yêu cầu con đi ra khỏi đời nàng và con không thể làm gì khác hơn là tuân lệnh dẫu rằng đi ra bằng cách nào thì con không mảy may biết. Trong tiểu thuyết hay kịch bản, con biết nó là chuyện thường xảy ra, nếu ta hiểu lầm tình cảm hay ý tứ của nữ nhân ta chỉ việc bỏ đi Ấn độ đầu quân ở vùng biên cảnh. Khi con loạng choạng bước trên con đường từ nhà viên bác sĩ đi ra con chưa biết mình sẽ làm gì nhưng lờ mờ cảm thấy cần phải giở cuốn địa đồ thế giới *Times Atlas* ra xem trước khi đi ngủ. Thế rồi bất ngờ con "chạm trán" một tử thi trên con đường tối tăm, hẻo lánh đó". Đến đây viên giáo sĩ bắt đầu chú ý rõ rệt.

"Bằng vào quần áo mặc thì tử thi này là của một viên trưởng toán

hội Từ thiện. Hình như ông ta gặp tai nạn, đầu bẹp dí không còn nhận ra mặt mày. Con đồ chừng ông ta bị xe hơi cán, thế rồi đột nhiên cái ý nghĩ cứ lởn vởn trong đầu con rằng đây là một cơ hội tốt để con lột xác, đi ra khỏi đời sống của cô vợ viên bác sĩ. Chẳng cần phải mạo hiểm đi đến những nơi xa xôi và chán ngắt, chỉ cần thay đổi áo quần và thân thể với một người xa lạ ngộ nạn xe hơi mà không có chứng nhân. Con phải khó khăn lắm mới cởi được quần áo của thây ma và mặc quần áo của con cho nó. Bất kỳ một ai đã từng phục dịch quần áo cho một viên trưởng toán hội Từ thiện đã chết ở chỗ tranh tối tranh sáng đều thấu hiểu nỗi khó nhọc của con. Có lẽ với ý định dụ dỗ cô vợ viên bác sĩ bỏ nhà đi theo con nhét vào túi mớ giấy bạc đại diện cho phần lớn gia sản của con. Thế là con lẻn ra đi dưới hình dạng một viên trưởng toán hội Từ thiện, con không phải đi tay không mà có đủ tiền để sống khiêm tốn trong một thời gian dài. Con lê gót đến một thành phố phụ cận và mặc dù đêm đã khuya, chỉ với vài ba hào con cũng có đủ cơm chiều và một chỗ ngủ trong một quán cà phê rẻ tiền. Hôm sau con lại lang thang đi từ tỉnh này tới tỉnh khác, không mục đích. Con đã bắt đầu chán ngán những hậu quả của những hành động đồng bóng, sự lột xác đột ngột của con. Chỉ một lúc sau con còn chán nản hơn nữa. Trong một tờ báo địa phương con liếc thấy tin con bị một kẻ vô danh ám sát. Con mua tờ báo để đọc kỹ hơn những chi tiết mà thoạt đầu làm con cười buồn, con khám phá ra họ gán tội cho một viên trưởng toán hội Từ thiện một lai lịch bất minh, người ta đã thấy hung thủ lẩn quất trên con đường gần nơi xảy ra tai nạn. Thế là con hết cả cười. Câu chuyện xem ra sẽ rắc rối. Cái mà con tưởng là một tai nạn xe hơi hóa ra là một vụ cố sát đã man và chừng nào người ta chưa bắt được thủ phạm đích thực thì con còn khó mà giải thích sự liên can của con trong vụ này. Dĩ nhiên con có thể trở lại với thân thể cũ của con nhưng làm thế nào để khỏi liên lụy đến cô vợ viên bác sĩ, vì cớ gì mà con lại thay đổi áo quần với nạn nhân? Trong khi trí óc con quay cuồng làm việc để tìm giải pháp thì con cũng tuân theo một bản năng thứ hai - trong vô thức - là lảng ra xa nơi xảy ra tai nạn càng xa càng tốt, và phải tìm cách trút bỏ ngay cái lốt viên trưởng toán hội Từ thiện này. Đến đây thì con gặp khó khăn. Con vào thử một, hai tiệm nhỏ bán quần áo, nhưng vừa bước vào là lập tức khiến cho chủ hiệu nghi ngờ và tìm đủ mọi cách tránh né không bán hàng cho trong lúc con khẩn cấp muốn thay đổi quần áo. Bộ đồng phục mà con mặc vào không suy nghĩ xem ra trút bỏ cũng khó chẳng kém gì chiếc kim cô của, cha có nhớ không, của con khi mà con quên mất tên rồi...

"Phải, phải, cha nhớ rồi. Rồi sau ra sao con hãy kể nốt đi", vị giáo sĩ thúc giục.

"Con nhận ra chừng nào mà con chưa trút bỏ được cái bộ quần áo nguy hiểm ấy thì con không thể đến gặp cảnh sát được. Con chỉ lấy làm lạ là không ai tìm cách bắt con vì con thừa biết họ ngờ vực, theo dõi con từng bước như hình với bóng. Họ nhìn con chầm chập, thích cánh nhau, thì thào và có khi còn nói đổng: "Chính nó đấy" mỗi khi thấy bóng con. Và bất cứ một hiệu ăn tồi tàn nào hễ con bước chân vào là lập tức có một đám đông hiếu kỳ thập thò, ngấp nghé. Con bắt đầu thông cảm nỗi lòng của những nhân vật trong hoàng gia mỗi khi đi mua sắm gì phải chịu đựng sự săn đón của quần chúng không sao cản nổi. Cái vụ âm thầm săn đuổi đó, nó đè nặng lên tinh thần con còn hơn là một thái độ thù nghịch công khai nhưng không ai tìm cách ngăn cản sự tự do của con. Mãi sau con mới hiểu vì sao. Trong thời gian xảy ra vụ án mạng trên con đường vắng vẻ đó thì trong vùng lân cận có nhiều vụ án quan trọng cần đến chó săn và người ta đã thả vài chục con chó được huấn luyện đi tìm dấu vết hung thủ tức là con. Một trong những tờ báo phục vụ cho công lợi nhiều nhất ở Luân đôn đã treo một giải thưởng lớn cho người nào làm chủ cặp chó tìm ra được hành tung con và cả nước xôn xao đánh cuộc xem ai sẽ giật giải. Chó săn được thả khắp mười ba tỉnh và mặc dầu nhất cử nhất động của con ai cũng biết, cảnh sát cũng như dân chúng, nhưng tinh thần thượng võ của cả nước đã ngăn không để cho con bị bắt sớm. "Phải để cho lũ chó có cơ hội chứ" đó là ý nghĩa của phần đông khi một viên cảnh sát địa phương nào có tham vọng chấm dứt cái tình trạng ngoài vòng pháp luật của con. Cuối cùng con bị một cặp chó bắt nhưng chẳng có gì lạ, đúng sự thực, con chắc chắn chúng không để ý đến con nếu con không vuốt ve và nói chuyện với chúng, nhưng vụ này cũng khiến dư luận hết sức sôi nổi. Người chủ cặp chó xếp hạng nhì, hụt giải là một người Mỹ, ông ta đệ đơn kiện rằng cặp chó đoạt giải đã lai giống rái cá sáu đời trước, và giải thưởng đặt ra là dành cho một cặp chó săn nào bắt được hung thủ, loại chó săn lai một phần sáu mươi tư máu của rái cá không thể coi là chó săn chính cống được. Con cũng không nhớ câu chuyện sau kết liễu ra sao nhưng nó gây ra rất nhiều tranh luận gắt gay ở cả hai bên bờ Đại Tây dương. Con cũng có góp phần trong vụ này nhưng chỉ là để vạch ra rằng vấn đề chính không phải chỗ ấy, rằng hung thủ thực thì vẫn chưa bắt được, nhưng con khám phá ra ngay rằng về điểm này thì quần chúng cũng như các chuyên gia đều nghĩ giống hệt nhau. Trước con lo ngại khi chứng minh thân thế sẽ phải đưa ra những lý do bất tiện, con phát giác rất nhanh rằng cái bất tiện nhất trong vụ này là con không thể chứng minh được con là con. Khi nhìn vào gương bắt gặp một vẻ mặt hốc hác, nhớn nhác, sợ hãi mà kinh nghiệm sống của mấy tuần qua đã in hằn dấu vết lên khuôn mặt trước kia bình thản của con,

con không còn lấy làm lạ thấy một số bạn hữu và thân thuộc không nhận ra con, cứ khăng một mực nói rằng con chính là nạn nhân đã bị giết trên con đường vắng đó. Tệ hơn nữa, tệ không thể tưởng tượng được là một người cô của nạn nhân, một mụ đàn bà đáng sợ, rõ ràng thuộc loại trí tuệ thấp kém đã chứng nhận con là cháu mụ, và còn kể lể thêm thắt với nhà chức trách những hành vi trụy lạc thời niên thiếu của con và những cố gắng đáng khen của mụ mỗi khi dùng roi vọt để bắt con trở lại con đường ngay. Con nhớ hình như là người ta còn đề nghị tìm cả di chỉ của con nữa."

Vị giáo sĩ ngắt lời: "Nhưng mà cái học vấn của con..."

"Đây mới là điểm chính, cái học không chuyên môn của con đã hại con. Cái ông trưởng toán hội Từ thiện mà con đã dại dột đánh cắp thân phận, vốn chỉ có một cái vỏ học thức rẻ tiền. Kể ra chứng minh học thức của con khác hẳn không khó gì, nhưng vì nóng nảy con đã vụng về làm hỏng tất cả những cuộc trắc nghiệm. Cái vốn tiếng Pháp nhỏ bé của con đã bỏ rơi con, con không thể nói nổi một câu giản dị tầm thường như "quả phúc bồn tử (*gooseberry*) của người làm vườn" vì con không nhớ "phúc bồn tử" tiếng Pháp là gì.

Viên giáo sĩ bứt rứt cựa quậy trên ghế. Người tử tù kể tiếp: "Thế rồi đến giai đoạn kinh hoàng sau cùng. Ở làng con chúng con có lập một câu lạc bộ nhỏ để họp nhau thảo luận. Con nhớ đã có lần hứa, đại khái là để làm vui lòng và lác mắt cô vợ viên bác sĩ, là con sẽ nói chuyện về vụ khủng hoảng ở Balkan. Con định bụng sẽ thu thập tài liệu trong một, hai cuốn sách thông dụng và một số báo chí. Viên khởi tố cẩn thận ghi chép rằng cái người mà con nhận là mình là một người tương đối có thẩm quyền ở địa phương về những vấn đề Balkan, và giữa những câu hỏi dồn dập về nhiều vấn đề khác viên luật sư đã tai quái bất chợt hỏi con có thể nói cho Tòa biết *Novibazar* ở đâu? Con biết đấy là một câu hỏi then chốt, có cái gì trong con nhắc con là nó ở Saint Petersburg hay ở Baker Street. Con ngập ngừng, nhìn một cách tuyệt vọng trong cái biển người lô nhô đang ngóng đợi câu trả lời của con rồi thu hết can đảm là ở Baker Street. Nói xong là con biết ngay là hớ. Viên khởi tố chứng minh không khó khăn gì rằng một người, dù chỉ biết sơ qua vấn đề Cận Đông, không thể nào lại tự tiện lại di chuyển *Novibazar* ra khỏi địa phận quen thuộc của nó trên bản đồ. Đây là một câu trả lời mà viên trưởng toán hội Từ thiện có thể nói ra và chính miệng con đã thốt ra câu này. Rõ ràng viên trưởng toán hội Từ thiện có liên quan đến vụ sát nhân, và con đã khiến người ta tưởng lầm chính con là viên trưởng toán hội Từ thiện ấy, không có cách nào gỡ ra được. Thế rồi có tin là con sẽ bị treo cổ trong mười phút nữa để đền tội con đã giết con, một vụ sát nhân không hề xảy ra và dù sao con

cũng hoàn toàn vô can."

Khi viên giáo sĩ trở về nhà, mười lăm phút sau lá cờ đen bay phấp phới trên ngọn tháp của ngục thất. Bữa điểm tâm đã dọn sẵn trong phòng ăn nhưng giáo sĩ đi thẳng vào phòng đọc sách lục tìm cuốn địa đồ thế giới *Times Atlas* xem bán đảo Balkan nằm ở đâu. "Một chuyện như thế có thể xảy ra với bất cứ một ai." Giáo sĩ vừa nói vừa gấp mạnh cuốn *Atlas* lại. ❑

Chú thích

Camoens (thế kỷ thứ 16) là một thi sĩ nổi tiếng của Bồ Đào Nha.

Romney (cuối thế kỷ thứ 18) là một họa sĩ nổi danh vẽ chân dung của Anh quốc.

Saint Petersburg tức thành phố Leningrad ở Nga thời Cộng sản, nay đã trở lại tên cũ thời Nga hoàng.

Baker street là một phố sang nằm ở trung tâm Luân đôn.

Stella van der Loopen và *Novibazar* có lẽ là những tên do Saki bịa đặt ra. Vì "baza" có nghĩa là một hiệu tạp hóa nên nạn nhân mới đặt nó nằm ở Baker Street

THÔNG BÁO CỦA NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

Trên thị trường sách báo tại hải ngoại, hiện đã có bán cuốn **HƠN NỬA ĐỜI HƯ** hồi ký của nhà văn Vương Hồng Sển, do một nhà xuất bản ở hải ngoại chụp in lại nguyên văn một bản in ở trong nước. Bản in này đã bị chính quyền Cộng sản Việt Nam kiểm duyệt bỏ hơn 100 trang rải rác trong nhiều chương, khiến tác giả hết sức phiền bực.

Nhà văn Vương Hồng Sển đã gửi toàn văn bản thảo cho Nhà Xuất Bản Văn Nghệ, **với giấy ủy quyền dành độc quyền** cho nhà Văn Nghệ in toàn văn cuốn **HƠN NỬA ĐỜI HƯ**.

Nhà xuất bản Văn Nghệ **đã trả tác quyền cho tác giả, đã xin Copyright** tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ số 94 - 73998, và số nạp bản ISBN - 886566 - 02 - X.

Nếu quí bạn đọc muốn có một tác phẩm hồi ký giá trị và đầy đủ của nhà văn lão thành Vương Hồng Sển, xin đợi đọc **HƠN NỬA ĐỜI HƯ** do Nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành nay mai.

December, 7-94

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301 Westminster, CA. 92683
Phone : (714) 527-5761

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

- **Hội nghị Văn Bút Quốc tế tại thủ đô Tiệp khắc**

Hội nghị Văn bút Quốc tế năm nay được tổ chức tại Praha thủ đô Tiệp Khắc từ 6.11 đến 12.11.1994, chủ đề thảo luận của hội nghị là "Văn chương và Sự Khoan Dung". Chủ đề ấy thật thích hợp với thực trạng chính trị một quốc gia vừa thoát khỏi chế độ cộng sản như Tiệp, nhất là vị nguyên thủ quốc gia ấy là Havel, một kịch tác gia từng bị tù tội vì tranh đấu cho tự do và nhân phẩm.

Phái đoàn Văn bút Việt Nam hải ngoại do nhà thơ Viên Linh dẫn đầu gồm có nhà văn Nguyễn Sỹ Tế, nhà thơ Cung Trầm Tưởng, nhà văn Phạm Việt Tuyền, nhà thơ nữ Cao Mỵ Nhân, nhà thơ Đỗ Kh., và Cựu Đại tá Trần Ngọc Nhuận, phát ngôn viên Anh ngữ của phái đoàn.

Ngoài việc tham dự vào chương trình chung do nước tổ chức đại hội chuẩn bị sẵn, Văn bút Việt Nam hải ngoại đã vận động và được đại hội thông qua một nghị quyết đòi chính quyền Việt Nam phải tôn trọng tự do và nhân phẩm của người cầm bút, đặc biệt là đối với những văn nghệ sĩ hiện bị giam giữ vì quyền tự do tư tưởng và phát biểu của họ.

- **Tin vui trong làng văn nghệ**

Giới hội họa hải ngoại mừng đón hai họa sĩ vừa từ Việt Nam sang định cư tại Hoa Kỳ, đó là họa sĩ Nguyễn Phước, và họa sĩ Rừng. Rừng là bút hiệu của anh Nguyễn Tuấn Khanh, một nhà văn trước 1975 thường có những truyện ngắn đặc sắc đăng trên Văn, Bách Khoa, với bút hiệu Kinh Dương Vương. Hiện Kinh Dương Vương đang định cư tại thành phố Portland, tiểu bang Oregon.

Văn Học cũng vừa bắt được

liên lạc với một nhà thơ khác, đến Hoa Kỳ hơn bảy tháng, định cư ở Seattle: nhà thơ Phan Lạc Giang Đông. Những đợt H.O. đưa nhiều nhà văn nhà thơ cũ của miền Nam sang Hoa Kỳ mỗi ngày mỗi đông. Hy vọng một làn gió mới sẽ thổi vào sinh hoạt văn chương vốn trì trệ rã rời ở hải ngoại từ vài ba năm trở lại đây.

Từ trong nước, cũng có những tin vui: nhà thơ Mai Trung Tĩnh đã được phóng thích trước hạn tù bốn tháng, không phải do lượng khoan hồng của Nhà nước mà do sức khoẻ của nhà thơ suy yếu. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã hoàn tất thủ tục cuối cùng để sẵn sàng sang Hoa Kỳ theo diện đoàn tụ gia đình. Khi sang, gia đình Doãn Quốc Sỹ sẽ định cư tại thành phố Houston, là nơi con trai của nhà văn lâu nay định cư.

• Sách bán chạy tại Nam Hàn

Tiểu thuyết *The Rose of Sharon Has Blossomed* với nội dung chống chính phủ Nhật đã trở thành cuốn sách bán chạy nhất tại Nam Hàn.

Lần xuất bản đầu vào tháng Tám, 1993 sách đã bán hơn 4 triệu ấn bản. Một cuốn phim dựa trên nội dung cuốn truyện cũng đã được thực hiện với phần phụ đề Nhật ngữ.

Nhật báo *Herald* của Nam Hàn cho rằng cuốn tiểu thuyết nói trên đã được công chúng hưởng ứng nồng nhiệt là do nó được xuất bản vào thời điểm xảy ra cuộc khủng hoảng đối với chương trình phát triển vũ khí nguyên tử của Bắc Hàn. Đặc biệt khi Bắc Hàn cho biết Nhật Bản có thể là mục tiêu chính yếu đối với các cuộc tấn công nguyên tử của Bình Nhưỡng.

Một tiểu thuyết khác mang tên *There Is No Japan* cũng với nội dung chống lại chính quyền Nhật Bản đã bán được một số lượng đáng kể, và được xếp trong danh sách các tựa sách bán chạy nhất tại Nam Hàn: 1 triệu cuốn trong năm ngoái. Cuốn sách này lên án Nhật Bản trong lãnh vực đạo đức và tinh thần dân tộc. Tác giả đã bác bỏ vai trò kiểu mẫu của Nhật Bản trong lãnh vực phát triển kinh tế, cũng như cho thấy thái độ kỳ thị của dân Nhật đối với các dân tộc thuộc các quốc gia Á châu khác, tương phản với thái độ thân thiện của Nhật đối với các sắc dân da trắng.

Đặc biệt bản tin trên không cho biết tên các tác giả của các tác phẩm nói trên.

• Marlon Brando và "Những Bài Ca Mẹ Tôi Đã Dạy"

Đại tài tử điện ảnh Marlon Brando, người diễn viên xuất sắc trong các phim *Sur Les Quais, Un Tramway Nommé Désir, Godfather*...vừa cho ra đời tác phẩm tự truyện mang tên *Những Bài Ca Mẹ Tôi Đã Dạy*. Cuốn sách cho thấy một phần sự thật về cuộc đời và nghề nghiệp của một người làm

điện ảnh nổi tiếng ngay khi mới vừa 24 tuổi. Marlon Brando viết: "Nếu một hãng phim nào trả tôi một số tiền bằng tiền đóng phim mà chỉ để ...quét nhà, thì tôi sẽ làm ngay nghề quét nhà!" Con người coi trời bằng vung Marlon Brando cho biết cả giới điện ảnh Hollywood chẳng có gương mặt nào đáng cho ông khâm phục, trừ một người: Elia Kazan. Elia Kazan là tác giả những cuốn tiểu thuyết nổi tiếng: *The Arrangement, America! America!...*, những cuốn sách đã được dựng thành phim và chính Elia Kazan cũng là một đạo diễn điện ảnh nổi tiếng. Trong tự truyện này, Marlon Brando tiết lộ một *bí mật*: ông là người tình sớm nhất của Marilyn Monroe. Nói chung, qua tự truyện *"Những Bài Ca Mẹ Tôi Dã Dạy"*, Marlon Brando cho thấy tất cả chỉ là tiền, tiền và tiền. Ngay cả lý do ra đời của cuốn tự truyện này. "Tiền! Harry Havans đề nghị tôi viết cuốn này vì hắn muốn kiếm tiền bằng mọi cách. Hắn làm nghề...điếm! Tôi cũng là một tên điếm!" Cuốn tự truyện *Những Bài Ca Mẹ Tôi Dã Dạy* mang đến cho Marlon Brando 6 triệu đô la. Tạp chí Pháp, *Evènement du Jeudi*, gọi thẳng đây là một cuốn sách "trân tráo". Liệu người đọc có tìm ra được chút chân thực nào trong tác phẩm trân tráo này không?

• Cuốn Hồi ký ...nặng ký của Brigitte Bardot!

Nếu cuốn tự truyện của Brando mang về cho tác giả 6 triệu đô—cao hơn cuốn hồi ký của *con gấu sa mạc*, tướng Schzwarkoff, "chỉ" được 5 triệu đô—thì cuốn hồi ký sắp ra lò của B.B. có thể lên đến 20 triệu đô. Đây có thể sẽ là cuốn sách đắt nhất thế giới trong năm 1995. Cuốn này có 3 đặc điểm:

1. Đã được quảng cáo cách đây...20 năm, khi *nàng* mới 40 tuổi.

2. Dày tới cả ngàn trang.

3. Sẽ tung ra những bí mật liên quan đến những "nhân vật" từng có thời "ăn nằm" với B.B.

Cuốn hồi ký này đã hoàn tất khi *nàng* vừa 60 tuổi (28 tháng Chín,1994), nhưng các cuộc thương lượng giữa tác giả và các nhà xuất bản lớn nhất thế giới vẫn chưa xong. Một cuộc họp kéo dài 5 ngày —từ 5 đến 10 tháng Mười, 1994 vừa qua tại Frankfurt—mới đi đến một thoả thuận. Tuy nhiên chưa ai biết nội dung của cuộc thương lượng ra sao.

Trong khi đó, B.B.tuyên bố: "Tất cả với tôi bây giờ là...bảo vệ súc vật, vì chúng bao giờ cũng chung thủy hơn...con người! Chúng không bao giờ để ý đến những nếp nhăn trên mặt tôi...Với những người tôi yêu, tôi là kẻ luôn luôn bị phản bội!"

• Giải Văn chương Tây Ban Nha năm 1994

Hai nhà văn Tây Ban Nha, Camilo José Cela và Jorge

Semprun vừa đoạt hai giải văn chương lớn trong năm 1994.

Jorge Semprun với tác phẩm *Cuộc hành trình dài ngày* (1963) được nghiệp đoàn các nhà xuất bản Đức trao giải Hoà bình 1994.

Camilo J. Cela đoạt giải Planeta của nhà xuất bản Planeta. Đây là giải thưởng cao giá nhất của Tây ban Nha. Tiền thưởng lên đến 385,000 Mỹ kim. Tác phẩm đoạt giải năm nay là cuốn *Thập tự giá của Thánh Andrew*. Năm ngoái, giải này trao cho nhà văn Peru, Mario Vargas Llosa, với tác phẩm *Lituma in the Andes*.

Năm nay Mario Vargas Llosa lại đoạt giải văn chương cao quí nhất của Tây Ban Nha, giải Cervantes.

• Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp mở "nhà hàng"

Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, tác giả *Tướng hồi hưu* vừa mở nhà hàng. Một bài viết của ông Huỳnh Dũng Nhân trên tờ *Kiến thức Ngày nay*, phát hành tại Saigon cho biết như trên. Nhà hàng có tên là Hoa Mai, ở đầu cầu bắc Chương Dương. Địa điểm của nhà hàng rất đặc biệt. Theo lời người viết thì địa chỉ *nhà hàng* của Nguyễn Huy Thiệp có phần quanh co một chút. Trước hết phải "qua cầu Chương Dương lối 50 mét, có lối rẽ vào xứ gốm Bát Tràng. Con đường này dọc bờ đê Sông Hồng, hay chính nó là bờ đê cũng không nhớ nữa. Đất ở vùng này đang có giá, nghe đâu bốn năm chỉ vàng một mét vuông. Nhà của Nguyễn Huy Thiệp ở ngay góc đường, ôm xuống mặt đường năm bảy mét. Có hai lối vào. Lối trên đường nhựa cho khách đến lần đầu phải dựa vào số nhà mà tìm, từ đây phải bước dăm chục bậc thang mới xuống tới quán. Lối đi thứ hai vòng đằng bờ đê, dành cho khách đã thuộc đường đi lối về, có thể dắt thẳng xe vào tận nơi."

Một câu nói đáng suy gẫm của Nguyễn Huy Thiệp: "Mình có lẽ phải thôi cái nghề *nhà văn* để làm cái nghề *nhà hàng* một thời gian mới được."

Quý vị cầm bút hải ngoại nghĩ sao?

• Hoàng Hải Thủy không "làm hài lòng" người phỏng vấn

Nhà văn Hoàng Hải Thủy hôm 21 tháng Mười Một vừa qua đã trả lời một cuộc phỏng vấn do Đài Washington Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn thực hiện.

Trả lời câu hỏi về tình hình văn nghệ và báo chí trong nước, ông cho rằng ông không thể "làm hài lòng" người hỏi được bởi vì "văn nghệ báo chí đó không phải là của tôi. Tôi không muốn nói gì về nó cả. Tôi không muốn nói nó có cái gì tốt, có cái gì xấu."

Đáp một câu hỏi là "thật sự có một thay đổi nào ở Việt Nam

không", Hoàng Hải Thủy trả lời có, có nhiều về mặt kinh tế, còn sự ảnh hưởng đến chế độ độc tài hiện nay thì phải dài dòng chứ không thể nào vắn tắt được.

Đối với câu hỏi về văn nghệ sĩ phản kháng trong nước và đặc biệt về Dương Thu Hương, nhà văn Hoàng Hải Thủy cho biết ông khó trả lời. Ông nói: "Tất nhiên là tôi phải kính phục những văn nghệ sĩ phản kháng trong nước chứ! Vì họ đã dám làm những việc mà nhiều người không dám làm, và họ đã làm theo lương tâm của họ. Thực hay giả, tôi không có đủ điều kiện để biết được. Chỉ thấy người nào mà ở tù kịch liệt, hay là chết trong tù, vì chống đối chế độ, đó là những người thực. Còn những người giả thì làm sao mà biết được. Ảnh hưởng của họ đối với quần chúng rất ít. Dân chúng không được biết những người nào ở tù, và những người tù đã làm gì. Dân chúng đa số lo sinh kế...Còn về câu hỏi tôi nghĩ thế nào về bà Dương Thu Hương thì tôi xin nói là tôi không nghĩ gì về bà này hết. Bà Dương Thu Hương không ảnh hưởng gì với tôi cả."

- **Dương Thu Hương ở Paris. Hồi hai**

Trên Văn Học số 104 chúng tôi có ghi một vài sinh hoạt trong những ngày đầu của nhà văn Dương Thu Hương tại Paris. Mới đây chúng tôi lại vừa nhận thêm một bản tin từ Paris cho biết một buổi nói chuyện thứ hai của bà vào chiều thứ Hai 7 tháng Mười Một tại Đại Học Paris VII.

Sở dĩ có buổi nói chuyện này là vì buổi nói chuyện trước, các thính giả bên ngoài Đại học đã đặt những câu hỏi lấn áp phần của các sinh viên theo học lớp Văn chương Việt Nam. Thế nên trong buổi nói chuyện lần này, giáo sư Đặng Tiến đã yêu cầu các thính giả ngoài chương trình dành ưu tiên cho các sinh viên và tôn trọng đề tài *Dương Thu Hương: Tác giả và Tác phẩm* .

Các sinh viên đã đặt những câu hỏi về trình độ học vấn, kinh nghiệm sáng tác thuần túy văn chương, về quá trình hình thành một tác phẩm, về phương pháp sáng tác, hoàn cảnh sáng tác, mức độ thực hiện tính nghệ thuật, sự trau chuốt văn phong khi viết và sau khi viết, v.v... Nói chung thì các câu hỏi chứng tỏ người đọc đã mổ xẻ, phân tích khá kỹ từ bố cục đến nội dung và văn phong của mỗi tác phẩm. Và những thắc mắc được nêu ra là do cảm tưởng cho rằng những tác phẩm của bà đã được viết hơi vội vã, bố cục có vẻ lỏng lẻo, văn phong có vẻ dễ dãi, nên nhiều khi chữ nghĩa dư thừa và có nhiều hạt sạn. Nhà văn Dương Thu Hương cho biết từ nhỏ khi đi học cho đến khi trưởng thành, bà không hề có ý định nghiên cứu văn chương hay văn học. Mộng tuổi trẻ của bà là trở thành một nhà thể thao. Rồi khi được đi học các chương trình đào

tạo cũng là học các ngành nghề khác. Tuy vậy bà cũng tìm đọc để giải trí một số tác phẩm hiếm hoi có được trong lúc ấy là mấy cuốn sách của các tác giả Việt Nam và Liên Xô. Sau 1975 vào Sài Gòn bà được đọc một số bản dịch của các tác phẩm khác của các nước Anh, Đức, Mỹ và của các tác giả miền Nam trước năm 1975. Những tiếp thu của bà hoàn toàn có tính cách giải trí và tự học, không hề có dự tính là sẽ viết văn "để trở thành một nhà văn lớn hay nhỏ." Bà Dương Thu Hương nhấn mạnh rằng viết đối với bà là một phương cách tranh đấu. Bà không đi tìm danh vọng của một nhà văn, bà viết mà không trau chuốt văn phong. Viết một cách tự nhiên thôi.

Về hoàn cảnh viết và sáng tác, Dương Thu Hương kể ra các trường hợp cụ thể. Khi thì bị đe doạ, khi thì bị trù dập, có cả trường hợp bị mưu toan mua chuộc. Chính ông Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh lúc đó đã chửi bà "Con đĩ chống Đảng!" (nguyên văn). Sau đó thì lại làm lành và tỏ ý qua nhà văn Giang Nam muốn mời bà tới để nói chuyện thông cảm. Sau lại hứa sẽ cấp cho bà biệt thự, và đề nghị cho bà đi "tham quan nước ngoài." Nhưng bà đã khước từ những lời mời và những đề nghị ấy.

Dương Thu Hương nói:"Tôi không tranh đấu cho tôi. Tôi đã quá già để ham hố những cái người ta ham hố. Những điều tôi làm không phải vì tôi. Nếu vì tôi thì tôi đã rời nước Việt từ lâu để sống ở nước ngoài."

Bà cho biết bởi thái độ ấy mà lúc trước khi có Đại hội Nhà văn, người ta đã tổ chức gây tai nạn để ám hại bà. Nhưng nhờ hai người bạn cũ từng chiến đấu chung với bà đã cứu thoát bà khỏi tai nạn. Rồi sau đó khi viết xong mấy cuốn sách có tính cách tranh đấu quyết liệt thì bà bị bắt.

Trả lời thắc mắc của một thính giả rằng theo tin báo chí thì bà chỉ bị giữ lại phòng khách Bộ Nội vụ, Dương Thu Hương nói: "Luận điệu cho rằng tôi chỉ ở nhà khách thôi là luận điệu của ông thiếu tướng Quan Phòng. Tin đó quả có in lên báo chí, phổ biến đến từng chi bộ Hà Nội và các thành phố lân cận. Cùng với tin đó, nó còn nói tôi là người làm gián điệp bán tài liệu quốc gia cho nước ngoài. Tụi nó nói rằng tôi là người đàn bà trụy lạc, làm tình trên cạn, dưới nước, các kiểu với Việt kiều B.D.T. Và với chương trình phổ biến ấy, ông ta có triệu tập hai hội nghị lớn, một ở Phòng Xã hội. Ông ta nói :" Hiện giờ nó đang ở trong nhà khách, nhưng nếu nó bướng thì cho nó vào nhà giam cho bọn hình sự nó hiếp." Nhưng trong thực tiễn thì tôi biết là người ta bắt tôi và đưa thẳng tới nhà tù Thanh Điệp. Tôi không biết nhà khách đó ở đâu cả."

Trả lời câu hỏi lúc đó giới văn học [Hà nội] có ủng hộ bà không, Dương Thu Hương nói: "Lúc đó

giới văn học không ủng hộ tôi. Bởi vì những con người, những nhà văn trong chế độ ấy hèn mọn lắm. Họ không có tư cách gì cả. Ngoài ra, còn có một nhà văn lên trên đài để cám ơn Nhà Nước đã đối xử thẳng tay với kẻ đã chống chủ nghĩa xã hội. Một nhà văn nữ khác ở trong Ban Chấp Hành Hội Nhà văn bây giờ đã viết trên báo Nhân Dân rằng "Có những kẻ đã lợi dụng đổi mới để quất vào lưng Đảng, cho nên thái độ của Đảng như vậy rất là xứng đáng." Vì nhân cách hèn hạ như thế cho nên tôi nghĩ chẳng nên ở trong cái Hội Nhà văn ấy làm gì. Vì tôi nghĩ một hội đoàn trước tiên phải là hội đoàn tương trợ, vì thế khi ra tù tôi viết giấy xin ra khỏi cái Hội Nhà văn ấy!"

Về tình hình văn hoá, bà Dương Thu Hương cho biết đang ở trong "tình trạng phân hoá. Số người thật sự làm văn hoá rất hiếm. Thị trường sách rất loạn, có chăng là loại sách rẻ tiền nói về bạo lực, về sex, về tình dục hạ cấp. Điều đó không có gì là lạ. Tâm thức nô lệ là tâm thức rất khó thay đổi. Nó phải chờ thời gian bằng một sự đột biến lớn trong đời sống tinh thần của xã hội để thay đổi. Và những kẻ có tâm thức nô lệ thì luôn luôn phải tìm ra một ông chủ. Nếu họ không có Đảng, không có Nhà nước thời họ phải tìm đến một ông chủ mới, tức là đồng tiền. Trong tình hình thị trường sách như vậy, thẩm mỹ của con người, của người đọc cũng méo đi. Trông chờ một sự thay đổi trong xã hội là một hoang tưởng, một ảo tưởng...Nhưng tôi vẫn luôn luôn có một ảo tưởng như vậy...."

Rốt cuộc bài nói chuyện văn chương của Dương Thu Hương đã trở thành một bài nặng về chính trị. Một câu hỏi nêu ra: liệu Dương Thu Hương, qua những buổi nói chuyện tại Pháp—như được ghi nhận trên đây—có dự định chọn đất Pháp làm quê hương thứ hai?

Câu hỏi đặt ra chưa có câu trả lời (hay đã có?), khi chính phủ Pháp mới đây trao tặng Đệ Ngũ Đẳng Nghệ Thuật và Văn hoá Bội tinh cho nhà văn Dương Thu Hương, bất chấp sự phản kháng của Bộ Trưởng Văn hoá CSVN Trần Hoàn. Thế là ngoài số huân chương "đánh Mỹ cứu nước," Dương Thu Hương nay lại có thêm một chiếc "mề đay," lần này là thứ thiệt của Tây chứ chẳng phải chơi!

Theo tin Chữ Bá Anh thuật lại, trưa thứ Ba ngày 12 tháng 12 năm 1994, tại phòng Khánh tiết Bộ Văn hoá, trước sự hiện diện của khoảng 100 khách chọn lọc, gồm những người trong văn giới và quan khách Việt Pháp, ông Jacques Toubon, Bộ trưởng Bộ Văn Hoá Pháp đã long trọng gắn Đệ Ngũ đẳng Nghệ thuật và Văn hoá Bội tinh (Chevalier de l'Ordre des Arts et des Lettres) cho nhà văn Dương Thu Hương.

Theo tin AFP thì việc trao tặng Văn Nghệ Bội tinh cho Dương Thu Hương đã gây căng thẳng giữa Việt

Nam và Pháp, vì phía chính phủ Việt Nam—qua văn thư của Bộ trưởng Bộ Văn hoá Trần Hoàn—đã mạnh mẽ phản đối việc chính phủ Pháp khen thưởng bà Dương Thu Hương, nhưng bộ Văn Hoá Pháp đã không cứu xét bức thư phản kháng và vẫn giữ quyết định trao tặng bội tinh cho nhà văn này.

• Nhà văn Trương Quốc Dũng: Salman Rushdie Việt Nam?

Chúng ta đã từng biết chuyện Nhà nước Hồi giáo Iran lên án tử hình nhà văn Salman Rushdie vì tội dã viết *Quỷ Thi*, chúng ta cũng từng nghe Đảng Hồi giáo trọng căn ở Bangla Desh kêu gọi hạ sát bà Taslima Nasreen, tác giả cuốn tiểu thuyết *Lajja (Ô Nhục)*, có lẽ chúng ta cũng nên biết thêm một chuyện tương tự gần với chúng ta hơn: Trương Quốc Dũng và truyện ngắn "Đường Tăng"ở Việt Nam. Chúng tôi nói tương tự bởi vì tác giả Trương Quốc Dũng không bị lên án tử hình và truyện "Đường Tăng" không bị *loại bỏ vĩnh viễn*. Thế nhưng về bản chất, Trương Quốc Dũng chẳng khác nào Salman Rushdie.

"Đường Tăng" là tên một truyện ngắn, rất ngắn, của Trương Quốc Dũng, được giải nhất đồng hạng với truyện "Hoa Muộn"của Phan Thị Vàng Anh trong cuộc thi sáng tác *truyện rất ngắn* do tạp chí *Thế Giới Mới* tổ chức. Hai truyện này đã được Nhà Xuất bản Hội Nhà Văn in và ra mắt vào tháng Tám, 1994 với nhan đề *40 Truyện Rất Ngắn*

Ngày 4 tháng Mười, 1994, ông Trần Hoàn, Bộ trưởng Văn hoá-Thông tin của Nhà nước VNCS ký quyết định *"ngừng phát hành cuốn sách 40 truyện rất ngắn (...) vì trong đó có truyện Đường Tăng mà nội dung vi phạm chính sách tôn giáo và đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà Nước."* Mặt khác trong một văn thư chính thức đề ngày 6 tháng Mười, 1994, Thượng tọa Thích Trí Quảng, phó ban thường trực Thành hội Phật giáo Thành phố HCM cũng kết tội truyện ngắn "Đường Tăng" là *vi phạm giáo lý Phật giáo*, việc sáng tác, trao giải và xuất bản *gây xôn xao dư luận, tạo điều kiện phát sinh sự bất ổn, kẻ xấu có cơ hội lợi dụng, xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà Nước, dẫn đến những hậu quả không lường được.*

"Đường Tăng" bỗng nhiên trở thành *Quỷ Thi*. Lạ thay, thế giới này quả thật nhỏ bé để những cái đầu nhỏ bé dễ gặp nhau!

• Truyện Bảo Ninh và Phạm Thị Hoài trên *Le Nouvel Observateur*

Cũng liên quan đến các nhà văn Việt Nam, nhân dịp kỷ niệm 30 năm (1964-1994) thành lập tuần báo *Le Nouvel Observateur*, Tổng Biên tập tuần báo này là ông Jean Daniel, một ký giả lão thành, đã có sáng kiến mời các nhà văn của

một số nước trên thế giới mỗi vị góp một bài kể lại một ngày đáng ghi nhớ của mình. Kết quả thật bất ngờ: có 240 nhà văn từ các nước gửi bài tham dự. Thành ra Ban Tổ chức đã phải ấn hành một giai phẩm đặc biệt mang tên *Giai Phẩm Người Quan Sát Mới, Sinh Nhật 30 tuổi.* Một tập san khá dày để đăng tải hết những bài ký một ngày của mỗi nhà văn. Giai phẩm này hiện đã được bán với giá 99 Francs một tập ở Pháp. Riêng Việt Nam thì có nhà văn Bảo Ninh góp bài và được đăng. Thực ra thì có hai nhà văn Việt Nam có bài, vì nhà văn Phạm Thị Hoài cũng có gửi bài viết bằng Đức ngữ, nên được xếp trong khu vực nhà văn Đức, tuy bà cũng được giới thiệu là nhà văn Việt Nam đang sống ở Đức.

Một ngày của Bảo Ninh—ngày 29 tháng Tư—là một ngày của đời thường, với những chi tiết rất thường của hôm ấy, ngày đoàn xe lửa xuyên Việt phấn đấu tăng tốc độ lên, chỉ cần 36 giờ để nối liền Hà Nội và Sàigòn, thay vì 48 giờ như trước đây. Và nhờ thành tích ấy, đoàn tàu đã đạt được tốc độ vốn có từ năm 1930. Thật là mỉa mai, sau 64 năm, khoa học kỹ thuật của Việt Nam đã đi giáp vòng! Chuyện này cũng như việc Bảo Ninh phải phấn đấu xách nước lên lầu cho đủ dùng mỗi ngày. Và sau khi đã đủ số lượng nước ấy thì vất vả mệt nhọc, nhưng lấy làm sung sướng hạnh phúc, cái thứ hạnh phúc rất khiêm tốn ấy đã giúp con người vượt bao khó khăn thử thách hằng ngày.

Còn một ngày của Phạm Thị Hoài diễn ra ở một khu dân cư trong thủ đô Berlin, bận bịu lo cho gia đình, lo lắng vì sinh hoạt đắt đỏ, lo cho đứa con mới lớn, rồi lại còn phải vất vả dành thời giờ sửa lại bản thảo tác phẩm viết ra từ lâu ở Việt Nam, nhưng không được xuất bản. Nhưng nay có sửa chữa thì cũng phải viết lại cả một chương vì bản gốc đã thất lạc. Và người đọc ở phương Tây có dịp cảm thông với số phận con người như Bảo Ninh, như Phạm Thị Hoài, lăng xăng vất vả cho cuộc sống của một đời thường, mà số phận của họ cứ bị gắn liền một cách tự nhiên và hữu cơ với số phận của quê hương của họ.

• Giải thưởng Booker, 1994

Giải Booker, một giải thưởng văn học quan trọng của Anh, năm nay trao cho James Kelman, với tác phẩm *How Late It Was, How Late.* Ngay sau khi tin này được loan ra, giới văn học Anh đã lên tiếng phản đối. Giáo sĩ Do thái giáo Julia Neuberger, thành viên của ban chấm giải, tuyên bố là tác phẩm quá tệ, và việc phát giải cho cuốn tiểu thuyết này là một sự "sỉ nhục." Simon Jenkins, bình luận gia thủ cựu của tờ *The Times of London* gọi việc cấp giải thưởng cho cuốn truyện này là một sự "phá hoại văn học"(literary vandalism). Nhiều nhà phê bình còn cho là

cuốn sách lẽ ra phải bị loại vì ngôn ngữ thô tục của nó.

Trong khi đó, giới xuất bản và sáng tác Anh lại hợp lực tìm cách chống đỡ những sự công kích kể trên. Trong buổi lễ phát giải, Kelman xuất hiện trong bộ y phục đại tiệc màu đen lên tiếng biện hộ bằng một giọng nói đặc thổ âm Tô cách lan. Ông nói: "Từ lòng sùng thượng trí thức đến sự kỳ thị chủng tộc, khoảng cách chỉ là đường tơ kẻ tóc. Đối với các vấn đề liên hệ đến văn hoá và ngôn ngữ, khoảng cách này nhiều khi cũng không còn."

Tác phẩm gây nhiều tranh cãi đó gồm những đoạn văn dài lê thê, không chấm không phẩy, rất khó đọc. Ngôn ngữ lại là thứ ngôn ngữ thông tục của hạng người nghèo khó, cùng đinh, giới lao động vùng Glasgow.

Janette Turner Hospital, trong một bài viết đăng trên tờ *The Independent*, gọi Kelman là một "nhà thơ và nhà ảo thuật." Kelman là tác giả của bốn cuốn tiểu thuyết khác, một số kịch và khoảng 100 truyện ngắn, tất cả đều đã gây nhiều ý kiến trái ngược, khen có chê có. Nhiều người so sánh Kelman với James Joyce, William Kennedy và Samuel Beckett, nhưng khi truyện ngắn đầu tiên của ông được tạp chí của Đại học York nhận đăng, nhà in lại từ chối không chịu xếp chữ vì cho là ngôn ngữ của truyện quá thô tục.

Giải Booker trị giá khoảng 30,000 dollars, ít ra cũng giúp cho nhà văn thường vỡ nợ này trang trải nợ nần.

Bỏ học năm 15 tuổi, ông đã làm nhiều nghề tay chân, ngay cả lúc ông bắt đầu sáng tác hai mươi năm về trước. Nhiều năm phải sống trong chúng cư, chỉ gần đây ông mới có đủ tiền dọn vào một căn nhà biệt lập khá rộng, có vườn. Ông dùng tiền thưởng sắm một chiếc máy vi tính để thay thế chiếc máy đã cũ, ì à ì ạch; và giúp vợ — một cán sự xã hội chuyên giúp những người vô gia cư—bớt giờ làm việc lại vì nay đã có thêm tiền.

Kelman, ghiền thuốc lá nặng và chỉ hút thuốc tự vấn lấy, tuyên bố: "Ý nghĩa của giải thưởng sẽ do những người khác nói lên. Tôi ý thức được tầm quan trọng của các nhà văn trong cộng đồng này ở Glasgow và nói một cách rộng hơn, trong toàn cõi Tô cách lan; và ở những cộng đồng khác có cùng hoàn cảnh. Những người bạn của tôi gốc Phi Châu-Caribbean, Ấn độ hay Hồi quốc, Ái nhĩ lan hay Mỹ lên tiếng tỏ ra vừa kinh ngạc vừa thích thú khi thấy những sự công kích tôi lại phát ra ngay chính giữa thành phố Luân đôn."

Cuốn sách này sẽ được nhà xuất bản Norton phát hành tại Hoa Kỳ vào giữa tháng 12, 1994.

• Nadine Gordimer thuyết giảng tại Harvard

Nhà văn Nam Phi Nadine Gordimer, giải Nobel Văn chương

1991, nay đã 70 tuổi, được Đại Học Harvard mời điều hành các buổi thuyết giảng "Charles Eliot Norton Series" trong lục cá nguyệt này.

Nhân dịp này, nhà văn Gordimer chú trọng đến các nhà văn thuộc các quốc gia đang phát triển như Naguib Mafouz, Chinua Achebe và Amos Oz, những nhà văn mà Gordimer cho là những nhà văn kiệt xuất của các quốc gia đang phát triển nhưng lại không được sinh hoạt văn học Tây phương chú ý. Gordimer đặt vấn đề: "Tại sao mỗi khi nói đến những lý thuyết phê bình văn học, người ta chỉ nhắc đến Umberto Eco, Milan Kundera—hẳn nhiên đó là những nhà văn xuất chúng—nhưng chẳng có ai nghĩ đến những nhà văn khác như tôi đã nêu ra. Thỉnh thoảng trong một vài tạp chí văn học, thấy có đăng rải rác một vài sáng tác, nhưng chỉ có thế mà thôi."

Nhà văn 70 tuổi này chú ý nhiều đến những tác giả mà tác phẩm của họ chia sẻ mối quan tâm hàng đầu của bà: cách thế phân phối công lý, của cải, quyền lực và tự do trong một xã hội và ảnh hưởng cách phân phối đó đến đời sống của người dân như thế nào.Tuy là một người gốc Do Thái, Gordimer lại cho Do Thái là một thứ "tiểu đế quốc thuộc địa" và hết sức quan tâm đến tác phẩm của Oz, một người bạn thân cuả bà, vì tác phẩm của ông đã đặt vấn đề với gánh nặng lịch sử và chính trị của quốc gia.

Chủ đề các bài thuyết giảng của Gordimer là "Viết và Sống". theo đúng truyền thống của loạt thuyết giảng Norton, thành lập từ năm 1925, và đã có nhiều tài danh trong các lãnh vực sinh hoạt văn học nghệ thuật như T. S. Eliot, Octavio Paz, Lionel Trilling, Leonard Bernstein và John Cage tham gia.

Trong các buổi hội luận mở rộng cho công chúng tham dự, nhà văn phân tích nỗ lực tìm kiếm cái mà Mafouz gọi là "phần đời bị che giấu", những sự thật bị khuất lấp, bị những hình thái và quy ước của xã hội che giấu và biến những hình thức áp bức thành một phần không thể tránh né được trong cuộc sống thường ngày. Những buổi nói chuyện của bà vừa mang tính luận thuyết chính trị, vừa có tính phê bình văn học. Bà phát biểu: "Sự diễn tả nghệ thuật về những gì hiện hữu ở bên dưới bề mặt chính là sự biến thái của xã hội." Bà dùng tác phẩm *Fima* của Oz để biện thuyết cho ý kiến của mình.

Chịu ảnh hưởng của Rilke, Kafka, Eudora Welty, Chekov, nhà văn Nam Phi này không xa lạ gì với đề tài cá nhân chống quyền lực trong văn học phương Tây. Nhưng bà lại cho rằng ngày nay, những vấn đề quyền lực áp chế con người lại trở nên cấp bách hơn trong những xã hội đang phát triển, và vì thế, đã phản ảnh một cách thuyết phục qua văn chương. ❑

TÒA SOẠN VỚI BẠN ĐỌC

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo,gia hạn, đổi địa chỉ:

Cosmo Printing & Office Supply Houston TX; Nga Lam Seattle WA; Nguyễn thị Bé Fairfax VA; Thu Phạm Los Angeles CA; Phạm Thoan San Francisco CA; Hoàng Phủ Cương San Jose CA; Nguyễn Tiến San Jose CA; Keilor City Library VIC Australia; Library of Coburg VIC Australia; University of Washington, Libraries, WA; Trần Tiến Ngạc M.D., Stockton CA; Hoàng văn Đức M.D. Los Angeles CA; Ly van Nam St. Louis MO; Thư viện Diên Hồng Paris France; Nguyễn Dũng Montréal Canada; Anh Le Belleville IL; Giang Kim Trường Los Angeles CA; Hung v. Le Fairfax VA; Dang Dinh Ky Jacksonville FL; Lộc Thái Dallas; Mai Trúc Sơn Arleta CA; P.A. Bui Walnut Creek CA; Bùi Thế Phiệt Irvine CA, Hùng Nguyễn Boston CA, Bùi Bích Hà Tustin CA, Nguyễn Thụy Minh Ngữ Garden Grove CA; Phùng Nguyễn Bakerfield CA; Lê Tấn Tài El Cajon CA; Trần Quí Phiệt Kerrville TX; Doàn Khoách San Diego CA; Phan thị Loan W. Covina CA; Nam Trung Bach Seattle WA; Phạm Ngọc Minh Frankfurt Germany; Tưởng Năng Tiến San Jose CA; Nguyễn Công Khanh Arlington TX; Đặng Hiền Santa Ana CA.

* *Nguyễn Hoàng Lân Seattle:* Văn Học đã nhận được chi phiếu thanh toán các số báo 99, 100, 101 của anh. Xin cảm tạ nhiệt tâm của anh đối với Văn Học.

* *Tri Nguyen, San Jose:* Vừa nhận được tiền mua nguyên năm 20 số báo. Nghĩ thầm: "Giá Văn Học được lấy 10 vị Mạnh Thường Quân như vậy thì hay biết mấy!"

* *Nga Lam Seattle:* Ngay sau khi nhận được chi phiếu gia hạn, VH đã gửi sách biếu "Chinh phụ ngâm...". Còn cuốn sách đặt mua, nhà xuất bản Văn Nghệ đã gửi "Quyển truyện không tên" của Hồ Dzếnh ngày 12.12.94. Chắc cả hai cuốn đã đến Seattle.

* *Anh Nguyễn Cường, Miss. Ontario Canada:* Tòa soạn nhận được thư đề ngày 9.12.94 của anh, sau khi dò lại danh sách độc giả đã gia hạn và hồ sơ tài chánh, chúng tôi thấy Tòa soạn chưa nhận được tấm check 40 đô anh gửi. Chắc là thất lạc. Chờ một thời gian nữa nếu thất lạc thật, xin anh gửi cho tấm check khác.

Nhắn tin chung

Quí bạn gia hạn hoặc mua báo có yêu cầu tặng sách, tính đến ngày 15.12.94, tòa soạn đã gửi sách biếu. Trong trường hợp đến nay có bạn vẫn chưa nhận được sách biếu, xin tin cho Văn Học biết để chúng tôi gửi bù cuốn khác. Những sách mua, nhà xuất bản Văn Nghệ phụ trách gửi thẳng đến quí bạn.

Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Giải pháp cho những bế tắc thơ, gửi từ Montréal Canada; Mưa êm trên thành phố, Thu ca thơ dịch gửi từ Dallas TX; Tiếng thở dài trong thơ, Chúc phúc, Hạnh phúc, ở một nơi mơ ước, gửi từ Knoxville TN; Thư N.H.L gửi từ Budapest Hungary; Thư N.T.V. gửi từ Berlin, Germany; Truyện ngắn và Thơ Ngô Nguyên Dũng Germany, Thư và Thơ của Thường Quán Australia; Tháp ký ức gửi từ Bakerfield CA; Thơ mới Trung Hoa, Bạch thoại trong thơ hiện đại Trung Hoa, gửi từ Dallas TX; Thư và sách của Trần Vũ Paris France; Thư của Phan Lạc Giang Đông Seattle WA; Thư của Kinh Dương Vương Portland Oregon; Thư của Đỗ Quyên Berlin Germany, Bốn Mùa, thơ gửi từ Lancaster CA; Vẽ Chuyện, thơ gửi từ San Francisco; Mùa lá lục, thơ gửi từ Monterey Park CA; Phác thảo, Thư gửi Elise gửi từ Stanton CA; Thăm bạn thiết nhà rừng Canada gửi từ Springfield VA; Truyện ngắn còn đài, Bữa tiệc trần gian gửi từ Montréal Canada; Những bài thơ tạm biệt thơ: Tử Lộ, Mộ thơ, Nghi lễ, Cái chết từ một ẩn ngữ gửi từ Sài gòn; Giải thoát gửi từ Fremont CA.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Trừ thơ, những bài khác nếu đăng được, Tòa soạn sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư riêng hoặc điện thoại. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

Vì bài vở dành cho Giai phẩm Văn Học Xuân Ất Hợi 1995 quá nhiều, một số thơ truyện và biên khảo phải gác lại cho số Tân niên phát hành đầu tháng 3 năm 1995, như các bài: Thơ mới Trung Hoa (biên khảo), Con sáo sang sông (thơ), Những người, Thơ (thơ), Có một dòng sông mới qua đời (thơ), Mùa lá lục (thơ), Mảnh sáu tám (thơ), Bốn mùa (thơ), Sáo trúc vô thanh (thơ).

Thư bạn đọc và văn hữu:

* ***Ông Lê Tấn Tài, San Diego CA:*** Tôi rất vui mừng vì báo Văn Học vẫn tiếp tục mạnh tiến trên đường phục vụ độc giả. Đây là tờ báo mà tôi rất thích đọc, và ước mong nó tiếp tục sống mạnh và sống vững. Tôi cũng biết rằng để cho Văn Học sống được cũng là điều rất khó khăn, vì số độc giả ở hải ngoại không đông đảo như hồi ở trong nước.

Tôi xin đề nghị Văn Học nên có những số đặc biệt về những tác giả và tác phẩm đoạt giải Nobel văn chương. Trước đây hồi còn ở Việt Nam tôi có đọc cuốn "Ngàn cánh hạc" của Kawabata dịch sang Việt ngữ nhưng bây giờ muốn đọc lại cũng không biết tìm ở đâu. Nếu có thể được, đề nghị Văn Học cho đăng lại từng kỳ cuốn "Ngàn cánh hạc" .

VH: Mỗi năm Văn Học đều cho

in những số đặc biệt về các nhà văn đoạt Nobel. Vì số trang có hạn, và nhiều bài vở cần đăng, VH không thể đăng lại cả cuốn Ngàn cánh hạc như anh yêu cầu. Khi nào tìm ra bản Việt dịch, chúng tôi sẽ Xerox gửi biếu anh.

* ***Trần Vĩnh Phố, Montréal Canada:*** Tôi rất thích những truyện cực ngắn. Như một nét vẽ phác trong bức tranh thủy mạc mà cái thần của ngọn bút quyết định phẩm chất bức tranh. Như một cái "sec" rượu mạnh uống một hơi, khà một tiếng thống khoái. Vì vậy tôi khoái hai cái truyện rất ngắn Văn Học đăng trên số 103.

Về sự cải tiến của Văn Học, hình thức lẫn nội dung, tôi đồng ý với Ban Biên tập là nên giữ cái trang nhã, nghiêm túc. Cái chộn rộn hoa hoè không nên có . Về nội dung thì thú thật tôi thích những trang tin tức sinh hoạt văn nghệ nước ngoài. Hồi xưa (dĩ nhiên trước 75), ở trong nước mà qua Văn, Văn Học, Bách Khoa, chúng ta cập nhật được những kiến thức về văn học thế giới. Còn bây giờ, ở ngay tại hải ngoại mà mấy năm qua tôi mờ mịt về văn chương xứ người. Có lẽ các anh chủ báo cho là chúng ta đọc ngoại ngữ được hết chăng?

VH: Nhiều bạn đọc khác đồng ý với anh về cải tiến của Văn Học. Chúng tôi cũng thích những truyện cực ngắn như anh và họa sĩ Võ Đình, nhưng nếu các văn hữu xa gần đều "cực ngắn" đồng loạt, thì Ban Biên tập sẽ kêu than dài dài. Giai phẩm Xuân 95 này mà không có "cái vừa" của anh Mai Kim Ngọc, thì lấy đâu lấp cho đầy trên hai trăm trang báo? Anh Nguyễn Xuân Hoàng, người phụ trách mục "Ghi Chép", đọc thư của anh, đưa hai tay lên cao nói:" Thấy chưa! Lâu nay các anh cứ bảo ở ngoài này thì cần gì tin văn nghệ quốc tế, đọc báo Tây báo Mỹ thiếu gì!"

* ***Minh Ý, Atherton CA:*** Hình thức của Văn Học số mới rất đẹp...Về nội dung, tôi nghĩ các anh nên giảm thiểu các bài biên khảo quá chuyên môn mà người ta có thể tìm được trong các thư viện, để nhường chỗ cho mục tin tức văn học thế giới, và những sinh hoạt văn học nghệ thuật của người Việt hải ngoại.

VH: Chúng tôi đang thực hiện những đề nghị của anh.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

📖 *Nụ Tầm Xuân*, tập truyện ngắn của Mai Kim Ngọc, cuốn sách đầu tiên của cơ sở xuất bản do tạp chí Văn Học chủ trương, và tác phẩm thứ năm của nhà văn Mai Kim Ngọc, sau *Một chút riêng tư* (tập truyện, Văn Nghệ), *Muôn kiếp cô liêu* (truyện dài, Văn Nghệ), *Bạn Văn* (truyện dài, Văn Nghệ) và *Thuyền Nhân* (truyện dài, Văn Nghệ). Sách dày 242 trang, mầu bìa trang nhã của Họa sĩ Nguyễn Đồng, giá 12 Mỹ kim. Tập truyện gồm năm truyện ngắn nhà văn Mai

Kim Ngọc viết trong thời gian gần đây, ba truyện đã đăng trên Văn Học là *Núi*, *Trong phòng hồi sinh* và *Hu cấu* (đăng trên giai phẩm này). Giới thiệu văn Mai Kim Ngọc với bạn đọc Văn Học là thừa, vì trong vòng ba năm nay, trong khi đà sáng tác của giới cầm bút hải ngoại chậm lại, uể oải, Mai Kim Ngọc vẫn tiếp tục viết hết truyện ngắn này đến truyện ngắn khác, mà truyện nào cũng được bạn đọc ưa thích. Sách do Nhà Văn Nghệ phát hành.

📖 *Cho nước theo dòng*, tập truyện ngắn của Hồng Hoang, Thị Trường Vancouver Canada xuất bản, sách dày 230 trang, giá 10 Mỹ kim. Đây là tác phẩm văn chương thứ hai của một nhà văn nữ quen biết của miền Tây Canada, sau tập truyện đầu tay *Sứ mạng hạnh phúc* xuất bản năm 1991. Sách do chính tác giả trình bày, với phụ bản tranh và thư họa của Vũ Hối, Cao Bình Minh, lời bạt của Hồ Trường An. Hầu hết truyện ngắn của Hồng Hoang, theo nhận xét của nhà văn Hồ Trường An, đều lấy đề tài Tình Yêu. Anh viết: "Tình yêu trong văn chương của Hồng Hoang rất thời đại, tuy vương một vài dấu vết tình yêu trong văn chương thời tiền chiến, nhưng phần lớn còn lại rất hiện thực, ghi từng dấu chân thăng trầm trên bước đường lịch sử. Chị đã làm nhân chứng cho mệnh nước nổi trôi, sau ngày quốc hận 30.4.75". Bạn đọc muốn có sách với chữ ký của tác giả, xin liên lạc về : Hồng Hoang P.O. Box 74057 Hillcrest PO, Vancouver B.C. V5V 5C8 Canada

📖 *Thơ Đặng Hiền*, thi tập đầu tay của Đặng Hiền, một nhà thơ từng có nhiều bài đăng trên Văn Học, tác giả tự xuất bản, nhạc phổ thơ của Trúc Hồ và Trúc Sinh, tranh phụ bản của Khánh Trường, trình bày của Cao Xuân Huy. Tác phẩm dày 84 trang, in trên giấy quí mầu vàng nhạt, gồm ba mươi bài thơ Đặng Hiền viết từ 1987 đến nay, giá mỗi tập là 8 Mỹ kim. Thơ Đặng Hiền đơn giản, buồn, cái buồn phảng phất không ghi một vết sâu tức thời trong lòng người đọc, nhưng có những âm ba kéo dài về sau. Thơ bập bềnh như cuộc sống bập bềnh không buồn nhiều, vui quá! Bút pháp thơ cũng dùng dằng giữa cái cũ quen thuộc và cái mới đang mong tìm ra. Địa chỉ liên lạc: Phạm Mỹ Hương, 1714 E. McFadden Ave. # O, Santa Ana CA 92705. Phone: (714) 648-0325

📖 *Lời từ hôn trên tháp*, tập truyện của Ngọc Khôi, Xuân Thu xuất bản, dày 300 trang, giá 12 Mỹ kim. Tập truyện Văn Học nhận được là tác phẩm đầu tay cũng là cuối cùng của Ngọc Khôi, nhà văn trẻ ở Pháp mất tại Paris hôm 17.10.94 vừa qua. Chữ viết đề tặng Văn Học của Ngọc Khôi run run, ngày 31.8.94 lầm thành 31.8.95, vì theo nhà văn Trần Vũ em của Ngọc

Khôi cho biết, sau khi nhìn thấy mặt mũi cuốn sách đầu tay của mình, Ngọc Khôi trở bệnh nặng và bị coma, không còn biết gì nữa.Tác phẩm gồm 12 truyện ngắn của Ngọc Khôi, nhiều truyện đã được đăng trên Văn Học, Văn hoặc Làng Văn. Khác với bút pháp sôi nổi, dữ dội của người em (Trần Vũ), bút pháp Ngọc Khôi hiền hòa, đơn giản, bố cục lỏng lẻo, đề cập đến những vấn đề bình thường của đời sống bình thường.

📖 *Quê nhà Quê người*, tập truyện ngắn của Nhật Tiến, Nhật Tuấn, nhà xuất bản Văn Học (quốc nội) xuất bản, dày 200 trang, giá tại VN là 12.000 đồng. Nhật Tiến và Nhật Tuấn là hai anh em ruột. Một người di cư vào Nam năm 1954, một người ở lại miền Bắc. Hai người cầm bút cùng một gia đình lấy kinh nghiệm riêng của mình để viết về quê người, quê nhà, dĩ nhiên những lời họ viết ra đã là thời sự. Cuộc tranh chấp Bắc Nam, Quốc Cộng, Trong nước và Ngoài nước, Giao lưu hay Không Giao lưu...của thời sự biến tập truyện này thành một đề tài thời sự khác. Cả hai tác giả cũng như người đọc "Quê nhà Quê người" cùng bị vấn đề thời sự chi phối, cùng muốn chứng minh hay phản bác lại một cái gì đó, cho nên tác phẩm dễ dàng trở thành một tác phẩm luận đề. Liệu 5 truyện ngắn của Nhật Tiến và 6 truyện ngắn của Nhật Tuấn có thoát khỏi ảnh hưởng của "luận đề" chính trị hay không? Liệu văn chương có thành công trong việc thuyết phục người đọc theo luận đề hay không? Câu trả lời chỉ đến với những bạn đọc khách quan, chưa từng bị "luận đề" chi phối.

📖 *Bushnights, poems & photos*, tuyển tập thi ca và nhiếp ảnh về nước Úc do nhà thơ Thường Quán chủ biên, viết bằng Anh ngữ, gồm thơ của Caroline Caddy, David Campbell, Gary Catalano, Jack Davis, Rosemary Dobson, Barbara Giles, Mary Gilmore, Kevin Hart, Gwen Harwood Eve Langley, Henry Lawson, Roger McDonald, Les Murray Bill Neidjie, John Shaw Neilson, Oodgeroo, Elizabeth Riddell, Roland Robinson, Kenneth Dlessor, Chris Wallace-Crabbe, Judith Wright. Ảnh chụp đi kèm những bài thơ trong tuyển tập do Berthold Daum thực hiện.

📖 *Đôi dòng ghi nhớ*, hồi ký của Phạm Bá Hoa, Ngày Nay Houston xuất bản, sách dày 268 trang, giá 14 Mỹ kim. Tác giả xưa là đại tá Quân lực VNCH, từng là Tham mưu trưởng Tổng cục Tiếp vận, Cục trưởng Cục Mãi dịch, Chánh văn phòng Tổng tham mưu, Chánh văn phòng Tổng tư lệnh, Chánh văn phòng Tổng trưởng Quốc phòng...nói chung là một sĩ quan cao cấp, nhưng thường giữ những chức vụ phụ tá, không có quyền quyết định. Nhưng nhờ vai trò phụ tá thân cận của những người giữ

chức vụ quan trọng trong quân đội, mà tác giả là nhân chứng đáng tin cậy của những biến chuyển hậu trường chính trị miền Nam, những tranh chấp nội bộ giữa các tướng tá. Bằng trí nhớ, tác giả kể lại những chuyện tai nghe mắt thấy trong đời quân ngũ của mình, và kể một cách dung dị, chân thành, không tự đề cao hay cố ý bôi nhọ người khác để tự đề cao. Đây là một chứng liệu tốt cho những người muốn viết sử VN.

Địa chỉ liên lạc:

Ngày Nay, 8200 Wilcrest # 5 Houston TX 77072. Phone: (713) 568-6400.

📖 *Trường Trung học Pétrus Ký và Nền Giáo dục Phổ thông Việt Nam*, biên khảo của Nguyễn Thanh Liêm, nguyên là học sinh, giáo sư, hiệu trưởng của trường trung học công lập lớn nhất của Sài gòn. Tác giả cũng là Thứ trưởng Bộ Văn hóa Giáo dục Thanh niên, một vị chỉ huy quen thuộc của ngành giáo trước 1975. Sách gồm các phần: Thân thế sự nghiệp của Pétrus Ký, Hoàn cảnh lịch sử khi trường Pétrus Ký ra đời, Trường Pétrus Ký qua các giai đoạn lịch sử, Đặc điểm và Vai trò của trường Pétrus Ký, Những mẩu kỷ niệm. Một tập sách cần có đối với các giáo chức, cùng những cựu học sinh trường Pétrus Ký. Sách dày 180 trang, giá 10 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Thanh Liêm, 255 Shoshone Dr. San Jose CA 95127 U.S.A.

📖 *Ở nơi nào cũng có tình yêu*, tập thơ của Ngô Tịnh Yên, Tủ sách Văn học Nhân Chứng xuất bản, lời bạt của Bùi Chí Vinh, Du Tử Lê và Thạch Kiều. Thi tập gồm hai phần: *Thơ nơi quê nhà (giấc mơ màu lửa cháy)* và *Thơ nơi quê người (những giấc mơ cầu vồng)*. Tuy nhan đề của thi tập hết sức lạc quan, nhưng thơ Ngô Tịnh Yên là tiếng khóc của "một cánh lục bình" (chữ của Bùi Chí Vinh), là "những phản ứng tuyệt vọng trước cuộc đời" (chữ của Du Tử Lê). Lời bình của hai nhà thơ đều đúng. Riêng Ngô Tịnh Yên thì xem thơ như một giải thoát cho cuộc đời "lục bình" trôi nổi của mình, như một tia hy vọng, một "cõi sáng". Cô viết:

Cho đầu nắng lá vẫn xanh mùa cũ
dù có đau tim vẫn đỏ tình xưa
tay che bão khi lòng mình sụp đổ
hồn thu lôi sấm sét dội vào thơ
ta - dã tràng nợ những lâu đài cát
con sông xanh nợ những cánh bèo trôi
loài nhện son nợ những đường tơ rối
nên ta nợ người gọi tiếng yêu ơi!

Địa chỉ liên lạc: Trà My 14211B Euclid St. Garden Grove CA 92643 U.S.A.

📖 *Nhập Pháp Giới, tập 1 và 2*, Diễn giảng Nhập Pháp Giới trong kinh Hoa Nghiêm của Tịnh LIên Nghiêm Xuân Hồng, Xuân Thu xuất bản, tập 1 dày 240 trang, giá 10 Mỹ kim, tập 2 dày 310 trang, giá 10 Mỹ kim. Trong các kinh lớn của nhà Phật, kinh Hoa Nghiêm là lâu đài nguy nga đồ sộ nhất. Và trong

kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới là phẩm lạ lùng kỳ diệu nhất. Phẩm này dày 1300 trang, mô tả một cách vô cùng kỳ thú cuộc hành trình của một vị hành giả đi học hỏi 53 vị thiện trí thức về cách thức đi sâu vào biển tâm, qua những giai đoạn "không quán" rồi "giả quán", "trung quán". Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách.

📖 *Thơ*, tạp chí, số mùa đông 1994, do một nhóm nhà thơ hiện ở tại Hoa Kỳ và Canada chủ trương, phát hành sau lần phát hành cho số ra mắt vào mùa thu 1994. Cùng một chủ trương biên tập như số trước, tạp chí Thơ lần này gồm nhiều thi phẩm và suy nghĩ về thơ của các nhà thơ Việt Nam cả trong lẫn ngoài nước, đếm tên ở trang bìa có tất cả 41 vị. Tìm một điểm chung giữa những nhà thơ có tên trên đây rất khó, có vẻ như mỗi người một vẻ, mỗi người một cõi riêng. Chỉ có điểm giống nhau là mọi người đều dam mê thi ca, và muốn thi ca không theo bất cứ một con đường mòn nhàm chán nào. Nhóm chủ trương tạp chí Thơ tìm ra con đường mới nào chưa? Hai số báo, thời gian chưa đủ để trả lời. Giá mỗi số Thơ là 5 Mỹ kim. Địa chỉ Tòa soạn: P O Box 1745 Garden Grove CA 92642 U.S.A.

📖 *Đối Thoại*, số 4 tháng 11.1994, tạp chí thảo luận về những vấn đề Việt Nam, với các bài của Trương Vũ, Nguyễn Hữu Liêm, Thân Trọng Mẫn, Trần thị Thức, Bùi thế Hoành, Nguyễn Nam Giao, Nguyễn Đạt, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Xuân Đẳng, L.M. Chân Tín, Đặng Phong, Lê Diên, Dương Thu Hương, Tiêu Dao Bảo Cự, Trần Đạo, Trần Hồng Kiên, Mộc Hương. Chủ đề Đối Thoại 4 là "Phát triển Kinh tế và Xây dựng Dân chủ tại VN".

Địa chỉ Tòa soạn:
PO Box 4692
Garden Grove CA 92642

ĐÍNH CHÍNH:

Trong Văn Học số 104 tháng 12.1994 vừa qua, do sơ sót của Tòa soạn đã có những lỗi quan trọng sau đây:

1. Trong bài "Đi xa với nhà văn nữ Kim Lefèvre" của Nguyễn Nam Anh, trang 14, dòng thứ 9, tác giả Pháp *Marivaux* đánh máy lầm thành *Malraux*.

2. Trong bài "Vài cảm nghĩ về Oe" của Mai Kim Ngọc, trang 41, dòng 7, *Hàn lâm viện Thụy điển* đánh máy lầm thành *Hàn lâm viện Na uy* .

3. Nhà thơ Trần Hồng Châu xin sửa lại hai câu bài thơ "Tố Như xúc động khi tái ngộ Thăng long" (câu 3 và 4) như sau cho thật đúng nghĩa nguyên tác Hán văn:

Chuông mai chùa Trấn sầu một mảnh
Trăng khuyết hồ Tây lệ ngàn hàng

(Văn Học số 104, trang 33)

Ba nhà xuất bản VĂN NGHỆ, AN TIÊM và THANH VĂN có thiện ý biếu không hoặc bán với giá rẻ cho các độc giả VĂN HỌC mới mua báo dài hạn hoặc gia hạn trong thời gian từ 1-11-1994 đến cuối tháng 2-95. Sau đây là danh sách những cuốn sách biếu (có dấu hoa thị *) hoặc bán giá hạ (trừ 30%). Độc giả chọn một cuốn sách biếu, và ghi tên những cuốn mua thêm vào phiếu mua báo dài hạn gửi về Tòa soạn Văn Học. Ngay khi nhận được, chúng tôi sẽ gửi ngay báo, sách biếu và sách mua giá hạ cho quí vị theo bưu phí bookrate hoặc surface.

SÁCH VĂN NGHỆ

001 ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI (hết, sẽ tái bản)
Hồi ký Nguyễn Hiến Lê

002 TÙY BÚT (tái bản) 15MK
Võ Phiến

003 TÙY BÚT II 15MK
Võ Phiến

004 MÙA BIỂN ĐỘNG I (đã in lại lần 5) 8MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

005 MÙA BIỂN ĐỘNG II (đã in lại lần 3) 10MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

006 MÙA BIỂN ĐỘNG III (đã in lại lần 1) 13MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

007 BÈO GIẠT (MBĐ IV) 15MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

008 THA HƯƠNG (MBĐ V) 21MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

009 20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM
(đã in lại lần 1) 14MK
Biên khảo Võ Phiến

010 KÝ THÁC (tái bản) 7MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc

011 THƠ HIỀN 6MK
Thơ Như Chi

*012 MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG 7MK
Tiểu luận văn học Nguyễn Hiến Lê

*013 HÓA RA NÉT CHỮ
LÊN ĐÀNG QUẤN QUANH 6MK
Thơ Ngu Yên

*014 TRẦM MẶC CÂY RỪNG 6MK
Tập truyện Võ Hồng

015 HỢP LƯU 7MK
Truyện dài Hồ Trường An

016 MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC — 10MK
Tập truyện Phan Thị Trọng Tuyến

017 MỘT CHÚT RIÊNG TƯ — 10MK
Tập truyện đầu tay Mai Kim Ngọc

018 NGỰA NẢN CHÂN BON (đã in lại lần 2) — 9MK
Tập truyện Nguyễn Mộng Giác

019 TRUYỆN NGẮN I (hết)
Tập truyện Võ Phiến

020 TRUYỆN NGẮN II — 14MK
Võ Phiến

021 ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI — 7MK
Truyện dài Lê Tất Điều

022 THƠ CAO TẦN — 6MK
Thi tập Cao Tần

023 TẠP LUẬN (hết)
Võ Phiến

024 CUỐNG RÚN CHƯA LÌA (tái bản) — 8MK
Tập truyện Bình Nguyên Lộc

*025 CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ — 9MK
Tiểu thuyết Nguyễn Hiến Lê

*026 VÒNG ĐAI XANH — 8MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh

*027 TỰA ĐỀ Ở BÊN TRONG — 8MK
Thơ Ngu Yên

028 XỨ SẤM SÉT — 8MK
Tuyển tập Võ Đình

029 NỤ CƯỜI TRE TRÚC — 11MK
Tập truyện Kiệt Tấn

030 YÊU CON, DẠY CON NÊN NGƯỜI VIỆT (hết)
Đỗ Quý Toàn

*031 CON SUỐI MÙA XUÂN — 7MK
Tập truyện Võ Hồng

032 TÌM PHẬT Ở ĐÂU? (tái bản) — 7MK
Minh Tâm

*033 HOA BƯƠM BƯỚM — 9MK
Tiểu thuyết Võ Hồng

034 MUÔN KIẾP CÔ LIÊU — 14MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc

035 TIỂU THUYẾT II — 15MK
Võ Phiến

036 TỪ NGỤC VÀ TÂM THỨC LƯU ĐÀY 6MK
Thơ Nguyễn Ngọc Thuận

*037 NƠI TRẠI TRỪNG GIỚI 10MK
Tuyển tập dịch Vũ Huy Quang

*038 KIẾP NGƯỜI 13MK
Tiểu thuyết W.S. Maugham,
Nguyễn Hiến Lê dịch

*039 NHƯ CÁNH CHIM BAY 13MK
Tiểu thuyết Võ Hồng

040 HỒI KÍ TẬP I 14MK
Nguyễn Hiến Lê

041 HỒI KÍ TẬP II 15MK
Nguyễn Hiến Lê

042 HỒI KÍ TẬP III 9MK
Nguyễn Hiến Lê

*043 TÔI TẬP VIẾT TIẾNG VIỆT 7MK
Nguyễn Hiến Lê

044 LONG LANH HẠT BỤI 10MK
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc

045 TUYỂN TẬP 23 NGƯỜI VIẾT SAU 1975 (hết)

046 DÒNG CHỮ TÂM TÌNH (hết) 8MK
Tập truyện Ngô Nguyên Dũng

*047 CHINH PHỤ NGÂM VÀ TÂM THỨC LÃNG MẠN
CỦA KẺ LƯU ĐÀY 10MK
Lê Tuyên

048 TIẾNG KÈN 8MK
Tập truyện của Nhật Tiến

*049 NGÀY N+... 11MK
Hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7,
Hoàng Khởi Phong

050 TIỂU LUẬN 14MK
Võ Phiến

051 NGUYỆT THỰC 7MK
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm

052 TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH (hết)
Tập truyện Nguyễn Ý Thuần

053 CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA 14MK
Tiểu thuyết Ivo Andritch, Nobel 61
Nguyễn Hiến Lê dịch

*054 ĐƯỜNG MỘT CHIỀU 7MK
Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác

*055 Ý CAO TÌNH ĐẸP — 8MK
Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch

*056 YOGA CĂN BẢN — 8MK
Võ Đình Mai

057 THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT — 16MK
Khảo luận Tạp Chí Đại Trường

*058 CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ — 8MK
Tập truyện Nguyễn Xuân Hoàng

059 CỎ VÀ TUYẾT — 8MK
Thơ Đỗ Quý Toàn

*060 BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ — 8MK
Will và Ariel Durant
Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch

*061 QUÊ HƯƠNG — 8MK
Thơ tình Định Nguyên

062 THỀM HOANG — 8MK
Truyện dài Nhật Tiến

*063 MỘT THUỞ LÀM "TRÙM" — 8MK
Nguyễn Tấn Hưng

064 LỚP LỚP PHÙ SA I — 13MK
Truyện dài Kiệt Tấn

*065 MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN — 7MK
Kiều Phong

066 GIÓ ĐÊM — 7MK
Tập truyện Trần Thị Kim Lan

067 TẠP BÚT — 16MK
Võ Phiến

068 NGHĨ VỀ THƠ — 9MK
Biên khảo Nguyễn Hưng Quốc

069 HOA SEN TRÊN TUYẾT (tái bản) — 8MK
Nguyên Phong phóng tác

070 ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI — 12MK
Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh Việt Anh Pháp

071 ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI (sắp hết) — 23MK
Hồi ký của một công chức cao cấp VNCH
bị bắt Tết Mậu Thân 68 - Hoàng Liên

*072 KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI — 7MK
Khảo luận văn học Nguyễn Văn Xuân

073 NGOÀI GIẤC NGỦ — 11MK
Thơ Thường Quán

074 THUYỀN NHÂN 19MK
Tiểu thuyết Mai Kim Ngọc

075 VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ 8MK
Nguyên Giác Phan Tấn Hải

076 TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ 12MK
Tác phẩm trong nước gởi ra Dương Thu Hương

077 VĂN HỌC VIỆT NAM
DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 16MK
Nguyễn Hưng Quốc

078 TRUYỆN THẬT NGẮN (hết)
Võ Phiến

079 NGỤ NGÔN 11MK
Giáo sư Đoàn Nhật Tấn

080 THƠ MIỀN NAM TẬP I
(trong bộ Văn học miền Nam) 6MK
Võ Phiến

081 SAO CÓ TIẾNG SÓNG... 13MK
Võ Đình

082 KINH DỊCH
(sách viết sau 75, tái bản) 20MK
Nguyễn Hiến Lê

*083 HỠI ƠI (thơ) 6MK
Ngu Yên (tập thơ thứ 3)

*084 KHỔNG TỬ
(sách viết sau 75, mới in ở Mỹ) 12MK
Nguyễn Hiến Lê

085 TRUYỆN MIỀN NAM TẬP I 6MK
(trong bộ Văn học miền Nam)
Võ Phiến

*086 ĐẶC KHẢO HOÀNG SA TRƯỜNG SA 12MK
Nhiều học giả

087 QUÊ 6MK
Tập truyện Võ Phiến

088 HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (tái bản lần 1) 22MK
Hồ Sĩ Khuê (Bìa cứng)

089 TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY
(tái bản lần 2) 14MK
Hồi ký đức Đạt Lai Lạt Ma
Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

090 MINH TRIẾT TRONG ĐỜI SỐNG 12MK
Nguyên Phong dịch

091 CHUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI DI CƯ NHỨC ĐẦU VỪA PHẢI — 10MK
Nguyễn Bá Trạc

092 LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC — 14MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

093 NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI — 13MK
Hồi ký của đức Đạt Lai Lạt Ma,
Hồng Hà dịch

*094 ĐỜI NGHỆ SĨ — 9MK
Nguyễn Hiến Lê

095 VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI — 32MK
Đỗ Mậu, tái bản lần 9 (Bìa cứng)

096 MÁY BÃO — 12MK
Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh (tái bản)

097 VIẾT (sách mới) — 10MK
Võ Phiến

098 ĐỐI THOẠI (sách mới) — 8MK
Võ Phiến

099 KÝ BÚT KỊCH Tập I
(trong bộ Văn học miền Nam) — 10MK
Võ Phiến

100 TRUYỆN MIỀN NAM Tập II
(trong bộ Văn học miền Nam) — 10MK
Võ Phiến

101 SÀIGÒN TẠP PÍN LỪ
(tức SàiGòn năm xưa II, III) — 15MK
Vương Hồng Sển

102 LUẬN NGỮ — 13MK
Nguyễn Hiến Lê

SÁCH AN TIÊM, THANH VĂN

*PH 001 MỒ HÔI CỦA ĐÁ — 8MK
Truyện dài Nhật Tiến

(PH: Phát Hành)

*PH 002 LỊCH SỬ VĂN MINH ẤN ĐỘ — 13MK
Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch

*PH 003 MƯA — 11MK
8 tác giả, Nguyễn Hiến Lê dịch

*PH 004 ĐỌC KINH — 6MK
Vũ Khắc Khoan

*PH 005 HOÀNG TỬ BÉ — 6MK
Saint Exupery - Bùi Giáng dịch

PH 006 SỢI CHỈ TRONG HỒN 13MK
Truyện dài Nguyễn Ý Thuần

*PH 007 MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC 6MK
Gérald de Nerval, Bùi Giáng dịch

*PH 008 TỪ CHỐN LƯU ĐÀY 13MK
Tạp bút Hoàng Nguyên Nhuận

PH 009 NHÀ KHỔ HẠNH
VÀ GÃ LANG THANG 15MK
Hermann Hess,
Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch

PH 010 SÔNG CÔN MÙA LŨ I 18MK

PH 011 SÔNG CÔN MÙA LŨ II 20MK

PH 012 SÔNG CÔN MÙA LŨ III 20MK

PH 013 SÔNG CÔN MÙA LŨ IV 20MK
Trường thiên tiểu thuyết lịch sử
của Nguyễn Mộng Giác

PH 014 THƯ GỞI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI 6MK
Phạm Công Thiện dịch

PH 015 QUÊ HƯƠNG BẠN HỮU TỪ ĐÀY 10MK
Trần Dạ Từ

PH 016 THƠ TAGORE 8MK
(Gồm Lời Dâng, Tâm Tình Hiến Dâng, Tặng Vật),
Đỗ Khánh Hoan dịch

PH 017 LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM 15MK
Tạ Chí Đại Trường

PH 018 BA TRỤ THIỀN 20MK
Philip Kapleau, thiền sư người Mỹ
Đỗ Đình Đồng dịch

PH 019 MỘT TRANG ĐỜI (tập truyện) 11MK
Phan Thị Trọng Tuyến

*PH 020 NỬA ĐÊM SỰC TỈNH 9MK
Hồi ký những cuộc tình Lưu Trọng Lư

PH 021 NGHỀ LÀM VUA 12MK
Tiểu thuyết mới của Lệ Hằng

PH 022 TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI 14MK
Tiệp bút Đỗ Quý Toàn

PH 023 BỤI VÀ RÁC 13MK
Truyện dài Nguyễn Xuân Hoàng

PH 024 PHẬT HỌC KHÁI LUẬN 20MK
Biên khảo, Thích Chơn Thiện

PH 025 CÁT BỤI CHÂN AI 12MK
Hồi ký Tô Hoài

PH 026 QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN 7MK
Hồi ký Hồ Dzếnh

PH 027 QUÊ NGOẠI II 7MK
Thơ Hồ Dzếnh

PH 028 MỘT KHOẢNH VNCH NỐI DÀI 16MK
Hồi ký Tạ Chí Đại Trường

PH 029 PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO 12MK
Tarthang Tulku, Phạm Công Thiện dịch

PH 030 CUỐI ĐÊM DÀI 10MK
Truyện Nguyễn Thị Thanh Bình

*PH 031 HƯƠNG RỪNG CÀ MAU 8MK
Truyện Sơn Nam

PH 032 TIỂU THUYẾT I
(Tập chót trong Võ Phiến Toàn Tập) 15MK
Võ Phiến

PH 033 TRẢNG HOÀNG CUNG 8MK
Truyện Phùng Quán

PH 034 VIỆT NAM NHÌN TỪ BÊN TRONG
VÀ BÊN NGOÀI 15MK
Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa

PH 035 MAI VIÊN CỐ SỰ (Chuyện cụ Đào Tấn) 10MK
Đặng Quý Địch dịch, giới thiệu

MAI KIM NGỌC

nụ tầm xuân

Sách có bán tại các tiệm sách hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

Bìa Nguyễn Đồng

Giá $12US

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAY OUT • DESIGN •

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

HÃY TÌM ĐỌC

THƠ ĐẶNG HIỀN

- Bìa bảy màu trình bày mỹ thuật
- Gồm nhiều nhạc phẩm phổ từ thơ Đặng Hiền
- Một món quà xuân dành để tặng nhau đầy ý nghĩa
- Giá 8MK *(cả cước phí)*

Thư từ, đặt mua qua:
Phạm Mỹ Hương
1714 E. McFadden Ave. # O, Santa Ana, CA 92705
Tel: (714) 648-0325 - Fax: (714) 648-0326

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên_____
Địa Chỉ _____
Thành phố _____Tiểu Bang_____Zip_____
Quốc Gia _____
Đồng ý mua báo Văn Học trong thời hạn ____ năm, gởi hạng_____
Tôi chọn sách tặng số_____, Sách mua số_____,giá tiền_____

Tổng cọng : Văn Học: US$_____
Sách mua: US$_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____ đề trả choVăn Học.

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi xin giới thiệu thân hữu đưới dây làm độc giả mới của tạp chí Văn Học

Họ và tên:_____
Địa chỉ_____
Thành phố_____Tiểu Bang_____ZIP_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ:_____
Thành phố_____Tiểu Bang_____ZIP_____
Sau khi thân hữu trở thành độc giả dài hạn, tôi muốn nhận được sách tặng số_____.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một Năm. . . . . .US$36.00
Hạng Nhất (First Class)
Một Năm . . . . . .US$42.00

CANADA
Hạng tư (Fourth Class)
Một Năm . . . . . .US$40.00
Hạng Nhất (First Class)
Một Năm . . . . . .US$46.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Hạng tư (Fourth Class)
Một Năm . . . . . US$48.00
Hạng Nhất (First Class)
Một Năm . . . . . .US$84.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollars). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International Money Order. **Ngân, chi phiếu xin đề Văn Học.**

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

SÁCH MỚI

- **SÀI GÒN TẠP PÍN LÙ** — **15 Mỹ kim**
  tức Sài Gòn Năm Xưa II, III
  Vương Hồng Sển

- **LUẬN NGỮ** — **13 Mỹ kim**
  Nguyễn Hiến Lê dịch chú thích
  (sách mới in lần đầu viết sau 75)

- **LỊCH SỬ THẾ GIỚI cuốn I** — **20 Mỹ kim**

- **LỊCH SỬ THẾ GIỚI cuốn II** — **20 Mỹ kim**
  Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang

Bộ Lịch Sử Thế Giới của hai tác giả Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang được viết cách đây 40 năm là một bộ sử nghiên cứu công phu, đồ sộ, rất cần thiết cho các độc giả cần một kiến thức tổng quát về lịch sử thế giới mà tới nay chưa có bộ thứ hai.
Sách dày gần 900 trang chia làm hai tập đóng bìa cứng.
Bộ sử này in đúng 500 bộ. Xin liên lạc với nhà sách quen hoặc mua thẳng với nhà xuất bản.

Thư Mục Văn Nghệ có hơn 400 mặt sách.
Xin liên lạc để nhận thư mục.

Giá: 7 Mỹ Kim